

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**



Trí tuệ và Phát triển

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá: 2018-2023)

Hà Nội, tháng 09-2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT	iii
PHẦN I. HỒ SƠ VỀ HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	1
1. Khái quát về cơ sở giáo dục	1
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục.....	8
3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.....	14
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC	15
TIÊU CHUẨN 1: TẦM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ VĂN HÓA	15
TIÊU CHUẨN 2. QUẢN TRỊ	24
TIÊU CHUẨN 3. LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ.....	32
TIÊU CHUẨN 4. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC.....	41
TIÊU CHUẨN 5: CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG.....	57
TIÊU CHUẨN 6. QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC.....	67
TIÊU CHUẨN 7. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT	81
TIÊU CHUẨN 8: CÁC MẠNG LƯỚI VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI... ..	105
TIÊU CHUẨN 9: HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG	114
TIÊU CHUẨN 10: TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI	128
TIÊU CHUẨN 11: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG	137
TIÊU CHUẨN 12. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	148
TIÊU CHUẨN 13: TUYỂN SINH VÀ NHẬP HỌC	154
TIÊU CHUẨN 14. THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	168
TIÊU CHUẨN 15. GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	178
TIÊU CHUẨN 16. ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC.....	192
TIÊU CHUẨN 17: CÁC HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC.....	203
TIÊU CHUẨN 18. QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	217
TIÊU CHUẨN 19. QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ	225
TIÊU CHUẨN 20: HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	230
TIÊU CHUẨN 21. KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG	238
TIÊU CHUẨN 22: KẾT QUẢ ĐÀO TẠO.....	253
TIÊU CHUẨN 23. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	264
TIÊU CHUẨN 24. KẾT QUẢ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG	273

TIÊU CHUẨN 25. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG.....	292
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC	302
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD.....	306
Phụ lục 2: Quyết định thành lập Hội đồng TĐG và các tài liệu liên quan	324

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
CDR	Chuẩn đầu ra
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐGN	Đánh giá ngoài
GDDH	Giáo dục đại học
TĐG	Tự đánh giá

PHẦN I. HỒ SƠ VỀ HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Khái quát về cơ sở giáo dục

a. Lịch sử phát triển, tầm nhìn và sứ mạng của Học viện

Học viện Chính sách và Phát triển (APD) được thành lập theo Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ, là trường đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục đại học quốc dân. Về tổ chức, Học viện trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư – cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê, tham mưu đề xuất các chính sách vĩ mô và thống kê.

- Tên bằng tiếng Anh: Academy of Policy and Development
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: HCP; Bằng tiếng Anh: APD
- Cơ quan Bộ chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Địa chỉ: Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.
- Số điện thoại: (024) 37473186; Fax: (024) 37475217.
- Website: <http://apd.edu.vn>

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển trong giai đoạn 2018-2022 được quy định tại Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và từ sau ngày 19/5/2023 đến nay quy định tại Quyết định số 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tại Quyết định số 918 đã xác định:

** Vị trí và chức năng:*

Học viện Chính sách và Phát triển là cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân, thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện chức năng đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ phù hợp với mục tiêu và phương hướng phát triển của Học viện; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ, ngành kế hoạch, đầu tư và các tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu trong xã hội; nghiên cứu khoa học, tư vấn, phản biện chính sách, hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

Học viện Chính sách và Phát triển là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, được hoạt động tự chủ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Học viện chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sự quản lý về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ.

** Nhiệm vụ và quyền hạn:*

- (1)- Về đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ:

+ Xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức giảng dạy, đào tạo theo chương trình đào tạo; công nhận tốt nghiệp, xác nhận và cấp văn bằng theo quy định của pháp luật;

+ Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo, hướng tới đáp ứng chuẩn mực quốc tế;

+ Xây dựng đề án mở các ngành đào tạo mới;

+ Triển khai các hoạt động đào tạo, liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế theo chiến lược và kế hoạch phát triển của Học viện, bảo đảm chất lượng đào tạo;

+ Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của viên chức, người lao động và người học;

+ Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền;

+ Quản lý phôi và cấp văn bằng đào tạo đại học và sau đại học của Học viện theo quy định của pháp luật.

(2)- Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

+ Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của ngành kế hoạch và đầu tư theo phân công của Bộ trưởng;

+ Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chương trình nội dung, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ;

+ Tổ chức bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các hình thức, nội dung bồi dưỡng theo quy định; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; ngoại ngữ, tin học và các nội dung đào tạo, bồi dưỡng khác;

+ Hợp tác với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các phương thức phù hợp;

+ Thực hiện hoặc liên kết, phối hợp cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của Học viện;

+ Cấp và quản lý việc cấp các chứng chỉ, chứng nhận cho các học viên theo quy định của pháp luật.

(3)- Về nghiên cứu khoa học:

+ Nghiên cứu khoa học về các ngành, lĩnh vực phục vụ đào tạo của Học viện và nghiên cứu xây dựng, tư vấn chính sách cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước;

+ Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các chương trình, đề tài, đề án, văn bản quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi liên được cấp có thẩm quyền giao;

+ Xuất bản ấn phẩm khoa học phục vụ đăng các bài viết nghiên cứu khoa học của viên chức, giảng viên, học viên, sinh viên Học viện theo quy định của pháp luật.

(4)- Cung cấp dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực của Học viện và theo nhu cầu của xã hội.

(5)- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Học viện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tham gia với các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành kế hoạch và đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật khi được cấp có thẩm quyền giao.

(6)- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch về tổ chức bộ máy, thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức khoa học, các đơn vị thuộc Học viện; biên chế, vị trí việc làm; tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, người lao động của Học viện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(7)- Huy động, khai thác, quản lý, sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục và các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(8)- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

(9)- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng.

*** *Tầm nhìn và sứ mạng của Học viện***

Tầm nhìn và sứ mạng của Học viện được quy định tại Quyết định số 1822/QĐ-BKHĐT ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó:

- ***Tầm nhìn của Học viện đến năm 2045:*** Học viện trở thành đại học định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm các trường hàng đầu ở Việt Nam, có uy tín trong khu vực và quốc tế; tiên phong trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- ***Sứ mệnh của Học viện:*** Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, quản trị, luật và chính sách phát triển; có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế; nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách theo yêu cầu phát triển của ngành Kế hoạch và Đầu tư và của đất nước.

- ***Giá trị cốt lõi của Học viện: “Chất lượng – Trí tuệ - Phát triển”***

- **Triết lý giáo dục của Học viện:** Giáo dục toàn diện – Đổi mới sáng tạo – Phụng sự xã hội.

b. Thành tích nổi bật của Học viện theo các giai đoạn phát triển

*** Về các Khoa/ Viện đào tạo**

Học viện hiện có 11 đơn vị đào tạo gồm 02 Viện, 08 khoa chuyên ngành, 01 khoa Cơ bản và 16 bộ môn chuyên ngành thuộc các Khoa, Viện (Chi tiết tại Hình 1).

*** Về chương trình đào tạo đại học và sau đại học**

Tính đến tháng 7/2023, Học viện Chính sách và Phát triển có 10 ngành đào tạo bậc đại học (Kinh tế, Quản lý Nhà nước, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Quản trị kinh doanh, Luật Kinh tế, Kinh tế Phát triển; Kinh tế số, Kế toán, Ngôn ngữ Anh) với 21 chuyên ngành/chương trình đào tạo. Trong đó, có 02 chương trình chất lượng cao (Kinh tế đối ngoại, Tài chính ngân hàng) và 20 chương trình đại trà (Quản lý công, Tài chính, Ngân hàng, Đầu tư, Đấu thầu, Kế hoạch phát triển, Kinh tế đối ngoại, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị marketing, Thương mại Quốc tế và logistic, Luật đầu tư kinh doanh, Kinh tế phát triển, Kế toán - kiểm toán, Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh). Học viện đào tạo sau đại học trình độ Thạc sĩ có 05 chuyên ngành đào tạo (Chính sách công, Tài chính - ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển và Quản trị kinh doanh).

Học viện thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ, việc tổ chức quản lý đào tạo được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

Trải qua 15 năm hình thành và phát triển quy mô và chất lượng đào tạo của Học viện không ngừng nâng cao. Học viện hiện có 14 năm đào tạo trình độ đại học, 8 năm đào tạo Thạc sĩ. Học viện thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ, việc tổ chức quản lý đào tạo được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện. Trong 5 năm gần đây, Học viện phát triển thêm một số ngành học mới, thường xuyên rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập của nền kinh tế. Xây dựng và công khai khoảng hơn 300 đề cương chi tiết các học phần. Sự phát triển này xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện và đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội. Các chương trình đào tạo (CTĐT) mới xây dựng được tham khảo từ các chương trình của các nước tiên tiến, có sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học trong và ngoài Học viện, của các nhà sử dụng lao động, các cựu sinh viên của Học viện. CTĐT được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Các CTĐT có mục tiêu rõ ràng, liên thông, đáp ứng được chuẩn đầu ra.

Đào tạo bậc đại học gồm: Hình thức đào tạo đại học hệ chính quy với quy mô tuyển sinh từ 1.500 - 1600 sinh viên/khóa; bên cạnh tuyển sinh hệ chuẩn có hệ chất lượng cao (tuyển sinh từ năm 2015) đáp ứng yêu cầu xã hội về nguồn nhân lực có chất lượng cao. Hiện nay, Học viện đang tổ chức đào tạo cho gần 6.000 sinh viên thuộc 10 ngành đào tạo trình độ đại học. Học viện luôn hướng đến chính sách phục vụ người học theo quan điểm

“Người học là trung tâm” và đồng thời là “chủ thể tương tác nâng cao chất lượng đào tạo”. Người học được Học viện hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Người học tại Học viện được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc, tạo điều kiện để tu dưỡng, rèn luyện bằng các biện pháp thiết thực, hiệu quả, mà còn tham gia vào quá trình đánh giá các khâu, quy trình, chương trình đào tạo, chất lượng phục vụ. Người học tại Học viện có chỉ số năng lực tốt, có nền tảng kiến thức phổ thông vững chắc, sức học tốt; thái độ tinh thần học tập chăm chỉ, tự tin, thể hiện được năng lực của bản thân, có khả năng đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng và của xã hội nói chung.

Hiện nay, Học viện đã có 10 khoá sinh viên tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng trong giai đoạn 2018-2023 đạt trên 97%, trong đó khoảng 60% có việc làm đúng ngành đào tạo. Đào tạo bậc sau đại học, Học viện tuyển sinh thạc sĩ từ năm 2015 và trong 8 năm qua đã tuyển sinh, đào tạo cấp bằng thạc sĩ được 800 học viên cao học.

Hình thức đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ cho người học: Học viện thường xuyên và định kỳ mở các lớp đào tạo ngắn hạn bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ cho người học về các lĩnh vực: kinh tế, quản trị, tài chính, kế toán, quản lý... Các chương trình học đều được đánh giá phù hợp với nhu cầu xã hội và thực hiện theo đúng quy trình quản lý, có tài liệu bài môn học, đảm bảo chất lượng đào tạo thông qua các ý kiến phản hồi của người học về các khóa đào tạo.

Học viện luôn chú trọng công tác đảm bảo chất lượng và đã được công nhận đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và có 5/10 ngành đào tạo đại học đã đạt kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định (5 ngành chưa kiểm định do chưa đủ điều kiện về thời gian đào tạo để tiến hành đánh giá ngoài).

**** Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

Hoạt động nghiên cứu khoa học tại Học viện bao gồm các hoạt động về nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách tập trung các lĩnh vực: Chính sách phát triển, Quản lý Nhà nước vĩ mô, quy hoạch phát triển, tài chính ngân hàng; triển khai, xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Học viện. Học viện chú trọng đầu tư vào các đề tài nghiên cứu khoa học gắn liền với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu về đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ và các vấn đề nghiên cứu công nghệ phục vụ trực tiếp cho việc dạy học của giảng viên và sinh viên. Đồng thời, khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên tập trung đầu tư đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; có bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế phù hợp với định hướng nghiên cứu để có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Học viện đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong việc nghiên cứu khoa học và tiếp cận khai thác chương trình quốc tế theo phương thức hiện đại, thông qua các

chương trình hợp tác, liên kết quốc tế với các nước có nền giáo dục hiện đại hơn, tiệm cận với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo điều kiện cho giảng viên được bồi dưỡng năng lực giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện; góp phần thực hiện kiểm định CTĐT, kiểm định cơ sở giáo dục. Học viện đã từng bước khẳng định vị thế của mình trong quan hệ hợp tác quốc tế với các trường đại học và các tổ chức trên thế giới. Học viện đã phát triển quan hệ hợp tác với các trường đại học nổi tiếng trên thế giới, như Trường Đại học Tổng hợp Quản lý Nhà nước, Thống kê và Tin học Matxcova (MESI) - Nga, Đại học Portland - Mỹ, Đại học Quốc gia Seoul - Hàn Quốc, Trường Lý Quang Diệu (Đại học Quốc gia Singapore) - Singapore, Đại học Nam California - Mỹ. Học viện tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác với 02 tổ chức quốc tế là USAID và KOICA. Các tổ chức này đã tài trợ kinh phí cũng như giới thiệu các chuyên gia nước ngoài đến làm việc và hỗ trợ trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện. Hoạt động hợp tác quốc tế đã góp phần không nhỏ giúp Học viện nhanh chóng thực hiện các mục tiêu chiến lược trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín trong nước cũng như trong khu vực.

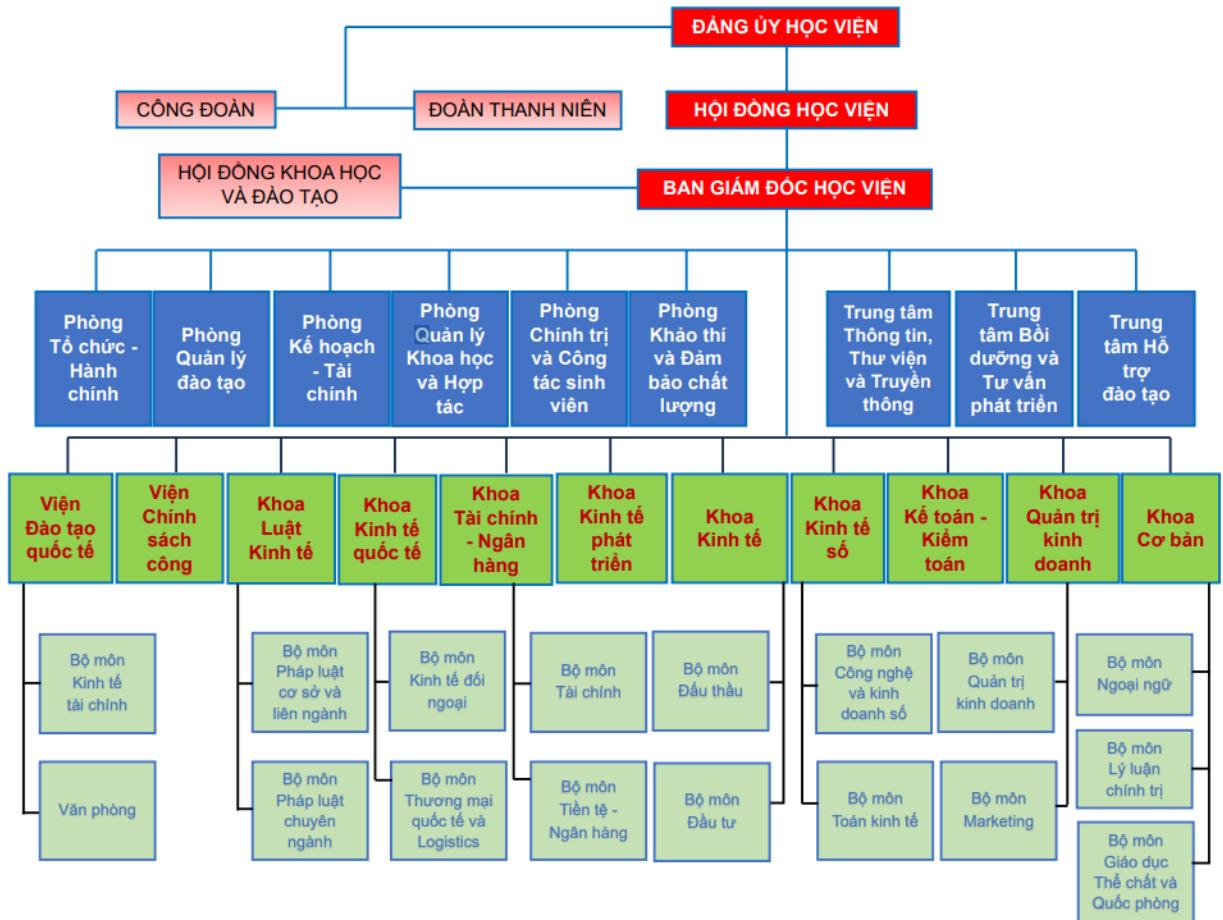
Các hoạt động phục vụ cộng đồng cũng được đặc biệt chú trọng tại Học viện thông qua các hoạt động cụ thể gồm: (i) Hoạt động tư vấn phát triển cho các địa phương gắn với chức năng, nhiệm vụ của Học viện được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao; (ii) Hoạt động thiện nguyện như phong trào Hiến máu nhân đạo, tình nguyện mùa hè....; (iii) Hoạt động hỗ trợ người học,...

Về thành tích, Học viện nhiều năm liền đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng Bằng khen. Năm 2013 Học viện được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Công đoàn Học viện được 02 Bằng khen của Ban Chấp hành Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, 15 bằng khen của Công đoàn Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tập thể và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn cơ sở trong những năm qua. Từ năm 2012 đến nay, Đoàn Thanh niên Học viện đã nhận được 03 Bằng khen của Trung ương Đoàn và 05 Bằng khen của Đoàn Thanh niên Khối các cơ quan Trung ương, nhiều giấy khen của Đoàn Thanh niên Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Cơ cấu tổ chức của Cơ sở giáo dục

Học viện hiện có 11 đơn vị đào tạo gồm 02 Viện, 08 Khoa chuyên ngành, 01 Khoa Cơ bản và 16 Bộ môn chuyên ngành thuộc các Khoa, Viện (Hình 1).

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, tính đến 31/7/2023 Học viện có tổng số 169 cán bộ, trong đó, lãnh đạo Học viện gồm 01 Chủ tịch Hội đồng, 01 Giám đốc, 04 Phó Giám đốc và 163 cán bộ, giảng viên và người lao động. Về trình độ, Học viện hiện có 5 Phó giáo sư và 41 Tiến sĩ (không kể Phó giáo sư) - chiếm 27,2%; 105 Thạc sĩ - chiếm 62,1% (trong đó 12 thạc sĩ đang làm Nghiên cứu sinh), và 18 cử nhân, trung cấp, lái xe - chiếm 11,7%. Số lượng giảng viên hiện nay là 99 người, chiếm 58,6% tổng số cán bộ, giảng viên toàn Học viện.



Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Học viện (Tháng 7/2023)

3. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Học viện

Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển nhiệm kỳ 2020 - 2025 được công nhận theo Quyết định số 1436/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Hội đồng Học viện nhiệm kỳ 2020 - 2025 có các thành viên, bao gồm: Bí thư Đảng ủy Học viện, Giám đốc Học viện, 03 Phó Giám đốc Học viện, Chủ tịch Công đoàn Học viện, Đại diện Đoàn Thanh niên Học viện; Đại diện giảng viên của một số Khoa, Viện, Phòng, Trung tâm; đại diện của cơ quan quản lý có thẩm quyền; đại diện của cộng đồng xã hội bao gồm nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, doanh nhân, cựu sinh viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động;

Thành viên Hội đồng Học viện thực hiện và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ của Hội đồng Học viện do Chủ tịch Hội đồng phân công và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học; tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng Học viện, chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Nhằm kiện toàn bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng, ngày 26/02/2021 Hội đồng Học viện đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐHVCSPT về việc

thành lập Thường trực Hội đồng Học viện (gồm 6 thành viên) và 03 Ban chuyên môn (Ban Chiến lược phát triển, Ban Quản trị tổ chức, Ban Tài chính – Tài sản).

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục

2.1. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của CSGD và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của CSGD

Học viện Chính sách và Phát triển có chức năng, nhiệm vụ chính là:

(1)- Về đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ: Xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức giảng dạy, đào tạo theo chương trình đào tạo; công nhận tốt nghiệp, xác nhận và cấp văn bằng theo quy định của pháp luật; Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo, hướng tới đáp ứng chuẩn mực quốc tế; Xây dựng đề án mở các ngành đào tạo mới; Triển khai các hoạt động đào tạo, liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế theo chiến lược và kế hoạch phát triển của Học viện, bảo đảm chất lượng đào tạo; Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của viên chức, người lao động và người học; Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền; Quản lý phôi và cấp văn bằng đào tạo đại học và sau đại học của Học viện theo quy định của pháp luật.

(2)- Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của ngành kế hoạch và đầu tư theo phân công của Bộ trưởng; Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chương trình nội dung, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức, viên chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ; Tổ chức bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các hình thức, nội dung bồi dưỡng theo quy định; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; ngoại ngữ, tin học và các nội dung đào tạo, bồi dưỡng khác; Hợp tác với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các phương thức phù hợp; Thực hiện hoặc liên kết, phối hợp cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của Học viện; Cấp và quản lý việc cấp các chứng chỉ, chứng nhận cho các học viên theo quy định của pháp luật.

(3)- Về nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu khoa học về các ngành, lĩnh vực phục vụ đào tạo của Học viện và nghiên cứu xây dựng, tư vấn chính sách cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước; Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các chương trình, đề tài, đề án, văn bản liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi được cấp có thẩm quyền giao; Xuất bản ấn phẩm khoa học phục vụ đăng các bài viết nghiên cứu khoa học của viên chức, giảng viên, học viên, sinh viên Học viện theo quy định của pháp luật.

(4)- Cung cấp dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực của Học viện và theo nhu cầu của xã hội.

(5)- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Học viện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tham gia với các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành kế hoạch và đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật khi được cấp có thẩm quyền giao.

(6)- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch về tổ chức bộ máy, thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức khoa học, các đơn vị thuộc Học viện; biên chế, vị trí việc làm; tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, người lao động của Học viện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(7)- Huy động, khai thác, quản lý, sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục và các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(8)- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

(9)- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng.

2.2. Mô tả những thách thức chính mà cơ sở giáo dục gặp phải và kế hoạch của cơ sở giáo dục để khắc phục những thách thức đó

a. Những thách thức

- Xu thế hội nhập, toàn cầu hoá nền kinh tế và sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức đòi hỏi sự đáp ứng cao của giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ nói chung cũng như các cơ sở giáo dục đại học nói riêng.

- Hệ thống và chính sách quản lý vĩ mô của hệ thống giáo dục Việt Nam còn chưa theo kịp với yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường.

- Nguồn ngân sách Nhà nước chi cho Học viện nói riêng và các trường đại học nói chung có xu hướng giảm. Học viện đang trong giai đoạn chuẩn bị cho lộ trình tự chủ đại học trong bối cảnh cơ sở vật chất mới được đầu tư (dự án có tổng mức đầu tư gần 1000 tỷ đồng) dẫn tới việc tính toán định mức chi phí gặp khó khăn.

- Nhiều cơ sở giáo dục đại học mới được thành lập theo chủ trương xã hội hoá giáo dục, bao gồm cả các trường tư thục, trường quốc tế... dẫn đến gia tăng cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục (cạnh tranh về thu hút người học, thu hút giảng viên chất lượng cao,...) nhằm nâng cao chất lượng đào tạo để tồn tại và phát triển.

- Nhu cầu học tập của xã hội tăng nhanh đòi hỏi hệ thống giáo dục và đào tạo và Học viện phải nỗ lực cải tiến, đổi mới để đáp ứng.

b. Phương hướng để khắc phục những thách thức

- Phát triển Học viện trở thành trường đại học thông minh vào những năm 2025-2030, theo định hướng ứng dụng đa ngành phù hợp các chuẩn mực khu vực và quốc tế; hoạt động tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm xã hội.

- Đổi mới hệ thống quản lý - quản trị, nhân sự Học viện theo cơ chế tự chủ toàn phần, hội nhập quốc tế; thúc đẩy tinh thần sáng tạo và khởi nghiệp trong tất cả các lĩnh vực công tác và hoạt động của Học viện, tạo nền tảng cho việc phát huy mọi tài năng và các nguồn lực trong và ngoài Học viện, tiến tới đổi mới mô hình phát triển Học viện theo định hướng đại học nghiên cứu.

- Xây dựng môi trường học thuật sáng tạo, hội nhập cả trong giảng dạy, học tập và cả trong nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng để nâng cao chất lượng đầu vào tuyển sinh, thu hút giảng viên, cán bộ, chuyên gia trình độ cao, ưu tú trong và ngoài nước. Thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục sau kiểm định, đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo. Tiếp tục triển khai đánh giá ngoài các chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế.

- Hoàn thiện sớm và vận hành toàn bộ hạ tầng cơ sở tại dự án tại Khu đô thị Nam An Khánh, từng bước được chuẩn hóa đáp ứng đổi mới mô hình đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; xây dựng hệ thống công nghệ thông tin băng thông rộng, hệ thống cơ sở dữ liệu lớn (big data), hệ thống module ứng dụng trong thống kê, phân tích, đánh giá dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý - quản trị, cải tiến chất lượng đào tạo và nghiên cứu dựa trên dữ liệu đã được phân tích, đánh giá.

2.3. Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của cơ sở giáo dục và cách mà cơ sở giáo dục tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

a. Những điểm mạnh, cơ hội

Trải qua 15 năm hình thành và phát triển, Học viện có các điểm mạnh và cơ hội nổi bật sau đây:

- Chất lượng đội ngũ giảng viên của Học viện cao hơn mức trung bình của các trường Đại học tại Việt Nam với tỉ lệ giảng viên có học hàm phó giáo sư hoặc trình độ tiến sĩ trong tổng số giảng viên đạt 46,5% (46 tiến sĩ/99 giảng viên); nhiều giảng viên của Học viện được đào tạo bài bản tại các quốc gia phát triển;

- Học viện Chính sách và Phát triển là đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, là cơ quan tham mưu tổng hợp cho Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam về chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch; kế hoạch đầu tư công của quốc gia; cơ chế, chính sách quản lý kinh tế; đầu tư trong nước, đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài; khu kinh tế; nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ của Việt Nam cho các nước; đấu thầu; thống kê; phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập

thể, kinh tế hợp tác; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật. Do vậy, Học viện có nhiều thuận lợi trong việc tham gia nghiên cứu, tham vấn cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư những vấn đề gắn với chức năng, nhiệm vụ của Bộ đồng thời thu hút các chuyên gia, nhà quản lý giỏi đến trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm cho người học tại Học viện. Nhiều chuyên ngành học của Học viện mang tính đặc thù gắn với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư như Đầu thầu, Quy hoạch phát triển, Kinh tế hợp tác,...

- Học viện Chính sách và Phát triển được đầu tư xây dựng cơ sở mới khang trang, hiện đại và đồng bộ các hạng mục tại khu đô thị Nam An Khánh (huyện Hoài Đức, Hà Nội) thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong giai đoạn tới.

- Cơ hội hợp tác với các cơ quan tổ chức, trường Đại học khác trong cả nước ngày càng rộng mở nhờ vị thế, uy tín của Học viện nói riêng và ảnh hưởng trong vai trò là trường Đại học duy nhất trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư nói chung.

- Bối cảnh tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, xu thế phát triển kinh tế số,... cùng với các chính sách phát triển giáo dục đại học theo hướng mở, tăng quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục kèm là điều kiện để Học viện thực hiện chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình đại học tự chủ, đại học thông minh.

b. Phương hướng để khai thác các điểm mạnh, cơ hội

**** Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên***

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có phẩm chất đạo đức và trình độ cao là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Học viện. Tuyển dụng và bố trí công việc phù hợp với năng lực chuyên môn và sở trường của cán bộ, giảng viên, đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa khối giảng viên và khối hành chính.

- Hoàn thiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên đáp ứng yêu cầu công việc và định hướng phát triển của Học viện. Tạo môi trường học thuật sáng tạo, cởi mở; tăng cường trao đổi giảng viên với các trường đại học uy tín ở nước ngoài.

- Có chính sách thu hút các cán bộ, giảng viên, nhà khoa học giỏi, uy tín đến công tác tại Học viện, ưu tiên tuyển dụng giảng viên có học vị tiến sĩ, ứng viên tốt nghiệp từ những trường đại học tại các nước phát triển, sinh viên và học viên tốt nghiệp xuất sắc tại Học viện.

**** Đổi mới mô hình quản trị***

- Xây dựng bộ máy quản trị phù hợp với chiến lược phát triển nhằm phát huy tối đa các nguồn lực, thế mạnh và hiệu quả quyền tự chủ của Học viện, đảm bảo trách nhiệm giải trình với các bên liên quan.

- Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong hoạt động quản lý, hình thành mô hình đại học thông minh, đại học số, chuẩn hóa các quy trình, văn bản và dữ liệu quản lý.

- Thực hiện lộ trình tự chủ đại học, từng bước thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình tới từng đơn vị, cá nhân trong Học viện; thực hiện lộ trình tiến tới tự đảm bảo 100% chi thường xuyên vào năm 2030 chậm nhất vào năm 2032.

- Phát triển, nâng cấp một số đơn vị thành viện hoặc trường đào tạo, thí điểm mô hình tự chủ đối với một số đơn vị đủ điều kiện: Viện Đào tạo Quốc tế, Khoa Kinh tế quốc tế, Khoa Luật kinh tế, Khoa Quản trị Kinh doanh, Khoa Kinh tế, Khoa Tài chính - Đầu tư. Từng bước xây dựng mô hình của trường đại học hướng đến mô hình đại học (có trường đại học trong đại học).

* Tiếp tục đổi mới hoạt động đào tạo và đảm bảo chất lượng

- Đổi mới phương thức tuyển sinh, hoạt động đào tạo theo hướng chất lượng và hiệu quả với quy mô cơ cấu hợp lý giữa các trình độ đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Tập trung phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình chuẩn quốc tế, chương trình đặc thù, chương trình liên kết; ưu tiên phát triển một số ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Thường xuyên cập nhật, đổi mới nội dung chương trình đào tạo, đảm bảo đào tạo lý thuyết gắn với thực tiễn, nâng cao khả năng thích ứng của người học trong môi trường hội nhập và chuyển đổi số.

- Thực hiện kiểm định trong nước và quốc tế, tham gia các cơ chế công nhận văn bằng, tín chỉ quốc tế và khu vực; tích cực tham gia các chương trình đánh giá, bảng xếp hạng đại học khu vực; chủ động tham gia mạng lưới nghiên cứu và trao đổi toàn cầu.

- Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng những công nghệ giáo dục mới, thúc đẩy quá trình tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và trải nghiệm.

- Tăng cường hợp tác trong đào tạo, trao đổi sinh viên, giảng viên với các tổ chức trong và ngoài nước.

* Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và làm chủ công nghệ

- Đổi mới phương thức, xây dựng cơ chế khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng nghiên cứu khoa học, hoạt động tư vấn và phân biện chính sách; chú trọng gắn kết giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Đẩy mạnh công bố khoa học, nhất là công bố trên các tạp chí uy tín quốc tế. Tăng cường nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng các nhóm nghiên cứu, tập hợp các chuyên gia, nhà khoa học uy tín chuyên sâu, liên ngành về kinh tế, quản lý, chính sách phát triển thuộc thế mạnh của Học viện; tham gia các dự án, chương trình nghiên cứu cấp nhà nước, đề tài nghiên cứu, tư vấn, tham mưu chính sách phát triển kinh tế - xã hội của ngành kế hoạch và đầu tư, địa phương và quốc gia.

- Xây dựng cơ chế đề khuyến khích và hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học; hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hình thành văn hóa khởi nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo đối với sinh viên Học viện.

* Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Mở rộng và đa dạng hóa các nguồn thu. Tăng nguồn thu từ các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình quốc tế, chương trình liên kết đào tạo, chương trình đặc thù, chương trình đào tạo đã được kiểm định... Khai thác nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ, bồi dưỡng và cơ sở vật chất; chú trọng các nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân và ngân sách thông qua các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đặt hàng, đấu thầu cạnh tranh.

- Chuẩn bị các điều kiện, từng bước thực hiện tự chủ đại học, lộ trình tự chủ tài chính từng phần, đảm bảo các nguồn lực và tăng cường cơ chế tự chủ tài chính cho các đơn vị theo mô hình phát triển của Học viện.

- Thực hiện cải cách tiền lương và các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao thu nhập cho đội ngũ viên chức, người lao động. Thực hiện trả lương theo hiệu quả công việc và vị trí việc làm.

- Đảm bảo cân đối thu chi, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn lực. Tăng tỷ trọng cơ cấu chi cho hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Đảm bảo các chính sách xã hội, quyền lợi và công bằng cho người học, lập quỹ học bổng khuyến khích học tập, quỹ học bổng thu hút tài năng cho các sinh viên giỏi, sinh viên tài năng và sinh viên thuộc diện chính sách và đặc biệt khó khăn.

* Hoàn thiện cơ sở vật chất

- Tiếp tục hoàn thiện và khai thác bền vững cơ sở vật chất của Học viện.

- Tiếp tục đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại hướng tới xây dựng đại học thông minh.

- Xây dựng thư viện điện tử, thư viện số; tiếp tục đầu tư, nâng cấp số hóa tài liệu, giáo trình phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng các mô hình thực hành, mô hình giả lập để giảng viên và sinh viên thực hành nâng cao kỹ năng chuyên môn.

* Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số

- Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, quản lý hướng tới xây dựng mô hình đại học thông minh, đại học số.

- Triển khai nền tảng công nghệ số phục vụ giảng dạy, đào tạo, tự học, thi, kiểm tra, khảo thí trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị của Học viện, xây dựng hệ sinh thái chuyển đổi số; phát huy khả năng tự học, nghiên cứu độc lập của người học.

- Đẩy mạnh đầu tư và khai thác có hiệu quả thư viện số, dữ liệu số của Học viện phục vụ hoạt động quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện.

* Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế

- Hợp tác trong nước: Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Học viện với các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhằm tranh thủ nguồn lực, kiến thức, uy tín và kinh nghiệm của các chuyên gia; Hợp tác với các đơn vị trong nước, phát triển các hoạt động liên kết với các cơ sở giáo dục, cơ quan, doanh nghiệp, địa phương trong cả nước để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

- Hợp tác quốc tế: Tăng cường hội nhập quốc tế, thúc đẩy liên kết đào tạo; hợp tác, trao đổi về học thuật, kinh nghiệm, học liệu; phương pháp và chương trình đào tạo, nghiên cứu; trao đổi sinh viên và giảng viên với các trường đại học uy tín từ các quốc gia phát triển trên thế giới; Có chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hợp tác nghiên cứu và hoạt động đào tạo tại Học viện, đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Học viện.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

(Xem Phụ lục 1)

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

TIÊU CHUẨN 1: TÂM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ VĂN HÓA

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Học viện Chính sách và Phát triển được thành lập theo Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ, trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Là cơ sở đào tạo sau Đại học trong lĩnh vực chính sách phát triển, kinh tế và quản lý, Học viện Chính sách và Phát triển định hướng trở thành trường đại học có uy tín trong hệ thống giáo dục quốc dân về đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn và phản biện chính sách vĩ mô [H1.01.01.10]. Trải qua 15 năm xây dựng và phát triển, Học viện bước đầu khẳng định được vị thế trong xã hội, có nhiều thành tựu trong công tác tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng và tư vấn. Để đạt được những thành công đáng tự hào trong chặng đường xây dựng đầy khó khăn đó là sự định hướng, xác định rõ sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, hệ thống các mục tiêu và giải pháp chiến lược của Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Ngày 10/01/2016, Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển ban hành Quyết định số 15/QĐ-HVCSPT phê duyệt kế hoạch Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H1.01.01.04]. Năm 2022, Học viện đã tiến hành bổ sung, điều chỉnh và xây dựng chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt. Ngày 11/11/2022, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký Quyết định số 1822/QĐ-BKHĐT phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [H1.01.01.02].

Theo đó, trong giai đoạn này, Học viện Chính sách và Phát triển xác định sứ mạng, tầm nhìn như sau:

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, quản trị, luật và chính sách phát triển; có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế; nghiên cứu khoa học, chuyên giao tri thức, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành kế hoạch và đầu tư và của đất nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2045, Học viện trở thành đại học định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm các trường hàng đầu tại Việt Nam, có uy tín trong khu vực và quốc tế; tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trước bối cảnh mới của giai đoạn phát triển tiếp theo đem đến nhiều cơ hội và cũng không ít thách thức, ngày 18/10/2021, Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển đã ký Quyết định số 840/QĐ-HVCSPT về việc thành lập Tổ biên tập soạn thảo Chiến lược phát

triển Học viện đề rà soát, sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển Học viện đảm bảo phù hợp với bối cảnh và thực tiễn **[H1.01.01.02]**.

Chiến lược đã được thực hiện với nhiều công sức đóng góp của bộ phận tham mưu trực tiếp, các ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong và ngoài Học viện.

Những nội dung này được xây dựng đã bám sát Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được ban hành kèm theo Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị **[H1.01.01.11]**, theo đó xác định đến năm 2030 “Thủ đô Hà Nội là Thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2025 cao hơn mức tăng bình quân chung của cả nước; GRDP giai đoạn 2026 - 2030 tăng 8,0 - 8,5%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 12.000 - 13.000 USD”. Tầm nhìn đến năm 2045 “Thủ đô Hà Nội là thành phố kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, với GRDP/người đạt trên 36.000 USD; kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hoà; tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới”.

Quá trình xây dựng Chiến lược phát triển của Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định về sứ mạng, tầm nhìn của Học viện được thực hiện theo những bước sau đây:

Bước 1: Ngày 18/10/2021, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 840/QĐ-HVCSPT thành lập Tổ biên tập soạn thảo Chiến lược phát triển Học viện **[H1.01.01.02]** do TS. Nguyễn Thế Vinh, Phó Giám đốc Học viện làm Tổ trưởng. Ngay sau khi thành lập Ban đã tiến hành phân công nhiệm vụ cho các thành viên chuẩn bị các nội dung của chiến lược.

Bước 2: Ngày 14/4/2022, Giám đốc Học viện đã có Tờ trình số 11/TTr-HVCSPT gửi Hội đồng học viện về việc thảo luận một số nội dung trong Đề án Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045 **[H1.01.01.02]**.

Tại phiên họp lần thứ 8 ngày 26/7/2022, Hội đồng học viện đã thông qua về nguyên tắc dự thảo Đề án Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 **[H1.04.01.05]**.

Bước 3: Ngày 20/9/2022, Hội đồng Học viện đã có Công văn số 228/HĐHVCSPT-VP gửi thành viên Hội đồng Học viện, các bên liên quan (Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Bộ) về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 **[H1.01.01.01]**.

Bước 4: Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của thành viên Hội đồng Học viện và các bên liên quan, Học viện đã hoàn thiện dự thảo chiến lược. Ngày 01/11/2022, Chủ tịch Hội

đồng Học viện đã có Tờ trình số 24/TTr-HVCSPT gửi Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [H1.01.01.02].

Trong quá trình xây dựng, rà soát Chiến lược phát triển Học viện, trong đó có sứ mạng, tầm nhìn Học viện đã được đăng tải trên trang website của Học viện, pano,... [H1.01.01.07] đặt trong khuôn viên Học viện để một mặt công bố công khai, rộng rãi tới các viên chức, người lao động cũng như sinh viên của Học viện, một mặt nhằm công bố rộng rãi tới cộng đồng xã hội, qua đó lan tỏa nội dung sứ mệnh, tầm nhìn của Học viện tới nhiều người hơn, từ đó có thể tiếp thu những ý kiến đóng góp cho quá trình chỉnh sửa, hoàn thiện trong thời gian tới.

Để thực Chiến lược phát triển, cũng như sứ mạng, tầm nhìn của Học viện đi vào thực chất và đạt được những kết quả đã đặt ra, Lãnh đạo Học viện đã có những chỉ đạo cho các đơn vị thuộc xây dựng những kế hoạch hành động để hiện thực hóa các mục tiêu đặt ra trong Chiến lược phát triển [H1.01.01.13].

Ngày 14/4/2022, Giám đốc Học viện đã có Tờ trình số 11/TTr-HVCSPT gửi Hội đồng học viện về thảo luận và xin ý kiến về Dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển Học viện [H1.01.01.02]. Tại phiên họp lần thứ 11, ngày 30/3/2023, Hội đồng học viện đã thông qua Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển Học viện [H1.01.01.14]. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐHVCSPT ngày 30/3/2023 của Hội đồng học viện, ngày 07/4/2023, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 293/QĐ-HVCSPT phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển học viện [H1.01.01.15].

Với tình hình nhân sự hiện tại, Học viện Chính sách và Phát triển có đủ năng lực để thực hiện được sứ mệnh, tầm nhìn đã đặt ra. Cụ thể, tính đến ngày 31/7/2023 tổng số viên chức và người lao động toàn Học viện là 169 người .

Tỷ lệ giảng viên so với tổng số cán bộ viên chức là 99 người/170 người, tương ứng với 58,6%

Trong đó, cơ cấu nhân sự tại Học viện theo trình độ chuyên môn cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Cơ cấu nhân sự tại Học viện theo trình độ chuyên môn

Tổng số CB, VC	Cơ cấu trình độ CB, VC			
	GS, PGS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học và trình độ khác
169	5	41	105	18

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Phát huy những giá trị được vun đúc trong 15 năm hình thành và phát triển, Học viện luôn luôn xác định và đặt ra những giá trị cốt lõi, mang tính nền tảng cho toàn bộ hoạt

động của Học viện. Những giá trị nền tảng này là cơ sở quan trọng để xây dựng giá trị văn hóa của Học viện.

Chiến lược phát triển Học viện được ban hành kèm theo Quyết định số 1822/QĐ-BKHĐT xác định hệ thống các giá trị cơ bản là nền tảng của sứ mệnh, định hướng cho mọi hoạt động đạt tới tầm nhìn và văn hóa ứng xử của Học viện. Giá trị cốt lõi Học viện đặt ra đó là: Chất lượng - Trí tuệ - Phát triển.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học với mô hình quản trị mới khi Hội đồng học viện được thành lập và đi vào hoạt động, những giá trị này tiếp tục được nêu trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển, văn bản gốc cho mọi hoạt động của Học viện. Trong đó, xác định rõ nguyên tắc hoạt động của Học viện.

Những giá trị cốt lõi này cũng được ghi nhận trong Văn bản quy định về Mối quan hệ giữa Đảng ủy, Hội đồng học viện và Giám đốc Học viện để đảm bảo tăng cường sự thống nhất, đồng thuận trong tổ chức và hoạt động giữa các thiết chế nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Học viện **[H1.01.02.03]**. Đó là mối quan hệ trách nhiệm, phối hợp theo nguyên tắc lãnh đạo của Đảng nhằm phát huy vai trò của mỗi thiết chế trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị chung của Học viện. Giám đốc Học viện chịu trách nhiệm thể chế hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ Học viện, chỉ đạo các đơn vị thuộc Học viện xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Học viện.

Đồng thời, Học viện cũng xác định Triết lý giáo dục xuyên suốt đó là: Giáo dục toàn diện - Đổi mới sáng tạo - Phụng sự xã hội.

Nội dung giá trị cốt lõi tạo thành giá trị văn hóa của Học viện được hình thành trong suốt quá trình 15 năm xây dựng và phát triển, được các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, người lao động, người học của Học viện trân quý, gìn giữ và phát huy. Quá trình xây dựng những giá trị cốt lõi của Học viện đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, của Hội đồng học viện.

Sau khi được thông qua, những giá trị này được công bố công khai trên website của Học viện, trang mạng xã hội như fanpage của Học viện **[H1.01.02.02]**. Ngoài ra, trong khuôn viên của Học viện, những giá trị này được thể hiện trên những tấm pano, bandroll góp phần lan tỏa đến những giá trị văn hóa của Học viện đến cán bộ, giảng viên, người học của Học viện.

Với việc được xây dựng công phu, xuyên suốt từ vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng ủy Học viện, vai trò quản trị của Hội đồng học viện, vai trò điều hành của Ban Giám đốc, các giá trị cốt lõi của Học viện nhận được sự quan tâm đặc biệt và trở thành những hành động thực tế của đội ngũ cán bộ, giảng viên, người lao động của Học viện.

Hàng năm, Học viện tổ chức các hoạt động như Lễ kỷ niệm ngày thành lập Học viện 04/01; Lễ kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Ngày quốc tế phụ nữ 8/3; Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 **[H1.01.02.01]**; tổ chức hoạt động phong trào thể dục, thể thao,

các cuộc thi văn nghệ cho cán bộ, giảng viên, sinh viên của Học viện nhằm giáo dục truyền thống và phát huy giá trị văn hóa của Học viện, gây dựng và tạo ra sự kết nối, tinh thần đoàn kết trong tập thể cán bộ, giảng viên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Trong quá trình triển khai xây dựng Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa Học viện đã được trao đổi, thảo luận tại cuộc họp giao ban mở rộng với sự tham dự của Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng học viện, Ban Giám đốc, Công đoàn [H1.01.03.01]. Đồng thời, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện cũng được gửi đến các đơn vị trong toàn Học viện nhằm phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động của Học viện.

Nhận thức được tầm quan trọng của tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa đối với toàn bộ hoạt động của Học viện nói chung và với mỗi cán bộ, giảng viên, người học của Học viện nói riêng, Học viện luôn chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến thông qua nhiều hình thức khác nhau như:

- Đăng tải nội dung về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện trên trang thông tin điện tử của Học viện tại địa chỉ <https://apd.edu.vn/su-mang-tam-nhin> và fanpage của Học viện tại địa chỉ <https://www.facebook.com/.....1961> [H1.01.03.03].

- Gửi trong nhóm zalo toàn Học viện về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện khi Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký Quyết định số 1822/QĐ-BKHĐT về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [H1.01.03.03].

Đồng thời, hướng đến đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị cốt lõi đã đặt ra, Học viện đã xây dựng và triển khai nhiều kế hoạch, hoạt động khác nhau.

Bên cạnh đó, để đảm bảo sự minh bạch trong mọi hoạt động, Học viện Chính sách và Phát triển chú trọng đến việc công khai đến toàn thể đội ngũ viên chức, người lao động cũng như sinh viên và xã hội các hoạt động của Học viện. Các thông tin về chế độ lương, thưởng, chế độ đãi ngộ đối với viên chức, người lao động, các thông tin về tình hình tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản của Học viện được công khai trong Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm, Hội nghị tài chính hàng năm [H1.01.03.04]. Đồng thời Học viện cũng thực hiện đầy đủ chế độ “3 công khai” gồm công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Học viện [H1.01.03.03].

Để hướng tới giá trị cốt lõi là: Chất lượng - Trí tuệ - Phát triển, Học viện Chính sách và Phát triển chú trọng tập trung: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đặc biệt là nhân

lực quản lý và giảng viên thông qua tuyển dụng mới; nâng cao năng lực quản lý và quản trị thông qua chuyển đổi số toàn diện theo hướng tăng cường tích hợp các công nghệ, kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực đặc biệt là giảng dạy, nghiên cứu, quản lý, quản trị; hoàn thiện cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại; tăng tỷ trọng các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình theo định hướng nghề nghiệp; tăng cường nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện Chính sách và Phát triển đã được Lãnh đạo Học viện quán triệt tới toàn thể cán bộ, giảng viên; chỉ đạo các đơn vị xây dựng chương trình hành động. Chương trình hành động đã được Hội đồng học viện thông qua tại phiên họp lần thứ 11 của Hội đồng học viện [H1.01.03.05] tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐHVCSPT ngày 30/3/2023 và được Giám đốc Học viện phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Phát triển Học viện tại Quyết định số 293/QĐ-HVCSPT ngày 07/4/2023 [H1.01.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Xác định lấy việc đổi mới là yếu tố then chốt tạo nên sự thành công của Học viện trong 15 năm xây dựng và phát triển, Học viện Chính sách và Phát triển đã tích cực trong việc rà soát Chiến lược phát triển, trong đó đảm bảo tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện đáp ứng được đầy đủ các nhu cầu và sự hài lòng của người học, doanh nghiệp, xã hội. Từ khi Giám đốc Học viện ký Quyết định số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/2016 về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H1.01.04.01], Học viện đã luôn cố gắng để đảm bảo những nội dung được nêu trong Chiến lược đi vào thực chất, trở thành định hướng cho hoạt động của mỗi tập thể, cá nhân trong toàn Học viện. Đứng trước những thay đổi của đời sống kinh tế - xã hội nói chung và nhu cầu, đòi hỏi của xã hội, của người học và gia đình, của đơn vị sử dụng lao động, năm 2021, Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển đã ký quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Đề án "Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045" [H1.01.04.03] gồm 22 thành viên: Ban Giám đốc và Trưởng/Phụ trách các đơn vị thuộc Học viện. Ngày 18/10/2021, Tổ biên tập soạn thảo "Chiến lược phát triển Học viện" thuộc Đề án "Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045" [H1.01.04.03] được thành lập. Sau khi thành lập, Tổ biên tập đã họp triển khai phân công nhiệm vụ cho các thành viên chuẩn bị các nội dung của chiến lược. Tổ biên tập đã tiến hành rà soát nghiêm túc nhằm đảm bảo tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện không bị lỗi thời và đáp ứng yêu cầu mới của thực tiễn. Trên cơ sở dự thảo của Tổ biên tập, Giám đốc Học viện đã có Tờ trình gửi Hội đồng học viện thông qua [H1.01.04.01]. Hội đồng học viện đã

hợp, đồng thời xin ý kiến góp ý bằng văn bản gửi Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài Nguyên và Môi trường và Văn phòng Bộ. Tiếp thu ý kiến của 03 đơn vị thuộc Bộ nêu trên, Hội đồng học viện đã hoàn thiện và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt. Ngày 11/11/2022, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký Quyết định số 1822/QĐ-BKHĐT phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [H1.01.04.01].

Sự thay đổi này được đánh giá là cần thiết nhằm phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đặc biệt là phù hợp với Nghị quyết được Đại hội XIII [H1.01.04.06] thông qua tại phiên bế mạc đặt ra mục tiêu cụ thể đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước, trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Như vậy, có thể thấy rằng, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ, của Đảng ủy, Hội đồng học viện, Ban Giám đốc trong việc xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung đảm bảo sự phù hợp với Chiến lược phát triển chung của ngành, của đất nước, cũng như đảm bảo đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, doanh nghiệp, gia đình, người học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Bên cạnh việc thường xuyên rà soát, bổ sung Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện Chính sách và Phát triển đảm bảo sự phù hợp Chiến lược phát triển chung của ngành Giáo dục, Học viện tiến hành cập nhật, điều chỉnh không chỉ về nội dung, mà còn cải tiến về phương thức xây dựng, qua đó đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu và sự hài lòng của các bên có liên quan.

Khi Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2016 -2020, tầm nhìn năm 2030 [H1.01.05.01] được xây dựng và thông qua, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện được ghi nhận và trở thành thước đo cho mọi hoạt động của đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động của Học viện. Đến năm 2022, Học viện đã chủ động trong việc rà soát, trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt lại Chiến lược phát triển Học viện nói chung, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện nói riêng. Hoạt động này thể hiện sự chủ động của Học viện Chính sách và Phát triển trong quá trình xây dựng với

việc nắm bắt nhu cầu của xã hội và phản ánh vào tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện **[H1.01.05.01]**.

Quá trình xây dựng đã chứng kiến những thay đổi, cải tiến quan trọng so với quá trình xây dựng trước kia. Vai trò của Đảng ủy Học viện vẫn tiếp tục được thể hiện trong việc chỉ đạo đường lối chung **[H1.01.05.01]**. Lúc này Học viện có sự thay đổi lớn về mô hình quản trị với sự ra đời của Hội đồng Học viện, từ đó làm thay đổi nhiều về cách thức triển khai, xây dựng Chiến lược, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện. Bên cạnh vai trò chỉ đạo của Hội đồng học viện, Ban Giám đốc Học viện thể hiện vai trò lãnh đạo trực tiếp trong việc chỉ đạo các đơn vị chức năng chuyên môn rà soát, đánh giá Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2016-2020, đề xuất khung Chiến lược trong giai đoạn mới.

Nhằm phát huy được sức mạnh, trí tuệ của tập thể cán bộ, giảng viên, người lao động trong toàn Học viện, Tổ soạn thảo Chiến lược phát triển học viện đã gửi văn bản lấy ý kiến dự thảo Chiến lược **[H1.01.05.01]**. Đây được coi là một bước cải tiến to lớn trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện, qua đó tiếp thu được nhiều ý kiến khác nhau để Tổ soạn thảo có cách nhìn nhận đa chiều hơn.

Nếu như trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn năm 2030 xác định Sứ mạng hướng tới của Học viện là “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học và sau đại học về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển” **[H1.01.05.01]** thì đến Chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định lại Sứ mạng mà Học viện hướng tới, không chỉ tập trung vào lĩnh vực kinh tế, quản lý, chính sách phát triển mà mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh, quản trị, luật **[H1.01.05.01]**. Đây được coi là bước thay đổi lớn trong mục tiêu hướng tới của Học viện, phản ánh rõ nét những yêu cầu thay đổi của môi trường giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở đó, Học viện cũng điều chỉnh Tầm nhìn trong Chiến lược phát triển nhằm phù hợp với xu hướng tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học ở trong nước theo đúng định hướng phát triển mà Đảng và Nhà nước đặt ra. Theo đó, Học viện chuyển từ Tầm nhìn trở thành “đại học theo định hướng nghiên cứu đạt chuẩn quốc gia về chất lượng, nằm trong nhóm các trường đại học có uy tín thuộc khối ngành kinh tế và quản lý ở Việt Nam đến năm 2020, và đến năm 2030 trở thành trường Đại học theo định hướng nghiên cứu nằm trong nhóm các trường đại học hàng đầu về kinh tế và quản lý ở Việt Nam, có uy tín ở Đông Nam Á; trở thành trung tâm nghiên cứu có uy tín trong nước và trong khu vực” **[H1.01.05.01]** sang định hướng “đại học định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực thuộc nhóm các trường hàng đầu tại Việt Nam, có uy tín trong khu vực và quốc tế; tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đến năm 2045” **[H1.01.05.01]**.

Không chỉ điều chỉnh lại Sứ mạng, tầm nhìn trong Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045, hệ thống giá trị cốt lõi của Học viện cũng được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi của tình hình mới. Nếu như

trong Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2016 - 2020, hệ thống giá trị cốt lõi được Học viện đặt ra mới chỉ mang tính xác định chung, chưa chi tiết [H1.01.05.01] thì sau khi rà soát, hệ thống giá trị cốt lõi được Học viện xác định lại, cụ thể hơn, chi tiết hơn, rõ ràng hơn, phản ánh rõ nét hơn những giá trị nền tảng mà Học viện hướng tới và mong muốn giữ gìn. Đó là “Chất lượng - Trí tuệ - Phát triển” [H1.01.05.01].

Những thay đổi trong việc xác định sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện được xem là phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi trong xu hướng phát triển hiện nay của môi trường giáo dục đại học hiện đại.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Chiến lược phát triển Học viện nói chung, tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện nói riêng đã được chỉnh sửa, bổ sung một cách khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Học viện với sự góp ý của nhiều đơn vị, cá nhân từ vai trò lãnh đạo của Đảng ủy, Hội đồng học viện, vai trò chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Ban Giám đốc, cho tới vai trò thực hiện trực tiếp của Phòng/Ban/Khoa/Viện thuộc Học viện. Đây là một sản phẩm của trí tuệ tập thể, đáp ứng tốt đòi hỏi của xã hội, thị trường lao động, nhu cầu của nhà tuyển dụng, niềm tin của người học và gia đình đối với Học viện Chính sách và Phát triển.

- Các giá trị cốt lõi, nền tảng tạo thành giá trị văn hóa của Học viện đã đảm bảo sự phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, đã được chuyển tải trong chiến lược, kế hoạch hành động của Học viện Chính sách và Phát triển.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc truyền thông tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện đến với các nhà tuyển dụng, người học và gia đình người học chưa được đẩy mạnh.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế, tồn tại	Xây dựng kế hoạch truyền thông hiệu quả, đa dạng về hình thức, liên tục về thời gian đảm bảo tiếp cận đến các bên có liên quan nhiều hơn, chú trọng tới nhà tuyển dụng, người học và gia đình.	Trung tâm Thông tin, Thư viện, Truyền thông	Năm học 2023-2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung cập nhật các định hướng tiếp cận mới	Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện	Năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Triển khai thực hiện kèm theo giám sát, đánh giá giữa kỳ	Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện	Năm học 2023-2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	5
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	4
Tiêu chí 1.5	4

TIÊU CHUẨN 2. QUẢN TRỊ

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục

Học viện Chính sách và Phát triển là cơ sở đào tạo đại học trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư và chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1.02.01.01], hoạt động trong khuôn khổ của Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 và những quy định của pháp luật có liên quan. Hệ thống quản trị của Học viện được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.02.04.03], Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Học viện [H1.02.01.02], bao gồm: Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc, Hội đồng Khoa học và đào tạo, các phòng ban chức năng, các khoa, các trung tâm, viện, thuộc Học viện Chính sách và Phát triển và các tổ chức chính trị, đoàn thể (Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, ...).

Ngày 28/09/2020, Hội đồng Học viện được thành lập theo Quyết định số 1436/QĐ-

BKHĐT của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công nhận Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển nhiệm kỳ 2020-2025 **[H1.02.01.02]**. Hội đồng Học viện gồm 19 thành viên, gồm các thành viên trong và ngoài Học viện, với cơ cấu đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, trong đó các thành viên ngoài Học viện đại diện cho các cơ quan, đơn vị, thành viên do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thành viên do cộng đồng xã hội (các nhà lãnh đạo, nhà quản lý, doanh nhân, đại diện đơn vị sử dụng lao động). Hội đồng Học viện hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật, trong đó có thể kể đến các quy định đặc thù của Luật Giáo dục đại học, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP... Sau khi được thành lập, Hội đồng Học viện đã tích cực, chủ động xây dựng và ban hành Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển **[H1.02.02.01]**, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Học viện **[H1.02.02.01]** tạo hành lang pháp lý quan trọng cho việc hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển nói chung và hệ thống quản trị của Học viện Chính sách và Phát triển nói riêng. Các quy chế này đã quy định rõ quyền và trách nhiệm của Hội đồng Học viện, nguyên tắc làm việc và sự phối hợp công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng Học viện và Ban Giám đốc Học viện.

Đảng bộ Học viện Chính sách và Phát triển là Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại Quy định số 97-QĐ/TW, ngày 22/03/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa IX) **[H1.02.01.03]**, hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các văn bản, quy định của Đảng. Tại Đại hội Đảng bộ Học viện Chính sách và Phát triển lần IV, nhiệm kỳ 2020-2025 hiện nay gồm có 7 thành viên, đại diện cho các đơn vị, khối giảng dạy, khối hành chính trong Học viện. Đảng bộ lãnh đạo toàn diện hoạt động của Học viện. Đảng bộ Học viện Chính sách và Phát triển ban hành các Nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ cấp trên và thực hiện nhiệm vụ chính trị của Học viện **[H1.02.01.03]**. Đảng bộ Học viện họp định kỳ hàng tháng và họp đột xuất để cho ý kiến về các chủ trương lớn cũng như những vấn đề cần triển khai của Học viện.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện nhiệm kỳ 2020-2025 được thành lập ngày 04/08/2020 theo Quyết định số 625/QĐ-HVCSPT của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển trên cơ sở quy định của Luật Giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2018 **[H1.02.01.04]**. Hội đồng gồm có 21 thành viên, là các nhà khoa học có uy tín, có trình độ chuyên môn cao trong và ngoài Học viện. Đặc biệt, các nhà khoa học ngoài Học viện được mời tham gia Hội đồng Khoa học và Đào tạo là những nhà khoa học có uy tín cao trong ngành Kế hoạch và Đầu tư, có nhiều đóng góp cho việc phát triển hoạt động khoa học và đào tạo của Học viện thời gian qua. Hội đồng được thường xuyên rà soát, kiện toàn nhằm đáp ứng tốt yêu cầu tư vấn cho Ban Giám đốc trong công tác điều hành về hoạt động khoa học và đào tạo của Học viện. Cơ cấu, thành phần, số lượng thành viên của Hội đồng được đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật **[H1.02.01.04]**. Hội đồng

Khoa học và Đào tạo hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp của Hội đồng được tổ chức thường niên hoặc đột xuất theo quyết định triệu tập của Chủ tịch Hội đồng để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng.

Hội đồng Học viện, Đảng bộ Học viện Chính sách và Phát triển thiết lập định hướng chiến lược thông qua các nghị quyết về việc ban hành các văn bản thể chế bao gồm Quy chế Tổ chức và hoạt động **[H1.02.02.01]**; Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển **[H1.02.03.01]**; Quy chế tài chính của Học viện **[H1.02.03.01]**, Hội đồng Học viện Ban hành Danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí của Học viện **[H1.02.03.01]**. Hệ thống các văn bản này thể hiện rõ trách nhiệm thông tin, báo cáo, minh bạch và trách nhiệm giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Những văn bản đã ban hành và đang dự thảo được xây dựng trên nguyên tắc sử dụng hiệu quả nhân lực, giảm thiểu rủi ro về sự bất cập giữa chức năng, nhiệm vụ và nhân sự, sự mất cân đối trong sử dụng đội ngũ giảng viên; nâng cao thương hiệu và vị thế của Học viện, phát huy năng lực nghiên cứu khoa học của các giảng viên, nhà khoa học.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của Học viện được thành lập theo các quy định của pháp luật và hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan quản lý của Đoàn Thanh niên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thành đoàn Hà Nội, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ Học viện Chính sách và Phát triển. Các tổ chức này đều có kế hoạch công tác hàng năm **[H1.02.03.02]**.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị, điều hành, bên cạnh đó ngăn ngừa rủi ro có thể xảy ra, Học viện Chính sách và Phát triển chú trọng xây dựng hệ thống văn bản quy định rõ về trách nhiệm giải trình của các đơn vị, cá nhân trong Học viện. Trước tiên, nội dung này được quy định trong văn bản gốc, văn bản có giá trị cốt lõi trong hoạt động của Học viện, là Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện **[H1.02.04.02]**, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Học viện **[H1.02.02.01]**. Theo đó, Học viện trách nhiệm báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trách nhiệm giải trình với người học, xã hội về các hoạt động, các quy định nội bộ và các cam kết của Học viện. Bên cạnh đó, trách nhiệm của các đơn vị trong hoạt động quản trị, điều hành hoạt động của Học viện được quy định cụ thể trong Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển **[H1.02.03.01]**. Văn bản này quy định trách nhiệm của Hội đồng Học viện, Giám đốc Học viện, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị và người đứng đầu đoàn thể, tổ chức và ban thanh tra nhân dân trong Học viện cũng như trách nhiệm liên đới giữa Giám đốc Học viện với các tổ chức, đoàn thể, trong Học viện.

Hệ thống quản trị của Học viện đã có vai trò quan trọng và đóng góp lớn trong sự phát triển của Học viện Chính sách và phát triển trong suốt hơn 15 năm hình thành và phát triển. Đảng bộ, Hội đồng Học viện đã quyết định những vấn đề liên quan đến Chiến lược

phát triển của Học viện và chỉ đạo sát sao để đảm bảo Học viện phát triển theo đúng Chiến lược đã được phê duyệt.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện

Hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển được triển khai một cách đồng độ, hiệu quả dựa trên quy định của Đảng, khung cơ sở pháp lý của các văn bản pháp luật như Luật Viên chức năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2019, Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 và những quy định của pháp luật có liên quan [H1.02.02.01]. Trong đó, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ Học viện, vai trò quản lý của Hội đồng Học viện, vai trò điều hành của Ban Giám đốc Học viện được thể hiện rõ nét.

Đảng bộ Học viện Chính sách và Phát triển là Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Đảng bộ Học viện tiến hành các phiên họp định kỳ hàng tháng và họp đột xuất theo triệu tập của đồng chí Bí thư Đảng bộ khi phát sinh những vấn đề cần giải quyết. Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ được thể hiện một cách xuyên suốt trong mọi vấn đề của Học viện như đưa ra các chủ trương, chính sách, đường lối để Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện và các đơn vị, cá nhân trong toàn Học viện thực hiện.

Thực hiện chính sách cải cách tiền lương, thưởng và các chế độ khác của cán bộ, viên chức, người lao động của Học viện theo tinh thần chỉ đạo của Đảng bộ Học viện, ngày 16/3/2023, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 177/QĐ-HVCSPT ban hành Quy định tạm thời về thu nhập tăng thêm của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.02.04.04]. Đây được coi là một bước tiến, cải cách lớn trong việc trả thưởng và các chế độ khác cho cán bộ, viên chức, người lao động của Học viện.

Hội đồng Học viện ngay sau khi được thành lập theo Quyết định số 1436/QĐ-BKHĐT của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công nhận Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển nhiệm kỳ 2020-2025 đã thông qua Chương trình công tác của Hội đồng Học viện nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.02.02.03]. Cùng với, Hội đồng Học viện đã thông qua nhiều quyết nghị quan trọng quyết định tới toàn bộ hoạt động của Học viện. Nhằm tạo dựng khung hành lang pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Học viện, Hội đồng Học viện đã chỉ đạo Giám đốc Học viện xây dựng dự thảo các quy chế, quy định trình Hội đồng Học viện thông qua. Trên cơ sở đó, ngày 23/4/2021, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 270/QĐ-HVCSPT về việc thành lập Tổ soạn thảo sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện [H1.02.02.03], Quyết định số 840/QĐ-HVCSPT ngày 18/10/2021 thành lập Tổ biên tập soạn thảo "Chiến lược phát triển Học viện" thuộc Đề án "Chiến lược phát triển Học viện CS và PT đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045" [H1.02.02.01], Quyết định số 967a ngày 13/11/2020 thành lập Tổ giúp việc soạn thảo các quy định, quy chế thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng Học viện [H1.02.02.03]. Sau khi xây dựng dự thảo,

gửi lấy ý kiến các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, các Ban soạn thảo đã chỉnh sửa hoàn thiện các dự thảo này. Trên cơ sở, Giám đốc Học viện đã trình Hội đồng Học viện nội dung của các dự thảo này [H1.02.02.01]. Sau khi nghiên cứu, thảo luận, ngày 02/11/2021, Hội đồng Học viện đã chính thức thông qua Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển, Quy chế Thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển, Quy chế Tài chính của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.02.03.01]. Những quy chế này là khung pháp lý quan trọng để triển khai các hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển.

Ngoài ra, các tổ chức như Công đoàn Học viện, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của Học viện đều có chương trình công tác theo nhiệm kỳ và ban hành các kế hoạch công năm, công tác chuyên đề, các hướng dẫn triển khai công tác chuyên môn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Để đảm bảo hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển được tiến hành hiệu quả, công tác rà soát về cơ cấu tổ chức, nhân sự, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản trị được quan tâm, chú trọng.

Đảng bộ Học viện Chính sách và Phát triển, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã triển khai các hoạt động như ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ các đảng ủy viên. Định kỳ hàng năm, Đảng bộ Học viện có báo cáo tổng kết, kiểm điểm, đánh giá đối với tập thể và phân loại, đánh giá đối với các đảng ủy viên. Việc rà soát này nhằm mục đích củng cố, nâng cao hoạt động của Đảng bộ Học viện.

Hội đồng Học viện nhiệm kỳ 2020 - 2025 sau khi được thành lập đã tích cực triển khai nhiều hoạt động nhằm cụ thể các quy định của pháp luật trở thành quy định khung của Học viện. Bên cạnh đó, Hội đồng Học viện cũng khẩn trương rà soát để trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công nhận khi có sự biến động về nhân sự. Hội đồng Học viện hoạt động theo chế độ kỳ họp, định kỳ 3 tháng/lần và họp đột xuất theo triệu tập của Chủ tịch Hội đồng Học viện khi phát sinh những công việc thuộc thẩm quyền cần giải quyết [H1.02.03.03]. Ngoài ra, để đảm bảo hoạt động của Hội đồng Học viện được diễn ra thông suốt, giải quyết nhanh chóng các vấn đề, ngày 31/3/2021, Hội đồng Học viện đã ban hành Nghị quyết số 14/NQ-HĐHV thành lập Thường trực Hội đồng Học viện [H1.02.03.03]. Hàng năm, Hội đồng Học viện tiến hành phiên họp để đánh giá hoạt động của Học viện, đánh giá những vấn đề còn hạn chế, cơ hội và thách thức mới để làm căn cứ đưa ra các quyết nghị phù hợp. Chủ tịch Hội đồng Học viện và các thành viên Hội đồng Học viện được đánh giá theo nhiệm kỳ và định kỳ hàng năm theo quy định của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Học viện .

Với vai trò là cơ quan điều hành, Ban Giám đốc Học viện chỉ đạo sát sao toàn bộ hoạt động của Học viện theo nghị quyết của Đảng bộ, Hội đồng Học viện. Hoạt động của Ban Giám đốc được thể hiện trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện. Ngoài ra, để phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động, cũng như vai trò, trách nhiệm của mỗi thành viên, Ban Giám đốc Học viện định kỳ rà soát Phân công nhiệm vụ của các thành viên, đặc biệt khi có sự thay đổi về nhân sự của Ban Giám đốc Học viện. Khi có thêm một Phó Giám đốc, Giám đốc Học viện đã tiến hành rà soát Phân công nhiệm vụ, trên cơ sở đó đã ban hành Quyết định số 655/QĐ-HVCSPT về Phân công nhiệm vụ của Ban Giám đốc Học viện, thay thế Quyết định 828/QĐ-HVCSPT [H1.02.03.03].

Bên cạnh đó, hoạt động của Công đoàn Học viện cũng thường xuyên được rà soát nhằm kịp thời thay thế nhân sự thuộc Ban Chấp hành khi có nhân sự chuyển công tác khỏi Học viện. Hoạt động được thực hiện trên cơ sở mục tiêu nâng cao hoạt động của Công đoàn Học viện, Công đoàn cơ sở, qua đó quan tâm tốt hơn tới đời sống của đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động của Học viện.

Ngoài ra, để tạo dựng khung khổ pháp lý cho hoạt động quản trị, điều hành hiệu quả, đáp ứng linh hoạt khi có sự thay đổi trong văn bản pháp luật của Nhà nước, văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Học viện giao cho các đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm trong việc cập nhật các văn bản mới và đề xuất với Lãnh đạo Học viện về sự cần thiết sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản nội bộ mới trong hoạt động của Học viện. Hoạt động rà soát này gắn liền với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chuyên môn như Phòng Tổ chức – Hành chính chịu trách nhiệm rà soát các văn bản quy định về chế độ quyền lợi, chính sách đối với đội ngũ viên chức, người lao động; Phòng Quản lý đào tạo rà soát các văn bản quy định về công tác tuyển sinh, công tác đào tạo; Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác rà soát các văn bản quy định về hoạt động khoa học và công nghệ đối với đội ngũ giảng viên,...

Như vậy, có thể thấy rằng, hệ thống quản trị của Học viện thường xuyên được quan tâm rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo sự phù hợp với những thay đổi của tình hình mới của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng bộ, Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc, Công đoàn Học viện, bên cạnh việc thường xuyên rà soát, chỉnh sửa, bổ sung về cơ cấu, nhân sự, việc cải tiến hệ thống quản trị của Học viện để tăng hiệu quả hoạt động và quản trị rủi ro tốt hơn được đặc biệt quan tâm chú trọng.

Hệ thống quản trị của Học viện có sự thay đổi lớn về cách thức vận hành khi có sự ra đời của Hội đồng Học viện kể từ năm 2020. Đây được coi là bước ngoặt lớn trong sự phát triển của Học viện. Với vai trò là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bên có liên quan tại Học viện, Hội đồng Học viện sau khi được thành lập tích cực cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động. Trước tiên, Hội đồng Học viện tập trung nguồn lực để xây dựng, ban hành các Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện, của Hội đồng Học viện tạo thành khung pháp lý cho mọi hoạt động. Sau đó, để nâng cao khả năng giải quyết các công việc cấp bách, đột xuất trong thời gian Hội đồng Học viện không họp, ngày 03/02/2021, Hội đồng Học viện đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐHVCSPT thành lập Thường trực Hội đồng Học viện [**H1.02.03.01**]. Thường trực Hội đồng gồm có các thành viên của Hội đồng Học viện, là cán bộ, giảng viên cơ hữu của Học viện, qua đó đảm bảo có thể đưa ra quyết định nhanh chóng về những vụ việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Học viện.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị hướng tới ngăn ngừa rủi ro trong công tác quản lý, điều hành, Học viện chú trọng đặc biệt tới nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý theo hệ thống văn bản pháp luật được ban hành mới.

Đối với quy định về nhiệm vụ, định mức của đội ngũ giảng viên, ngay khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT, Giám đốc Học viện đã ban hành Quyết định số 1360/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2022 quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu Học viện, Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021 ban hành quy chế về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện [**H1.02.04.04**].

Bên cạnh đó, để quản trị rủi ro trong toàn bộ hoạt động của Học viện, Hội đồng Học viện thông qua Chương trình thực hiện chức năng giám sát của Hội đồng Học viện trong năm học 2021-2022. [**H1.02.04.07**].

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy lãnh đạo, quản lý, điều hành của Học viện, Đảng bộ, Hội đồng Học viện và Ban Giám đốc quan tâm đặc biệt tới công tác về nhân sự, trong đó chú trọng tới việc nâng cao trình độ của đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Khi ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện, những tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng Học viện, Giám đốc, Phó Giám đốc được đặc biệt quan tâm và trở thành điều kiện tiên quyết trong công tác quy hoạch và bổ nhiệm.

Đồng thời để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, Học viện chủ động trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Hàng năm, Học viện chủ động trong triển khai cho đội ngũ viên chức, người lao động đăng ký tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức như rà soát danh sách cán bộ quy hoạch cấp vụ đề xuất học lớp bồi dưỡng Cao cấp lý luận chính trị, Giảng viên chính, Chuyên viên chính, Chuyên viên cao cấp và chủ động mở các khóa đào tạo, bồi

dưỡng với các chương trình phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Học viện như khóa đào tạo về trình độ trung cấp lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp đơn vị thuộc Học viện [H1.02.04.08].

Những nội dung về việc cải tiến hệ thống quản trị, bộ máy lãnh đạo, quản lý, điều hành của Học viện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và ngăn ngừa rủi ro được thể hiện trong các báo cáo công tác quý, báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tại Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Hệ thống quản trị của Học viện được tổ chức và thực hiện đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của Đảng, các quy định pháp luật hiện hành, thể hiện sự đồng bộ, hiệu quả, linh hoạt.

- Đảng ủy, Hội đồng và Ban Giám đốc Học viện đã phát huy vai trò trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của hệ thống quản trị tại Học viện. Các chủ trương, chính sách của Đảng bộ được thể hiện hóa trong các nghị quyết của Hội đồng Học viện và được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả trong công tác điều hành của Ban Giám đốc.

- Hệ thống quản trị tại Học viện thường xuyên được rà soát, bổ sung, hoàn thiện về cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ đảm bảo phản ánh kịp thời những thay đổi trong quy định của pháp luật và yêu cầu của thực tiễn.

- Hệ thống quản trị tại Học viện có sự phân công, phân định về thẩm quyền và phối hợp hiệu quả trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành mọi mặt, mọi hoạt động của Học viện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Hệ thống quản trị với vai trò của Hội đồng Học viện, đại diện cho cơ quan quản lý cấp trên tại Học viện là mô hình quản trị mới, lần đầu tiên được áp dụng tại Học viện từ năm 2020 trở lại đây vì vậy trong công tác đôi khi còn lúng túng trong phân cấp cũng như trong việc phối hợp giữa các bộ phận trong công tác quản lý, điều hành.

- Các quy định khung về tổ chức hoạt động của Học viện, của Hội đồng Học viện được ban hành chậm do chờ văn bản hướng dẫn các quy định cụ thể của Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018, Nghị định số 99/2019/MĐ-CP, văn bản của cơ quan quản lý cấp trên nên ảnh hưởng phần nào tới việc triển khai các hoạt động của Học viện.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường tìm hiểu các quy định pháp luật hiện	Hội đồng Học viện,	Trong năm 2023-2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Ghi chú
		hành và học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm từ các cơ sở giáo dục đại học khác	Ban Giám đốc Học viện		
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng kế hoạch triển khai đến các đơn vị quán triệt, phổ biến nội dung của các quy định khung của Học viện tới từng viên chức, người lao động của các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện	Phòng Tổ chức – Hành chính đầu mối	Trong năm 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 1, 2, 3	Tiếp tục kiện toàn nhân sự, bộ máy tổ chức cho phù hợp với yêu cầu của Học viện	Hội đồng Học viện	Trong năm 2023-2024	
4	Phát huy điểm mạnh 4	Tăng cường rà soát, ban hành các quy định, quy chế phối hợp nhằm đáp ứng yêu cầu của Học viện	Hội đồng Học viện	Trong năm 2023-2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 2	4,5
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	4
Tiêu chí 2.4	4

TIÊU CHUẨN 3. LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Với tư cách là một cơ sở giáo dục đại học, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ cấu quản lý của Học viện Chính sách và Phát triển được tổ chức theo các quy định của Luật Giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2018, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định cụ thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hiện nay, cơ cấu tổ chức, quản lý của Học viện Chính sách và Phát triển được quy định trong Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT [H1.03.01.01] và cụ thể hóa trong các văn bản do Học viện Chính sách và Phát triển ban hành. Theo đó, cơ cấu gồm Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học

viện (Giám đốc và các Phó Giám đốc), Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các khoa, viện, các phòng chức năng và trung tâm, các đơn vị hỗ trợ đào tạo và sự nghiệp có thu, cụ thể như sau:

- Hội đồng Học viện;
- Ban Giám đốc Học viện: Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
- Phòng chức năng và Trung tâm: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

- Khoa, Viện: Khoa Kinh tế số, Khoa Cơ bản, Viện Chính sách công, Khoa Kinh tế phát triển, Khoa Tài chính - Đầu tư, Khoa Kinh tế quốc tế, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Luật Kinh tế, Khoa Kinh tế, Khoa Kế toán - Kiểm toán

- Trung tâm và Cơ sở đào tạo: Trung tâm Bồi dưỡng tư vấn và phân biện chính sách, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông.

Mô hình tổ chức hiện nay của Học viện Chính sách và Phát triển phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học và các văn bản pháp luật có liên quan về mô hình hoạt động của cơ sở giáo dục đại học nói riêng, của đơn vị sự nghiệp công lập nói chung. Mô hình này vừa đảm bảo sự linh hoạt, gọn nhẹ, vừa đảm bảo cho mọi hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển được cụ thể hóa, triển khai đến các đơn vị chuyên môn, từ đó, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được đặt ra trong Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2015 – 2020; Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [H1.03.01.02].

Cụ thể hóa mô hình quản lý của Học viện Chính sách và Phát triển trong các quyết định trên, Hội đồng Học viện đã ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.03.02.02] quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của từng bộ phận. Đồng thời, đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện Chính sách và Phát triển, Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển đã ban hành các Quyết định quy định cụ thể về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị. Nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật mới ban hành như Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học năm 2018, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP và các nghị quyết của Hội đồng Học viện về việc ban hành các quy chế khung của Học viện Chính sách và Phát triển, Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển đã ban hành quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện Chính sách và Phát triển [H1.03.01.01].

Những quy định này được xây dựng, ban hành trên nguyên tắc chung là cụ thể hóa các quy định của pháp luật vào cơ cấu quản lý của Học viện Chính sách và Phát triển

hướng tới mục đích đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Học viện Chính sách và Phát triển.

Ban Giám đốc Học viện là cơ quan điều hành cao nhất của Học viện Chính sách và Phát triển. Ban Giám đốc gồm Giám đốc Học viện và các Phó Giám đốc Học viện [H1.03.01.01]. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Ban Giám đốc Học viện được quy định cụ thể trong Quy chế của Học viện. Ban Giám đốc Học viện thể hiện vai trò điều hành đối với mọi hoạt động của Học viện. Trong công tác xây dựng Chiến lược phát triển Học viện cũng như thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Học viện, Ban Giám đốc Học viện đứng đầu là vai trò của Giám đốc Học viện được thể hiện trong việc rà soát, đánh giá thành công, tồn tại, hạn chế của Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2016 - 2020 [H1.03.01.02], thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [H1.03.01.04], chủ trì các cuộc họp [H1.03.02.02] với các bên có liên quan, tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm [H1.03.01.05] để lắng nghe ý kiến của các chuyên gia, đội ngũ cán bộ, viên chức của Học viện, trên cơ sở đó tổng hợp, hoàn thiện, trình Hội đồng Học viện [H1.03.02.02] thông qua.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo được thành lập theo nhiệm kỳ 5 năm [H1.03.01.06], bao gồm các thành viên là Giám đốc Học viện; các Phó Giám đốc Học viện phụ trách đào tạo, nghiên cứu khoa học; Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế, trưởng các khoa chuyên ngành và các nhà khoa học có uy tín trong và ngoài Học viện đại diện cho các ngành đào tạo tại Học viện. Hội đồng Khoa học và Đào tạo có nhiệm vụ tư vấn cho Giám đốc Học viện về Quy chế, quy định về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên; Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện; Đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các chương trình đào tạo; định hướng phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ...

Các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện cùng với đội ngũ viên chức, người lao động của đơn vị có vai trò và trách nhiệm trực tiếp trong việc hiện thực hóa tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Học viện vào hoạt động của đơn vị, cũng như hoạt động của mỗi cá nhân. Đồng thời các đơn vị cũng lan tỏa các giá trị này tới người học, gia đình và cộng đồng.

Đối với đội ngũ viên chức và người lao động của Học viện, chức trách, nhiệm vụ của mỗi cá nhân, mỗi vị trí được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với chức danh nghề nghiệp cá nhân được bổ nhiệm, nhiệm vụ, công việc trong hợp đồng lao động và được thể hiện hóa trong Bản mô tả vị trí việc làm [H1.03.01.01] do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt đối với Học viện Chính sách và Phát triển. Sự phối hợp giữa các đơn vị, giữa đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động trong Học viện Chính sách và

Phát triển, cũng như quy trình, thủ tục trình, tham mưu, ban hành, ra quyết định của Lãnh đạo Học viện được thể hiện trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.03.02.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Quá trình xây dựng Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Lãnh đạo Học viện Chính sách và Phát triển đã tham gia tích cực, hiệu quả vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Học viện Chính sách và Phát triển.

Cụ thể, Phó Giám đốc Học viện trực tiếp tham gia với tư cách Tổ trưởng Tổ biên tập soạn thảo chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển [H1.03.02.02]. Đồng thời, trong quá trình xây dựng, Phó Giám đốc Học viện luôn chú ý tới việc thông tin đến các đơn vị, đội ngũ viên chức, người lao động của Học viện, qua đó góp phần định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Học viện Chính sách và Phát triển, tạo sự đồng thuận, đoàn kết từ quá trình xây dựng tới thực hiện.

Để mọi người nắm rõ sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược phát triển của Học viện Chính sách và Phát triển, tạo thành động lực để cùng phấn đấu thực hiện, Ban lãnh đạo Học viện Chính sách và Phát triển đã triển khai nhiều hoạt động đa dạng về hình thức để kết nối, tuyên truyền đến các đơn vị, đội ngũ viên chức, người lao động của Học viện. Trong các cuộc họp tháng, quý, tổng kết năm học có sự tham gia của đội ngũ lãnh đạo, quản lý các đơn vị hoặc hội nghị cán bộ, viên chức [H1.03.02.04] với sự tham gia của toàn thể cán bộ, viên chức của Học viện Chính sách và Phát triển, thông qua những bài phát biểu, những báo cáo tổng kết, Lãnh đạo Học viện định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.03.02.02].

Đối với đội ngũ viên chức, người lao động trong Học viện, những mục tiêu về sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi trong Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển không chỉ là câu khẩu hiệu để nói, mà đã trở thành hành động thực tế của mỗi cá nhân, từ đó lan tỏa tới các khóa sinh viên, gia đình và xã hội. Đến nay, tất cả đội ngũ viên chức, người lao động của Học viện Chính sách và Phát triển đều nắm rõ, sứ mạng mà Học viện hướng tới là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, quản trị, luật và chính sách phát triển, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế, nghiên cứu khoa học, chuyên giao tri thức, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành kế hoạch đầu tư và của đất nước [H1.03.02.02]. Tầm nhìn đến năm 2045, Học viện trở thành đại học định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm

các trường hàng đầu tại Việt Nam, có uy tín trong khu vực và quốc tế; tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Việc tuyên truyền được thực hiện không chỉ thông qua vai trò của đơn vị chuyên môn là Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông, sứ mệnh tuyên truyền về tầm nhìn, văn hóa, các giá trị cốt lõi của Học viện Chính sách và Phát triển được trao cho mỗi viên chức, người lao động của Học viện Chính sách và Phát triển còn được thông qua các kênh truyền thông chính thức như website, fanpage của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.03.02.04]. Các nội dung về tầm nhìn, văn hóa, các giá trị cốt lõi của Học viện Chính sách và Phát triển được đẩy mạnh thông qua các hoạt động thường niên của Học viện Chính sách và Phát triển như Chào tân sinh viên, các chương trình chính trị đầu khóa, hội chợ việc làm, định hướng tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp [H1.03.02.04].

Như vậy, các hoạt động tuyên truyền của lãnh đạo Học viện Chính sách và Phát triển mang tính định hướng cao về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện tới các đơn vị trong và ngoài Học viện, tới đội ngũ viên chức, người lao động thuộc Học viện, tới doanh nghiệp và người sử dụng lao động.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, Học viện Chính sách và Phát triển chú trọng đặc biệt tới việc rà soát thường xuyên cơ cấu lãnh đạo và quản lý thuộc Học viện Chính sách và Phát triển.

Trong nhiệm kỳ 2020-2025, Đảng ủy, Hội đồng học viện Học viện Chính sách và Phát triển đã tiến hành kiện toàn nhân sự Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Học viện, thành viên Hội đồng Học viện, qua đó đảm bảo hoạt động của Đảng ủy, Hội đồng học viện Học viện Chính sách và Phát triển liên tục, thông suốt.

Hàng năm, căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư [H1.03.03.01], tập thể lãnh đạo Học viện tiến hành rà soát, bổ sung đối với quy hoạch các chức vụ thuộc diện Ban cán sự đảng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý. Việc rà soát này nhằm mục đích đưa ra khỏi quy hoạch đối với các trường hợp không còn đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí được phê duyệt, đồng thời bổ sung các trường hợp cần thiết đưa vào quy hoạch. Trên cơ sở kết quả rà soát báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định công nhận [H1.03.03.02].

Quy trình, thủ tục rà soát, bổ sung quy hoạch diễn ra theo các bước sau đây:

Bảng 3.1. Quy trình, thủ tục rà soát, bổ sung quy hoạch Học viện

Bước	Nội dung công việc	Thành phần	Kết quả
1	Rà soát quy hoạch: 1. Đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch những trường hợp không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện. 2. Dự kiến phương án nhân sự bổ sung vào quy hoạch.	Hội nghị tập thể lãnh đạo: Liên tịch Ban lãnh đạo và cấp ủy Học viện.	1. Bỏ phiếu đề nghị đưa ra khỏi quy hoạch những trường hợp không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện. Những trường hợp có trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý thì đưa ra khỏi danh sách quy hoạch 2. Cho ý kiến danh sách đề nghị bổ sung quy hoạch đưa ra bỏ phiếu tại Hội nghị cán bộ chủ chốt.
2	Tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt bỏ phiếu danh sách đề nghị bổ sung vào quy hoạch.	- Ban lãnh đạo Học viện; - Cấp ủy Học viện; - Trưởng, phó phòng và tương đương; - Ban chấp hành Công đoàn Học viện; - Ban chấp hành Đoàn TNCSHCM Học viện.	Trên cơ sở kết quả bỏ phiếu, tập thể lãnh đạo xem xét, thống nhất danh sách nhân sự trước khi đưa ra bỏ phiếu tại Hội nghị lãnh đạo mở rộng.
3	Tổ chức Hội nghị lãnh đạo mở rộng bỏ phiếu danh sách đề nghị bổ sung vào quy hoạch.	- Ban lãnh đạo Học viện; - Cấp ủy Học viện; - Trưởng phòng và tương đương;	
4	Thống nhất danh sách và bỏ phiếu giới thiệu nhân sự bổ sung vào quy hoạch.	Hội nghị tập thể lãnh đạo: Liên tịch Ban lãnh đạo và cấp ủy Học viện.	Những trường hợp được trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý bổ sung vào quy hoạch (đảm bảo cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, lấy từ cao xuống thấp) thì đưa vào danh sách bổ sung vào quy hoạch trình Giám đốc Học viện phê duyệt.
5	Phê duyệt quy hoạch	Phòng Tổ chức - Hành chính lập Danh sách rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo cấp Phòng trình Giám đốc Học viện phê duyệt.	Sau khi Giám đốc Học viện phê duyệt, Phòng Tổ chức - Hành chính gửi danh sách này tới Ban lãnh đạo và cấp ủy Học viện, đơn vị và cán bộ có tên trong danh sách.

Thông qua công tác rà soát này, Học viện hướng tới việc đảm bảo đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị luôn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo pháp luật, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi được tổ chức phân công, bổ nhiệm.

Thực hiện quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cuối các năm học, Học viện có công văn thông báo triển khai hoạt động đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động [H1.03.03.03]. Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học và các tiêu chí, điều kiện chung, Hội đồng Học viện đánh giá và báo cáo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định mức xếp loại chất lượng viên chức đối với Chủ tịch Hội đồng và Giám đốc Học viện; đưa ra quyết định về mức xếp loại và thông báo cho Phó Giám đốc Học viện biết [H1.03.03.03]; Giám đốc Học viện quyết định và thông báo kết quả đánh giá, xếp loại cho viên chức, người lao động biết theo thẩm quyền [H1.03.03.04].

Để thực hiện việc phân công công việc cho đội ngũ viên chức, người lao động trong các đơn vị tại trụ sở Học viện, Học viện xây dựng 36 vị trí việc làm trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt trong Quyết định số 1545/QĐ-BKHĐT ngày 09/11/2021 [H1.03.01.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn

Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành hướng tới việc đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong Chiến lược phát triển Học viện [H1.03.01.02], việc rà soát, cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý được Học viện đặc biệt chú trọng. Hoạt động này được tiến hành đồng bộ, xuyên suốt từ công tác chỉ đạo của Đảng ủy Học viện tới chủ trương, chính sách được Hội đồng học viện thống nhất và công tác thực hiện của Ban Giám đốc Học viện.

Cơ cấu của Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2020-2025 được trẻ hóa hơn so với nhiệm kỳ trước đó nhưng vẫn đảm bảo nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo của Đảng đối với mọi mặt, mọi hoạt động của Học viện đã thực hiện nhất quán chủ trương của Ban chấp hành trung ương “Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng trường” thể hiện vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, thể hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, tập thể lãnh đạo. Đây được xem là thay đổi lớn trong cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Học viện so với giai đoạn trước.

Từ giai đoạn năm 2021 trở lại đây, với sự thành lập của Hội đồng Học viện [H1.03.04.02], công tác quản trị và hoạch định chính sách được đẩy mạnh. Bên cạnh việc hoàn thiện nhân sự của Hội đồng học viện khi có sự thay đổi, việc xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng học viện được chú trọng [H1.03.04.01]. Kể từ thời điểm được công nhận ngày 28/9/2020, Hội đồng học viện đã thành lập Thường trực Hội đồng học viện và

các ban chuyên môn của Hội đồng học viện [H1.03.04.02] để giải quyết các công việc cấp bách, đột xuất trong thời gian Hội đồng Học viện không họp, thành lập Tổ giúp việc để thực hiện các công việc chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ cũng như các nhiệm vụ khác được Hội đồng học viện giao.

Bên cạnh công tác nhân sự trong hoạt động quản lý, điều hành, cơ cấu tổ chức của các đơn vị được Học viện thường xuyên rà soát, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hướng tới các mục tiêu được đặt ra trong Chiến lược phát triển Học viện [H1.03.01.02]. Trong giai đoạn từ năm 2018 tới nay, Học viện đã có thêm Khoa Tài chính - Đầu tư trên cơ sở sáp nhập chuyên ngành Đầu tư của khoa Đầu tư vào khoa Tài chính - Tiền tệ [H1.03.04.01], thành lập Viện Đào tạo quốc tế trên cơ sở nâng cấp khoa Đào tạo quốc tế [H1.03.04.01]; Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn phát triển trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Bồi dưỡng và tư vấn phát triển [H1.03.04.01]. Những thay đổi này hướng tới mục tiêu phát triển Học viện đa ngành theo nhu cầu của xã hội bên cạnh các ngành đào tạo truyền thống như Chính sách công, quản trị kinh doanh.

Trong công tác điều hành của Ban Giám đốc Học viện, việc bổ sung nhân sự đảm bảo sự tiếp nối, kế thừa của Ban Giám đốc Học viện được quan tâm. Năm 2021, sau khi được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt chủ trương, Học viện đã tiến hành các thủ tục theo quy định, và trình Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc Học viện [H1.03.04.04].

Những thay đổi về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được Học viện tiến hành đồng thời với công tác rà soát, cải tiến, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị [H1.03.04.04]. Những quyết định bổ nhiệm này được thực hiện theo nhu cầu về nhân sự quản lý của đơn vị trong đó phản ánh khách quan hiệu quả trong công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý thuộc diện Giám đốc Học viện quản lý được thực hiện hàng năm [H1.03.04.04].

Theo thống kê, tính đến ngày 31/7/2023, cơ cấu viên chức, người lao động của Học viện như sau:

Bảng 3.2. Cơ cấu viên chức, người lao động của Học viện

TT	Tên đơn vị	Tổng số CB, VC	Cơ cấu trình độ CB, VC				
			GS, PGS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Trình độ khác
I	Toàn Học viện	169	5	41	87	32	5
II	Phân theo khối						
1	Khối giảng dạy	99	5	41	53		0
2	Khối Quản lý, phục vụ	70	0	0	34	32	4

Nguồn: Thống kê của Phòng Tổ chức – Hành chính

Về công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động viên chức quản lý nhận được sự quan tâm đặc biệt của Lãnh đạo Học viện, bởi đây được xác định là nòng cốt cho mọi hoạt động của Học viện; công tác cán bộ được làm tốt thì mọi hoạt động của Học viện sẽ gặp nhiều thuận lợi. Theo thống kê, số lượng viên chức quản lý được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động trong giai đoạn từ năm 2018 đến tháng 7/2023 như sau:

Bảng 3.3. Thống kê số lượng viên chức quản lý được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động trong giai đoạn năm 2018 - 2022 của Học viện

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Số lượng viên chức quản lý được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động	15	3	8	2	4	

Nguồn: Thống kê của Phòng Tổ chức – Hành chính

Có thể nói, với cơ cấu hiện tại của đội ngũ viên chức quản lý, đặc biệt là tỷ lệ viên chức quản lý có trình độ chuyên môn cao, học hàm, học vị giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ có xu hướng tăng lên trong thời gian gần đây góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành mọi mặt của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Cơ cấu lãnh đạo, quản lý của Học viện được chú trọng đặc biệt, thường xuyên được rà soát, bổ sung, hoàn thiện theo quy định của pháp luật và đáp ứng tốt yêu cầu công tác nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu được đặt ra trong Chiến lược phát triển Học viện.

- Công tác rà soát, bổ sung quy hoạch lãnh đạo, quản lý được Học viện tiến hành thường niên trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đảm bảo đưa ra khỏi quy hoạch đối với những người không có sự cố gắng, nỗ lực, không còn đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí được phê duyệt quy hoạch, đồng thời kịp thời bổ sung vào quy hoạch đối với những cá nhân có nhiều cố gắng, nỗ lực, tiến bộ trong thực hiện nhiệm vụ được giao vì sự tiến bộ, phát triển chung của Học viện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Học viện thường xuyên được rà soát, bổ sung và cải tiến, tuy nhiên trong nhiều trường hợp do vướng mắc về quy chế và hướng dẫn của cơ quan quản lý nên hoạt động này có thời điểm chưa được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn	Tích cực, chủ động trong công tác rà		Năm học

	tại	soát, bổ sung quy hoạch nhân sự lãnh đạo các đơn vị, đảm bảo bám sát tình hình thực tế tại Học viện	Phòng Tổ chức - Hành chính	2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên rà soát bổ sung, hoàn thiện theo quy định của pháp luật	Phòng Tổ chức - Hành chính	Năm học 2023-2024
3	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên rà soát, đưa ra khỏi quy hoạch đối với những người không có sự cố gắng, nỗ lực, không còn đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí được phê duyệt quy hoạch, đồng thời kịp thời bổ sung vào quy hoạch đối với những cá nhân có nhiều cố gắng, nỗ lực	Phòng Tổ chức - Hành chính	Năm học 2023-2024, 2024-2025

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 3	5
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	5

TIÊU CHUẨN 4. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được đặt ra trong Chiến lược phát triển Học viện từng giai đoạn, Học viện luôn chú trọng tới công tác lập kế hoạch chiến lược.

Chiến lược phát triển Học viện trong giai đoạn từ 2023 đến 2045 được phê duyệt tại Quyết định số 1822/QĐ-BKHĐT ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong giai đoạn này, Học viện xác định:

* **Tầm nhìn của Học viện đến năm 2045:** Học viện trở thành đại học định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm

các trường hàng đầu ở Việt Nam, có uy tín trong khu vực và quốc tế; tiên phong trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

* **Sứ mệnh của Học viện:** Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, quản trị, luật và chính sách phát triển; có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế; nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách theo yêu cầu phát triển của ngành Kế hoạch và Đầu tư và của đất nước.

* **Giá trị cốt lõi của Học viện:** “*Chất lượng - Trí tuệ - Phát triển*”

* **Triết lý giáo dục của Học viện:** Giáo dục toàn diện – Đổi mới sáng tạo – Phụng sự xã hội.

Để đạt được sứ mệnh, tầm nhìn, các mục tiêu này, Học viện xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược, trong đó xác định cụ thể về hoạt động chính cần thực hiện, trách nhiệm triển khai, tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, sản phẩm minh chứng, nguồn tài chính. Những nội dung kế hoạch này được lập đảm bảo tính khả thi trong việc thực hiện trên thực tế.

Quá trình xây dựng Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tập thể lãnh đạo đặc biệt quan tâm tới việc lập kế hoạch để đạt được sứ mệnh, tầm nhìn, các mục tiêu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Kế hoạch này được xây dựng trên cơ sở có sự kế thừa, phát huy những kết quả đã được, hạn chế các điểm tồn tại của việc thực hiện Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2016-2020 [H1.04.01.01].

Những nội dung này được thể hiện ngay từ việc thành lập Tổ biên soạn Chiến lược phát triển Học viện [H1.04.04.03]. giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong tổng thể kế hoạch xây dựng chiến lược [H1.04.04.03]. Trong các kế hoạch xây dựng chiến lược ngày 19/3/2021 và ngày 17/6/2021 [H1.04.02.02], kế hoạch xây dựng chiến lược được quy định cụ thể cho mỗi thành viên, mỗi nhóm phụ trách với các mốc thời gian hoàn thành cụ thể. Bên cạnh đó, việc xây dựng kế hoạch chiến lược của Học viện nhận được nhiều sự quan tâm, đóng góp ý kiến của các đơn vị qua đầu mối là phòng Tổ chức - Hành chính [H1.04.04.01]. Đặc biệt, ngày 10/12/2021 với việc tổ chức Tọa đàm về chủ đề xây dựng Chiến lược của Học viện đã có sự tham gia đóng góp ý kiến của nhiều chuyên gia trong và ngoài Học viện [H1.04.04.01], trong đó có cả các đồng chí là lãnh đạo của các Vụ Tổ chức cán bộ, Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

Trên cơ sở phân tích bối cảnh và dự báo về tình hình phát triển, Học viện xác định khung chiến lược, tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược cụ thể. Theo đó, giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Học viện xác định:

Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, quản trị, luật và chính sách phát triển; có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế; nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành kế hoạch và đầu tư và của đất nước [H1.04.04.04].

Để thực hiện mục tiêu này, Học viện xác định trách nhiệm chính được thực hiện bởi Ban Giám đốc, Phòng Quản lý Đào tạo, các Khoa chuyên ngành và các đơn vị chức năng; cùng với sự phối hợp của toàn thể giảng viên, cán bộ nhân viên trong toàn Học viện [H1.04.04.04].

Mục tiêu về hoạt động nghiên cứu khoa học: Đa dạng hóa các hoạt động, lĩnh vực, sản phẩm và đối tác trong hoạt động khoa học công nghệ; Tiên phong thực hiện các nghiên cứu, báo cáo có tầm ảnh hưởng, tạo dấu ấn, thương hiệu của Học viện; Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, phản biện chính sách; Phát triển quan hệ với đối tác trong và ngoài nước trong hoạt động khoa học công nghệ; Đa dạng loại hình, gia tăng số lượng, nâng cao chất lượng các hoạt động và sản phẩm khoa học công nghệ trong cán bộ, giảng viên và người học: Quy mô cán bộ, giảng viên trên 300 người, trong đó từ 50%-55% giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ; hàng năm có từ 10%-15% giảng viên có bài đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín; Gia tăng số lượng nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp Bộ và tương đương, các nhiệm vụ hợp tác trong khoa học công nghệ với các tổ chức trong và ngoài nước; Nâng cao tính ứng dụng của các nhiệm vụ khoa học công nghệ. [H1.04.02.03].

Để thực hiện mục tiêu này, Học viện xác định trách nhiệm chính được thực hiện bởi Ban Giám đốc, các Khoa, Viện chuyên ngành và các đơn vị chức năng; cùng với sự phối hợp của toàn thể giảng viên, cán bộ nhân viên trong toàn Học viện [H1.04.02.02].

Mục tiêu về phục vụ cộng đồng: Xã hội hóa các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đào tạo để đáp ứng tốt hơn các nhu cầu người học, nâng cao sự hài lòng của người học.

Tăng cường các hoạt động phục vụ cộng đồng, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội. Đa dạng hóa nguồn thu, nuôi dưỡng nguồn thu chính, tăng tỉ trọng thu ngoài học phí, phần đầu tăng thu từ đào tạo trực tuyến, dịch vụ đạt 5% trong tổng thu của Học viện. Đảm bảo nguồn lực tài chính chi cho các hoạt động gắn với mục tiêu chiến lược [H1.04.02.02].

Để thực hiện mục tiêu này, Học viện xác định trách nhiệm chính được thực hiện bởi Ban Giám đốc, phòng Quản lý người học, khoa Sau đại học, Viện Đào tạo quốc tế, phòng Quản trị, Trung tâm Thông tin thư viện, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, Ban Truyền thông; cùng với sự phối hợp của các khoa chuyên ngành, các bộ môn, phòng ban trực thuộc Học viện [H1.04.02.02].

Nhìn chung, trong giai đoạn 2018-2023, Học viện đã cơ bản đạt các mục tiêu cơ bản về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, xây dựng và phát huy được sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị văn hóa của Học viện. Những kết quả đã đạt được này một phần là kết quả của việc phát huy truyền thống 15 năm hình thành và phát triển của Học

viện, phát huy tinh thần đoàn kết với ý chí quyết tâm của tập thể cán bộ, viên chức, người lao động của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Thực hiện Chiến lược phát triển Học viện các giai đoạn trước đó và đặc biệt là Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Học viện xây dựng kế hoạch nhằm quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch cụ thể theo từng mốc, từng chu kỳ ngắn hạn, trung hạn đến dài hạn.

Trước tiên, Học viện xây dựng kế hoạch phổ biến chiến lược, theo đó Chiến lược được phổ biến rộng rãi đến toàn bộ cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên trong toàn Học viện và được cập nhật trên các trang thông tin chính thức của Học viện tại địa chỉ <http://apd.edu.vn>. **[H1.04.02.04]**. Việc nhận thức và thấm nhuần các nội dung của chiến lược sẽ đóng vai trò quyết định sự thành công trong việc đạt được các mục tiêu chiến lược. Bên cạnh đó, chiến lược cũng được phổ biến rộng rãi để thu hút được sự ủng hộ của các đối tượng liên quan bao gồm: cơ quan chủ quản, hội cựu sinh viên, học viên, các tổ chức và cá nhân quan tâm, các đối tác.

Đồng thời, Học viện giao Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm chính trong việc điều phối quá trình triển khai thực thi chiến lược theo 3 chức năng: lập và điều chỉnh kế hoạch, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch, đánh giá kết quả và đưa ra yêu cầu chỉnh sửa.

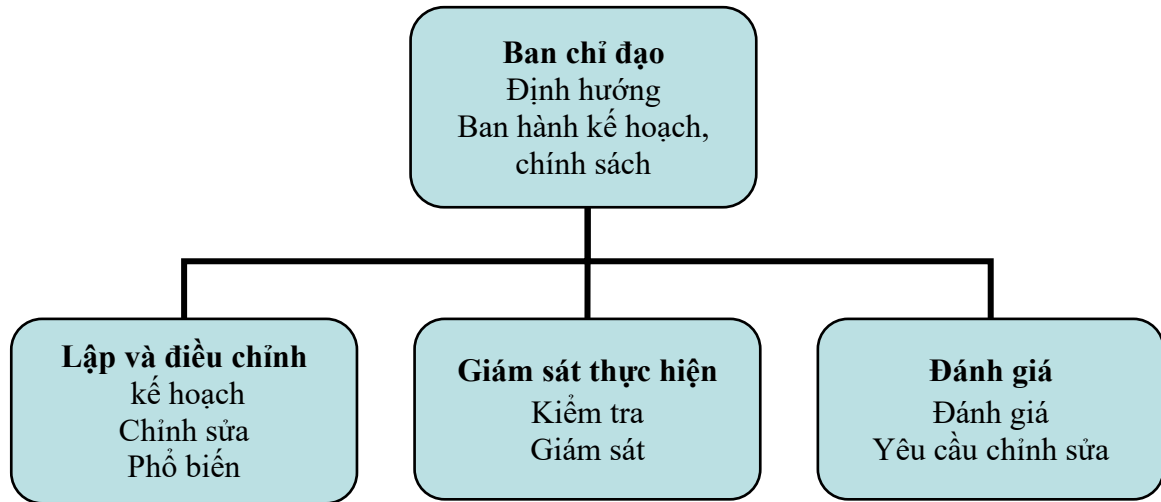
Việc tổ chức giám sát, đánh giá và điều chỉnh chiến lược được thực hiện với:

Mục đích: Giám sát và đánh giá việc thực hiện kết quả chiến lược nhằm so sánh kết quả đạt được với mục tiêu đề ra qua đó có những điều chỉnh hợp lý để các chương trình hành động ở giai đoạn tiếp theo được tiến hành hiệu quả hơn.

Tiêu chí đánh giá: Dựa vào các tiêu chí đánh giá trong phần kế hoạch hành động và có thể được điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với quy định và sự thay đổi hàng năm.

Quy trình giám sát và đánh giá: Việc giám sát và đánh giá được thực hiện hàng năm ở cấp bộ phận và theo chu kỳ 2,5 năm ở cấp Học viện. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện căn cứ mục tiêu kế hoạch hoạt động hàng năm của Học viện để cụ thể hóa thành kế hoạch của đơn vị gắn với chức năng nhiệm vụ. Việc đánh giá các kế hoạch hoạt động được thực hiện vào tháng 12 hàng năm.

Với chu kỳ từ ngắn hạn tới dài hạn, Học viện quán triệt và chuyển tải cụ thể nội dung của Chiến lược thành hành động cụ thể.



Trong ngắn hạn, kế hoạch chiến lược được quán triệt sâu sắc và chuyển tải thành hành động đến với mỗi cán bộ, viên chức, người lao động. Hoạt động này được thực hiện trước tiên trong các cuộc họp định kỳ hàng tháng của Đảng ủy Học viện. Trong các phiên họp của Đảng ủy Học viện với sự chủ trì của đồng chí Bí thư Đảng ủy, các kế hoạch hành động, kế hoạch ngắn hạn thực hiện trong từng học kỳ, trong năm học được xây dựng và giao cho bộ phận điều hành triển khai thực hiện.

Trong các phiên họp định kỳ hàng quý, Hội đồng Học viện xây dựng kế hoạch hành động cụ thể từ việc đánh giá, xây dựng nội dung của Chiến lược và các bước triển khai khi được thông qua và ghi nhận trong các Biên bản cuộc họp.

Trong công tác điều hành, Ban Giám đốc Học viện họp thường kỳ mỗi tháng và các phiên họp đột xuất theo nhu cầu công việc để xây dựng kế hoạch hàng động để thực hiện Chiến lược phát triển Học viện và ghi nhận trong các Biên bản cuộc họp.

Đối với các đơn vị chức năng, kế hoạch được xây dựng theo năm học như kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên được Phòng Tổ chức – Hành chính triển khai; kế hoạch đào tạo, giảng dạy của sinh viên được Phòng Quản lý Đào tạo triển khai; kế hoạch dự toán ngân sách được Phòng Kế hoạch - Tài chính triển khai; kế hoạch mua sắm tài sản được Trung tâm Hỗ trợ đào tạo triển khai.

Ngoài ra, các báo cáo họp giao ban hàng tháng giữa Ban Giám đốc Học viện với thủ trưởng các phòng chức năng chuyên môn trong Học viện, báo cáo sơ kết học kỳ, báo cáo tổng kết năm học của Phòng Quản lý Đào tạo về công tác quản lý đào tạo, báo cáo sơ kết của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác về hoạt động nghiên cứu khoa học (được tổng hợp từ các báo cáo của các phòng, khoa, bộ môn, đơn vị chức năng trong toàn Học viện) thể hiện rõ việc thực hiện các kế hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn của các đơn vị thuộc Học viện nói riêng và của Học viện nói chung [H1.04.02.03].

Kế hoạch chiến lược của Học viện không chỉ dừng lại ở việc xây dựng và quán triệt trong các hội nghị, các kế hoạch hành động của các đơn vị mà đã thực sự trở thành kế hoạch hành động của mỗi viên chức, người lao động tại Học viện. Kết quả đó có được từ việc mỗi viên chức, người lao động đã có sự chủ động trong việc tiếp cận, nghiên cứu nội dung của kế hoạch chiến lược được công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện, công khai trong các cuộc họp, các hội nghị của Học viện. Ở đó, mỗi cá nhân viên chức, người lao động thấy được quyền lợi và trách nhiệm của mình trong việc nắm bắt, hiểu và biến thành hành động thực tế của bản thân nhằm hiện thực hóa kế hoạch chiến lược của Học viện.

Tương tự, với Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong mỗi giai đoạn này đều xác định những mục tiêu cụ thể cần đạt được và đưa ra kế hoạch thực hiện. Bên cạnh chu kỳ dài hạn của Chiến lược phát triển Học viện, Học viện xây dựng chu kỳ dài hạn với các mục tiêu chiến lược cụ thể như định hướng hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2020 – 2025 [H1.04.01.01]. Sau khi được xây dựng, kế hoạch chiến lược được phổ biến, triển khai đến các đơn vị và trở thành kế hoạch hành động của các đơn vị. Việc phổ biến kế hoạch chiến lược được Lãnh đạo đơn vị thực hiện trong các Hội nghị tập thể lãnh đạo, Hội nghị cán bộ chủ chốt, Hội nghị tổng kết năm học, Hội nghị cán bộ, viên chức hoặc những ngày lễ lớn được tổ chức tại Học viện như Kỷ niệm ngày Thành lập Học viện (04/01 hàng năm), ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11... Bên cạnh đó, những nội dung này cũng được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện, fanpage của Học viện, bảng điện tử, bandroll trong khuôn viên của Học viện [H1.04.01.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Thực hiện Chiến lược phát triển Học viện các giai đoạn trước và Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 1822/QĐ-BKHĐT ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó xác định mục tiêu chiến lược tổng quát và mục tiêu chiến lược thành phần. Về mục tiêu chiến lược tổng quát, Học viện xác định đến năm 2030 đạt được những mục tiêu sau đây:

- Trở thành đại học thông minh, có hệ thống quản trị hiện đại và có tính quốc tế hóa cao.
- Có chất lượng, uy tín, thuộc nhóm 10 trường hàng đầu về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển tại Việt Nam.
- Quy mô đào tạo đạt từ 10.000 - 12.000 sinh viên; trong đó quy mô chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, chương trình quốc tế, chương trình đào tạo theo

định hướng nghề nghiệp chiếm 45%-50%; quy mô sau đại học 10%-12% tổng quy mô tuyển sinh hàng năm.

- Quy mô cán bộ, giảng viên trên 300 người, trong đó từ 50%-55% giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ; hàng năm có từ 10%-15% giảng viên có bài đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín.

- 100% chương trình đã có sinh viên tốt nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc gia, một số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

- Phân đầu đạt 10% chương trình đào tạo cấp bằng quốc tế trên cơ sở đẩy mạnh hợp tác quốc tế với một số trường đại học uy tín trên thế giới.

- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm sau 12 tháng đạt tỷ lệ trên 98%.

- Phân đầu trở thành một trung tâm nghiên cứu, phản biện chính sách có uy tín trong lĩnh vực chính sách phát triển, kinh tế vĩ mô, quản lý nhà nước, tài chính tiền tệ.

- Phân đầu tự đảm bảo 100% chi thường xuyên, chậm nhất vào năm 2032.

[H1.04.03.01].

Cùng với việc xây dựng các mục tiêu chiến lược tổng quát này, Chiến lược phát triển Học viện tới năm 2030 cũng đặt ra các mục tiêu chiến lược thành phần đối với hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, cung ứng các dịch vụ xã hội, kết quả tài chính.

Để đạt được các mục tiêu chiến lược tổng quát và mục tiêu chiến lược thành phần này, Học viện đã cụ thể hóa thành các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu thực hiện chính, trên cơ sở đó đo lường kết quả thực hiện.

Bên cạnh những mục tiêu chiến lược chung này, Học viện xác định những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên

a) Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có phẩm chất đạo đức và trình độ cao là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Học viện. Tuyển dụng và bố trí công việc phù hợp với năng lực chuyên môn và sở trường của cán bộ, giảng viên, đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa khối giảng viên và khối hành chính.

b) Hoàn thiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên đáp ứng yêu cầu công việc và định hướng phát triển của Học viện. Tạo môi trường học thuật sáng tạo, cởi mở; tăng cường trao đổi giảng viên với các trường đại học uy tín ở nước ngoài.

c) Có chính sách thu hút các cán bộ, giảng viên, nhà khoa học giỏi, uy tín đến công tác tại Học viện, ưu tiên tuyển dụng giảng viên có học vị tiến sĩ, ứng viên tốt nghiệp từ những trường đại học tại các nước phát triển, sinh viên và học viên tốt nghiệp xuất sắc tại Học viện.

2. Đổi mới mô hình quản trị

a) Xây dựng bộ máy quản trị phù hợp với chiến lược phát triển nhằm phát huy tối đa các nguồn lực, thế mạnh và hiệu quả quyền tự chủ của Học viện, đảm bảo trách nhiệm giải trình với các bên liên quan.

b) Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong hoạt động quản lý, hình thành mô hình đại học thông minh, đại học số, chuẩn hóa các quy trình, văn bản và dữ liệu quản lý.

c) Thực hiện lộ trình tự chủ đại học, từng bước thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình tới từng đơn vị, cá nhân trong Học viện; thực hiện lộ trình tiến tới tự đảm bảo 100% chi thường xuyên vào năm 2030 chậm nhất vào năm 2032.

d) Phát triển, nâng cấp một số đơn vị thành viện hoặc trường đào tạo, thí điểm mô hình tự chủ đối với một số đơn vị đủ điều kiện: Viện Đào tạo Quốc tế, Khoa Kinh tế quốc tế, Khoa Luật kinh tế, Khoa Quản trị Kinh doanh, Khoa Kinh tế, Khoa Tài chính - Đầu tư. Từng bước xây dựng mô hình của trường đại học hướng đến mô hình đại học (có trường đại học trong đại học).

3. Tiếp tục đổi mới hoạt động đào tạo và đảm bảo chất lượng

a) Đổi mới phương thức tuyển sinh, hoạt động đào tạo theo hướng chất lượng và hiệu quả với quy mô cơ cấu hợp lý giữa các trình độ đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

b) Tập trung phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình chuẩn quốc tế, chương trình đặc thù, chương trình liên kết; ưu tiên phát triển một số ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đáp ứng nhu cầu xã hội.

c) Thường xuyên cập nhật, đổi mới nội dung chương trình đào tạo, đảm bảo đào tạo lý thuyết gắn với thực tiễn, nâng cao khả năng thích ứng của người học trong môi trường hội nhập và chuyển đổi số.

d) Thực hiện kiểm định trong nước và quốc tế, tham gia các cơ chế công nhận văn bằng, tín chỉ quốc tế và khu vực; tích cực tham gia các chương trình đánh giá, bảng xếp hạng đại học khu vực; chủ động tham gia mạng lưới nghiên cứu và trao đổi toàn cầu.

e) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng những công nghệ giáo dục mới, thúc đẩy quá trình tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và trải nghiệm.

g) Tăng cường hợp tác trong đào tạo, trao đổi sinh viên, giảng viên với các tổ chức trong và ngoài nước.

4. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và làm chủ công nghệ

a) Đổi mới phương thức, xây dựng cơ chế khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng nghiên cứu khoa học, hoạt động tư vấn và phân biện chính sách; chú trọng gắn kết giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Đẩy mạnh công bố khoa học, nhất là công bố trên các tạp chí uy tín quốc tế. Tăng cường nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

b) Xây dựng các nhóm nghiên cứu, tập hợp các chuyên gia, nhà khoa học uy tín chuyên sâu, liên ngành về kinh tế, quản lý, chính sách phát triển thuộc thể mạnh của Học viện; tham gia các dự án, chương trình nghiên cứu cấp nhà nước, đề tài nghiên cứu, tư vấn, tham mưu chính sách phát triển kinh tế - xã hội của ngành kế hoạch và đầu tư, địa phương và quốc gia.

c) Xây dựng cơ chế để khuyến khích và hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học; hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hình thành văn hóa khởi nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo đối với sinh viên Học viện.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

a) Mở rộng và đa dạng hóa các nguồn thu. Tăng nguồn thu từ các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình quốc tế, chương trình liên kết đào tạo, chương trình đặc thù, chương trình đào tạo đã được kiểm định... Khai thác nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ, bồi dưỡng và cơ sở vật chất; chú trọng các nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân và ngân sách thông qua các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đặt hàng, đấu thầu cạnh tranh.

b) Chuẩn bị các điều kiện, từng bước thực hiện tự chủ đại học, lộ trình tự chủ tài chính từng phần, đảm bảo các nguồn lực và tăng cường cơ chế tự chủ tài chính cho các đơn vị theo mô hình phát triển của Học viện.

c) Thực hiện cải cách tiền lương và các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao thu nhập cho đội ngũ viên chức, người lao động. Thực hiện trả lương theo hiệu quả công việc và vị trí việc làm.

d) Đảm bảo cân đối thu chi, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn lực. Tăng tỷ trọng cơ cấu chi cho hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

e) Đảm bảo các chính sách xã hội, quyền lợi và công bằng cho người học, lập quỹ học bổng khuyến khích học tập, quỹ học bổng thu hút tài năng cho các sinh viên giỏi, sinh viên tài năng và sinh viên thuộc diện chính sách và đặc biệt khó khăn.

6. Hoàn thiện cơ sở vật chất

a) Tiếp tục hoàn thiện và khai thác bền vững cơ sở vật chất của Học viện.

b) Tiếp tục đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại hướng tới xây dựng đại học thông minh.

c) Xây dựng thư viện điện tử, thư viện số; tiếp tục đầu tư, nâng cấp số hóa tài liệu, giáo trình phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

d) Xây dựng các mô hình thực hành, mô hình giả lập để giảng viên và sinh viên thực hành nâng cao kỹ năng chuyên môn.

7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số

a) Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, quản lý hướng tới xây dựng mô hình đại học thông minh, đại học số.

b) Triển khai nền tảng công nghệ số phục vụ giảng dạy, đào tạo, tự học, thi, kiểm tra, khảo thí trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị của Học viện, xây dựng hệ sinh thái chuyên đổi số; phát huy khả năng tự học, nghiên cứu độc lập của người học.

c) Đẩy mạnh đầu tư và khai thác có hiệu quả thư viện số, dữ liệu số của Học viện phục vụ hoạt động quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện.

8. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế

a) Hợp tác trong nước

- Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Học viện với các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhằm tranh thủ nguồn lực, kiến thức, uy tín và kinh nghiệm của các chuyên gia.

- Hợp tác với các đơn vị trong nước, phát triển các hoạt động liên kết với các cơ sở giáo dục, cơ quan, doanh nghiệp, địa phương trong cả nước để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

b) Hợp tác quốc tế

- Tăng cường hội nhập quốc tế, thúc đẩy liên kết đào tạo; hợp tác, trao đổi về học thuật, kinh nghiệm, học liệu; phương pháp và chương trình đào tạo, nghiên cứu; trao đổi sinh viên và giảng viên với các trường đại học uy tín từ các quốc gia phát triển trên thế giới.

- Có chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hợp tác nghiên cứu và hoạt động đào tạo tại Học viện, đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Học viện. [H1.04.03.01].

Để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu trên, Học viện thiết lập các chỉ số thực hiện, chỉ tiêu phân đầu chính tương ứng như sau [H1.04.03.02]:

Bảng 4.1. Bảng các chỉ số thực hiện, chỉ tiêu phân đầu chính tương ứng của Học viện

Mục tiêu chiến lược	Chỉ số thực hiện, chỉ tiêu đo lường
Tự chủ đại học và phát triển nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng các quy chế, quy định được ban hành theo hướng tự chủ. - Các tiêu chí đánh giá từ các mảng hoạt động của Học viện. - Số lượng các đơn vị thuộc và trực thuộc - Tỷ lệ học hàm, học vị, các tỷ lệ thống kê liên quan đến chất lượng đội ngũ nhân sự - Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng, số lượng người tham dự các khóa học

Mục tiêu chiến lược	Chỉ số thực hiện, chỉ tiêu đo lường
Đảm bảo chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ chương trình đào tạo được rà soát, cải tiến để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với các tiêu chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế. - Các điều kiện đảm bảo chất lượng đối với cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo phù hợp với các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.
Hoạt động đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng chương trình đào tạo được mở mới. - Bộ chương trình đào tạo được rà soát, cải tiến để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với các tiêu chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế. - Sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo. - Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên. - Mức điểm trúng tuyển đầu vào đối với các chương trình đào tạo tại Học viện. - Tỷ lệ sinh viên có việc làm trong vòng 12 tháng từ khi ra trường.
Hoạt động khoa học và công nghệ	<p>* Tiêu chí định lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học các cấp theo từng năm; Số đề tài nghiên cứu khoa học quy đổi/1 cán bộ giảng viên - Tổng bài báo, bài kỉ yếu theo từng năm; Số bài báo/1 cán bộ giảng viên - Tổng bài báo quốc tế; Số bài báo quốc tế /1 cán bộ giảng viên - Tổng bài báo quốc tế có xếp hạng; Số bài báo quốc tế có xếp hạng/1 cán bộ giảng viên - Số giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu học tập theo từng năm - Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên triển khai hàng năm; Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên đạt giải các cấp hàng năm - Tổng thu/chi cho hoạt động khoa học và công nghệ theo từng năm; Tổng thu/chi cho hoạt động khoa học và công nghệ /tổng học phí; - Tổng thu/chi cho hoạt động khoa học và công nghệ theo từng đối tượng (giảng viên, sinh viên) theo từng năm; <p>* Tiêu chí định tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống văn bản pháp lý về khoa học và công nghệ và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện là đầy đủ, phù hợp và cập nhật - Phần mềm quản lý khoa học và công nghệ dễ sử dụng, dễ cập nhật, hiện đại - Học viện có uy tín trong giới khoa học ngành kinh tế...
Hoạt động hợp tác quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ đa dạng hóa chương trình dự án - Mức độ quốc tế hóa môi trường giáo dục tại Học viện - Chất lượng và hiệu quả của các chương trình dự án
Chuyển đổi số	<ul style="list-style-type: none"> - Khung năng lực số UNESCO (ICT Competency Framework for Teachers) - Phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Các quy định của Nhà nước về Hệ thống thông tin - OpenCourseWare Consortium - Các chuẩn thư viện mở

Mục tiêu chiến lược	Chỉ số thực hiện, chỉ tiêu đo lường
Hoạt động hỗ trợ và hoạt động cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ nhận diện thương hiệu Học viện đối với học sinh, phụ huynh - Hiện trạng cơ sở vật chất được đầu tư, nâng cấp, bổ sung hàng năm - Số lượng các nguồn học liệu tại cơ sở giữ liệu tại Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông - Số lượng các hoạt động truyền thông - Số lượng tin, bài được các cơ quan báo chí đăng tải - Số lượng các hoạt động hỗ trợ cộng đồng
Nguồn lực tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Các chỉ số tài chính cơ bản - Quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các quy định của pháp luật liên quan - Số liệu tài chính thống kê hàng năm

Có thể nhận thấy, các mục tiêu chiến lược chung cũng như 7 nhóm mục tiêu cụ thể được nêu ra trong Chiến lược phát triển Học viện đã được đo lường bằng các chỉ số cụ thể, tạo cơ sở cho việc thực hiện hiệu quả trên thực tế. Các nhóm mục tiêu chiến lược gắn với các chỉ số thực hiện, chỉ tiêu đo lường được lượng hóa tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện. Những nội dung này không những nhận được sự quan tâm của Tập thể lãnh đạo Học viện, mà còn nhận sự quan tâm đặc biệt của các đơn vị trong Học viện, đội ngũ viên chức, người lao động trong Học viện cũng như các đối tác, doanh nghiệp, người học và xã hội.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Bên cạnh việc tập trung trí tuệ của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động của Học viện vào quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển, các mục tiêu chiến lược chung, các mục tiêu chiến lược cụ thể, Học viện đặc biệt ưu tiên tới việc cải tiến, nâng cao hiệu quả, phù hợp với những thay đổi, yêu cầu của tình hình thực tiễn vào quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính để đạt được các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Lấy trọng tâm cho mọi hoạt động tập trung vào công tác đào tạo, Học viện luôn nỗ lực và chú trọng công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng thông qua công tác đánh giá ngoài, đánh giá nội bộ đồng cấp và tự đánh giá chất lượng đơn vị, đánh giá chương trình đào tạo theo các tiêu chí thuộc bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Những thành tựu đã đạt được sẽ tiếp tục là nền tảng vững chắc đưa chất lượng Học viện ngày càng phát triển. Trong năm học 2021 - 2022, Học viện đã hoàn thành kiểm định chất

lượng cho 5 chương trình đào tạo chính quy bao gồm: ngành Quản trị Kinh doanh; ngành Kinh tế; ngành Kinh tế quốc tế; ngành Tài chính - Ngân hàng; Quản lý Nhà nước [H1.04.04.04].

Trên cơ sở thành công bước đầu này, trong thời gian tới Học viện sẽ tiếp tục rà soát, cải tiến đối với các chương trình đào tạo còn lại như ngành Kinh tế số, Kinh tế phát triển, Luật Kinh tế, Kế toán, Ngôn ngữ Anh, ...

Trong công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ nói chung, hoạt động nghiên cứu khoa học nói riêng, Học viện chú trọng tới việc cải tiến, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của quy chế, chế độ nhằm đạt được các chỉ tiêu, kế hoạch chiến lược. Dưới sự tham mưu của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của viên chức, người lao động Học viện và Quy chế Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của người học tại Học viện được rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng những thay đổi của tình hình mới [H1.04.04.04].

Không chỉ dừng lại ở việc cải tiến trên, trong công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc của đội ngũ viên chức, người lao động của Học viện không ngừng được cải tiến nhằm đạt được những mục tiêu đã đặt ra. Học viện cũng đã nghiên cứu, sửa đổi quy chế thu nhập tăng thêm. Đây được xem là bước cải tiến, thay đổi lớn trong hoạt động đánh giá viên chức, người lao động tại Học viện. [H1.04.04.05].

Có thể nhận thấy, Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đặt ra các mục tiêu chiến lược chung cũng như 8 nhóm mục tiêu cụ thể được đo lường bằng các chỉ số cụ thể, tạo cơ sở cho việc thực hiện hiệu quả trên thực tế. Để đạt được các nhóm mục tiêu chiến lược này, Học viện đã xây dựng kế hoạch hành động cụ thể [H1.04.04.05].

Đồng thời trong quá trình xây dựng Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2023-2030, Học viện đã đưa ra những phân tích, đánh giá về những thay đổi trong bối cảnh mới của môi trường quản trị đại học nói chung và tình hình thực tiễn tại Học viện nói riêng là cơ sở để Học viện có những điều chỉnh, bổ sung trong Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển trên, cụ thể như sau:

Phân tích bối cảnh giáo dục đại học

Thứ nhất, thay đổi về quy định chính sách

Trong thời gian qua, nhiều văn bản đã được nhà nước ban hành, tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy các trường đại học chuyển mình theo xu thế tự chủ trong đào tạo và quản lý khoa học. Đồng thời, khuyến khích các trường tăng cường áp dụng công nghệ trong đào tạo và quản lý đào tạo, thúc đẩy đổi mới toàn diện nền giáo dục và đào tạo.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, trong đó cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, tầm nhìn đến năm 2045 cũng như nhấn mạnh các chủ trương chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học thúc đẩy thực hiện tự chủ đại học, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao chất lượng giáo dục đại học, phát triển hội nhập quốc tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, nhấn mạnh về quyền tự chủ cũng như trách nhiệm giải trình, công khai thông tin của cơ sở GDDH.

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Thứ hai, thay đổi về thị trường đào tạo

- Mức độ cạnh tranh trong công tác tuyển sinh trình độ đại học ngày càng tăng cao trong xu hướng phát triển đa ngành, đa lĩnh vực của các cơ sở GDDH. Vì vậy việc nâng cao chất lượng đào tạo, đầu tư cho đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, nâng cao uy tín và thương hiệu Học viện trở thành nhân tố then chốt trong việc thu hút người học.

- Tự chủ đại học đã được luật hóa và thí điểm nhưng đến nay việc thực hiện tự chủ Đại học công lập chưa thực sự tạo ra chuyển biến đáng kể. Tuy nhiên, xu hướng tự chủ là tất yếu và các trường sẽ phải thay đổi theo hướng nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng đào tạo.

- Xếp hạng đại học toàn cầu sẽ vẫn tiếp tục nhưng chuyên hướng sang đo lường toàn diện hơn và nhằm vào mục tiêu đối sánh đối với các trường, đồng thời thực hiện xếp hạng theo các hệ thống xếp hạng trong nước và quốc tế.

Thứ ba, thay đổi về thị trường lao động

Trong những năm qua, thị trường lao động và cấu trúc nền kinh tế có nhiều thay đổi. Thị trường lao động đòi hỏi người lao động cần phải có năng lực kiến thức, kỹ năng chuyên môn, đặc biệt là kỹ năng thích nghi với môi trường doanh nghiệp và xã hội đang thay đổi. Thực tế cho thấy chất lượng của lực lượng lao động được đào tạo trình độ đại học được cải thiện so với trước đây nhưng vẫn chưa đáp ứng tốt, đầy đủ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước trong hiện tại và tương lai. Những xu hướng chính của thị trường lao động bao gồm:

- Nhu cầu về chất lượng nguồn chất lượng nhân lực đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế ngày càng tăng

Với xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng, nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quốc tế ngày càng tăng, giáo dục đại học Việt Nam cần đổi mới cấu trúc và yêu cầu cũng như chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo, để chất lượng nguồn nhân lực hội nhập với khu vực, quốc tế, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của Việt Nam. Sinh viên ra trường không chỉ có việc làm mà còn phải có tầm nhìn, có khát vọng đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.

Việt Nam đang tham gia hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới thông qua các hiệp định kinh tế. Hội nhập quốc tế, tạo điều kiện cho các nước hợp tác phát triển, tiếp thu các thành tựu khoa học, công nghệ, giáo dục tiên tiến của thế giới và mở rộng các hình thức hội nhập quốc tế trong giáo dục. Tiếng Anh và công nghệ thông tin là nhân tố quyết định hội nhập quốc tế, và các nước cam kết đảm bảo giáo dục có chất lượng, toàn diện và công bằng, đồng thời thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.

- Nhu cầu gắn kết doanh nghiệp với cơ sở giáo dục đại học

Các trường đại học đang chuyển mình theo xu thế tự chủ. Vì vậy, Nhà nước và các cơ sở giáo dục đại học đang quan tâm đến chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và giải pháp để triển khai mô hình 4 nhà: Nhà nước - Nhà trường - Nhà khoa học - Doanh nghiệp. Trong thời gian tới, xu hướng các trường đại học sẽ hợp tác chặt chẽ hơn với doanh nghiệp.

Theo xu hướng các trường đại học trên thế giới, các trường đại học Việt Nam trong thời gian tới có thể sử dụng nhiều cơ chế khác nhau bao gồm các chương trình thực tập cho sinh viên, cho sinh viên và giảng viên nghiên cứu làm việc thực tế tại doanh nghiệp và mời chuyên gia ngành đứng lớp với vai trò giảng viên. Việc tham vấn thường xuyên giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo để cơ sở đào tạo có thể phản ứng nhanh trước những thay đổi về nhu cầu kỹ năng.

Thứ tư, thay đổi trong bối cảnh chuyển đổi số

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang đến những thành tựu to lớn cho thế giới từ các công nghệ mới có tính đột phá, làm thay đổi đời sống xã hội, định hình lại cách làm việc, học tập. Trong bối cảnh thời đại số, trước những biến đổi to lớn trong đời sống xã hội, nhu cầu của người học cũng biến đổi không ngừng – cả về số lượng và chất lượng, dẫn đến những thách thức trong việc thay đổi cách thức hoạt động của trường đại học nhằm đáp ứng các đòi hỏi của người học thời đại số. Trong bối cảnh này, ngành giáo dục đào tạo nói chung và các trường đại học nói riêng đang kỳ vọng vào quá trình chuyển đổi số nhằm mang lại những mô hình đào tạo mới, tận dụng những thành tựu của các công nghệ mới.

Những thành tựu công nghệ và đặc biệt và sự tham gia của mạng Internet vào đời sống xã hội đã dẫn tới sự ra đời của các mô hình đào tạo mới như MOOCs, SPOC hoặc SOOC, xuất hiện các nền tảng đào tạo trực tuyến như Coursera, Udemy, edX, cùng các phương pháp đào tạo mới như Adaptive learning với các cách thức kiểm tra, đánh

giá người học qua ứng dụng như Acellus, IXL, Mathletics¹, cũng như sự ra đời các cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học trực tuyến chia sẻ miễn phí (Open Access databases). Sự ra đời và ngày càng phát triển về cả thị trường và công nghệ cho những nền tảng này cho thấy “giáo dục số” có tiềm năng là tương lai của giáo dục.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện có sự quan tâm đặc biệt trong công tác chỉ đạo nhằm thực hiện các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn; Triển khai đúng tiến độ, đúng sứ mệnh tầm nhìn và giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển, có tổng kết, rà soát, đánh giá và cập nhật vào thời điểm tổng kết năm học.

- Các chỉ số, chỉ tiêu phân đầu được đưa ra bám sát thực trạng và năng lực phát triển của Học viện, qua đó xây dựng được thước đo chuẩn đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu chiến lược chung cũng như mục tiêu chiến lược cụ thể trong các lĩnh vực, các hoạt động then chốt của Học viện về tổ chức bộ máy, đào tạo, khoa học và công nghệ...

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Kế hoạch thực hiện chiến lược đã được quán triệt trong toàn Học viện thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức khác nhau, hầu hết lãnh đạo chủ chốt của các đơn vị đã nhận thức rõ và chuyển tải thành hành động thiết thực, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận nhỏ cán bộ, viên chức và người học tại Học viện chưa nắm rõ và nhận thức đúng về vấn đề này.

- Các đơn vị tại Học viện chưa có sự chủ động trong việc triển khai kế hoạch chiến lược chung của Học viện và chuyển thành kế hoạch hành động của đơn vị.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường và nâng cao hiệu quả truyền thông của Học viện nói chung và các đơn vị nói riêng nhằm nâng cao nhận thức mục tiêu, chiến lược của Học viện tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động và người học tại Học viện.	Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông; Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Năm học 2023-2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Học viện xây dựng nhiều biện pháp để các đơn vị tích cực, chủ	Phòng Tổ chức – Hành chính	Năm học 2023-2024

¹ Adaptive learning and assessment apps: Phương pháp dạy học thích ứng và các ứng dụng kiểm tra, đánh giá

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
		động trong việc triển khai kế hoạch chiến lược chung của Học viện và chuyển thành kế hoạch hành động của đơn vị; đồng thời giám sát hoạt động này thông qua công tác báo cáo của đơn vị.	(đầu mối, phối hợp với); Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Các đơn vị	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường chỉ đạo nhằm thực hiện các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn; Triển khai đúng tiến độ, đúng sứ mệnh tầm nhìn và giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển, có tổng kết, rà soát, đánh giá và cập nhật vào thời điểm tổng kết năm học	Phòng Tổ chức – Hành chính	Năm học 2023-2024
4	Phát huy điểm mạnh 2	Bám sát các chỉ số, chỉ tiêu phấn đấu đã đưa ra để đánh giá việc thực hiện các mục tiêu	Phòng Tổ chức – Hành chính	Năm học 2023-2024

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4	5
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	5
Tiêu chí 4.4	5

TIÊU CHUẨN 5: CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Phòng, Khoa, Viện, Bộ môn, các Trung tâm của Học viện đã chỉ rõ chức năng và nhiệm vụ của các chủ thể, phân công cho các đơn vị/ bộ phận chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H1.05.01.04]. Theo đó, Đảng ủy, Hội đồng Học viện ban hành các Nghị quyết, xác định phương hướng, chủ trương xây dựng các chính sách về đào tạo. Giám đốc Học viện ban hành văn bản hướng dẫn và chỉ đạo về việc xây dựng chính sách về đào tạo. Đơn vị chủ trì dự thảo chính sách về đào tạo và nghiên cứu khoa học được giao cho Phòng

Quản lý đào tạo, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác và Phòng Chính trị và Công tác sinh viên.

Theo Quy chế dân chủ, trong quá trình xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, các đơn vị chức năng được hướng dẫn, tập huấn cụ thể về việc xây dựng các chính sách trước khi được phê duyệt và ban hành **[H1.05.01.04]**. Học viện bám sát các quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để triển khai văn bản hướng dẫn và tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cá nhân, đơn vị trong quá trình xây dựng các chính sách, quy định và lập kế hoạch hoạt động cho các lĩnh vực liên quan đến đào tạo **[H1.05.01.04]**.

Các chính sách về đào tạo được cụ thể hóa bằng văn bản và được Giám đốc Học viện phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện. Một số văn bản quan trọng bao gồm : Trình độ đại học: Học viện đã ban hành các quy định đào tạo, quy chế về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, các văn bản quy định về đề cương môn học, giáo trình tài liệu, quy định chuẩn đầu ra **[H1.05.01.05]**. Các quy chế và quy định này hướng dẫn quy trình nghiệp vụ liên quan đến công tác đào tạo, các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Học viện.

Đối với đào tạo trình độ thạc sỹ, Học viện đã ban hành các chương trình đào tạo theo từng chuyên ngành, luôn cập nhật, thay đổi kịp thời các tiêu chí phù hợp để phát triển chương trình đào tạo của Học viện. **[H1.05.01.05]**

Nội dung về các chính sách đào tạo thường xuyên được cập nhật, hiệu chỉnh để phù hợp với các chủ trương của Đảng (NQ số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của BCH TW Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”), quy định của Nhà nước (Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, đáp ứng các yêu cầu quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, các Thông tư và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Học viện được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển 2020-2025 **[H1.05.01.03]**. Những chính sách được cập nhật, hiệu chỉnh được thể hiện rõ từ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ của Học viện trong giai đoạn 2020 -2025 cho tới các quy định, văn bản cụ thể được triển khai.

Học viện luôn quan tâm, lắng ý kiến, thường xuyên tổ chức các cuộc họp khảo sát của các bên liên quan đối với chất lượng đào tạo của Học viện, theo đó, các đối tượng được lấy ý kiến bao gồm người học, giảng viên, cán bộ quản lý và đội ngũ nhân viên, nhà tuyển dụng, đội ngũ chuyên gia... **[H1.05.01.01]**. Các chính sách đào tạo của Học viện đảm bảo sự minh bạch, dân chủ, cung cấp môi trường để người học phát triển toàn diện,

qua đó cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp và xã hội. Những chính sách về xây dựng chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng được thể hiện rõ từ Nghị quyết Đảng bộ của Học viện và Hội đồng Học viện giai đoạn 2020-2025 cho tới các quy định, văn bản cụ thể được triển khai.

Đối với những chính sách liên quan tới nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Học viện đã ban hành quyết định quy định mới nhằm chuẩn hóa hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như thực hiện tốt nhiệm vụ phục vụ cộng đồng. [H1.05.01.06]. Về nghiên cứu khoa học, Học viện đã ban hành Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021 về việc ban hành Quy định về Quản lý khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển. Quy chế này đã quy định cụ thể, rõ ràng, minh bạch về các hoạt động nghiên cứu khoa học trong Học viện. Về tài chính hỗ trợ nghiên cứu khoa học, Học viện đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ mới (theo Quyết định số 79/QĐ-HVCSPT ngày 09/02/2023) [H1.07.01.06] nhằm khuyến khích, khích lệ cán bộ, giảng viên thực hiện phát triển nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện, đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội.

Từ đó, đối với các chính sách thuộc lĩnh vực đào tạo, các đơn vị được giao thẩm quyền xây dựng quy định về hỗ trợ người học và phục vụ cộng đồng [H1.05.01.02]. Các chính sách thông qua việc lấy ý kiến của các bên liên quan, được cụ thể hóa bằng văn bản và được ban lãnh đạo của Học viện phê duyệt, ban hành để triển khai thực hiện.

Nhìn chung, nội dung các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng thường xuyên được cập nhật, hiệu chỉnh cho phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước, đáp ứng các yêu cầu quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, các Thông tư và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Học viện thể hiện trong Chiến lược phát triển của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện

Việc phân công đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo được quy định rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Học viện và Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Phòng, Khoa, Viện, Bộ môn, và các Trung tâm của Học viện và Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng Học viện [H1.05.01.04]. Cụ thể, Hội đồng Học viện thực hiện chức năng quản trị và giám sát quá trình tổ chức và quản lý đào tạo [H1.05.02.03]. Bên cạnh đó, Ban Thanh tra nhân dân của Học viện giám sát sự tuân thủ các chính sách đào tạo và có các báo cáo hàng năm về việc thực hiện giám sát trong các Hội nghị viên chức và người lao động [H1.05.02.03].

Việc giám sát được quy định cụ thể trong các văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách đào tạo, bao gồm Quy chế hoạt động của hội đồng Học viện, Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng Học viện (Quyết định số 969/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017) [H1.05.04.06]. Các văn bản và quy trình này được gửi đến tất cả các đơn vị, cá nhân liên quan.

Các văn bản, quy trình, quy định liên quan đến các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được phổ biến công khai trên Website, báo giấy, báo điện tử, email, các trang thông tin nội bộ của Học viện... [H1.05.02.04], thông báo trong các cuộc họp bao gồm: Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm [H1.05.02.05], cuộc họp của Ban Giám đốc [H1.05.02.05] các cuộc họp giao ban hàng tháng [H1.05.02.05], Hội nghị Viên chức, người lao động hàng năm [H1.05.02.05], Cuộc họp của các đơn vị để tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học thực hiện và giám sát chính sách đào tạo [H1.05.02.05].

Về cách thức theo dõi, giám sát, Học viện triển khai qua 2 hình thức: tự giám sát (giám sát bên trong) và giám sát bởi 1 đơn vị khác (giám sát bên ngoài). Công tác tự giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo được cụ thể hóa bằng các văn bản, phổ biến đến các bên liên quan để triển khai và giám sát việc thực hiện thông qua các thông báo; báo cáo tổng kết và kế hoạch công tác tháng, công tác năm học của các đơn vị [H1.05.02.06.]; các biên bản họp của Ban Giám đốc và các phòng ban liên quan [H1.05.02.06.]. Công tác giám sát bên ngoài được thực hiện đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam năm 2018 về đánh giá chất lượng giáo dục tại Học viện [H1.05.02.06].

Việc thực hiện giám sát sự tuân thủ và các báo cáo giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo được các tổ chức, đơn vị chức năng thực hiện hàng năm và định kỳ. Ban Thanh tra nhân dân của Học viện có các báo cáo hàng năm về thực hiện giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo trong Hội nghị viên chức và người lao động và thông qua hệ thống thông báo bằng văn bản đến các đơn vị thuộc và trực thuộc học viện. Đơn vị chủ trì có các báo cáo định kỳ giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên

Học viện có quy định về việc rà soát chính sách về đào tạo định kỳ hàng năm trong các văn bản liên quan [H1.05.03.01]. Để đảm bảo chất lượng, các chính sách trong các văn bản về đào tạo tại Học viện thì cần phải được rà soát, lấy ý kiến của các bên liên quan và được đánh giá, điều chỉnh hàng năm. Trên cơ sở đó, các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức rà soát, cập nhật các văn bản, quy chế và quy định do các quy định của Nhà nước thay đổi nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, cụ thể như sau:

Học viện giao nhiệm vụ cụ thể cho bộ phận chịu trách nhiệm rà soát việc thực hiện các chính sách về đào tạo theo Quy chế tổ chức hoạt động của Học viện, Nghị quyết của Đảng ủy về nhiệm vụ trọng tâm trong Quý **[H1.05.03.01]**, Hội đồng Học viện phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch chi ngân sách hàng năm để các đơn vị thực hiện việc rà soát các chính sách về đào tạo **[H1.05.03.01]**, Ban Giám đốc thành lập Ban chỉ đạo công tác rà soát định kỳ hàng năm **[H1.05.03.01]**, Kế hoạch thanh tra và kiểm tra nội bộ được thực hiện định kỳ hàng năm với mục đích rà soát việc tuân thủ thực hiện chính sách đào tạo, từ đó kịp thời có các kiến nghị điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện chính sách. Bên cạnh đó, Hội nghị công nhân viên chức và người lao động được tổ chức hàng năm, tại đó Hội nghị được giao nhiệm vụ rà soát các chính sách về đào tạo, các đơn vị chức năng tại Học viện phải thường xuyên cập nhật các chính sách về đào tạo mới **[H1.05.03.01]**.

Học viện đã định kỳ hàng năm thực hiện việc rà soát, đánh giá thực hiện chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo thực hiện việc rà soát và cho ý kiến về các chính sách đào tạo **[H1.05.03.02]**. Ngoài ra, các chính sách về đào tạo được rà soát, đánh giá để báo cáo ở Hội nghị viên chức và người lao động **[H1.05.03.02]**. Học viện đã có báo cáo sơ kết và tổng kết từng năm học gửi các đơn vị trực thuộc để rà soát việc thực hiện các chính sách đào tạo **[H1.05.03.02]**, báo cáo tổng kết theo từng năm học gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá việc thực hiện các chính sách, quy định, quy chế và các thủ tục, quy trình hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như có các báo cáo về từng mảng hoạt động gồm báo cáo về đào tạo **[H1.05.03.02]**. Thông qua rà soát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, Học viện đánh giá được các chỉ tiêu chưa đạt được và từ đó phân tích, xác định nguyên nhân để khắc phục và cải tiến kịp thời. Hàng năm kết thúc mỗi năm học, phòng Quản lý đào tạo thực hiện các báo cáo định kỳ về tình trạng học tập và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên, từ đó phân tích, đưa ra một số đề xuất để cải thiện chất lượng đào tạo **[H1.05.03.03]**.

Về chính sách liên quan tới nghiên cứu khoa học, Học viện đã thực hiện rà soát các quy định liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, đồng thời ban hành quy chế và những quy định mới nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học tại Học viện. **[H1.05.03.03]**. Về chính sách phục vụ cộng đồng, Học viện đã tiến hành rà soát và ban hành quy định về chính sách phục vụ cộng đồng **[H1.05.03.01]**.

Ngoài ra, Học viện coi trọng việc góp ý từ các Đoàn đánh giá ngoài về chính sách đào tạo của chương để duy trì công tác đảm bảo chất lượng của hệ thống. Học viện sử dụng các kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan cho công tác rà soát, cải tiến chính sách, chất lượng. Hàng năm, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan, phân tích dữ liệu, lập báo cáo để gửi về cho các đơn vị liên quan thực hiện việc rà soát các hoạt động của đơn vị **[H1.05.03.04]**.

Công tác rà soát các chính sách liên quan tới Đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Học viện được tiến hành có kế hoạch và được triển khai thường xuyên

[H1.05.03.03], [H1.05.03.04].. Tại các cuộc họp của Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc và lãnh đạo các đơn vị, các hoạt động rà soát chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được đưa vào nội dung cuộc họp. Các cuộc họp đã phân tích nguyên nhân, đánh giá kết quả và trao đổi kế hoạch ban hành, sửa đổi, hoàn thiện các chính sách cho năm học hoặc giai đoạn tiếp theo [H1.05.03.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Học viện đã thực hiện việc cải tiến, điều chỉnh các chính sách về đào tạo dựa trên kết quả rà soát, đánh giá. Các quy chế, quy định liên quan đến đào tạo được thường xuyên cải tiến, điều chỉnh nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Học viện. Sự cải tiến, điều chỉnh của các chính sách về đào tạo được thể hiện cụ thể như sau:

Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2023 tầm nhìn 2045 trở thành đại học định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm các trường hàng đầu tại Việt Nam, có uy tín trong khu vực và quốc tế; tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao [H1.05.04.01].

Đối với hoạt động đào tạo, Chiến lược phát triển nhấn mạnh mục tiêu đa ngành, đa lĩnh vực, có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn và phản biện chính sách, thuộc nhóm các trường hàng đầu về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển, đa dạng hoá lĩnh vực đào tạo thông qua việc phát triển các chương trình đào tạo mới nhằm đáp ứng nhu cầu người học, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội; Đối với các bậc đào tạo Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ: Tập trung phát triển các chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực về Kinh tế, Kinh tế số, Quản lý – Quản trị, Chính sách phát triển và Luật. Từng bước mở rộng sang các lĩnh vực và ngành đào tạo mới, liên ngành đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và bối cảnh hội nhập, phát triển của nền kinh tế. Tập trung phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình chuẩn quốc tế, chương trình đặc thù, chương trình liên kết; ưu tiên phát triển một số ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đáp ứng nhu cầu xã hội. Chiến lược đề cập tới các đổi mới trong chuyển đổi số mạnh mẽ để xây dựng nền tảng đại học thông minh, đại học số có tính chất mở, khả năng thích ứng và quốc tế hóa cao [H1.05.04.01]. Trong các giải pháp chiến lược liên quan đến hoạt động đào tạo, nhấn mạnh thường xuyên cập nhật, đổi mới nội dung chương trình đào tạo, đảm bảo đào tạo lý thuyết gắn với thực tiễn, nâng cao khả năng thích ứng của người học trong môi trường hội nhập và chuyển đổi số [H1.05.04.01].

Trong đào tạo trình độ đại học, Học viện đã điều chỉnh đề ban hành Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với đào tạo đại học chính quy tại Học viện Chính sách và Phát

triển vào năm 2021, Sửa đổi các quy định về chuẩn đầu ra, quy đổi điểm, bổ sung các quy định về đào tạo trực tuyến, tổ chức hội đồng trực tuyến vào năm 2021 **[H1.05.04.08]**. Năm 2021, Học viện đã ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo tại Học viện Quyết định số 509/QĐ-HVCSPT ngày 6/7/2021 **[H1.05.04.08]**. Năm 2022, Học viện ban hành Quy định về biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy tại Học viện **[H1.05.04.08]**

Trong đào tạo trình độ sau đại học, Học viện đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021. Học viện đã sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021. Các Quy định đào tạo thạc sĩ của Học viện được bổ sung, cập nhật bao gồm: Quyết định số 691/QĐ-HVCSPT ngày 13/12/2016; Quy định tổ chức đào tạo trực tuyến: Quyết định số 409/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2021; Quy định tổ chức hội đồng trực tuyến: Quyết định số 410/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2021 **[H1.05.04.09]**. Theo định kỳ, Ban Giám đốc phê duyệt thực hiện các kế hoạch rà soát nhằm cải tiến chương trình đào tạo **[H1.05.04.10]**. Ngoài ra, các chính sách đào tạo khác cũng được cải tiến và điều chỉnh dựa trên kết quả rà soát, đánh giá.

Về quy định về chế độ làm việc, Quy định về chế độ làm việc của giảng viên **[H1.05.04.11]**, Học viện đã sửa đổi điều chỉnh quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi trong hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục và ban hành quy định mới vào năm 2019 **[H1.05.04.07]**. So với quy định cũ, quy định mới nêu rõ mục đích của công tác lấy ý kiến phản hồi, các đối tượng lấy ý kiến, nội dung và yêu cầu đối với việc lấy ý kiến phản hồi.

Học viện đã được đoàn đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam năm 2018 về đánh giá chất lượng giáo dục tại Học viện. Sau đợt đánh giá, nhiều chính sách cải tiến liên quan đến hoạt động đào tạo được triển khai. Các trường đối tác có chương trình đào tạo liên kết với Học viện đều đã được kiểm định bởi các tổ chức có thẩm quyền. Ngoài ra, hàng năm, các đoàn khảo sát, đánh giá chất lượng của các trường đại học đối tác đã tới tiến hành khảo sát, đánh giá chất lượng đào tạo, quản lý và cơ sở vật chất của Học viện trước và trong quá trình triển khai các chương trình liên kết đào tạo với Học viện.

Với mục tiêu phục vụ cộng đồng tốt hơn, trong giai đoạn 2018 -2023 Học viện đã triển khai các khóa đào tạo ngắn hạn về Quản trị kinh doanh, Đấu thầu, Kế toán, quản lý tài chính, kỹ năng mềm... Các chuyên đề bồi dưỡng đa dạng, tập trung vào nhu cầu của các doanh nghiệp mong muốn, kết quả, những khóa đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng đều được học viên đánh giá cao **[H1.05.04.12]**

Đối với những chính sách liên quan tới nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, trong giai đoạn 2018 -2023, Học viện đã ban hành quyết định, quy định mới nhằm chuẩn hóa hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như thực hiện tốt nhiệm vụ phục vụ cộng đồng **[H1.05.04.13]**. Quy chế này đã giúp Học viện tiệm cận với những chuẩn mực quốc tế, đáp ứng những tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trong hoạt động khoa học và công nghệ trong

trường đại học, quy chế này đã quy định cụ thể, rõ ràng, minh bạch về các hoạt động nghiên cứu khoa học trong Học viện.

Về tài chính hỗ trợ nghiên cứu khoa học, Học viện đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ mới (theo Quyết định số 79/QĐ-HVCSPT ngày 09/02/2023) **[H1.05.04.14]** nhằm khuyến khích, khích lệ cán bộ, giảng viên thực hiện phát triển nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện, đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội, khuyến khích, khích lệ cán bộ, giảng viên thực hiện công bố quốc tế được xếp hạng, qua đó giúp nâng cao uy tín của Học viện, đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội.

Quyết định này đáp ứng tâm tư nguyện vọng của cán bộ, giảng viên trong hoạt động nghiên cứu. Nhằm phát triển hoạt động khoa học và công nghệ và xây dựng đội ngũ nghiên cứu khoa học của Học viện theo hướng chuyên nghiệp. Những quyết định này được ban hành trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan bao gồm phòng chuyên môn, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên. Vì vậy, các chính sách này đã đáp ứng được nhu cầu thực tế của bên liên quan và được đón nhận và hưởng ứng **[H1.05.04.07]**

Với mục tiêu nâng cao tính trung thực trong đào tạo, học tập và nghiên cứu khoa học Học viện ban hành quyết định “Quyết định ban hành quy định Chính sách chất lượng giáo dục tại Học viện”. Sau nhiều lần xin ý kiến từ các bên liên quan, quyết định đã được ban hành và được hưởng ứng từ phía sinh viên và giảng viên. Quyết định này góp phần đảm bảo sự công bằng cho sinh viên trong nghiên cứu và học tập, nâng cao ý thức của người học, bảo vệ bản quyền trí tuệ của các học giả, nhà nghiên cứu và tác giả của các công trình đã được công bố. Phản hồi của sinh viên và học viên cho thấy sự hài lòng cao từ những bên liên quan đối với chính sách liên chính học thuật nói trên **[H1.05.04.07]**

Bên cạnh đó, nhằm khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho sinh viên có thành tích trong nghiên cứu khoa học, hàng năm Học viện Phê duyệt danh mục đề tài và kinh phí hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên **[H1.05.04.15]**. Học viện có chính sách cộng điểm khuyến khích cho sinh viên có công trình nghiên cứu khoa học đoạt giải thưởng các cấp được quy định tại Quy định quy đổi điểm học phần Nghiên cứu khoa học **[H1.05.04.15]**. Quyết định này có tác động tích cực tới kết quả nghiên cứu khoa học trong sinh viên, về cả số lượng và chất lượng, qua đó nâng cao hiệu quả đào tạo, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Với phương châm phục vụ người học và cộng đồng tốt hơn, Học viện đã thực hiện số hóa cơ sở dữ liệu của hoạt động khoa học và công nghệ và thường xuyên cập nhật thông tin về hoạt động nghiên cứu khoa học trên website Học viện **[H1.05.04.16]**.

Nhìn chung, dữ liệu về ý kiến phản hồi từ giảng viên, nhân viên và người lao động, người học và những bên liên quan khác cho thấy thực tế rằng những chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Học viện đạt được sự hài lòng cao từ những bên liên quan **[H1.05.04.07]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện đã có một hệ thống hoàn chỉnh để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước và phù hợp với chiến lược phát triển của Học viện. Học viện đã phân công rõ các đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách, phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị. Các chính sách được lấy ý kiến các bên liên quan, được cụ thể hóa bằng văn bản và được lãnh đạo Học viện phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện.

- Học viện đã ban hành các văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách làm căn cứ để các đơn vị/bộ phận triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát một cách chặt chẽ việc thực hiện các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Để có thể triển khai việc theo dõi, giám sát được hiệu quả, đảm bảo tính khách quan, minh bạch, Học viện đã phổ biến các quy định về việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách tới viên chức, người lao động và người học trong toàn học viện. Để đảm bảo việc xây dựng, ban hành và triển khai các chính sách được hiệu quả, định kỳ và hàng năm, Học viện đã thực hiện đầy đủ việc báo cáo về việc triển khai thực hiện việc giám sát các chính sách với các cơ quan cấp trên, với toàn thể viên chức, người lao động và người học.

- Nhằm đảm bảo các chính sách bám sát thực tiễn, tuân thủ các quy định hiện hành, Học viện đã xây dựng các quy định về việc định kỳ rà soát các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Học viện định kỳ hàng năm thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách theo kế hoạch, qua đó phát hiện những bất cập hoặc khẳng định những điểm ưu việt trong chính sách, là cơ sở cho việc cải tiến. Nhờ có sự điều chỉnh, cập nhật kịp thời để bám sát thực tiễn nên các bên liên quan bao gồm viên chức và người lao động, người học bên trong Học viện và các tổ chức, cá nhân bên ngoài Học viện hài lòng đối với các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Sự phối hợp giữa đơn vị chủ trì soạn thảo và các đơn vị có liên quan trong quá trình soạn thảo các chính sách chưa đồng bộ. Quá trình tham gia ý kiến xây dựng chính sách của các đơn vị liên quan đôi lúc còn chậm.

- Sự tham gia của các bên bên ngoài Học viện trong việc đề xuất, giám sát, đánh giá và cải tiến các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Học viện còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường sự phối hợp, đồng bộ hóa quy trình soạn thảo, ban hành các chính sách để đảm bảo tiến độ thực hiện.	- Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Phòng Tổ chức – Hành chính - Các đơn vị liên quan	Từ năm học 2023-2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Đề xuất các giải pháp tăng cường sự tham gia của các bên bên ngoài Học viện trong việc đề xuất, giám sát, đánh giá và cải tiến các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Học viện.	- Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Phòng Tổ chức – Hành chính - Các đơn vị liên quan	Từ năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Có hệ thống hiệu quả để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	- Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được theo dõi, giám sát thường xuyên để đánh giá kịp thời sự phù hợp với thực tiễn	- Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến trên cơ sở kết quả đánh giá thường xuyên đảm bảo	- Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên - Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		sự hài lòng của các bên liên quan			

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	5
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	5
Tiêu chí 5.4	5

TIÊU CHUẨN 6. QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Để đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng đặt ra trong Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Đảng ủy, Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện xác định việc quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao giữ vai trò then chốt. Nội dung thường xuyên được nhấn mạnh trong các cuộc họp về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và thể hiện trong các biên bản, nghị quyết, kết luận của Đảng ủy, Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện Nghị quyết số 08,09 của Hội đồng Học viện [H1.06.02.06].

Trong giai đoạn 2018 -2022, Học viện đặt ra mục tiêu phát triển đội ngũ như sau:

Phát triển đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên chuyên nghiệp, đáp ứng số lượng và chất lượng theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xây dựng và phát triển nhóm giảng viên và cán bộ nghiên cứu đầu ngành có khả năng định hướng phát triển chuyên ngành và chủ trì các dự án, đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Ngành và Nhà nước.

Trong giai đoạn này, Học viện đặt ra mục tiêu đảm bảo tỷ trọng không quá 25 sinh viên/giảng viên (quy chuẩn) và cơ cấu đội ngũ giảng viên là 60% thạc sĩ và 40% tiến sĩ.

Để đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo trong thời kỳ mới, Học viện đặt ra mục tiêu nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên: Phần đầu đạt tỷ lệ tiến sĩ tối thiểu 65% (trong đó tỉ lệ GS, PGS tối thiểu đạt 10%) vào năm 2030 và 90% (trong đó tỉ lệ GS, PGS đạt 20%) vào năm 2045 trên tổng số giảng viên và nghiên cứu

viên. Đây được xác định là mục tiêu, động lực phấn đấu của toàn thể lãnh đạo, giảng viên, viên chức, người lao động của Học viện, đồng thời là thử thách không nhỏ đòi hỏi sự nỗ lực của toàn Học viện.

Để đạt được những mục tiêu này, Học viện đặc biệt chú trọng tới việc quy hoạch, đào tạo phát triển đội ngũ giảng viên, viên chức có trình độ cao. Xác định rõ mục tiêu cần đạt được, Học viện có phương pháp cụ thể để động viên, khuyến khích đội ngũ giảng viên, viên chức, người lao động của Học viện tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước. Theo thống kê của Phòng Tổ chức – Hành chính, số lượng được cử đi đào tạo của Học viện trong những năm qua được thể hiện ở Bảng 6.1 như sau:

Bảng 6.1. Thống kê hoạt động đào tạo bồi dưỡng tại Học viện

TT	Nội dung	Tổng	NCS	Thạc sĩ	Khóa BD	Ghi chú
I	Năm 2018	10	1	3	6	
II	Năm 2019	12	1	2	9	
III	Năm 2020	11	2	2	7	
IV	Năm 2021	13	1	2	10	
V	Năm 2022	14	1	2	11	

(Nguồn: Thống kê của Phòng Tổ chức – Hành chính)

Kết quả đạt được từ những chương trình đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện hàng năm đã đưa số lượng giảng viên, viên chức có trình độ, chất lượng cao tăng nhanh chóng, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, học hàm phó giáo sư, trong cơ cấu giảng viên của Học viện gia tăng theo các năm. Bên cạnh đó, đối với đội ngũ cán bộ quản lý hành chính, công tác quy hoạch và nâng cao trình độ được quan tâm và có sự gia tăng. Theo thống kê của Phòng Tổ chức – Hành chính, cơ cấu số lượng viên chức, người lao động như sau:

Bảng 6.2. Thống kê viên chức, người lao động tại Học viện theo trình độ

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Giáo sư	0	0	0	0	0
Phó Giáo sư	03	03	04	04	05
Tiến sĩ	41	41	41	41	42
Thạc sĩ	83	83	83	83	87
Cử nhân	31	31	31	31	31
Trình độ khác					04
Tổng số:	165	165	165	165	169

(Nguồn: Thống kê của Phòng Tổ chức – Hành chính)

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến

Trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm chức vụ quản lý và bố trí sắp xếp nhân sự được Học viện quan tâm với sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám đốc Học viện. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức, thực hiện công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí nhân sự tại Học viện được thực hiện theo quy định của pháp luật, phù hợp với Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành kèm theo Quyết định số 1545/QĐ-BKHĐT ngày 09/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư [H1.06.02.01].

Với vị trí là một đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hàng năm Học viện được giao chỉ tiêu biên chế gồm số lượng người làm việc (viên chức theo chế độ hợp đồng làm việc) và người lao động theo hợp đồng lao động. Năm 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Quyết định số 1045/QĐ-BKHĐT ngày 09/6/2020 giao biên chế của Học viện năm 2020 là 150 người, trong đó gồm 120 người theo chế độ hợp đồng làm việc và 30 người theo chế độ hợp đồng lao động; năm 2021 là 150 người, trong đó gồm 120 người theo chế độ hợp đồng làm việc và 30 người theo chế độ hợp đồng lao động [H1.06.01.01], [H1.06.02.02].

Căn cứ trên biên chế được giao và số lượng người tại Học viện thời điểm năm 2020, Đảng ủy, Tập thể lãnh đạo Học viện đã thống nhất tiến hành tuyển dụng viên chức, người lao động cho các đơn vị tại Học viện năm 2020, với tổng chỉ tiêu là 35 người. Trên cơ sở đó, ngày 17/11/2020, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 989/QĐ-HVCSPT ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức, người lao động năm 2021, trong đó đặt ra các tiêu chuẩn, điều kiện chung và tiêu chuẩn, điều kiện riêng đối với các vị trí tuyển dụng [H1.06.02.02]

Điều kiện chung: Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển:

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn đăng ký dự tuyển;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

...

Đối với vị trí viên chức giảng dạy (giảng viên), ngoài điều kiện chung quy định ở trên, người đăng ký dự tuyển còn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển;

Ưu tiên người đăng ký dự tuyển có trình độ tiến sĩ được đào tạo tại cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước hoặc nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng tiếng Anh phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

b) Có trình độ Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

c) Có trình độ ngoại ngữ theo quy định của từng vị trí việc làm;

d) Có năng lực sư phạm và khả năng nghiên cứu khoa học;

đ) Có khả năng giao tiếp tốt;

e) Có ngoại hình và phong cách phù hợp với công tác giảng dạy.

Đối với vị trí viên chức hành chính, ngoài điều kiện chung quy định ở trên, người đăng ký dự tuyển còn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có bằng đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển;

b) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

c) Có trình độ ngoại ngữ theo quy định của từng vị trí việc làm;

Trên cơ sở Kế hoạch tuyển dụng này, ngày 18/11/2020, Học viện đã ban hành Thông báo số 215/TB-HVCSPT về việc tuyển dụng viên chức, người lao động năm 2021 đồng thời công khai đến tất cả các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện, đăng tải trên website của Học viện.

Bên cạnh việc công khai về chỉ tiêu, vị trí tuyển dụng, những nội dung về hình thức tuyển dụng (thi tuyển), quy trình tuyển dụng gồm 2 vòng, Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức chung, Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành cũng được công bố công khai để các cá nhân có nhu cầu, nguyện vọng xem xét, quyết định việc thi tuyển vào Học viện.

Sau đó, căn cứ vào kết quả thi tuyển, đề nghị của Hội đồng tuyển dụng, Giám đốc Học viện đã ban hành Quyết định công nhận trúng tuyển với 35 người, đồng thời ban hành Quyết định tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc với 35 viên chức, hợp đồng lao động **[H1.06.02.03]**

Bên cạnh công tác tuyển dụng, trong công tác đề bạt, bổ nhiệm và bố trí, sắp xếp nhân sự cho các đơn vị cũng được Học viện quan tâm, đặt ra các tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, tư cách đạo đức, phẩm chất chính trị...theo quy định của pháp luật và quy định của Học viện. Hiện nay các tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm cán bộ quản lý của Học viện được thực hiện theo các quy định của pháp luật như Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và được thể chế hóa trong các nghị quyết của Hội đồng Học viện ban hành như Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện **[H1.06.03.04]**. Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Học viện **[H1.06.03.04]**. Đây là cơ sở quan trọng

để Học viện tiến hành công tác bổ nhiệm cán bộ, bổ nhiệm lại, điều động cán bộ quản lý tại các đơn vị. Sau khi ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động [H1.06.03.04]. Học viện đã thực hiện quy định bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Học viện, cũng như thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động đối với lãnh đạo của các Khoa Kinh tế, Khoa Tài chính – Ngân hàng, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Luật Kinh tế, [H1.06.02.06]. Những quyết định này được ban hành đảm bảo quy trình 5 bước với vai trò của Đảng ủy Học viện, Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện.

Trong giai đoạn từ năm 2018-2022, Học viện thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm, điều động đối với 14 lượt viên chức quản lý. Cụ thể như sau:

Bảng 6.3. Bổ nhiệm, điều động viên chức quản lý Học viện

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng số	2	3	3	3	3

Nguồn: Thống kê của Phòng Tổ chức – Hành chính

Công tác cán bộ trong thời gian qua đã nhận được sự quan tâm của Tập thể lãnh đạo Học viện và trở thành động lực phấn đấu của đội ngũ viên chức trong toàn Học viện. Từ đó, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh các hoạt động trên, hàng năm Học viện tiến hành đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động trong toàn Học viện, làm cơ sở để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự. Trên cơ sở quy định của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP [H1.06.01.02]. Học viện ban hành 03 hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động tại Học viện năm học 2021-2022 [H1.06.05.04]. Sau khi triển khai, ngày 23/10/2022 Học viện có Công văn báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động năm học 2021-2022 của Học viện, cụ thể [H1.06.01.03]:

Tổng số viên chức, người lao động đánh giá, xếp loại: 152, gồm 134 viên chức và 18 lao động.

Kết quả xếp loại:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 18
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 134
- Hoàn thành nhiệm vụ: 0
- Không hoàn thành nhiệm vụ: 0

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau

Để phát triển bền vững mọi mặt, mọi hoạt động, bên cạnh việc quan tâm xây dựng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với đội ngũ cán bộ, quản lý phục vụ cho công tác bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự, công tác xây dựng tiêu chuẩn năng lực, bao gồm cả năng lực lãnh đạo đối với đội ngũ viên chức không giữ chức vụ quản lý được Học viện quan tâm. Học viện xác định đây là nhóm đối tượng giữ vai trò then chốt trong việc thực hiện thành công mục tiêu của Học viện. Trong cơ cấu viên chức, người lao động tại Học viện, số lượng viên chức, người lao động không giữ chức vụ quản lý chiếm tỷ trọng lớn và đóng góp quan trọng vào hoạt động chung của Học viện.

Bảng 6.4 Thống kê viên chức, người lao động tại Học viện theo cơ cấu quản lý

Phân loại	2018		2019		2020		2021		2022	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Viên chức quản lý	20		22		23		24		25	
Viên chức, người lao động không giữ chức vụ quản lý	132		137		137		137		137	
Tổng	152		152		152		152		152	

(Nguồn: Thống kê của Phòng Tổ chức – Hành chính)

Trước tiên, việc xác định tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ viên chức, người lao động không giữ chức vụ quản lý tại Học viện được xây dựng dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành, chức danh nghề nghiệp (đối với viên chức), tính chất công việc (đối với người lao động). Hiện nay, khối viên chức của Học viện được bố trí, sắp xếp theo chức danh nghề nghiệp bao gồm giảng viên, chuyên viên, nghiên cứu viên, kỹ sư... và cụ thể hóa trong bản đề án vị trí việc làm được Bộ trưởng ký ban hành tại Quyết định số 1545/QĐ-BKHĐT ngày 09/11/2021 về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Học viện Chính sách và Phát triển.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó

Trong bối cảnh và tình hình xã hội nói chung có nhiều thay đổi như hiện nay, Học viện đã xác định việc đẩy mạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, nhất là

đội ngũ chất lượng cao, trình độ tiến sĩ, học hàm phó giáo sư, giáo sư giữ vai trò then chốt, là thước đo để đánh giá thương hiệu của Học viện trong khối các cơ sở đào tạo đại học ở Việt Nam, trong khu vực và trên thế giới. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức là nhiệm vụ quan trọng được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình xây dựng, củng cố và nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của bộ máy của Học viện. Công tác đào tạo, bồi dưỡng ở mỗi giai đoạn, thời kỳ khác nhau cần phải đáp ứng các yêu cầu, đòi hỏi khác nhau. Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đang ngày càng tham gia sâu, rộng vào công cuộc hội nhập quốc tế thì nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức đáp ứng yêu cầu làm việc trong môi trường quốc tế đang được đặt ra như một nhiệm vụ cấp thiết.

Tại Học viện Chính sách và Phát triển có 02 đơn vị phối hợp phụ trách thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên là Phòng Tổ chức – Hành chính và Trung tâm Bồi dưỡng, Tư vấn và Phản biện Chính sách. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và chuyên viên được xác định trong Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, theo đó Học viện xác định mục tiêu: Đến năm 2025, quy mô cán bộ, giảng viên khoảng 250 người trong đó 45%-50% giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ, hàng năm có 5%-10% giảng viên có bài đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín; Đến năm 2030, quy mô cán bộ, giảng viên khoảng 300 người trong đó 50%-55% giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ, hàng năm có 10%-15% giảng viên có bài đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín **[H1.06.04.03]**.

Hàng năm, Học viện xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phân bổ chỉ tiêu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trên cơ sở phân bổ chỉ tiêu đối với các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, Phòng Tổ chức – Hành chính phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng, Tư vấn và Phản biện chính sách tham mưu Giám đốc Học viện phân bổ chỉ tiêu và triển khai đến các đơn vị đăng ký. Trên cơ sở đăng ký của các đơn vị, Phòng Tổ chức – Hành chính báo cáo Giám đốc Học viện quyết định cử viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng **[H1.06.04.04]**.

Về mặt pháp lý, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức của Học viện được thực hiện và quản lý theo Quyết định số 643/QĐ-BKHĐT ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Bộ Kế hoạch và Đầu tư **[H1.06.02.05]**.

Để xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên cũng như tăng hiệu quả, chất lượng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực, Trung tâm Bồi dưỡng, Tư vấn và Phản biện chính sách xây dựng các bước chuẩn hóa Quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên và nhân viên tại Học viện Chính sách và Phát triển. Quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên và nhân viên này gồm 5 bước: Đánh giá nhu cầu đào tạo → Xác định rõ mục tiêu đào tạo → Xây dựng chương trình đào tạo → Tiến

hành đào tạo → Đánh giá kết quả đào tạo. Đặc biệt, việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, giảng viên và nhân viên tại Học viện thực hiện hàng năm (đầu năm) trên cơ sở mức độ cấp thiết, thực tế năng lực của nhân sự để đáp ứng yêu cầu trong công việc.

Tại Học viện, quy trình xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, giảng viên và nhân viên được thực hiện như sau:

1. Trung tâm Bồi dưỡng, Tư vấn và Phản biện chính sách xây dựng Công văn nội bộ gửi cho toàn bộ các đơn vị thuộc học viện lấy ý kiến về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, giảng viên và nhân viên kèm theo mẫu phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng;

2. Tổng hợp kết quả khảo sát và đề xuất những chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp chuyển sang Phòng Tổ chức – Hành chính;

3. Phòng Tổ chức – Hành chính và Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn phát triển rà soát và xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dựa trên yêu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên phù hợp với kế hoạch chiến lược của Học viện;

4. Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của năm, Phòng Tổ chức – Hành chính và Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn phát triển triển khai thực hiện cử đi học/tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo hiệu quả, chất lượng;

5. Báo cáo đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của năm.

Hàng năm kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được Học viện triển khai thực hiện đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên của Học viện. Trước năm 2022, Học viện phối hợp và cử cán bộ, giảng viên tham gia các khóa học, bồi dưỡng do Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Khóa bồi dưỡng chuyên viên chính và tương đương; Khóa bồi dưỡng chuyên viên và tương đương; Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp Phòng; Bồi dưỡng nghiệp vụ quốc phòng an ninh đối tượng 3, đối tượng 4... **[H1.06.04.03]**.

Với tính chất đặc thù của cơ sở đại học công lập, Học viện giao nhiệm vụ cho các GV có trình độ Thạc sĩ sau 05 năm phải tham gia CTĐT NCS ở các cơ sở đào tạo trong nước hoặc nước ngoài **[H1.06.04.04]**. Học viện coi đây là một điều kiện tiên quyết giảng viên cần thực hiện và đưa vào Quy định về đánh giá kết quả thực hiện công việc (KPI) tại Học viện để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên trong năm học.

Trong năm 2020, Học viện cử người tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài (gồm dài hạn, ngắn hạn), cử người tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước (gồm dài hạn, ngắn hạn). Tới năm 2021, Học viện cử người tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài (gồm dài hạn, ngắn hạn), cử người tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước (gồm dài hạn, ngắn hạn) **[H1.06.04.04]**.

Bảng 6.5. Tổng hợp số lượng cử bán bộ đi học tập bồi dưỡng từ 2018-2022

Hình thức ĐTBĐ	Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021			Năm 2022		
	Tổng g	NN (nước ngoài)	TN (trong nước)	Tổng g	N N	T N	Tổng g	N N	T N	Tổng g	N N	T N	Tổng g	N N	T N
Dài hạn	2	2	2	2		2	2		2	1		1	2	1	1
Ngắn hạn	3	3	3	4		4	2		2	3		3	4		4

Nguồn: Thống kê của Phòng Tổ chức – Hành chính

Trong giai đoạn từ năm 2018-2022, đội ngũ cán bộ, giảng, nhân viên của Học viện được tham gia đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn tùy theo các cấp độ, nội dung khác nhau trung bình ít nhất một lần. Nhiều cán bộ, giảng viên sau khi hoàn thành khóa học, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đã khẳng định và phát huy tốt vai trò, năng lực trong thực hiện chuyên môn của đơn vị. Nhiều cán bộ, giảng viên được Học viện xem xét bổ nhiệm, sắp xếp lại nhiệm vụ theo hướng tạo cơ hội để phát triển chuyên môn và nguyện vọng của cán bộ, giảng viên [H1.06.02.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Hệ thống việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị thuộc, trực thuộc, của đội ngũ viên chức, người lao động tại Học viện được quy định cụ thể trong Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện, Đề án vị trí việc làm... [H1.06.03.04]. Đối với hoạt động đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động thực hiện theo Quy định của Nhà nước, hướng dẫn. Đối với công tác thi đua, khen thưởng thực hiện theo Quy chế của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quy chế của Học viện. Thông qua các văn bản, quy định, quy chế đã ban hành, Học viện hướng tới việc thúc đẩy chung mọi hoạt động của Học viện, với trọng tâm là thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Nhằm đánh giá chính xác, minh bạch hiệu quả, kết quả thực hiện công việc tại các đơn vị, Học viện ban hành quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ GV, viên chức hành chính.

Dựa trên quyết định này, Học viện xác định mức khen thưởng tương ứng với kết quả công việc của từng cá nhân. Đồng thời kết hợp với quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức để xếp loại viên chức ở các mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ hoặc không hoàn thành nhiệm vụ; cùng với đó

là lồng ghép vào việc bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng trong năm. Đối với các cá nhân có thành tích xuất sắc, đủ tiêu chuẩn, điều kiện bình xét danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp ngành.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên

Giữ vai trò then chốt trong Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Học viện luôn quan tâm tới các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ viên chức, người lao động và dành nhiều nguồn lực để phát triển nguồn nhân lực trình độ cao tại Học viện [H1.06.05.01]. Học viện thường xuyên thực hiện việc rà soát, cập nhật, bổ sung và xây dựng các chế độ, chính sách mới nhằm phù hợp với những thay đổi trong chế độ, chính sách của Nhà nước. Bên cạnh đó, các văn bản về thực hiện chế độ chính sách của Học viện cũng thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới tại Học viện.

Chế độ, chính sách của Học viện được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, trong đó Quy chế Chi tiêu nội bộ là một trong những văn bản trọng tâm. Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện được ban hành kèm Quyết định số 959/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017 về việc Ban hành Quy chế thu chi nội bộ quy định về hoạt động thu, chi của Học viện, của các đơn vị, chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động và được bổ sung, chỉnh sửa tại Quyết định số 79/QĐ-HVCSPT ngày 09/02/2023 về việc Ban hành Quy chế thu chi nội bộ năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.06.06.01] Quy chế này được rà soát, bổ sung vào các năm 2023 nhằm đáp ứng những thay đổi của thời kỳ mới và nâng mức đãi ngộ đối với đội ngũ giảng viên, viên chức hành chính tại Học viện. Để tiến hành hoạt động rà soát hiệu quả, Học viện thành lập Ban soạn thảo do Phó Giám đốc Học viện làm trưởng ban, cùng với sự tham gia của các thành viên đại diện cho các phòng, khoa, đơn vị có liên quan.

Trong quá trình rà soát, Phòng Kế hoạch – Tài chính, đơn vị tham mưu, chủ trì việc soạn thảo Quy chế gửi email lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị trong toàn Học viện. Trên cơ sở email này, lãnh đạo các đơn vị triển khai đến các viên chức, người lao động trong đơn vị nghiên cứu, đóng góp ý kiến để chỉnh sửa, hoàn thiện Quy chế. Sau khi có ý kiến đóng góp của các đơn vị, Phòng Kế hoạch – Tài chính tổng hợp và báo cáo trong cuộc họp của Ban soạn thảo Quy chế cùng thảo luận và quyết định nội dung chỉnh sửa trước khi trình Giám đốc Học viện ban hành Quyết định chỉnh [H1.06.06.02].

Đối với hoạt động đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động, Học viện thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trên cơ sở quy định này, cuối mỗi năm học, Phòng Tổ chức – Hành chính tham mưu Giám đốc Học viện ban hành Công văn hướng dẫn các đơn vị triển khai công tác đánh giá, phân loại viên chức, người lao

động tại đơn vị [H1.06.05.04]

Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy chế, chế độ, chính sách được Học viện ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng [H1.06.06.01].

Đối với công tác thi đua, khen thưởng, Học viện xác định đây là hoạt động trọng tâm, liên quan trực tiếp tới chế độ, quyền lợi của đội ngũ viên chức, người lao động tại Học viện. Học viện đã ban hành Quyết định số 888/QĐ-HVCSPT ngày 16/10/2020 Quy chế hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính sách và Phát triển 2020 [H1.06.05.05] quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại Học viện. Quyết định này đã đóng góp tích cực vào việc khuyến khích, động viên tinh thần làm việc của đội ngũ viên chức, người lao động tại Học viện, đồng thời sử dụng kết quả thi đua, khen thưởng để quy hoạch nguồn nhân lực, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, trả thu nhập tăng thêm. Trên cơ sở quy định này, cuối mỗi năm học, Phòng Tổ chức – Hành chính tham mưu Giám đốc Học viện ban hành Công văn hướng dẫn các đơn vị triển khai công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị.

Như vậy, các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được Học viện thường xuyên rà soát, chỉnh sửa, bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp với những quy định mới được ban hành cũng như tình hình thực tế tại Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Với tầm nhìn là xây dựng Học viện là trường đại học uy tín, đào tạo đa ngành, liên ngành đạt chuẩn kiểm định quốc tế; trở thành đại học tự chủ, có hệ thống quản trị hiện đại gắn liền với chuyển đổi số trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động cộng đồng [H1.06.07.01], Học viện thường xuyên tiến hành rà soát, cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực để đáp ứng bối cảnh mới nhằm tạo động lực mới cho quá trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Về chế độ làm việc của đội ngũ giảng viên, Học viện xác định đây là nhóm đối tượng giữ vai trò nòng cốt trong Chiến lược phát triển. Vì vậy, những quy định về chế độ làm việc, quy định về nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên được quan tâm. Trên cơ sở Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT [H1.06.03.01], Học viện đã ban hành Quy chế Giảng viên [H1.06.03.01].

Bảng 6.6. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của Giảng viên

Chức danh Nhiệm vụ	Giảng viên (hạng III)	Giảng viên chính (hạng II)	Giảng viên cao cấp (hạng I)
Giảng dạy	810 giờ (270 giờ chuẩn)	810 giờ (270 giờ chuẩn)	810 giờ (270 giờ chuẩn)
Nghiên cứu khoa học	587 giờ	687 giờ	787 giờ
Thực hiện nhiệm vụ khác	363 giờ	263 giờ	163 giờ
Tổng cộng:	1760 giờ	1760 giờ	1760 giờ

(Nguồn: Phòng Tổ chức – Hành chính)

Giống như quy định về định mức giảng dạy, quy định về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên cũng được Học viện rà soát, bổ sung và cải tiến thường xuyên. Giám đốc Học viện đã ban hành Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 4/10/2021 [H1.06.07.02] quy định mới về nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cán bộ, giảng viên Học viện. Theo đó, tại Học viện, định mức nghiên cứu khoa học được quy định theo chức danh giảng viên được thể hiện ở Bảng 6.7 như sau:

Bảng 6.7. Định mức giờ nghiên cứu khoa học theo chức danh giảng viên

Định mức/Chức danh	GS/PGS/ GVCC	TS/ GVC	GV
Định mức giờ nghiên cứu khoa học	787	687	587

(Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác)

Bên cạnh đó, chế độ, chính sách đối với đội ngũ giảng viên, cán bộ phục vụ cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Học viện thường xuyên được rà soát, lấy ý kiến các đơn vị nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn đóng góp bộ phận này đối với sự phát triển chung của Học viện. Sau khi ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, Học viện đã rà soát, bổ sung vào các năm 2023 [H1.06.07.03], theo đó, chế độ thanh toán cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV và đội ngũ quản lý được nâng lên theo mặt bằng chung của các trường đại học và xã hội. Cụ thể, Học viện điều chỉnh đơn giá thanh toán vượt giờ, bổ sung các hệ số tăng thêm trong thanh toán như hệ số thâm niên (tính theo hệ số lương), các hệ số tăng thêm khác như chức danh giáo sư, phó giáo sư, học vị tiến sĩ, thạc sĩ. Bên cạnh đó, các mức chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học cũng được nâng lên nhằm khuyến khích, động viên đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện đã quy hoạch và xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; Công tác tuyển dụng viên chức, người lao động được Học viện đặc biệt quan tâm, thực hiện nghiêm túc, bài bản; các tiêu chí, điều kiện tuyển dụng được xây dựng và công bố công khai;

- Việc sắp xếp, bố trí nhân lực và lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm cán bộ quản lý ở Học viện được thực hiện với các tiêu chí rõ ràng, được công khai, minh bạch, đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của CSGDDH.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý được Học viện quan tâm, khuyến khích, đặc biệt là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao được đào tạo bài bản ở các cơ sở đào tạo uy tín, ở nước ngoài, vì vậy chất lượng đội ngũ giảng viên nói riêng và nguồn nhân lực tại Học viện nói chung trong thời gian qua đã được cải thiện rõ rệt. Số lượng giảng viên, viên chức quản lý có học vị tiến sĩ, học hàm phó giáo sư tăng nhanh.

- Chính sách thi đua, khen thưởng được cập nhật liên tục và có nhiều cải tiến quan trọng. Bên cạnh kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, việc bình xét các danh hiệu thi đua tại Học viện. Từ đó góp phần tạo nên không khí phấn khởi, tinh thần hăng say làm việc của tập thể, cá nhân trong toàn Học viện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Nhu cầu tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ, đặc biệt là các khóa tổ chức ở nước ngoài của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý tại CSGDDH cao tuy nhiên số lượng cử đi thực tế bị hạn chế bởi chỉ tiêu phân bổ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và tình hình tài chính tại Học viện.

- Chế độ lương, thưởng của Học viện mặc dù đã có nhiều thay đổi tích cực tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được hết tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ, viên chức tại Học viện vì bị phụ thuộc vào chế độ lương theo ngạch, bậc của Nhà nước và cơ chế chi thưởng theo mức độ tự chủ của Học viện.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Chủ động tìm nguồn, bố trí tăng kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng. Tìm kiếm, kết nối với các đối tác nước ngoài để đẩy mạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng	Phòng Tổ chức – Hành chính;	Năm học 2023-2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		giảng viên, cán bộ quản lý ở nước ngoài			
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng cơ chế lương, thưởng mới đáp ứng được hết tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ, viên chức tại CSGDDH gắn với mục tiêu tự chủ và cơ chế lương mới của Nhà nước.	Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Kế hoạch – Tài chính	Năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục duy trì và bổ sung các tiêu chí để tuyển dụng nhân sự chất lượng cao	Phòng Tổ chức – Hành chính;	Năm học 2023-2024	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường, chú trọng hơn nữa cho công tác quy hoạch cán bộ	Phòng Tổ chức – Hành chính;	Năm học 2023-2024	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Tăng cường, chú trọng hơn nữa cho công tác bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là khai thác lợi thế từ các dự án phối hợp với USAid	Phòng Tổ chức – Hành chính;	Năm học 2023-2024	
6	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa quy chế thi đua, khen thưởng để bám sát tình hình thực tế của Học viện, tạo động lực làm việc cho cán bộ, viên chức	Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Kế hoạch – Tài chính	Năm học 2023-2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	5
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	5
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

TIÊU CHUẨN 7. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tiêu chí 7.1: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Học viện Chính sách và Phát triển được thành lập theo Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Với 15 năm hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Hiện nay Học viện thực hiện đào tạo đa ngành và là nơi cung cấp nguồn nhân lực cho hệ thống doanh nghiệp, tài chính ngân hàng trong cả nước. Trong xu hướng cải cách giáo dục đại học, mức độ cạnh tranh và yêu cầu càng cao của thị trường lao động đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học phải có sự chuyển đổi mạnh mẽ và đồng bộ theo hướng đạt chuẩn và đáp ứng nhu cầu xã hội, từng bước tiếp cận chuẩn mực đào tạo quốc tế. Vì vậy, Học viện Chính sách và Phát triển đã điều chỉnh chiến lược phát triển để phù hợp với giai đoạn phát triển mới [H1.07.01.01]. Theo Chiến lược phát triển được ban hành, Học viện phấn đấu tự đảm bảo chi thường xuyên vào năm 2030, chậm nhất vào năm 2032, phù hợp quy định và lộ trình của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 156/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022.

Công tác tài chính và quản lý tài chính của Học viện luôn được quan tâm chú trọng từ việc tạo lập nguồn thu hợp pháp đáp ứng hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, đến việc chủ động lập kế hoạch tài chính, dự toán ngân sách hàng năm phù hợp với thực tế [H1.07.01.02] và phân bổ sử dụng ngân sách một cách hợp lý [H1.07.01.03].

Có bộ phận xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Hội đồng Học viện đã ban hành Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.07.01.04] và Nghị quyết số 01/NQ-HĐHVCSPT ngày 03/02/2021 về Quy chế nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động của Hội đồng HVCSPT [H1.07.01.05]; Giám đốc Học viện đã ban hành Quyết định số 292/QĐ-HVCSPT ngày 27/04/2021 về việc phân công nhiệm vụ Ban Giám đốc [H1.07.01.06] để đảm bảo thống nhất trong công tác quản lý, tạo sự chủ động và nâng cao trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành hoạt động chung của Học viện.

Về giám sát hoạt động tài chính, Hội đồng Học viện có chức năng ban hành quy chế quản lý tài chính, quy chế này đã được ban hành theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 [H1.07.01.04]; Hội đồng Học viện quyết định chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển Học viện; chính sách học phí, hỗ trợ người học; phê duyệt kế hoạch tài chính; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Học viện; quyết định chính sách tiền lương,

thường, quyền lợi khác của chức danh lãnh đạo, quản lý theo kết quả, hiệu quả công việc. Hội đồng Học viện quyết định chủ trương dự án đầu tư, sửa chữa và sử dụng tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở xuống thuộc thẩm quyền của học viện theo phân cấp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và quy chế tài chính của Học viện; phê duyệt kế hoạch, danh mục đầu tư, mua sắm, sửa chữa thường xuyên của Học viện.

Bộ phận quản lý tài chính: Phòng Kế hoạch - Tài chính phụ trách công tác tài chính của Học viện. Phòng Kế hoạch – Tài chính có nhiệm vụ tham mưu, giúp Giám đốc Học viện về công tác tài chính, kế toán; tổ chức quản lý và sử dụng các nguồn thu, kinh phí của Học viện theo chế độ quy định của Nhà nước. Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, đột xuất của Học viện; xây dựng dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước hàng năm; hướng dẫn công tác Tài chính - Kế toán, phổ biến các quy định của Nhà nước và của Học viện về quản lý tài chính, tài sản đối với các đơn vị trực thuộc Học viện; quản lý các nguồn thu chi theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và cơ chế quản lý tài chính của Học viện; thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Học viện giao. Hiện tại, Phòng Kế hoạch – Tài chính có 04 cán bộ đều có trình độ Thạc sĩ. Với quy mô hiện tại, Phòng Kế hoạch – Tài chính có đủ nhân lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài chính để thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao.

Bộ phận quản lý tài sản: Bộ phận Quản trị tài sản được tích hợp trong chức năng của Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo với chức năng: Giúp Giám đốc Học viện về công tác mua sắm trang thiết bị thuộc thẩm quyền của Học viện; sửa chữa, quản lý tài sản và quản trị cơ sở vật chất (đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, trang thiết bị...) của Học viện. Thực hiện mua sắm, thanh lý và theo dõi sử dụng hiệu quả tài sản, trang thiết bị của Học viện phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu, làm việc và học tập.

Chức năng và nhiệm vụ của Phòng Kế hoạch – Tài chính được quy định theo Quyết định số 26/QĐ-HVCS ngày 01/12/2008 của Giám đốc Học viện quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị tại Học viện Chính sách và Phát triển **[H1.07.01.07]**.

Có các văn bản chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được ban hành và triển khai thực hiện.

Học viện luôn xây dựng các chiến lược dài hạn và trung hạn phát triển nguồn lực tài chính, khai thác hiệu quả các nguồn tài chính khác nhau phục vụ các hoạt động chung của Học viện. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính là một phần quan trọng trong Chiến lược phát triển của Học viện trong mỗi giai đoạn cụ thể **[H1.07.01.01]**. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai thực hiện, kiểm soát, tăng cường các nguồn lực tài chính của Học viện hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Học viện.

Công tác lập kế hoạch tài chính được thực hiện định kỳ hàng năm **[H1.07.01.08]**. Căn cứ để lập kế hoạch tài chính được dựa trên: chỉ tiêu tuyển sinh được phân bổ hàng năm; quy mô sinh viên; mức học phí; Chiến lược phát triển của Học viện, số lượng người lao động của Học viện; kết quả thực hiện các công tác đào tạo, khoa học và công nghệ, các hoạt động khác... của năm trước và yêu cầu của năm kế hoạch **[H1.07.01.08]**. Các số liệu được các đơn vị chức năng trực tiếp cung cấp. Công tác lập kế hoạch và theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được triển khai qua hệ thống các phần mềm chuyên dụng như: phần mềm kế toán MISA **[H1.07.01.09]**, phần mềm quản lý đào tạo **[H1.07.01.10]** ... giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính.

Căn cứ tổng nguồn thu dự kiến và các quy định hiện hành, phòng Kế hoạch – Tài chính tổng hợp, phân tích, tính toán và cân đối chặt chẽ để lập dự toán chi tiết kinh phí năm học, trình Hội đồng Học viện thông qua và Ban Giám đốc Học viện sẽ ban hành Quyết định phân bổ ngân sách **[H1.07.01.03]**. Ngoài chi cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, khoản chi cho phát triển cơ sở vật chất thường chiếm một tỷ trọng lớn. Căn cứ các quy định của Luật NSNN, văn bản hướng dẫn của cơ quan chủ quản là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Học viện giao cho phòng Kế hoạch – Tài chính xây dựng dự toán ngân sách năm của Học viện báo cáo cơ quan chủ quản **[H1.07.01.02]**. Sau khi xét duyệt, cơ quan chủ quản có quyết định giao dự toán dự toán ngân sách cho Học viện theo từng loại khoản để thực hiện **[H1.07.01.11]**. Kế hoạch trung hạn và ngắn hạn được thực hiện và kết quả được thể hiện qua báo cáo quyết toán hàng năm. Kế hoạch tài chính dài hạn được thông qua tại Nghị quyết của Hội đồng trường; chiến lược phát triển và kế hoạch thực hiện chiến lược của Học viện. Căn cứ các văn bản chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn đã được ban hành, các đơn vị chức năng bao gồm: Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Phòng Chính trị và công tác sinh viên, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính... cùng các đơn vị chức năng liên quan triển khai các nhiệm vụ để thực hiện phát triển các nguồn lực tài chính của Học viện trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các kế hoạch tăng cường nguồn lực tài chính được xây dựng sát với thực tiễn và có tính khả thi.

Các quy chế, quy định được Học viện xây dựng, ban hành và thống nhất áp dụng để triển khai thực hiện và điều hành hoạt động tài chính như Quy chế Quản lý Tài chính **[H1.07.01.12]**; Quy chế chi tiêu nội bộ **[H1.07.01.13]**, Quy trình thanh toán **[H1.07.01.14]**. Căn cứ vào kết quả thực hiện hoạt động tài chính năm học, phòng Kế hoạch – Tài chính xây dựng các báo cáo quyết toán tài chính cuối năm **[H1.07.01.15]**. Báo cáo tài chính được Hội đồng trường thông qua và sau khi có biên bản thẩm định quyết toán của Bộ chủ quản **[H1.07.01.16]**, Học viện thực hiện công khai trên trang Web của Học viện theo Quy định **[H1.07.01.17]**. Số liệu về tình hình tài chính được công khai tại Hội

ngiht cán bộ viên chức hàng năm [H1.07.01.18]. Các nguồn tài chính của Học viện đều hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, hoạt động chung của Học viện, căn cứ kế hoạch nghiên cứu khoa học; kế hoạch đào tạo mở ngành; kế hoạch cung cấp các dịch vụ; kế hoạch tài chính hàng năm như dự toán thu chi ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên [H1.07.01.03]. Các nguồn thu được quy định rõ ràng, cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện Chính sách và Phát triển, bao gồm nguồn NSNN được cấp hàng năm thông qua các căn cứ lập dự toán theo Quyết định giao dự toán NSNN [H1.07.01.11] và các nguồn thu sự nghiệp khác từ học phí, phí, thu từ hoạt động dịch vụ, thu khác. Hướng tới lộ trình tự chủ tài chính, việc tăng cường các nguồn thu và phương thức quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn thu là một trong những nội dung quan trọng được Học viện đặt ra hiện nay.

Công tác tài chính của Học viện liên tục được rà soát hàng năm về các chính sách và hệ thống công cụ điều hành tài chính thông qua các ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ [H1.07.01.13] để cải tiến và sửa đổi phù hợp và áp dụng có hiệu quả. Công tác kiểm tra, kiểm toán công tác tài chính được kiểm tra bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư [H1.07.01.16], cơ quan kiểm toán nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền [H1.07.01.19]. Công tác quản lý tài chính được đánh giá là minh bạch, theo đúng quy định, không vi phạm các quy định về quản lý tài chính.

Học viện đã xây dựng các chiến lược và giải pháp cụ thể để tìm kiếm khai thác tất cả các nguồn tài chính khác nhau nhằm mục tiêu phát triển của Học viện. Một số chiến lược khai thác các nguồn tài chính giai đoạn từ 2018 đến 2023 đã được triển khai, cụ thể như:

- Chủ động đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng quy mô chương trình chất lượng cao và đào tạo quốc tế;
- Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước về đào tạo và nghiên cứu khoa học để tìm kiếm các nguồn tài trợ, học bổng.
- Tăng cường kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và hợp tác quốc tế, ưu tiên phát triển các chương trình đào tạo chất lượng quốc tế giảng dạy bằng tiếng Anh.
- Tạo cơ chế thuận lợi để khuyến khích sinh viên học ngành 2 song song.
- Tăng cường mở các khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn theo nhu cầu của học viên, phối hợp với các tổ chức, cá nhân bên ngoài trường theo hướng đào tạo theo hợp đồng, hợp tác liên kết. Tăng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, nghiên cứu khoa học, cho thuê địa điểm... để bổ sung nguồn tài chính cho hoạt động của Học viện.
- Sử dụng có hiệu quả tài sản, cơ sở vật chất nhằm tiết kiệm chi phí.
- Quản lý chặt chẽ điện nước khu nhà làm việc và khu nội trú sinh viên.
- Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chương trình chuyển đổi số quốc gia; đặc biệt chú trọng quản lý chất lượng đầu ra.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học. Đầu tư, trang bị cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng yêu cầu trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập và sinh hoạt ngoại khóa của người học.

- Đổi mới và triển khai có hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đặc biệt nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kinh tế số đối với sinh viên.

Qua 5 năm thực hiện các giải pháp công tác tài chính, Học viện đã khai thác đa dạng hóa các nguồn thu và cơ cấu thu nhằm đảm bảo sự ổn định tài chính và duy trì sự phát triển bền vững của Học viện. Thực hiện Quyết định số 1146/QĐ-BKHĐT ngày 27/7/2018 và Quyết định số 1977/QĐ-BKHĐT ngày 16/12//2019; Quyết định số 249/QĐ-BKHĐT ngày 21/3/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định phân cấp trong việc mua sắm và xử lý tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Học viện Chính sách và Phát triển thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện chế độ kế toán mới theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017. Học viện đạt mục tiêu tăng thu qua các năm, đảm bảo thu nhập cho người lao động trên cơ sở hoàn thành nhiệm vụ được giao, căn cứ theo kết quả lao động của cán bộ, viên chức gắn với kết quả công tác thi đua, góp phần thực hiện thành công kế hoạch hàng năm của Học viện. Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản. Đảm bảo các khoản thu, chi đúng chế độ Nhà nước, đồng thời quản lý tốt các nguồn thu, tiết kiệm chi góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, giảng viên. Thực hiện thu, nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế theo chính sách thuế Nhà nước. Việc chi tiêu của Học viện đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

Bảng 7.1. Các chỉ số tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ số tài chính	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng thu thường xuyên	46.407	54.475	65.378	73.014	98.713
Tổng chi thường xuyên	30.817	35.729	43.584	46.449	64.062
Chênh lệch thu chi	15.590	18.746	21.794	26.565	34.651
Trích lập quỹ	12.840	18.522	30.323	30.485	31.995
Thu nhập trung bình/cán bộ, giảng	8.266	10.108	11.506	12.887	12.107

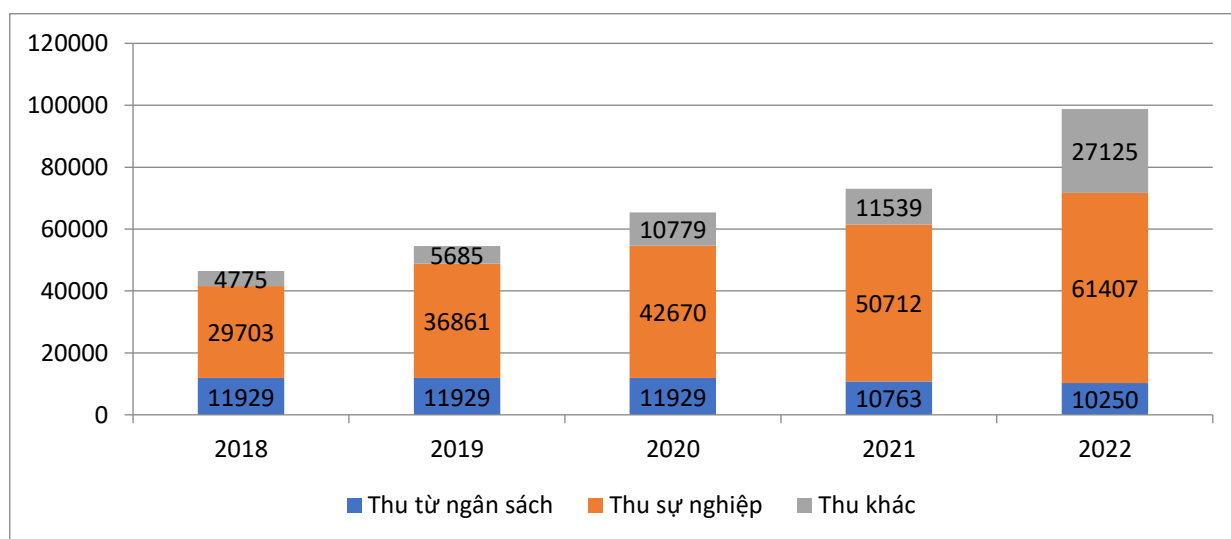
(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính)

Bảng 7.2. Cấu trúc nguồn thu của Học viện

Đơn vị: triệu đồng

Cấu trúc nguồn thu	2018	2019	2020	2021	2022
Ngân sách nhà nước cấp chi TX	11.929	11.929	11.929	10.763	10.250
Thu học phí	29.703	36.861	42.670	50.713	61.407
Thu khác	4.775	5.685	10.779	11.539	27.125
Tổng thu thường xuyên	46.407	54.475	65.378	73.014	98.782

(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính)

**Hình 7.1. Cơ cấu các nguồn thu giai đoạn 2018 - 2022**

(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính)

Nguồn thu chủ yếu của Học viện Chính sách và Phát triển là thu từ học phí (chiếm tỷ trọng trên 80% tổng nguồn thu). Việc thu học phí thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021. Từ năm học 2021-2022, Học viện thực hiện thu học phí theo hướng dẫn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; Thu sự nghiệp khác tuân thủ đúng quy định của pháp luật và chủ yếu là các hợp đồng tư vấn, hợp đồng nghiên cứu khoa học.

Bảng 7.4. Cấu trúc chi của Học viện

Đơn vị: triệu đồng

Cấu trúc nguồn chi	2018	2019	2020	2021	2022
Chi thanh toán cho cá nhân	23.515	28.253	33.368	37.914	44.564
Lương ngạch bậc + Phụ cấp	10.093	10.654	12.774	14.553	19.731

<i>Thanh toán cho cá nhân khác</i>	<i>13.422</i>	<i>17.599</i>	<i>20.594</i>	<i>23.361</i>	<i>24.833</i>
Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	56	11	153	66	15
Chi nghiên cứu khoa học	2.624	3.812	6.046	7.484	15.389
Chi về hàng hóa, dịch vụ	2.856	2.031	1.650	1.596	3.889
Chi học bổng	1.790	2.243	2.391	3.147	3.941
Chi mua sắm, sửa chữa	1.443	2.121	3.687	3.687	5.260
Chi miễn giảm học phí	628	549	600	600	600
Tổng chi thường xuyên	32.912	39.020	47.895	54.494	73.658

(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính)

Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị tài chính đều được tổ chức hàng năm. Báo cáo tài chính đầy đủ và được công khai tại các hội nghị này chỉ ra được tổng thể và toàn diện bức tranh tài chính của Học viện trong năm học [H1.07.01.20]. Các ý kiến góp ý của các cán bộ, viên chức toàn Học viện và các đơn vị chức năng tại các hội nghị đã đánh giá và ghi nhận cố gắng, nỗ lực của đơn vị chức năng trong công tác tài chính.

Học viện thực hiện việc kiểm soát và tự kiểm tra tài chính, kế toán, công tác xây dựng cơ bản, công tác đầu thầu nhằm tuân thủ quy định của pháp luật. Bộ phận Tài chính của Hội đồng Học viện có chức năng thực hiện công tác thanh tra, kiểm soát nội bộ theo đúng quy định, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo tính công khai, minh bạch và khách quan trong các công việc của Học viện. Kết quả thực hiện kiểm soát và tự kiểm tra cho thấy công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; các mẫu biểu báo cáo, quyết toán kinh phí NSNN lập theo danh mục và mẫu biểu do Bộ Tài chính ban hành và các báo cáo theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; việc lập và phân bổ dự toán thu chi đã tuân thủ theo quy định của Nhà nước, sự phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị trong việc lập và phân bổ dự toán thu chi; các chứng từ kế toán được lập đầy đủ các nội dung, các yếu tố theo quy định, chứng từ hợp lệ, hợp pháp, phản ánh đúng nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh. Việc tổ chức thực hiện dự toán, tổ chức thực hiện các biện pháp trong quản lý thu chi, thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài chính ngân sách, việc tổ chức thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị đã tuân thủ các quy định của Nhà nước.

Bên cạnh đó, công tác tài chính của Học viện hàng năm đều được kiểm tra bởi tài chính cấp 1 là văn phòng Bộ Kế hoạch và Đầu tư [H1.07.01.16], cơ quan kiểm toán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền [H1.07.01.19]. Công tác quản lý tài chính được đánh giá là minh bạch, theo đúng quy định, không vi phạm các quy định về quản lý tài chính. Các kiến nghị kiểm toán đều được Học viện tiếp thu, thực hiện nghiêm túc và có báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Học viện có diện tích khuôn viên đất 50.876 m² bao gồm 02 tòa nhà 6F và 7F phục vụ công tác đào tạo với diện tích sàn xây dựng khoảng 17.754m², tòa nhà Hiệu bộ diện tích xây dựng khoảng 37.511m² và tòa nhà kí túc xá và tòa nhà chuyên gia với diện tích xây dựng là: 10.377m². Toàn bộ diện tích khuôn viên đất của Học viện đều phục vụ hoạt động giáo dục, có quyết định giao đất số 4651/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội giao đất để quản lý và sử dụng làm cơ sở đào tạo **[H1.07.02.01]**.

Giảng đường, phòng học, phòng tập được đầu tư xây dựng với đầy đủ trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập. Phòng học được phân loại theo diện tích có khả năng đáp ứng nhu cầu tổ chức đào tạo đối với lớp học phần, quy mô sinh viên từ 40 sinh viên đến 1300 sinh viên, giảng dạy các môn học từ cơ bản đến cơ sở ngành và chuyên ngành. 100% phòng học tại Học viện đều được trang bị máy chiếu, bảng tương tác, điều hòa không khí, hệ thống âm thanh, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đào tạo **[H1.07.02.02]**.

Hội trường lớn có khả năng đáp ứng gần 1000 chỗ ngồi, cho phép tổ chức các sự kiện lớn và các hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn hóa. Các khu thể thao (*sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, bóng bàn, tennis*) được trang bị đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và rèn luyện sức khỏe cho người học và cán bộ, giảng viên của Học viện **[H1.07.02.03]**

Để đảm bảo các hoạt động quản lý, hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, Học viện đã đầu tư, cải tạo/bổ sung và hiện đại hóa: (i) các phòng ban chức năng phục vụ hoạt động quản lý chung của Học viện (*phòng bảo vệ có camera giám sát, phòng làm việc, khu vệ sinh, phòng nghiên cứu khoa học, Viện Đào tạo quốc tế, nhà xe, ...*); (ii) hệ thống các phòng học giảng đường (*các phòng học nhà 6F- 6 tầng tại tòa B và 7F – 7 tầng tại tòa C, Nhà thể chất tại nhà D, sân bóng đá ngoài trời*); (iii) bổ sung, cung cấp thiết bị, vật tư phục vụ các hoạt động học tập giảng dạy tại khu giảng đường và nhà tập bằng nguồn thu sự nghiệp và từ quỹ phát triển sự nghiệp của Học viện đảm bảo kế hoạch được phê duyệt theo quy định **[H1.07.02.04]**.

Đánh giá và bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị, cơ sở vật chất như bảo dưỡng hệ thống cấp/thoát nước, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống các máy móc như máy tính làm việc, thay thế sửa chữa bàn ghế tại giảng đường, máy chiếu được thực hiện định kỳ, tuân thủ các quy định và kế hoạch được duyệt **[H107.02.05]**

Công tác cải tạo, cải tiến, sửa chữa cơ sở vật chất các đơn vị, nhà làm việc đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học được thực hiện trong năm học 2018 - 2022 đáp ứng tốt mục tiêu chiến lược của Học viện năm 2020 - 2025 và tầm nhìn

2030 [H1.07.01.01].

Học viện liên tục cung cấp nguồn học liệu có tại thư viện [H1.07.02.06] và tài liệu online [H1.07.02.07], phần mềm quản lý thư viện điện tử, cải tạo nội thất thư viện, cung cấp thiết bị cho thư viện đáp ứng mục tiêu chiến lược của Học viện về phát triển cơ sở vật chất, hiện đại hóa thư viện, tạo không gian thư viện hiện đại và linh hoạt [H1.07.02.08].

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo là đơn vị chủ trì trong việc xây dựng, giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Trung tâm Hỗ trợ đào tạo có nhiệm vụ chủ yếu: (i) *Lập và thực hiện kế hoạch xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất bằng nguồn đầu tư phát triển;* (ii) *Tổ chức xây dựng, quản lý các dự án đầu tư phát triển (theo phân cấp và theo hình thức xã hội hóa);* (iii) *Lập và thực hiện kế hoạch xây dựng, cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất bằng nguồn thường xuyên;* (iv) *Xây dựng và hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, khai thác cơ sở vật chất [H1.07.02.09].*

Các kế hoạch đầu tư, kế hoạch mua sắm và cải tạo cơ sở vật chất được các đơn vị Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông xây dựng kế hoạch theo năm học. Trên cơ sở báo cáo của phòng Kế hoạch – Tài chính về kế hoạch nguồn chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển năm học, Ban Giám đốc xem xét và phê duyệt kế hoạch được đề xuất từ Trung tâm Hỗ trợ đào tạo để triển khai thực hiện [H1.07.02.04].

Các đơn vị chức năng liên quan khác được giao trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở vật chất; phối hợp đề xuất kế hoạch đánh giá, bảo trì và nâng cấp cơ sở vật chất, cụ thể như: Các phòng chức năng, các Trung tâm, Khoa/viện; ban Quản lý Ký túc xá, (cơ sở vật chất *phục vụ cộng đồng người học khu nội trú*). Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm tham gia nghiệm thu và bàn giao cơ sở vật chất đưa vào quản lý, khai thác và sử dụng; thực hiện các quy định về quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất đảm bảo an toàn, hiệu quả. Sau khi được bàn giao, tiếp nhận quản lý, khai thác và sử dụng, lãnh đạo đơn vị phân công cán bộ, viên chức chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất theo quy định của Học viện [H1.07.02.10]. Ngoài các kế hoạch thường xuyên năm học được Ban Giám đốc phê duyệt; trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng, cán bộ, viên chức/lãnh đạo đơn vị có thể trực tiếp gửi đề xuất khi có nhu cầu đến phòng Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo, xử lý, trình Ban Giám đốc phê duyệt và thực hiện theo chức năng nhiệm vụ và quy trình công việc.

Đối với các hoạt động thường xuyên: Căn cứ kế hoạch về cơ sở vật chất được đề xuất từ các đơn vị được giao quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở vật chất (*bộ môn, khoa; các phòng, ban; ...*), căn cứ số liệu thống kê các năm trước, nhu cầu về quy mô đào tạo và nghiên cứu khoa học năm tiếp theo và khả năng nguồn tài chính, Học viện xem xét thông qua kế hoạch năm học về đầu tư, bảo trì, nâng cấp và đánh giá cơ sở vật chất bao gồm:

phòng học giảng đường, hội trường, phòng hội thảo, phòng thực hành, phòng máy tính, thư viện và các trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Đối với các dự án đầu tư phát triển, kế hoạch trung hạn và dài hạn về cơ sở vật chất: Dự án được Ngân sách nhà nước cấp theo dự án Học viện thành lập Bộ phận điều hành dự án để quản lý theo quy định của Luật đầu tư công.

Học viện đã ban hành Quy định về quản lý và sử dụng tài sản công kèm theo Quyết định số 988/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018 trong đó quy định về cơ chế, chính sách liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các đơn vị được giao quản lý và sử dụng tài sản; trách nhiệm của các đơn vị chức năng trong việc quản lý tài sản; các quy định về mua sắm, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, xử lý tài sản, kiểm kê và thanh lý tài sản. Quy định về quản lý, sử dụng trang thiết bị thuộc lĩnh vực đào tạo tại Học viện được ban hành kèm theo Quyết định số 1368/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2022 về việc Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng giảng đường tại Học viện Chính sách và Phát triển. **[H1.07.02.11]**.

Các thủ tục và quy trình về đầu tư, quản lý khai thác cơ sở vật chất và hạ tầng đảm bảo các quy định về đầu tư, điều này được ghi nhận bởi đơn vị tài chính cấp 1- cơ quan chủ quản của Học viện, Kiểm toán Nhà nước thông qua các kết luận kiểm toán: (i) *Biên bản kiểm toán Nhà nước*; (ii) *Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm*. Sau khi kiểm tra công tác mua sắm, quản lý tài sản công (*tình hình hoạt động đấu thầu, báo cáo đánh giá*); kiểm tra công tác mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất.

Quy trình thực hiện thực hiện các hoạt động liên quan đến đầu tư, mua sắm, nâng cấp và bảo trì cơ sở vật chất đảm bảo đúng quy định theo Luật Đấu thầu. Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo là đơn vị chức năng tiếp nhận, xử lý các kiến nghị/đề xuất hoặc chủ động kế hoạch trình Ban Giám đốc phê duyệt và thực hiện theo quy trình.

Kết quả thống kê nhu cầu đầu tư cho cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, phương tiện dạy học, các phòng thực hành/thí nghiệm, trang thiết bị hàng năm đáp ứng quy mô và nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc quyết định đầu tư cơ sở vật chất và lập đề án tuyển sinh năm học tiếp theo **[H1.07.02.12]**. Đề án tuyển sinh hàng năm được công bố theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được công khai các điều kiện về cơ sở vật chất của Học viện đáp ứng yêu cầu về quy mô tuyển sinh **[H1.07.02.13]**.

Hoạt động đầu tư, phát triển cơ sở vật chất và hạ tầng được tổng kết và đánh giá hàng tháng tại hội nghị giao ban công tác tháng do Ban Giám đốc chủ trì. Trung tâm Hỗ trợ đào tạo gửi báo cáo kết quả đã thực hiện vào cuối tháng và kế hoạch triển khai của tháng tiếp theo cho Phòng Tổ chức – Hành chính. Phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp báo cáo từ các đơn vị và công khai tại giao ban công tác tháng của Học viện. Thông qua giao ban công tác tháng, Ban Giám đốc đánh giá, tổng kết các công việc đã thực hiện, ghi nhận ý kiến từ các đơn vị phối hợp, lắng nghe các đơn vị chức năng giải trình tồn tại, khó khăn, chỉ đạo hướng giải quyết. Lãnh đạo các đơn vị ghi nhận kết luận tại giao ban công tác tháng để triển khai thực hiện tại đơn vị. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng tháng của

lãnh đạo các đơn vị được Ban Giám đốc và tập thể lãnh đạo Học viện đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được quy định thống nhất và thực hiện theo nguyên tắc phân cấp đánh giá, cấp trên đánh giá cấp dưới cho đến từng cán bộ, viên chức. Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho phép Học viện phân bổ hưởng thu nhập tăng thêm hàng tháng [H1.07.02.14]; và công tác thi đua, khen thưởng cuối năm học [H1.07.02.15]. Cuối năm thực hiện kế hoạch kiểm kê tài sản nhằm mục đích đánh giá cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành. Việc đánh giá được thực hiện do Tổ kiểm kê tài sản, sau kiểm kê tài sản Tổ sẽ báo cáo với Giám đốc về những cơ sở vật chất không còn giá trị sử dụng và trình thanh lý [H1.07.02.16].

Sau khi kiểm kê tài sản, các đơn vị chủ động đề xuất thay thế những tài sản hỏng hóc vì vậy cơ sở vật chất ngày càng nâng cao đáp ứng nhu cầu giảng dạy học tập, yêu cầu thực hiện các mục tiêu chiến lược về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Kết quả khảo sát, đánh giá, phản hồi của các cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học có cho thấy việc đầu tư, sử dụng, việc quản lý cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị của Học viện trong 5 năm qua ngày càng hiện đại.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.3: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông (TT TT, TV&TT), được thành lập theo Quyết định số 828/QĐ-HVCSPT ngày 30/9/2019, có chức năng:

1.1 Tham mưu giúp Ban Giám đốc Học viện thống nhất quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; quản lý và vận hành hệ thống hạ tầng CNTT, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin của Học viện;

1.2. Tham mưu giúp Ban Giám đốc Học viện quản lý hoạt động Thư viện;

1.3. Tham mưu giúp Ban Giám đốc Học viện thực hiện quản lý công tác Truyền thông và Quan hệ công chúng; xây dựng, nâng cao hình ảnh và thương hiệu của Học viện;

1.4. Triển khai các hoạt động đào tạo trực tuyến (E-learning); ứng dụng công nghệ nhằm hiện đại hóa các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Học viện [H1.07.03.01].

Các đề xuất liên quan đến đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và bảo trì thiết bị CNTT được xuất phát từ các đơn vị và được gửi đến Trung tâm Hỗ trợ đào tạo; Trung tâm là đơn vị phối hợp để đánh giá, kiểm tra hiện trạng kỹ thuật, tham mưu và đề xuất phương án; Trung tâm Hỗ trợ đào tạo sau khi nhận được phương án đề xuất của Trung tâm, căn cứ các điều kiện về đầu tư (*tiêu chuẩn, định mức; quy định về quản lý tài sản công; nguồn kinh phí*) để trình Ban Giám đốc phê duyệt phương án và thực hiện các thủ tục đầu tư theo

quy định.

Các kế hoạch đầu tư, bảo trì, nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được Trung tâm chủ động lập kế hoạch năm học. Trên cơ sở báo cáo của phòng Kế hoạch – Tài chính về kế hoạch chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển CNTT năm học, Ban Giám đốc xem xét và phê duyệt kế hoạch được đề xuất từ Trung tâm, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, phòng Quản lý Đào tạo sau đó tổ chức thực hiện các hoạt động về đầu tư theo nguồn vốn được phê duyệt **[H1.07.03.02]**.

Các đơn vị chức năng liên quan được giao trực tiếp quản lý, sử dụng và khai thác thiết bị CNTT phối hợp đề xuất kế hoạch đầu tư, bảo trì và nâng cấp thiết bị CNTT Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, Phòng Quản lý Đào tạo; ban Quản lý Ký túc xá... Lãnh đạo các đơn vị tham gia nghiệm thu và bàn giao thiết bị CNTT đưa vào khai thác và sử dụng; thực hiện các quy định về quản lý, khai thác và sử dụng thiết bị CNTT đảm bảo an toàn, hiệu quả. Sau khi được bàn giao, tiếp nhận quản lý, khai thác và sử dụng, lãnh đạo đơn vị phân công cán bộ, viên chức chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, khai thác và sử dụng thiết bị CNTT theo quy định của Học viện **[H1.07.03.03]**. Ngoài các kế hoạch năm học được Ban Giám đốc phê duyệt; trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng thiết bị CNTT, cán bộ, viên chức/lãnh đạo đơn vị có thể trực tiếp gửi đề xuất đến các đơn vị chức năng tiếp nhận, xử lý và thực hiện quy trình công việc và trình Ban Giám đốc phê duyệt **[H1.07.03.04]**.

Quy định về quản lý và sử dụng tài sản công kèm theo Quyết định số 988/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018 trong đó quy định về cơ chế, chính sách liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các đơn vị được giao quản lý và sử dụng tài sản; trách nhiệm của các đơn vị chức năng trong việc quản lý tài sản; các quy định về mua sắm, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, xử lý tài sản, kiểm kê và thanh lý tài sản.

Các thủ tục và quy trình về đầu tư, quản lý khai thác thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT đảm bảo các quy định về đầu tư, điều này được ghi nhận về hồ sơ pháp lý, hồ sơ các gói thầu cơ bản đầy đủ theo quy quy định thông qua kết luận tại: (i) Báo cáo kiểm toán; (ii) Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm được thực hiện bởi văn phòng Bộ - đơn vị tài chính cấp 1 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Sau khi kiểm tra công tác mua sắm, quản lý tài sản công; kiểm tra công tác mua sắm trang thiết bị CNTT.

Quy trình thực hiện công việc liên quan đến đầu tư, mua sắm, nâng cấp và bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT đảm bảo đúng quy định. Trung tâm Hỗ trợ đào tạo là đơn vị chức năng tiếp nhận, xử lý các kiến nghị/đề xuất hoặc chủ động kế hoạch trình Ban Giám đốc phê duyệt và thực hiện theo quy trình **[H1.07.03.05]**

Quy định về quản lý và sử dụng tài sản công kèm theo Quyết định số 988/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018 trong đó quy định về cơ chế, chính sách liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các đơn vị được giao quản lý và sử dụng tài sản; trách nhiệm của các đơn vị chức năng trong việc quản lý tài sản; các quy định về mua sắm, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, xử lý tài sản, kiểm kê và thanh lý tài sản. **[H1.07.03.06]**.

Học viện đã xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2030 tầm nhìn đến 2045 trong đó xác định nhiệm vụ, kế hoạch và giải pháp nâng cấp, hiện đại hóa hạ tầng CNTT, điển hình như:

(i) *Đến năm 2025*: Chuyển đổi số mạnh mẽ để xây dựng nền tảng đại học thông minh, đại học số có tính chất mở, khả năng thích ứng và quốc tế hóa cao.

(ii) *Đến năm 2030*: Trở thành đại học thông minh, có hệ thống quản trị hiện đại và có tính quốc tế hóa cao **[H1.07.03.07]**.

Báo cáo tổng kết về triển khai nhiệm vụ CNTT được thực hiện và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Giáo dục và Đào tạo để đánh giá kết quả của hoạt động của CNTT hàng năm **[H1.07.03.08]**.

Các chỉ tiêu phân đấu chính của các kế hoạch trong giai đoạn từ 2018 đến 2022 được tổng kết và đánh giá hàng năm thông qua các báo cáo tổng kết năm học tại Hội nghị cán bộ, viên chức toàn Học viện **[H1.07.03.09]**.

Cụ thể như sau: (i) Ứng dụng CNTT trong quản lý thông qua hệ thống các phần mềm đã đưa vào sử dụng (*bao gồm hệ thống các phần mềm: quản lý đào tạo các hệ chính quy và phi chính quy; quản trị thư viện; quản lý khoa học và công nghệ; quản lý công văn; quản lý bảng thông tin điện tử; quản trị cổng thông tin điện tử; khảo sát giảng viên và sinh viên; khảo sát cố vấn học tập và cựu sinh viên; đào tạo trực tuyến e-learning; khung kiến trúc trường đại học điện tử*); (ii) Các dịch vụ ứng dụng CNTT (*đăng ký học tín chỉ, thời khóa biểu, tra cứu lịch thi, điểm thi; tra cứu học phí, nộp học phí trực tuyến qua cổng thông tin; đăng ký xét duyệt đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, bài báo, tổ chức hội nghị – hội thảo; tra cứu thư viện điện tử, đọc sách điện tử, tạp chí chuyên ngành; cấp các giấy tờ thủ tục hành chính; trên 40 website các đơn vị thuộc trường được xây dựng; cập nhật đầy đủ theo năm học 3 công khai của cơ sở Giáo dục đại học*); (iii) Ứng dụng CNTT hỗ trợ hoạt động dạy – học, đánh giá, nghiên cứu khoa học (*quản lý và điều hành hoạt động của thư viện điện tử, CSDL số hóa liên tục được cập nhật và kết nối được với các thư viện bên ngoài; phần mềm quản lý thư viện điện tử; đào tạo trực tuyến ứng dụng nền tảng công nghệ mã nguồn mở moodle được cấp phát đến từng giảng viên, sinh viên với tên miền @apd.edu.vn; cấp phát mới trên 2000 e-mail riêng cho sinh viên khóa, học viên sau đại học; áp dụng công nghệ Zoom, Google Meets trong tổ chức đào tạo dạy – học trực tuyến, đáp ứng yêu cầu về giãn cách và phòng chống dịch Covid-19 và đảm bảo kế hoạch đào tạo năm học 2021 – 2022*); (iv) Internet không dây (Wifi) đã được cung cấp đến cán bộ, viên chức và người học từ năm học 2014 – 2015 tại các khu vực công cộng; 100% phòng học máy tính có ứng dụng CNTT đã được đưa vào khai thác sử dụng từ năm học 2017 – 2018 (*được thay thế bổ sung hàng năm theo kế hoạch của Trung tâm đề xuất, các phòng máy thực hành tại TT CNTT đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của các Khoa, Viện tại trụ sở Học viện*). Nâng cấp hệ thống CNTT và cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý và đào tạo tại Học viện được triển khai từ cuối năm học 2018 – 2019 nhằm mục tiêu đầu tư hệ

thống mạng Internet không dây theo mô hình quản lý tập trung; trang thiết bị hiện đại; đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, công suất phục vụ và tốc độ truy cập nhanh (*hạng mục đầu tư tập trung vào: tăng cường năng lực hệ thống mạng, bảo mật; hệ thống máy chủ, lưu trữ; thiết bị CNTT*); **[H1.07.03.10]**.

Kết quả thống kê nhu cầu đầu tư cho trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT hàng năm đáp ứng quy mô và nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc quyết định đầu tư cơ sở vật chất và lập đề án tuyển sinh năm học tiếp theo. Đề án tuyển sinh hàng năm được công khai các điều kiện về trang thiết bị và cơ sở hạ tầng CNTT phù hợp với quy mô tuyển sinh đăng ký **[H1.07.03.11]**.

Ngoài chức năng tham mưu cho Học viện về hoạt động của CNTT, TT CNTT còn trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ: (i) Quản trị hệ thống mạng (*về cơ sở hạ tầng CNTT; máy chủ; cài đặt và nâng cấp hệ điều hành; cài đặt, cấu hình và vận hành hệ thống phần mềm bảo vệ CSDL; hệ thống đường truyền dẫn Internet, mạng LAN, Wifi; hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ các dịch vụ trên máy chủ, giám sát, phát hiện kịp thời, cảnh báo và xử lý sự cố 24/24h nhanh chóng*); (ii) Bố trí hỗ trợ kỹ thuật tại phòng máy tính thực hành; (iii) Quản lý và phát triển các phần mềm ứng dụng (*xây dựng mới website các đơn vị; tích hợp chữ ký số vào văn phòng điện tử; phối hợp với Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác xây dựng các module quản lý đề tài khoa học và công nghệ các cấp, quản lý báo, tạp chí; phối hợp với Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng xây dựng phần mềm lấy ý kiến người học về hoạt động của GV; xây dựng phiếu khảo sát về người học, về cán bộ, viên chức, về chương trình đào tạo và các mặt hoạt động của Học viện; phần mềm đăng ký và xét tuyển học bạ trực tuyến; phối hợp với phòng Chính trị và Công tác sinh viên xây dựng phiếu khảo sát đánh giá đánh giá rèn luyện sinh viên, bài thu hoạch trực tuyến, cập nhật thông tin hồ sơ người học, quản lý thi đua khen thưởng; phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo trong việc giám sát quá trình xây dựng phần mềm quản lý đào tạo*); (iv) Hỗ trợ các dịch vụ kỹ thuật CNTT liên quan đến máy tính, mạng máy tính, phần mềm ứng dụng, hỗ trợ hoạt động tuyển sinh; đào tạo các khóa phần mềm ứng dụng cho sinh viên các ngành (*12 lớp/năm học*); 100% người học nội trú được truy cập dịch vụ internet với tốc độ kết nối ổn định, truy cập nhanh, chi phí thấp.

Tồn tại và hạn chế cũng được đơn vị chức năng là TT CNTT chỉ ra trong các báo cáo tổng kết năm học của đơn vị để có giải pháp khắc phục và kế hoạch hành động cho năm học tiếp theo. Kế hoạch cải tiến sau đó được phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, phòng Kế hoạch – Tài chính đề xuất kế hoạch đầu tư, bảo trì, nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, trình Ban Giám đốc phê duyệt để thực hiện. Mức độ đáp ứng được đánh giá thông qua các ý kiến của cán bộ, viên chức và sinh viên tại các Hội nghị cán bộ, viên chức toàn Học viện và Hội nghị đối thoại sinh viên hàng năm. Một số tồn tại, hạn chế về hoạt động CNTT được Ban Giám đốc ghi nhận, chỉ đạo các đơn vị chức năng (Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, Phòng Kế hoạch –

Tài chính) đề xuất kế hoạch hành động trong năm học tiếp theo [H1.07.03.12].

Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông gửi báo cáo kết quả đã thực hiện vào cuối tháng và kế hoạch triển khai của tháng tiếp theo cho phòng Tổ chức – Hành chính. Phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp báo cáo từ các đơn vị và công khai tại cuộc họp giao ban mở rộng. Thông qua cuộc họp giao ban mở rộng công tác tháng; Hoạt động đầu tư, phát triển trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được tổng kết và đánh giá tại các báo cáo tổng kết tại Hội nghị cán bộ, viên chức năm học; báo cáo tổng kết tại Hội nghị cán bộ, viên chức của các đơn vị Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, phòng Kế hoạch – Tài chính; Hiệu quả đầu tư được đánh giá cao và ghi nhận qua các báo cáo tổng kết tại các Hội nghị cán bộ, viên chức năm học về các thành tích đã đạt được, các sáng kiến/giải pháp hữu hiệu; và được ghi nhận qua báo cáo thẩm tra tính hiệu quả của dự án [H1.07.01.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Năm 2008, Học viện Chính sách và Phát triển được thành lập. Năm 2009 Thư viện được thành lập [H1.07.04.01]; đến năm 2014, Thư viện sáp nhập về Phòng Quản lý Đào tạo. Năm 2019, bộ phận Thư viện được tách khỏi Phòng Quản lý Đào tạo, cùng với bộ phận CNTT tách từ Phòng Tổ chức – Hành chính và bộ phận Truyền thông sáp nhập thành Trung tâm Công nghệ Thông tin, Thư viện và Truyền thông [H1.07.04.02]. Trung tâm có chức năng tham mưu cho Ban Lãnh đạo Học viện về tổ chức, quản lý thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện (*cụ thể bao gồm: xây dựng vốn tài liệu; xử lý tài liệu; bộ máy tra cứu; tổ chức tài liệu; bảo quản tài liệu; kiểm kê thanh lọc tài liệu; dịch vụ thư viện; hoạt động truyền thông*) [H1.07.04.03]. Hiện nay Trung tâm Công nghệ Thông tin, Thư viện và Truyền thông tại trụ sở chính của Học viện được đặt tại tầng 3 khu giảng đường C với tổng diện tích sử dụng là 168m² bao gồm kho đọc, kho mượn và khu vực đọc sách có sức chứa 60 chỗ ngồi. Thư viện hiện có 02 nhân sự, trong đó có 01 Thạc sỹ và 01 cử nhân [H1.07.04.03]. Hàng năm nhân sự Thư viện được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Tổng số đầu sách dạng in trong Thư viện hiện có là 2.125 với tổng số là 28.265 bản, trong đó: 1.855 đầu sách tiếng Việt (26.588 bản) và 257 đầu sách tiếng Anh (1.677 bản) [H1.07.04.04].

Thư viện có 02 CSDL, trong đó: CSDL thư mục sách tiếng Việt hiện có 990 biểu ghi, CSDL toàn văn sách tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế và Quản lý ***Business Expert Press*** với 1.200 đầu sách ebook.

Ngoài ra, Thư viện còn có 28 đầu tạp chí khoa học chuyên ngành, 01 đầu báo phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu và giải trí đều được mua hàng năm [H1.07.01.05]. Thư viện có khoảng 1.454 khóa luận, 173 luận văn, 40 đề tài [H1.07.04.06].

Số lượng cán bộ của Thư viện hiện nay là 02 người, đều là nữ và có trình độ từ đại học trở lên. Bộ phận Thư viện đang trực thuộc Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông, chưa được thành lập Trung tâm Thông tin – Thư viện riêng [H1.07.04.01].

Giáo trình mua có 345 đầu sách (10.350 bản), giáo trình do Học viện tự xuất bản có 13 đầu sách (2.570 bản) [H1.07.04.07]. Tất cả sách, giáo trình, tạp chí và tài liệu tham khảo ... đều phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện.

Tổng diện tích sử dụng của Thư viện hiện nay là 168 m² bao gồm kho mượn, kho đọc và khu vực đọc sách có sức chứa khoảng 60 chỗ ngồi.

Ngày thường, Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc tất cả các ngày trong tuần (trừ thứ 7, chủ nhật và ngày lễ tết): sáng từ 8h -11h15, chiều từ 13h30 – 17h. Vào mùa thi, căn cứ vào yêu cầu ôn tập của sinh viên và lịch thi của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc ngoài giờ hành chính từ thứ 2 – thứ 6 (từ 17h -20h) và cả ngày thứ 7 theo giờ hành chính (*kèm theo Thông báo thay đổi lịch phục vụ bạn đọc tại Thư viện*).

Vào đầu mỗi năm học mới, căn cứ *Chương trình học Tuần sinh hoạt Công dân – Sinh viên đầu khoá*, Thông tin, Thư viện và Truyền thông (đơn vị quản lý bộ phận Thư viện từ 01/10/2019) đều cử chuyên viên Thư viện hướng dẫn cho tân sinh viên về cách sử dụng Thư viện Học viện, Nội quy và Quy chế xử lý vi phạm Nội quy, cách tìm kiếm và khai thác thông tin/ tài liệu trên Thư viện số [H1.07.04.08].

Thư viện tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng của mình đối với người dạy và người học tại Học viện định kỳ hàng năm. Kết quả khảo sát về Thư viện của 2 nhóm bạn đọc: nhóm cán bộ, giảng viên và nhóm sinh viên, học viên các năm 2017, 2019, 2021, 2022 [H1.07.04.09] đều được nộp về Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

Công tác bảo trì, đánh giá và tăng cường nguồn học liệu được Thông tin, Thư viện và Truyền thông chủ động xây dựng kế hoạch, thực hiện quy trình bổ sung tài liệu hàng năm [H1.07.04.10]. Cuối mỗi năm, các tài liệu (*giáo trình, bài giảng, luận văn, luận án, khoá luận, đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu tham khảo, tạp chí*) được thống kê, rà soát về số lượng và tình trạng để tu bổ hoặc thanh lọc, thanh lý; đồng thời, căn cứ theo đề xuất của các khoa, bộ môn, Viện Đào tạo Quốc tế, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông tổng hợp, lập kế hoạch tìm kiếm thông tin trên thị trường xuất bản, tư vấn về loại

hình, năm xuất bản,... của tài liệu, trình Ban Giám đốc Học viện phê duyệt Danh mục và kinh phí. Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện quy trình thủ tục mua sắm tài liệu theo quy định **[H1.07.04.11]**.

Đối với giáo trình và tài liệu học tập của Học viện, việc xuất bản được thực hiện theo quy định về tổ chức biên soạn, xuất bản của Học viện (*trình duyệt; thực hiện các thủ tục về hợp đồng xuất bản với các cá nhân/tác giả; tổ chức thẩm định tài liệu; tổ chức hội đồng nghiệm thu tài liệu có sự tham gia của lãnh đạo bộ môn và khoa chuyên môn; thanh quyết toán hợp đồng*). Sau khi được xuất bản, tài liệu được chuyển giao về Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông để đưa vào nguồn học liệu Thư viện theo quy định về lưu trữ và phát hành tới người học **[H1.07.04.12]**.

Công tác số hóa tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu toàn văn tài liệu nội sinh phục vụ người dùng tra cứu, sử dụng đã được tiến hành từ năm 2014 (với khóa luận, luận văn, sách chuyên khảo Chính sách công do Học viện xuất bản); cơ sở dữ liệu thư mục sách tiếng Việt được tiến hành lần 1 năm 2012 trên phần mềm quản trị thư viện Ilib (2012- 7/2019) **[H1.07.04.13]**, lần 2 năm 2022 trên phần mềm quản trị thư viện Kipos (8/2022 – nay) **[H1.07.04.14]**. Cơ sở dữ liệu toàn văn sách tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế và Quản lý Business Expert Press (viết tắt là BEP) mua quyền truy cập năm 2023 **[H1.07.04.15]**. Đến nay, nguồn tài liệu nội sinh của Học viện có 173 bản luận văn thạc sỹ; 1.454 bản khóa luận tốt nghiệp; 40 bản đề tài nghiên cứu khoa học; 1.454 file toàn văn khóa luận tốt nghiệp giai đoạn 2014 - 2022. Đồng thời, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông đặt mua sách, tạp chí chuyên ngành từ các nhà xuất bản và tham gia các mạng lưới liên kết thư viện để mua chung CSDL toàn văn trực tuyến với số lượng tài liệu đồ sộ, cập nhật, có giá trị khoa học cao, bao phủ toàn bộ các chuyên ngành đào tạo của Học viện **[H1.07.04.16]**.

Thư viện có hai máy tính phục vụ cán bộ Thư viện làm việc và 02 máy tính cho bạn đọc tra cứu tài liệu.

Từ tháng 8 năm 2022, Thư viện được trang bị phần mềm tích hợp quản trị thư viện Kipos (thuê theo năm) với kinh phí 80 triệu đồng/ năm gồm 5 module: bổ sung, biên mục, tra cứu OPAC, lưu thông, Cổng thông tin thư viện. Hiện nay, Thư viện đang trong quá trình biên mục sách để đưa dữ liệu lên phần mềm phục vụ người sử dụng và quản lý tài nguyên thông tin dạng giấy **[H1.07.04.17]**.

Học viện có ký hợp đồng sử dụng tài liệu với Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VDOC để xây dựng thư viện số của Học viện tại địa chỉ: <http://thuvienso.apd.edu.vn/> và có liên kết tới thư viện số của khoảng 84 trường đại học, cao đẳng trong cả nước. Tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên đang làm việc, học tập và nghiên cứu tại Học viện đều được cấp tài khoản sử dụng thư viện số miễn phí **[H1.07.04.18]**.

Hạ tầng CNTT được trang bị đủ điều kiện để cán bộ thư viện tác nghiệp trực tuyến trên phần mềm, xử lý tài liệu, quản trị CSDL tài liệu và CSDL bạn đọc, cung cấp dịch vụ thư viện; bạn đọc truy cập Cổng thông tin để tra cứu tài liệu thư viện, đặt các yêu cầu dịch vụ mong muốn và sử dụng tài liệu.

Trung tâm CNTT, TV&TT định kỳ thống kê số lượng bạn đọc đến đọc tại chỗ, mượn tài liệu, truy cập Cổng thông tin thư viện điện tử, đọc tài liệu số, sử dụng dịch vụ thư viện **[H1.07.04.19]**. Hàng năm, Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông thực hiện khảo sát ý kiến của bạn đọc về chất lượng nguồn tài liệu, cơ sở vật chất và chất lượng dịch vụ thư viện, đánh giá hiệu quả hoạt động thư viện để làm cơ sở lập kế hoạch cải tạo, nâng cấp Thư viện về quy mô, điều kiện cơ sở vật chất, phát triển nguồn học liệu, tăng cường chất lượng dịch vụ thông tin, thư viện **[H1.07.04.20]**.

Trung tâm phối hợp với Đoàn Thanh niên và Câu lạc bộ Sách Học viện tổ chức các hoạt động lan toả văn hoá đọc trong cộng đồng Học viện thông qua chương trình như: toạ đàm, tập huấn kỹ năng thông tin; tuyên truyền, giới thiệu sách sách mới... **[H1.07.04.21]**.

Theo định kỳ hàng tháng, quý, học kỳ và năm học, năm tài chính, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông báo cáo kết quả công tác, đề xuất kế hoạch bảo trì, đầu tư tăng cường các nguồn lực Thư viện trình Ban Giám đốc xét duyệt chủ trương đầu tư **[H1.07.04.22]**.

Trong quá trình vận hành, căn cứ theo hiện trạng và nhu cầu phát sinh, Trung tâm CNTT, TV&TT lập báo cáo đề xuất các giải pháp về chính sách, cơ chế, đầu tư cơ sở vật chất, nguồn học liệu, nhân sự và kinh phí để đáp ứng kịp thời, đảm bảo cung cấp môi trường thư viện tốt nhất cho giảng viên và người học **[H1.07.04.23]**.

Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo được thành lập theo Quyết định số 959/QĐ-HVCSPT ngày 21/12/2018 **[H1.07.04.24]**, Ban Hỗ trợ đào tạo thuộc Trung tâm Hỗ trợ đào tạo có chức năng: *(i) xây dựng kế hoạch quản lý và tổ chức điều độ giảng đường; (ii) quản lý trang thiết bị giảng đường; (iii) lập kế hoạch sửa chữa, thay thế thiết bị giảng đường theo phân cấp*. Đối với kế hoạch sửa chữa nhỏ, thay thế kịp thời các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, Ban Hỗ trợ đào tạo chủ động báo cáo về Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo để lập kế hoạch và thực hiện sau khi được Ban Giám đốc phê duyệt. Đối với kế hoạch đầu tư, bảo trì, nâng cấp thiết bị hỗ trợ giảng dạy, Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo là đơn vị tiếp nhận đề xuất từ các đơn vị thuộc Học viện, trình Ban Giám đốc phê duyệt và thực hiện **[H1.07.04.25]**. Quá trình thực hiện, Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo có chức năng quản lý dự án về thủ tục pháp lý về lựa chọn nhà thầu lập hồ sơ dự án; trình phê duyệt/thẩm định dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công; giám sát quá trình thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh quyết toán hợp đồng. Ban Hỗ trợ đào tạo đóng vai trò phối hợp giám sát yêu cầu của dự án thiết bị hỗ trợ giảng dạy. Kết thúc dự án, Ban Hỗ trợ đào tạo là đơn vị được bàn giao để quản lý, khai thác, vận hành thiết bị hỗ trợ giảng

dạy; và chủ động xử lý các vấn đề kỹ thuật được phân công và phân cấp khi có yêu cầu từ cán bộ, giảng viên trong quá trình sử dụng.

Ngoài các đề xuất chủ yếu của Ban Hỗ trợ đào tạo về việc đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và bảo trì thiết bị hỗ trợ giảng dạy, các đơn vị khác được giao quản lý có thể tham gia đề xuất khi có yêu cầu.

Đối với các kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập định kỳ/thường xuyên được các đơn vị chức năng Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo dự kiến trong phương hướng của năm học tiếp theo tại các báo cáo tổng kết năm học và được thông qua tại hội nghị tổng kết năm học của đơn vị. Chi tiết kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất thường xuyên năm học (*về nội dung/hạng mục, thời gian thực hiện, đơn vị thực hiện và các đơn vị phối hợp*) sau đó được trình Ban Giám đốc và phòng Kế hoạch – Tài chính phối hợp bố trí nguồn để triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt. Ngoài các kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch định kỳ/thường xuyên năm học, trong quá trình sử dụng, các đơn vị chức năng được giao quản lý cơ sở vật chất trực tiếp xử lý kỹ thuật theo phân cấp hoặc gửi đề xuất đến Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo để xây dựng kế hoạch, trình duyệt và triển khai thực hiện. Dự án hoàn thành được bàn giao cho các đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác và sử dụng.

Các báo cáo tổng kết công tác năm học của Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo thông tin về các kết quả công tác năm học về đầu tư cho các nguồn lực học tập, nguồn học liệu của thư viện, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy tại các phòng thực hành/giảng đường, các vấn đề còn tồn tại được ghi nhận tại các báo cáo và được trao đổi/thảo luận tại hội nghị cán bộ viên chức toàn Học viện, đối thoại giữa Học viện với các đơn vị chức năng và cán bộ, viên chức làm cơ sở để Học viện xây dựng kế hoạch cải tiến, rà soát và kịp thời điều chỉnh đáp ứng yêu cầu về hiệu quả đầu tư, khai thác nguồn lực về học tập [H1.07.04.25].

Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành

Bộ phận Y tế được thành lập theo Quyết định số 557/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2010, có chức năng giúp Giám đốc Học viện thực hiện chức năng quản lý, theo dõi và chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên trong Học viện bao gồm các nhiệm vụ cụ thể: (i) *Quản lý cán bộ nhân viên thuộc Ban theo phân cấp của Giám đốc;* (ii) *xây dựng kế hoạch và kinh phí hoạt động của bộ phận Y tế cho từng năm học; từng khóa học;* (iii) *Tổ chức thực hiện công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, viên chức và sinh viên trong Học viện* (iv) *Tuyên truyền, giáo dục, tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe* (v) *Tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ*

sinh môi trường; phòng chống các dịch bệnh, bệnh tật học đường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV/AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học (vi) Phối hợp với cơ sở y tế địa phương và các ngành liên quan trong việc triển khai thực hiện các hoạt động y tế trường học và các hoạt động y tế khác (vii) chủ trì phối hợp với các đơn vị, đoàn thể trong Học viện thực hiện có hiệu quả công tác y tế trường học, kiểm tra và xây dựng môi trường học lành mạnh, an toàn (viii) Thực hiện sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả triển khai công tác y tế trường học theo quy định (ix) tham gia các hoạt động đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Học viện giao [H1.07.05.01].

Người học được khám sức khỏe tuyển sinh tại thời điểm nhập học, phân loại sức khỏe, quản lý và tư vấn kịp thời cho sinh viên. 100% sinh viên được tham gia khám sức khỏe khi nhập học. Bộ phận Y tế là đơn vị chức năng, trực tiếp liên hệ với các bệnh viện, căn cứ quy mô sinh viên và khả năng của đơn vị y tế phối hợp thực hiện, Bộ phận Y tế trình Ban Giám đốc phê duyệt kế hoạch và đơn vị phối hợp thực hiện khám sức khỏe cho sinh viên đầu vào [H1.07.05.02]. Các đơn vị chức năng như phòng Quản lý Đào tạo, tổ Bảo vệ, Đoàn thanh niên phối hợp trong việc hướng dẫn ghi hồ sơ và công tác trật tự; cung cấp nước và tăng cường vệ sinh giảng đường. Bên cạnh việc thực hiện theo kế hoạch được duyệt, Bộ phận Y tế thực hiện khám sức khỏe và khám chữa bệnh cho các sinh viên của Học viện mỗi khi có nhu cầu. Ngoài ra, Bộ phận Y tế trực tiếp được giao nhiệm vụ lập kế hoạch về bảo hiểm y tế sinh viên, gửi thông báo đến các lớp sinh viên toàn Học viện triển khai hoạt động bảo hiểm y tế (*đối tượng tham gia, mức đóng bảo hiểm y tế, hình thức và thời gian nộp tiền bảo hiểm y tế, quy trình thực hiện*), bao gồm cả sinh viên thuộc nhóm đối tượng chính sách, sinh viên đang tham gia bảo hiểm y tế tại địa phương [H1.07.05.03].

Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ năm học cho cán bộ, viên chức toàn Học viện; theo dõi, quản lý hồ sơ sức khỏe của cán bộ, viên chức; khám bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm y tế được Bộ phận Y tế phối hợp với Công đoàn Học viện lập, tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm (*vào tháng 10 hoặc tháng 11 hàng năm*) cho cán bộ, viên chức toàn Học viện trình Ban Giám đốc. Sau khi kế hoạch được phê duyệt, Bộ phận Y tế có trách nhiệm thông báo kế hoạch khám sức khỏe định kỳ đến toàn thể cán bộ, viên chức chi tiết về lịch khám theo đơn vị, nội dung khám, đồng thời kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng, hoàn tất các thủ tục thanh quyết toán và báo cáo Học viện theo quy định. Nguồn kinh phí khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, viên chức được trích từ quỹ phúc lợi của Học viện theo quy định [H1.07.05.04]. Tổng kinh phí đầu tư cho chăm sóc sức khỏe trong 5 năm từ 2018 đến 2022 hơn 2.4 tỷ đồng, trung bình khoảng 487 triệu/năm.

Từ năm 2020 khi Học viện chuyển về trụ sở riêng tại Khu đô thị Nam An Khánh,

công tác khử khuẩn, vệ sinh môi trường luôn được Ban Giám đốc chú trọng. Đề đối phó với dịch bệnh như Covid 19, sốt xuất huyết Học viện luôn thực hiện khử trùng khử khuẩn khu toàn bộ khuôn viên Học viện từ các khu nhà làm việc, Khu kí túc xá.... Công tác phun khử khuẩn vệ sinh môi trường định kỳ/đợt xuất khi có yêu cầu tại các khu nhà làm việc, các giảng đường và ký túc xá (*trong đó số liệu diện tích xử lý được thống kê chi tiết theo địa điểm, số tầng, diện tích, tổng diện tích*) [H1.07.05.05].

100% phòng học của Học viện tại trụ sở Nam An Khánh đều được trang bị hệ thống điều hòa không khí tạo môi trường học tập thuận lợi, đảm bảo môi trường sức khỏe cho người học và giảng viên tại các khu giảng đường trong điều kiện thời tiết mùa hè. Hội trường lớn với hệ thống âm thanh ánh sáng chuyên nghiệp được sử dụng cho việc tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ miễn phí cho người học và cho cán bộ, viên chức toàn Học viện [H1.07.05.06]. Sân vận động, khu vui chơi trong khuôn viên Học viện phục vụ miễn phí cho người học

Các câu lạc bộ văn hóa thể thao của sinh viên hoạt động thường xuyên, ổn định theo kế hoạch của Đoàn Thanh niên Học viện [H1.07.05.07].

Thông qua kế hoạch đã được xây dựng, trường đã tổ chức cho người học tham gia rất nhiều hoạt động vui chơi giải trí, các cuộc thi, tìm hiểu kiến thức, các hoạt động TĐTT, rèn luyện sức khỏe. Các khu vực sân bóng đá; sân bóng chuyền; các nhà luyện tập cầu lông, bóng bàn, bóng rổ; sân thể thao ngoài trời cả khu vực giảng đường và khu ký túc xá được Học viện đầu tư, nâng cấp và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng phục vụ các hoạt động thể thao của sinh viên ngoài giờ học/kể cả buổi tối nhằm tăng cường sức khỏe cho người học [H1.07.05.08].

Những hoạt động hỗ trợ người học về chế độ chính sách, khám sức khỏe và các hoạt động khác mang đến cho người học chất lượng cuộc sống tốt. Điều này được ghi nhận tại hội nghị đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với Học viện và các đơn vị chức năng được tổ chức cuối các Học kỳ [H1.07.05.09]

Đối với các kế hoạch đầu tư về môi trường, sức khỏe định kỳ/thường xuyên được Học viện quan tâm và được đưa vào dự kiến trong phương hướng của năm học tiếp theo tại các báo cáo tổng kết năm học và được thông qua tại hội nghị tổng kết năm học của Học viện và Ban Giám đốc luôn bố trí nguồn để triển khai thực hiện theo kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho sinh viên và cho cán bộ, viên chức do Bộ phận Y tế đề xuất. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, các đơn vị liên quan đến môi trường, sức khỏe có thể gửi đề xuất đến Bộ phận Y tế để xây dựng kế hoạch, trình duyệt và triển khai thực hiện.

Hàng năm, căn cứ hoạt động tài chính của năm học trước, nguồn thu dự kiến của năm kế hoạch, các quy định hiện hành, phòng Kế hoạch – Tài chính tổng hợp, phân tích và cân đối để lập dự toán chi tiết trình Ban Giám đốc phê duyệt phân bổ kinh phí cho năm học.

[H1.07.05.10].

Công tác thống kê số lượng thẻ khám, chữa bệnh được Bộ phận Y tế thống kê tại các báo cáo tổng kết năm học (*trung bình trên 5000 thẻ khám chữa bệnh/năm học*) để theo dõi, đánh giá nhu cầu của sinh viên, cán bộ, viên chức toàn Học viện làm cơ sở để nâng cao chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp phục vụ tốt hơn đối với hoạt động y tế, cải tiến môi trường và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Bộ phận Y tế **[H1.07.05.11]**.

Các báo cáo tổng kết công tác năm học của Bộ phận Y tế về các kết quả công tác năm học về cải tiến môi trường, chăm sóc sức khỏe, sự an toàn đối với người học, các vấn đề còn tồn tại được ghi nhận tại các báo cáo và được trao đổi/thảo luận tại hội nghị cán bộ viên chức toàn Học viện đối thoại giữa Học viện, các đơn vị chức năng và cán bộ, viên chức làm cơ sở để Học viện xây dựng kế hoạch cải tiến, rà soát và kịp thời điều chỉnh đáp ứng yêu cầu về theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư, cải thiện môi trường, sức khỏe, sự an toàn đối với người học, người có nhu cầu đặc biệt **[H1.07.05.12]**. Hàng năm, sinh viên và giảng viên góp ý kiến về cơ sở vật chất. Nhìn chung đều được đánh giá là tốt, cơ sở vật chất ngày càng khang trang, hiện đại phục vụ tốt nhu cầu ngày càng cao của người học **[H1.07.05.13]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7**1. Tóm tắt các điểm mạnh**

- Về quản lý tài chính, Học viện chính sách và Phát triển đã chủ động sử dụng kinh phí giao hiệu quả hơn khi thực hiện nhiệm vụ; chủ động trong sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng hiệu quả nguồn lực, thúc đẩy phát triển các hoạt động sự nghiệp, qua đó góp phần khai thác và tăng nguồn thu, tiết kiệm chi, nâng cao hiệu quả hoạt động sự nghiệp, từng bước giảm dần hỗ trợ từ NSNN;

- Về cơ sở vật chất, Học viện chủ động lập kế hoạch nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phòng học, giảng đường hiện tại đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ người học. Thực hiện các kế hoạch đánh giá, quy định về bảo dưỡng, cải tiến cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị dạy và học, thiết bị đào tạo, thí nghiệm/thực hành, thiết bị công nghệ thông tin và nguồn học liệu phục vụ người học;

- Về học liệu, hạ tầng CNTT, mạng lưới công nghệ thông tin hiện đại và đồng bộ, thư viện số hiện đại, có khả năng kết nối và chia sẻ thông tin. Chủ động lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng nhu cầu của người học;

- Các chế độ chính sách xã hội liên quan đến người học được thực hiện theo kế hoạch và có hiệu quả; các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao thu hút được đông đảo

người học tham gia. Người học được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường; được quan tâm chăm sóc về sức khỏe khám chữa bệnh; công tác tuyên truyền về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và chăm sóc sức khỏe cho người học luôn được chú trọng; quy chế học tập, quy chế rèn luyện và phòng chống các tệ nạn xã hội được triển khai đến người học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Nguồn thu học phí theo quy định của Nhà nước chưa đáp ứng theo yêu cầu của tự chủ đại học. Nguồn thu chủ yếu phụ thuộc vào số lượng người học trong bối cảnh hiện nay số lượng người học đang giảm đi. Thu dịch vụ gặp khó khăn mức thu thấp; Quy chế chi tiêu nội bộ còn chưa theo kịp các hoạt động thực tế phát sinh của Học viện; việc triển khai các kế hoạch tài chính đôi khi gặp khó khăn do phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài;

- Tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài tại thư viện chưa thực sự phong phú về chủng loại; văn bản phổ biến quy định, quy chế an toàn, an ninh cho toàn thể cán bộ và sinh viên trong Học viện còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tổ chức tốt việc khai thác mở rộng các nguồn thu, đặc biệt các nguồn thu từ hoạt động đào tạo và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất: Mở rộng quy mô đào tạo chương trình chất lượng cao; triển khai hoạt động đào tạo liên kết quốc tế; Tăng cường kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và hợp tác quốc tế, ưu tiên phát triển các chương trình đào tạo chất lượng quốc tế giảng dạy bằng tiếng Anh; Tạo cơ chế thuận lợi để khuyến khích sinh viên học ngành 2 song song; Tăng cường mở các khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn; Tăng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, nghiên cứu khoa học, cho thuê địa điểm... để bổ sung nguồn tài chính cho hoạt động của Học viện.	P. Quản lý đào tạo đầu mối; Viện Đào tạo Quốc tế; Trung tâm tư vấn và Phản biện Chính sách; P. Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị liên quan phối hợp	2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Khắc phục tồn tại 2	Học viện Chính sách và Phát triển đã xây dựng kế hoạch và tiến hành nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin, trong đó tập trung kinh phí cho nâng cấp các phần mềm quản lý thư viện hiện tại và trang bị phần mềm thư viện số nhằm nâng cao khả năng kết nối mạng với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước, phục vụ hiệu quả nhu cầu người học, giảng viên.	Trung tâm CNTT Thư viện và Truyền thông là đầu mối; P. Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị liên quan phối hợp	2024	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Chủ động sử dụng kinh phí giao hiệu quả hơn khi thực hiện nhiệm vụ; chủ động trong sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng hiệu quả nguồn lực.	Phòng Kế hoạch – Tài chính	2024	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phòng học, giảng đường hiện tại đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ người học.	Phòng Kế hoạch – Tài chính	2024	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Chủ động lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến.	Phòng Kế hoạch – Tài chính	2024	
6	Phát huy điểm mạnh 4	Chú trọng chế độ chính sách xã hội liên quan đến người học được thực hiện theo kế hoạch và có hiệu quả; các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao	Phòng Kế hoạch – Tài chính	2024	

4. Đánh giá chung

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7	5
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	5

TIÊU CHUẨN 8: CÁC MẠNG LƯỚI VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế của quốc gia nói chung và ngành giáo dục đào tạo nói riêng, Học viện đã nêu rõ quyết tâm phát triển, tham gia vào tiến trình toàn cầu hóa. Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 “Xây dựng Học viện Chính sách và Phát triển trở thành cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trong lĩnh vực kinh tế và chính sách phát triển, có uy tín trong hệ thống giáo dục quốc dân; trở thành cơ sở nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành Kế hoạch và Đầu tư và của xã hội” [H1.08.01.01] và sứ mạng đã được phê duyệt tại Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016 [H1.08.01.03] “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ về chính sách công, kinh tế và quản lý, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách” cơ bản đã được hiện thực hóa; trên cơ sở đó tầm nhìn hướng tới 2030, tầm nhìn 2045 của Học viện được nêu trong Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt ngày 11/11/2022 [H1.08.01.01] “ Học viện trở thành đại học định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm các trường hàng đầu tại Việt Nam, có uy tín trong khu vực và quốc tế; tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao” và Sứ mạng “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý quản trị, luật và chính sách phát triển, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành kế hoạch và đầu tư và của đất nước” đã cho thấy những định hướng phát triển và hợp tác rộng mở hơn, hướng tới trung tâm người học, cùng với đó là quyết tâm hành động thông qua xây dựng những mục tiêu chiến lược tổng quát: “Xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học tự chủ, đa ngành, đa lĩnh vực, có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn và phản biện chính sách, thuộc nhóm các trường hàng đầu tại Việt Nam về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển; tiên phong trong chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; có hệ thống quản trị hiện đại, đạt chuẩn của khu vực và thế giới”.

Để chủ trì triển khai các hoạt động đối ngoại, Học viện phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị. Theo đó, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác thành lập với vai trò là đơn vị tham mưu chuyên trách về công tác hợp tác trong nước và quốc tế (kể từ năm 2009) [H1.08.01.02]. Cụ thể:

+ Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác có chức năng quản lý lĩnh vực hợp tác quốc tế, đối ngoại của Học viện với các tổ chức, doanh nghiệp, trường đại học có uy tín trên thế

giới để phối hợp, triển khai có hiệu quả các đề án, dự án, chương trình hợp tác tiềm năng; triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo hợp tác quốc tế trên cơ sở các đề án đã xây dựng theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đơn vị có quá trình phát triển cả về đội ngũ và trình độ nhân sự đáp ứng nhu cầu công việc chuyên trách trong phát triển hợp tác quốc tế và quản lý đào tạo quốc tế, cụ thể với yêu cầu công việc ngày càng mở rộng thì từ năm 2017 – 2021, qui mô nhân sự đã tăng từ 3 chuyên viên lên 6 chuyên viên bao gồm cả viên chức kiêm nhiệm, trong đó có 01 Tiến sĩ, 5 Thạc sĩ và 50% nhân sự được đào tạo tại nước ngoài, có khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo trong công việc. Các chuyên môn được đào tạo của đội ngũ cán bộ phù hợp và đáp ứng các nhu cầu trong triển khai công việc, bao gồm các lĩnh vực như Tài chính – Ngân hàng, Quản trị Kinh doanh, Truyền thông – Marketing, Quản lý Quốc tế, Quản lý Giáo dục... Đội ngũ cán bộ cũng đã có gần 20 năm kinh nghiệm trong triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế, đáp ứng các nhu cầu công việc được giao.

+ Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác với chức năng hàng là đầu mối quản lý và phát triển các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế của Học viện thực hiện các nhiệm vụ: (i) Xây dựng và trình Giám đốc ban hành các quy định về công tác hợp tác quốc tế và hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định, (ii) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thiết lập các mối quan hệ hợp tác, ký các văn bản ghi nhớ, thỏa thuận về đào tạo, khoa học và công nghệ với các trường đại học, các tổ chức giáo dục, khoa học và công nghệ nước ngoài, (iii) Xây dựng kế hoạch trình Giám đốc phê duyệt, và tổ chức thực hiện quản lý đoàn ra, đoàn vào hàng năm, (iv) Tổ chức việc tiếp đón các đoàn khách quốc tế đến làm việc với Học viện về quan hệ hợp tác quốc tế và đầu tư trong giáo dục và đào tạo. Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các cuộc hội thảo quốc tế, (iv) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, mời, tiếp nhận và quản lý các chuyên gia nước ngoài công tác và làm việc tại Học viện theo quy định của pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh về công tác bảo vệ bí mật theo quy định của Nhà nước khi cung cấp thông tin, (v) Hướng dẫn và hỗ trợ khi cần thiết về mặt thủ tục cho cán bộ, giáo viên được Học viện cử đi nước ngoài công tác hoặc bồi dưỡng và thông báo danh sách với phòng Tổ chức - Hành chính, (vi) Dịch thuật tài liệu, phiên dịch cho các Hội nghị, Hội thảo khi được yêu cầu, (vii) Phối hợp với các đơn vị trong việc quản lý sinh viên nước ngoài, (viii) Phối hợp xây dựng, thực hiện các chương trình liên kết đào tạo và dự án quốc tế. **[H1.08.01.02]**.

Mạng lưới đối tác trong nước và quốc tế được Học viện xây dựng theo hướng hợp tác đa dạng và toàn diện. Nhằm cụ thể hóa các hoạt động trong công tác đối ngoại, Học viện đã xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn, trong đó có các kế hoạch phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Học viện. Các kế hoạch này được thể hiện trong Báo cáo công tác Đảng, Báo cáo công tác hàng tháng của Phòng Học viện, Cuộc họp giao ban hàng tháng; Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác quốc tế theo giai đoạn và phương hướng, kế hoạch theo

giai đoạn; các báo cáo tổng kết và phương hướng, [H1.08.01.05] kế hoạch hàng năm nộp cho Vụ Kinh tế đối ngoại của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Mỗi lần có đoàn khách quốc tế vào làm việc tại Học viện, Phòng sẽ có công văn gửi PA03 để báo cáo nhân sự nước ngoài tham gia Hội thảo hoặc làm việc tại Học viện [H1.08.01.04]

Nhằm đáp ứng các nhu cầu trong công tác quản lý hoạt động đối ngoại, Học viện đã ban hành (i) Quyết định về việc thành lập phòng Khoa học hợp tác(ii) Quyết định số 515/QĐ-HVCSVPT ngày 19/10/2015 về Quy định về Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế tại Học viện Chính sách và Phát triển, trong đó quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và có sự phân công phân cấp cho các đơn vị trong toàn Học viện [H1.08.01.06] Đây là các văn bản có tính phổ quát cao, trong đó các nội dung qui định bao quát đầy đủ các lĩnh vực trong hoạt động đối ngoại cũng như nêu rõ các qui định về cơ sở pháp lý, tài chính, hệ thống thông tin trong triển khai hoạt động đối ngoại tại Học viện.

Các kế hoạch phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại nói riêng cũng như các thông tin về hoạt động hợp tác đối ngoại nói chung được phổ biến đến cán bộ, giảng viên, sinh viên qua nhiều hình thức: Báo cáo tổng kết công tác của Phòng hằng năm, qua hệ thống trang thông tin điện tử (Fanpage & Website) của Học viện, trang thông tin điện tử của Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác, và thể hiện rõ nhất tại Brochure của Học viện [H1.08.01.07].

Để đạt được các mục tiêu chiến lược, Học viện đã xây dựng và triển khai kế hoạch về hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện được triển khai theo các mảng nội dung chính như sau [H1.08.01.02].

- + Đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các văn bản hợp tác quốc tế;
- + Hợp tác đào tạo; trao đổi giảng viên, sinh viên ở các bậc đại học, sau đại học; hợp tác đào tạo các khóa ngắn hạn với đối tác quốc tế;
- + Hợp tác nghiên cứu khoa học, công nghệ để thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu, tư vấn; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, trao đổi các ấn phẩm, tài liệu, kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ với các đối tác quốc tế;
- + Triển khai công tác quản lý đối với các đoàn vào và đoàn ra;

Đối với hoạt động hợp tác trong nước, Học viện lên kế hoạch đẩy mạnh hoạt động hợp tác trong nước tập trung vào các nhóm đối tác chính như: (i) Các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động, (ii) Các cơ sở giáo dục và tổ chức khoa học và công nghệ, (iii) Các cơ quan quản lý nhà nước, (iv) Hiệp hội, Hội, Đoàn thể và các tổ chức chuyên môn, (v) Các tổ chức khác. [H1.08.01.08]:

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.

Với sự quan tâm và định hướng sát sao trong chủ trương, chiến lược phát triển của Ban Giám đốc Học viện, Học viện đã tích cực mở rộng quan hệ với các đối tác cả trong nước và ngoài nước. Học viện đã ký kết văn bản hợp tác với hơn 10 đối tác trong nước và quốc tế, trong đó có một số đối tác trọng điểm tới từ các quốc gia với uy tín và thương hiệu hàng đầu toàn cầu về giáo dục đại học trong lĩnh vực tài chính, kinh tế như Viện nghiên cứu Hume SA (Thụy Sĩ), Trường Quản trị Normandie (Cộng hòa Pháp), Trường đại học Kadiri (Indonesia), Pudure (Hoa Kỳ), và Middlesex (Anh), Rennes 1 (Pháp), Andrews (Hoa Kỳ),..... [H1.08.02.01], nhằm triển khai hoạt động hợp tác trên nhiều lĩnh vực như: hợp tác đào tạo; trao đổi sinh viên; trao đổi học thuật; tổ chức hội thảo khoa học; phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, truyền thông và phát triển thương hiệu, chia sẻ trách nhiệm xã hội cụ thể. Học viện cũng tăng cường tham gia nhiều tổ chức và mạng lưới học thuật, nghiên cứu, nghề nghiệp trong nước và quốc tế [H1.08.02.02].

Các biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa Học viện với các đối tác trong và ngoài nước đã được triển khai hiệu quả, mang lại lợi ích cho Học viện trên nhiều lĩnh vực hợp tác, cụ thể như sau:

Hợp tác đào tạo: Hiện nay, Trường có 02 chương trình đào tạo liên kết quốc tế bậc đại học với trường đại học Middlesex của Anh 3 + 1, Pudure Hoa Kỳ 2 + 2 và 01 chương trình liên kết quốc tế bậc thạc sĩ kinh tế và quản lý công hợp tác với trường đại học Rennes 1, Pháp. Quá trình hợp tác đã giúp Học viện học hỏi được những mô hình đào tạo, phương pháp giảng dạy và đánh giá hiện đại của quốc tế. Thông qua những thỏa thuận về đào tạo, nâng cao trình độ, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý của chương trình trở nên chuyên nghiệp, bài bản, đáp ứng nhu cầu quốc tế hóa giáo dục của Học viện.

Kết quả, trong hơn 15 năm hình thành và phát triển, các chương trình đào tạo quốc tế đã đào tạo và giúp các sinh viên tốt nghiệp. Các sinh viên tốt nghiệp khỏi chương trình đáp ứng đa dạng các nhu cầu của thị trường lao động như năng lực tiếng Anh thành thạo, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, được nhà tuyển dụng đánh giá cao. Thực tế, sự đa dạng trong kiến thức và kỹ năng chuyên môn được biểu hiện ở sự đa dạng trong vị trí việc làm, các nhân sự tốt nghiệp từ các chương trình cử nhân quốc tế đã tìm được cho mình cơ hội việc làm tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính, kiểm toán, doanh nghiệp...

Ngoài ra, Học viện cũng phối hợp với các tổ chức nghề nghiệp trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia tổ chức nhiều khóa đào tạo ngắn hạn, tọa đàm chuyên môn và kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế cho sinh viên, mỗi năm thu hút đông đảo sinh viên tham dự.

Hợp tác trong hoạt động khoa học và công nghệ: Từ năm 2020 cho tới nay, Học viện đã và đang triển khai 03 Đề tài cấp Nhà nước; 17 đề tài/đề án khoa học cấp bộ và tương đương, 40 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện; 238 bài báo các loại được công bố đăng tải trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế trong đó có 37 bài báo được đăng tải trên các tạp chí nghiên cứu quốc tế (có 25 bài có chỉ số ISI, SCOPUS); có 18 bài được đăng tải trên tạp chí nghiên cứu trong nước có chỉ số điểm công trình là 1.0. Bên cạnh đó, Học viện đã phối hợp tổ chức thành công: 01 hội thảo quốc tế, 05 hội thảo khoa học cấp quốc gia và 16 hội thảo và tọa đàm khoa học cấp Học viện. [H1.08.02.03]

Bên cạnh đó, Học viện đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị, tọa đàm các cấp... với sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế. Từ năm 2017 đến nay, Học viện đã phối hợp với các đối tác trong nước và nước ngoài tổ chức gần 10 hội thảo, tọa đàm các cấp [H1.08.02.03]. Các sự kiện khoa học này đã thu hút được sự tham gia đông đảo của các nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước, được các đối tác đánh giá cao về sự chuyên nghiệp, chất lượng.

Hợp tác trao đổi giảng viên, sinh viên: thông qua các thỏa thuận hợp tác và mạng lưới HTQT: một số sinh viên được cấp học bổng để theo học các khóa học đại học/thạc sĩ tại các trường đại học đối tác [H1.08.02.09] [H1.08.02.06][H1.08.02.07]. Tỷ trọng sinh viên quốc tế tới Học viện hàng năm tuy còn đôi chút hạn chế, nhưng đang dần cải thiện rõ rệt, phản hồi của sinh viên quốc tế khi đến tham quan, tham gia trao đổi sinh viên tại Học viện là tích cực [H1.08.02.10].

Sự phát triển của công tác hợp tác quốc tế cũng đã là cánh cửa để đón nhiều giảng viên, chuyên gia nước ngoài đến làm việc, giảng dạy trong các khóa đào tạo dài hạn, ngắn hạn, các chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ hoặc tổ chức bài giảng, hội thảo trao đổi chuyên môn với đội ngũ nhà nghiên cứu của Học viện.[H1.08.02.04] [H1.08.02.05] Qua đó, tính giao lưu học thuật giữa Học viện và các đối tác quốc tế được nâng tầm; các giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện có cơ hội được giao lưu, học hỏi, thể hiện năng lực của bản thân trong một môi trường quốc tế hóa cao, từ đó góp phần nâng cao cốt lõi năng lực chuyên môn theo định hướng quốc tế của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát

Xác định tầm quan trọng của công tác rà soát, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động hợp tác đối ngoại đối với việc lập kế hoạch hoạt động và mở rộng mạng lưới hợp tác phù hợp với từng giai đoạn, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác là đơn vị đầu mối được giao triển khai rà soát, đánh giá hoạt động hợp tác đối ngoại thông qua nhiều hình thức [H1.08.03.01], cụ thể:

- Thông qua các Báo cáo công tác hàng tháng của Phòng Học viện, Cuộc họp giao

ban hàng tháng; Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác quốc tế theo giai đoạn và phương hướng, kế hoạch theo giai đoạn; các báo cáo tổng kết và phương hướng, kế hoạch hàng năm nộp cho Vụ Kinh tế đối ngoại của Bộ Kế hoạch và Đầu tư **[H1.08.03.02]** **[H1.08.03.03]**. Khi có đoàn khách quốc tế vào làm việc tại Học viện, Phòng sẽ có công văn gửi PA03 đề báo cáo nhân sự nước ngoài tham gia Hội thảo hoặc làm việc tại Học viện **[H1.08.03.06]**.

- Khảo sát, lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên, người học và các bên liên quan khác để hoạt động hợp tác không mang tính hình thức mà đi vào hoạt động cụ thể. Đặc biệt, Học viện đã lấy ý kiến của các sinh viên tham gia các chương trình đào tạo, trao đổi để điều chỉnh hình thức/nội dung, quy trình, thủ tục,... nhằm nâng cao chất lượng chương trình, góp phần phát triển quan hệ hợp tác giữa Học viện với các trường đại học trên thế giới. Số liệu từ các kết quả khảo sát là cơ sở để Học viện có điều chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo, trao đổi hợp tác. Kết quả khảo sát cho thấy cơ bản chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu người học, có tính ứng dụng cao, trình độ và năng lực giảng viên được người học đánh giá cao, trình độ người học ngày càng đồng đều về kiến thức và năng lực ngoại ngữ.

Học viện cũng yêu cầu các đoàn/ cá nhân đi công tác, học tập, thực tập, trao đổi ở nước ngoài nộp báo cáo kết quả công tác, trong đó nêu rõ các nội dung đã thực hiện và đề xuất hợp tác (nếu có) **[H1.08.03.04]**. Các báo cáo này là một trong những căn cứ để Học viện rà soát hoạt động hợp tác, xem xét điều chỉnh hình thức hợp tác phù hợp và xây dựng kế hoạch hợp tác cho giai đoạn tiếp theo. Ngoài ra, định kỳ hàng tháng, hoạt động đối ngoại của Học viện cũng được báo cáo và được góp ý tại các cuộc họp giao ban hàng tuần và giao ban hàng tháng, tổng kết hàng năm. **[H1.08.03.03]**. **[H1.08.03.02]**.

Kết quả rà soát, đánh giá được phân tích, nhận diện các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp để cải thiện, đổi mới hoạt động hợp tác. Chẳng hạn như trong tổng kết năm học 2021-2022, nhận thấy xu thế đầu tư mạnh mẽ của các đối tác Hoa Kỳ, Thụy Sĩ, Pháp, Indonesia, Ấn Độ vào thị trường Việt Nam, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác đã tham mưu cho Học viện cần tăng cường hợp tác với các trường đại học của Hoa Kỳ, Thụy Sĩ, Pháp, Indonesia về liên kết đào tạo quốc tế, tổ chức hội thảo, phối hợp thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học... trong năm học 2022-2023 và các giai đoạn tiếp theo. Kết quả là Học viện đã ký kết mới 05 văn bản hợp tác với các đối tác Hoa Kỳ, Thụy Sĩ, Pháp, Indonesia, Ấn Độ dự kiến phát triển các ngành liên kết đào tạo, mở ra nhiều cơ hội ngành nghề mới theo xu hướng 4.0, đáp ứng nhu cầu đào tạo cho người học thu hút nhiều nhà quản lý, nhà khoa học trong và ngoài nước tham dự **[H1.08.03.11]**.

Trong quá trình thực hiện các quy chế, quy định liên quan đến công tác đối ngoại như Quy định Quy chế quản lý người nước ngoài đến trường học tập, Thông báo về việc báo cáo kết quả công tác nước ngoài của cán bộ, giảng viên; Học viện thường xuyên cập nhật các quy định của Nhà nước về hoạt động đối ngoại và tính đáp ứng yêu cầu thực tiễn

của hoạt động quan hệ đối ngoại, cũng như lắng nghe ý kiến tham mưu của các cá nhân, đơn vị trong Học viện để có thay đổi phù hợp [H1.08.03.05], [H1.08.03.6], [H1.08.03.07]. Sau khi ban hành, các văn bản được phổ biến đến toàn bộ cán bộ, viên chức thông qua website của Học viện.

Học viện cũng định kỳ nộp báo cáo công tác đối ngoại đến Vụ Kinh tế đối ngoại và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo công văn yêu cầu để kịp thời nhận chỉ đạo cấp trên đối với công tác hợp tác quốc tế [H1.08.03.05].

Nhờ vậy, trong vòng 5 năm qua, hoạt động đối ngoại của Học viện không ngừng được củng cố và phát triển, không vi phạm các qui định hiện hành của Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Theo chiến lược phát triển Học viện đã được ban hành, để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược, Học viện đã thực hiện cải thiện các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại [H1.08.04.01]. Qua thống kê kết quả hoạt động từng năm học trong giai đoạn 2017-2021, có thể nhận thấy, các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Học viện được phát triển cả bề rộng lẫn bề sâu. Nhiều hình thức và nội dung hợp tác mới được xây dựng và triển khai đáp ứng tình hình thực tế, đặc biệt ứng phó linh hoạt với ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19.

Với sự quan tâm của Học viện, nhiều hoạt động đối ngoại đã được cải thiện đáng kể:

+ Nếu như trước 2017, các hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện còn hạn chế và chưa được đa dạng, thì giai đoạn 2017-2021, bất chấp quãng thời gian 2020-2021 gặp nhiều khó khăn do Covid-19, vẫn được phát triển trong công tác hợp tác quốc tế của Học viện. Cụ thể, có 12 thỏa thuận hợp tác các cấp độ đã được ký kết, bao gồm đa dạng các loại hình từ thỏa thuận hợp tác xây dựng chương trình liên kết đào tạo, hợp tác về trao đổi sinh viên, trao đổi giảng viên, hợp tác phát triển các nội dung học thuật, nghiên cứu; với các đối tác là các trường Đại học, doanh nghiệp, các tổ chức và Hiệp hội nghề nghiệp [H1.08.04.02];

+ Số lượng Hội thảo, tọa đàm dành cho giảng viên, sinh viên đã được tổ chức với sự tham gia của các đối tác trong nước và quốc tế luôn được duy trì kể cả trong bối cảnh đại dịch Covid-19 dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến [H1.08.04.04]

+ Các chương trình đào tạo liên kết được điều chỉnh đảm bảo phù hợp với xu hướng chuyển đổi số toàn cầu; nhiều chương trình liên kết đào tạo mới được xây dựng, đặc biệt là các chương trình đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin, hệ thống thông tin quản

lý, marketing số, kinh doanh quốc tế, tài chính và ngân hàng quốc tế, góp phần thực hiện mục tiêu Học viện trở thành trường đại học đa ngành và đáp ứng yêu cầu hội nhập toàn cầu trong đào tạo và nghiên cứu khoa học [H1.08.04.03];

Bảng 8.1. Số lượng Hội thảo, tọa đàm phối hợp tổ chức với các đối tác trong và ngoài nước

Số sự kiện đồng tổ chức	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Đối tác trong nước	4	2	2	0	2	8
Đối tác quốc tế	0	1	1	0	1	1

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

+ Số lượng các công bố có sự hợp tác giữa nhà khoa học của Học viện và nhà khoa học ngoài Học viện có xu hướng tăng [H1.08.04.05];

Bảng 8.2. Hợp tác trong công bố các bài báo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng số bài báo quốc tế	12	15	16	16	15
2. Tổng số đề tài cơ sở	6	14	6	8	11
3. Tổng số đề tài cấp Bộ/ngành	0	3	6	1	3
4. Tổng số đề tài cấp Nhà nước và tương đương	0	2	1	1	0

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

+ Căn cứ vào các thay đổi theo xu hướng của xã hội, với mỗi giai đoạn cụ thể, Học viện có chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. Trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, việc triển khai các hoạt động hợp tác với các đối tác ở nước ngoài gặp khó khăn, Học viện đẩy mạnh hoạt động hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học theo phương thức trực tuyến với các trường đại học đối tác, các chuyên gia đến từ các trường đại học uy tín trên thế giới, mang lại nhiều lợi ích về trình độ, kỹ năng, năng lực ngoại ngữ cho sinh viên, giảng viên, nghiên cứu viên. Các hoạt động đối ngoại của Học viện đều được đăng trên trang thông tin điện tử tiếng Việt và tiếng Anh của Học viện một cách đầy đủ và cập nhật. [H1.08.04.04].

Các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế đã mang tới nhiều tác động tích cực, giúp nâng cao hình ảnh và vị thế của Học viện trong khu vực và trên trường quốc tế, được thể hiện qua nhiều yếu tố. Bên cạnh đó các công tác hợp tác trong trao đổi sinh viên, giảng viên, nghiên cứu khoa học ngày càng nhận được sự ghi nhận mạnh mẽ của cộng đồng quốc

tế, thể hiện qua sự phát triển cả về chất và lượng của các dự án này [H1.08.04.06]. [H1.08.04.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Công tác đối ngoại luôn được Học viện quan tâm và tạo điều kiện tập trung phát triển và được thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học viện giao đơn vị chuyên trách là Viện Đào tạo quốc tế để triển khai phát triển các mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Học viện, đảm bảo tính thống nhất và chuyên nghiệp trong hoạt động này; Học viện chú trọng xây dựng kế hoạch chiến lược trong từng giai đoạn và kế hoạch hoạt động hàng năm nhằm kịp thời điều chỉnh và thúc đẩy phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. Học viện xây dựng và ban hành các văn bản quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế.

Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Học viện được cải thiện rõ rệt về số lượng và chất lượng trong giai đoạn 2018-2023, góp phần đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược; Số lượng các biên bản hợp tác được cụ thể hóa bằng các chương trình, hành động cụ thể đạt tỉ lệ cao và hiệu quả tốt.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Hiệu quả công tác đối ngoại trong trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ và chuyển giao công nghệ chưa cao.

Hiệu quả thu hút sinh viên quốc tế đến trao đổi học tập và nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng chính sách cụ thể đối với các đơn vị, cá nhân liên kết với các đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học có tính ứng dụng cao, hợp tác công bố các ấn phẩm quốc tế	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác (đơn vị đầu mối) Viện ĐTQT (đơn vị phối hợp)	Từ tháng 9/2023 đến tháng 3/2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác đã ký văn bản hợp tác; Xây dựng và triển khai các biện pháp để cải thiện quan hệ với các đối tác, đưa các biên bản đã ký kết vào triển khai thực tiễn	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác (đơn vị đầu mối); Viện ĐTQT (đơn vị phối hợp)	Năm học 2023-2024	

3	Phát huy điểm mạnh 1	Chú trọng công tác kế hoạch xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm nhằm kịp thời điều chỉnh và thúc đẩy phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác	Năm học 2023-2024	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường mở rộng mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Học viện.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác	Năm học 2023-2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8	5
Tiêu chuẩn 8.1	6
Tiêu chuẩn 8.2	5
Tiêu chuẩn 8.3	5
Tiêu chuẩn 8.4	5

TIÊU CHUẨN 9: HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

Tiêu chí 9.1: Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm giải trình của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng mục tiêu chiến lược và bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của Học viện (trước đây là Trung tâm Thanh tra – Khảo thí) được thành lập theo Quyết định số 556/QĐ-HVCSPT ngày 30/8/2010 của Giám đốc Học viện; Sau đó, Giám đốc Học viện ban hành Quyết định số 137a/QĐ-HVCSPT ngày 13/5/2014 về việc bổ sung nhiệm vụ cho Trung tâm Thanh tra - Khảo thí. Căn cứ vào Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 758/QĐ-HVCSPT ngày 19/11/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (tiền thân của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng). Theo Quyết định số 758, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có chức năng “*Tham mưu cho Giám đốc xây dựng, ban hành và chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động về công tác thanh tra, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với sứ mệnh, mục tiêu, chiến lược phát triển của Học viện*”. [H1.09.01.04].

Tại Quyết định số 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chính thức đổi tên

thành Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Hiện nay, dự thảo Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của Phòng đang được chỉnh sửa, hoàn thiện.

Trong giai đoạn đánh giá bắt đầu từ tháng 7/2018 đến tháng 7/2023, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng luôn duy trì đội ngũ nhân sự gồm 06 thành viên. Hiện nay, đội ngũ nhân sự của phòng gồm 6 người (bao gồm cả lãnh đạo và chuyên viên, trong đó có 01 TS, 04 Thạc sĩ và 01 Cử nhân, trong đó có 01 Lãnh đạo kiêm nhiệm) **[H1.09.01.02]**. Đội ngũ nhân sự Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đều được cử đi tập huấn, đào tạo về đảm bảo chất lượng, trong đó có 02 lãnh đạo phòng và 02 chuyên viên đã tham gia khóa đào tạo Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục và được cấp chứng chỉ **[H1.09.01.02]**.

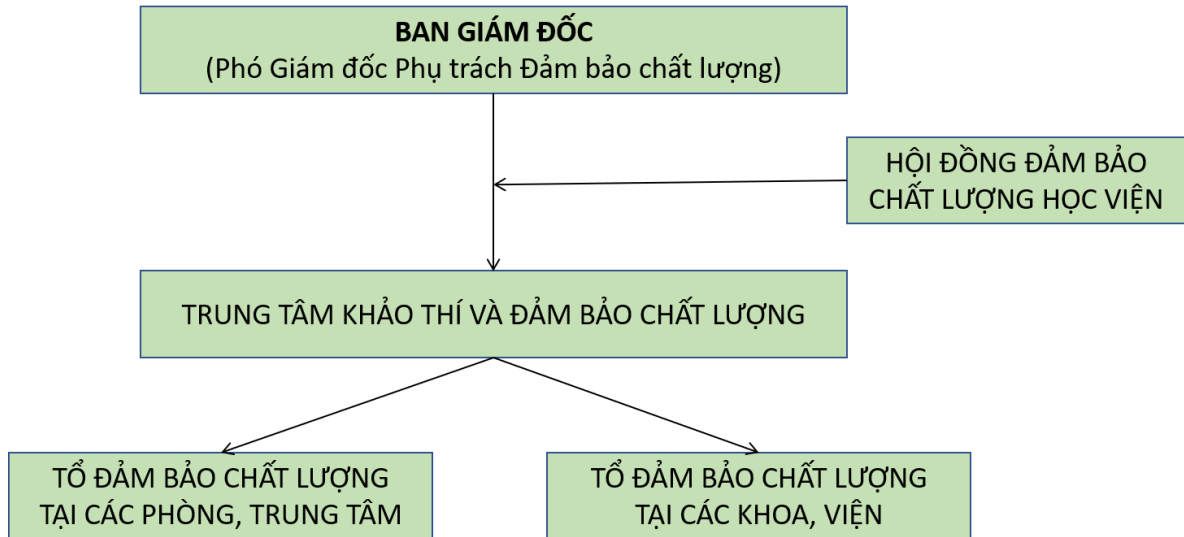
Đối với quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng, Học viện đã ban hành kèm theo Quyết định số 969/QĐHVCSPT ngày 29/12/2017 quy định hoạt động đảm bảo chất lượng tại Học viện; Ngày 10/8/2020 Học viện đã ban hành Quyết định số 651/QĐ-HVCSPT về việc ban hành chính sách chất lượng của Học viện trong đó xác định rõ giá trị cốt lõi bao gồm “Chất lượng – Minh bạch – Trí tuệ - Phát triển” đồng thời đưa thông điệp cam kết của Học viện với xã hội. Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 969/QĐHVCSPT ngày 29/12/2017 được sửa đổi, cập nhật thay thế bởi Quyết định số 1396/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2022 của Giám đốc Học viện.

Đối với hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện và các đơn vị, năm 2018, Học viện ban hành Quyết định 737/QĐHVCSPT ngày 15/10/2018 về việc thành lập Tổ Đảm bảo chất lượng của các đơn vị thuộc Học viện với nhiệm vụ tham mưu và giúp Trưởng đơn vị trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực công tác đảm bảo chất lượng của các đơn vị và đặc biệt phối hợp với phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng trong việc triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện theo các quy định hiện hành của nhà nước và của Học viện và hằng năm Học viện có thực hiện rà soát, điều chỉnh bổ sung thành viên tổ đảm bảo chất lượng cho phù hợp với thực tế **[H1.09.01.01]**. Tổng số thành viên của Tổ Đảm bảo chất lượng hiện nay là 73 người bao gồm Trưởng toàn bộ các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện và các chuyên viên phụ trách. Để kiện toàn hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Học viện, ngày 30/12/2022, Học viện ban hành Quyết định số 1402/QĐ-HVCSPT về việc thành lập Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục Học viện với số lượng thành viên của hội đồng là 25 người, bao gồm Chủ tịch Hội đồng học viện, Ban giám đốc Học viện, trưởng các đơn vị.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong Học viện được quy định cụ thể trong Quyết định số 1396/QĐ- HVCSPT ngày 30/12/2022 về việc ban hành Quy chế đảm bảo chất lượng giáo dục tại Học viện **[H1.09.01.01]**.

Trong giai đoạn đánh giá, Học viện không ngừng hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong, bao gồm Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục, đơn vị chuyên trách về đảm bảo chất lượng là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và các Tổ Đảm bảo

chất lượng làm nhiệm vụ Đảm bảo chất lượng tại các đơn vị. Học viện đã ban hành hệ thống văn bản quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng tại Học viện, quy định về chức năng, nhiệm vụ và sự phối hợp của các đơn vị trong hoạt động đảm bảo chất lượng và hướng dẫn thực hiện để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý [H1.09.01.01].



Hình 9.1. Sơ đồ hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong Học viện

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 9.2: Xây dựng kế hoạch chiến lược về bảo đảm chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan trong đó có việc thúc đẩy công tác bảo đảm chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục

Học viện xây dựng Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng thông qua xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện qua các giai đoạn. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng giai đoạn 2016-2020 của Học viện được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/2016, cụ thể:

- Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục Học viện.
- Hoàn thiện hệ thống và tăng cường sử dụng các công cụ trong việc thu thập thông tin phục vụ cho hệ thống đảm bảo chất lượng.
- Tăng cường năng lực xây dựng và triển khai kiểm tra, giám sát thực hiện các kế hoạch đảm bảo chất lượng ngắn hạn và dài hạn thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách cấp Học viện và cấp phòng/ban/Khoa/viện.

Chiến lược phát triển Học viện năm 2023 được ban hành theo Quyết định số 1822/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2022 với các mục tiêu về đảm bảo chất lượng, cụ thể:

- *Đến năm 2025*: Trên 80% chương trình đào tạo có sinh viên tốt nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc gia;

- *Đến năm 2030: 100% chương trình đã có sinh viên tốt nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc gia, một số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.*

Trong Chiến lược đồng thời xác định các nhiệm vụ nhằm đảm bảo chất lượng bao gồm các lĩnh vực về quản trị, đào tạo, nghiên cứu khoa học... trong đó xác định cụ thể: *“Thực hiện kiểm định trong nước và quốc tế, tham gia các cơ chế công nhận văn bằng, tín chỉ quốc tế và khu vực; tích cực tham gia các chương trình đánh giá, bảng xếp hạng đại học khu vực; chủ động tham gia mạng lưới nghiên cứu và trao đổi toàn cầu.”* [H1.09.02.01].

Để thực hiện mục tiêu chiến lược nêu trên và đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện, Học viện đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐHVCSPT ngày 30/3/2023 Phiên họp thứ 11 của Hội đồng học viện Chính sách và Phát triển thông qua Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và xây dựng Dự thảo Kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng giai đoạn 2022- 2030 tầm nhìn 2045 [H1.09.02.01]. Ngoài Kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị đầu mối trong công tác đảm bảo chất lượng có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng ngắn hạn như kế hoạch tháng; kế hoạch năm học [H1.09.02.02].

Nhằm bảo đảm năng lực các cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng và đẩy mạnh hơn nữa văn hóa chất lượng trong Học viện, hàng năm các cán bộ, giảng viên của các đơn vị được Học viện tạo điều kiện cho tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về đảm bảo chất lượng. Các khóa học có nội dung liên quan tới nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý, học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn; xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; tham gia viết báo cáo tự đánh giá phục vụ cho công tác kiểm định trường; đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đặc biệt, Học viện đã cử 11 người tham dự lớp đào tạo kiểm định viên [H1.09.02.04].

Trong quá trình triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng, Học viện đã ban hành một hệ thống các quy định về đảm bảo chất lượng tại Học viện như: Chính sách chất lượng, quy chế đảm bảo chất lượng, Quy chế khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Hội đồng đảm bảo chất lượng, Tổ đảm bảo chất lượng [H1.09.02.05] và được công khai trên webside của Học viện [H1.09.02.03]. Học viện luôn chú trọng đến nhu cầu, ý kiến của các bên liên quan. Hàng năm, Học viện ban hành các kế hoạch khảo sát về việc lấy ý kiến các bên liên quan phản hồi trong hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục, [H1.09.02.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.3: Kế hoạch chiến lược về bảo đảm chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Từ mục tiêu các chiến lược đảm bảo chất lượng, Học viện đã ban hành kế hoạch dài hạn thực chiến lược bảo đảm chất lượng của Học viện qua các giai đoạn và chuyển tải thành mục tiêu, kế hoạch ngắn hạn cụ thể cho từng tháng, năm học [H1.09.03.01].

Kế hoạch về đảm bảo chất lượng của Học viện hàng năm được giao trực tiếp cho đơn vị đầu mối là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, căn cứ các kế hoạch năm học, vào đầu mỗi năm học Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng và báo cáo Ban Giám đốc Học viện phê duyệt để triển khai [H1.09.03.01], bản kế hoạch chú trọng bám vào mục tiêu của Học viện đã đề ra và đáp ứng toàn bộ các hoạt động về đảm bảo chất lượng, mỗi đơn vị trong toàn Học viện đều có nhiệm vụ được phân công cụ thể, vào từng thời điểm cụ thể sẽ triển khai theo các nội dung đã xây dựng và thông qua công tác họp giao ban hàng quý, hàng năm [H1.09.03.02]. Học viện sẽ phổ biến, quán triệt đến từng đơn vị có liên quan. Định kỳ hàng tháng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng sẽ báo cáo với Ban Giám đốc Học viện về các công tác thực hiện thông qua báo cáo tháng [H1.09.03.03]. thông qua báo cáo tháng những vướng mắc tồn tại chưa giải quyết được sẽ được Ban Giám đốc Học viện cho ý kiến chỉ đạo giải quyết.

Xác định công tác đảm bảo chất lượng là phải liên tục, đơn vị đầu mối là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng luôn tham mưu cho Học viện công tác rà soát, kiểm tra cải tiến các hoạt động thông qua công tác lấy ý kiến phản hồi về các mặt hoạt động của Học viện [H1.09.03.04]. Đây được coi là cơ sở để Học viện làm căn cứ triển khai. Ngoài ra Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng còn phối hợp với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức triển khai khóa tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng [H1.09.03.05].

Nhờ có kế hoạch Khảo thí và Đảm bảo chất lượng được xây dựng mà trong giai đoạn 2018 - 2023 Học viện đã có những kết quả:

- Có 03 cán bộ phụ trách về đảm bảo chất lượng của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của Học viện được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục.
- Tiến hành kiểm định thành công 05 CTĐT.
- Hoàn thành báo cáo kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục giữa chu kỳ năm 2020
- Hoàn thành công tác tự đánh giá Học viện chu kỳ 2 và tiến hành ĐGN vào năm 2023.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục bảo đảm chất lượng được triển khai

Đề hướng dẫn thực hiện thống nhất về công tác quản lý, lưu trữ văn bản trong toàn Học viện, Học viện đã ban hành Quyết định số 115/QĐ-HVCSPT ban hành Quy chế công tác văn thư lưu trữ của Học viện ngày 11/05/2016, trong đó quy định rõ các bước thực hiện từ soạn thảo và ban hành văn bản, quản lý văn bản, công tác lưu trữ, quy trình quản lý văn bản đến và đi trong toàn bộ hệ thống văn bản của Học viện. [H1.09.04.01].

Hiện tại, toàn bộ thông tin để đánh giá chất lượng giáo dục được Học viện tổ chức lưu trữ và quản lý một cách có hệ thống, dễ dàng trích xuất khi cần. Hệ thống các phần mềm lưu trữ được Học viện đang sử dụng bao gồm:

- Phần mềm quản lý đào tạo do Phòng Quản lý Đào tạo phụ trách. Đây là các phần mềm quản lý việc đăng ký tín chỉ cho sinh viên, quản lý điểm thi, trao đổi thông tin với sinh viên.

- Phần mềm quản lý thư viện và thư viện số do Thư viện phụ trách để quản trị Thư viện truyền thống, quản trị các bộ sưu tập số.

- Phần mềm hỗ trợ kiểm định do phòng Khảo thí và Đảm bảo phụ trách để lưu trữ minh chứng tự đánh giá, đánh giá ngoài các chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục.

- Phần mềm thi trực tuyến: Testsolution do phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phụ trách để lưu trữ ngân hàng đề thi, đề thi trực tuyến và tổ chức thi, bài thi và điểm bài thi kết thúc học phần, chuẩn đầu ra, kiểm tra trình độ tiếng anh đầu vào...

- Ứng dụng E-office để xử lý văn bản và lưu trữ văn bản đi – đến Học viện.

- Trang website của Học viện đăng tải lưu trữ toàn bộ thông tin, các văn bản quản lý, kế hoạch thực hiện...

Đối với văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị đầu mối phụ trách việc lưu trữ đúng theo quy định của Học viện và quy trình riêng của đơn vị. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có cán bộ chuyên trách phụ trách quản lý hệ thống văn bản đi và đến tại đơn vị. Văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được lưu trữ một cách có hệ thống theo 2 hình thức: bản cứng được lưu trữ tại bộ phận Văn thư thuộc Phòng Tổ chức – Hành chính và phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; bản mềm được lưu trữ tại Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, trang web của Học viện **[H1.09.04.02]**. Sổ ghi chép theo dõi văn bản đi - đến của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng cho thấy các văn bản được lưu trữ có hệ thống theo từng năm, có đầy đủ số ban hành, đầy đủ tên văn bản, ngày ban hành. Hệ thống bản mềm các văn bản được cập nhật tại các Folder khác nhau, được chia thành các mục văn bản đi, văn bản đến được sắp xếp theo từng năm, do vậy việc truy xuất văn bản khi cần sử dụng rất dễ dàng **[H1.09.04.01]**.

Học viện đã ban hành hàng loạt các quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục đồng thời luôn cập nhật, rà soát, chỉnh sửa bổ sung các quy định **[H1.09.04.03]**. Để bảo đảm hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong của Học viện được vận hành, giám sát, kiểm tra theo quy định đã ban hành và kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thực tiễn, Học viện đã yêu cầu các đơn vị rà soát công việc, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ theo quy định, trong đó nhấn mạnh đến mạng lưới đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện, công tác lập kế hoạch, triển khai thực hiện các nội dung đảm bảo chất lượng giáo dục

và đánh giá, đề xuất cải tiến quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục hoạt động cốt lõi [H1.09.04.04].

Kế hoạch công tác năm, báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ hàng quý của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng trong các năm 2018-2023 cho thấy Học viện luôn có kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện, rà soát công tác đảm bảo chất lượng giáo dục thuộc tất cả các lĩnh vực từ đào tạo, tập huấn, cập nhật cơ sở dữ liệu, khảo sát các bên liên quan, xây dựng văn bản, quy trình... theo định kỳ hàng quý, hàng năm [H1.09.04.04].

Hệ thống các văn bản, các quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện sau khi được bổ sung, cập nhật, đã phổ biến rộng rãi và bằng nhiều hình thức cho cán bộ, giảng viên, sinh viên về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng. Trên website của Học viện, website của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, website của các đơn vị đều đưa đầy đủ các thông tin liên quan đến các hoạt động, các văn bản quy định về đảm bảo chất lượng của Học viện [H1.09.04.02]. Công tác thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện hàng năm trên phần mềm Google Form và phần mềm APD Slink là một kênh rất quan trọng được Học viện sử dụng nhằm đưa quy định, chính sách của Học viện đến với từng cá nhân, đơn vị liên quan [H1.09.04.06].

Đặc biệt, hàng năm Học viện đều tổ chức tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục cho thành viên tổ đảm bảo chất lượng của các đơn vị, cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT, chất lượng cơ sở giáo dục. Từ năm 2018-2023, Học viện đã tổ chức 1 khóa tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng với 50 cán bộ tham gia, cử 11 cán bộ tham gia Khóa đào tạo Kiểm định viên [H1.09.04.05]. Bên cạnh đó, tại các buổi họp giao ban cán bộ chủ chốt, họp giao ban tại đơn vị, các Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm của Học viện, Hội nghị cán bộ viên chức của các đơn vị [H1.09.04.07] những kết quả triển khai và kế hoạch hoạt động về công tác đảm bảo chất lượng cũng được phổ biến tới toàn thể cán bộ tham gia. Các hình thức trao đổi thông tin qua email cá nhân, email đơn vị, nhóm zalo, ... cũng được Học viện sử dụng để duy trì liên lạc thông suốt giữa các đơn vị, cá nhân trong Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục

Trong Kế hoạch bảo đảm chất lượng Học viện giai đoạn 2018-2023, Học viện đã tiến hành đưa nội dung đảm bảo chất lượng để đo lường và đánh giá kết quả công tác đảm bảo chất lượng [H1.09.05.01]. Đây là cơ sở, căn cứ để các đơn vị xác lập các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phân đầu trong từng năm để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng. Trên cơ sở chiến lược phát triển Học viện, nhằm cụ thể hóa các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phân

đầu trong công tác đảm bảo chất lượng, Học viện đã ban hành Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện giai đoạn 2023 – 2030 cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời điểm thực hiện								Căn cứ nêu trong Chiến lược phát triển Học viện
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
1. Đối với mảng công tác khảo thí										
	<i>Tổ chức thi online/thi trên máy tính các học phần: Phấn đấu đến năm 2030 có 80% số học phần đăng ký thi trắc nghiệm thi theo phương thức này</i>									Mục II, Điểm 3: "Giá trị cốt lõi: Chất lượng - Trí tuệ - Phát triển"; Mục VI (Giải pháp chủ yếu), Điểm 7 (Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số), ý b: "Triển khai nền tảng công nghệ số phục vụ giảng dạy, đào tạo, tự học, thi, kiểm tra, khảo thí trực tuyến;..."
	- Xây dựng kế hoạch, sửa đổi quy chế, tập huấn và hướng dẫn công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi cho các đơn vị có liên quan	X	X							
	- Tỷ lệ các học phần đăng ký thi trắc nghiệm sẽ thi online/thi trên máy tính chiếm 30%		X	X	X					
	- Tỷ lệ các học phần đăng ký thi trắc nghiệm sẽ thi online/thi trên máy tính chiếm 60%					X	X			
	- Tỷ lệ các học phần đăng ký thi trắc nghiệm sẽ thi online/thi trên máy tính chiếm 80%							X	X	
2. Đối với mảng công tác đảm bảo chất lượng										
2.1	<i>Kiểm định chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn Việt Nam (bao gồm cả kiểm định lần đầu và các chu kỳ sau)</i>									Mục II, Điểm 3: "Giá trị cốt lõi: Chất lượng - Trí tuệ - Phát triển";
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Quản lý Nhà nước (Lần đầu và chu kỳ 2)	X					X			Mục III (Mục tiêu phát triển), Điểm 2 (Mục tiêu cụ thể), ý a) Đến năm 2025: "Trên 80% chương trình đào tạo có sinh viên tốt nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc gia" và ý b) Đến năm 2030: "100% chương trình đã có sinh viên tốt nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng (Lần đầu và chu kỳ 2)	X					X			
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định		X					X		

STT	Nội dung công việc	Thời điểm thực hiện								Căn cứ nêu trong Chiến lược phát triển Học viện
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
	chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế (lần đầu và chu kỳ 2)									<p><i>định quốc gia, một số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc tế"</i></p> <p>Mục VI (Giải pháp chủ yếu), Điểm 3 (Tiếp tục đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và đảm bảo chất lượng), ý c: "<i>Thực hiện kiểm định trong nước và quốc tế; tham gia các cơ chế công nhận văn bằng, tín chỉ quốc tế và khu vực; tích cực tham gia đánh giá, bảng xếp hạng đại học khu vực; ...</i>"</p>
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Kinh tế phát triển (lần đầu và chu kỳ 2)		X					X		
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Kế toán – Kiểm toán (lần đầu và chu kỳ 2)			X					X	
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Kinh tế (chu kỳ 2 và chu kỳ 3)			X					X	
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế (chu kỳ 2 và chu kỳ 3)			X					X	
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh (chu kỳ 2 và chu kỳ 3)			X					X	
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Kinh tế số				X					
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh					X				
2.2	<i>Kiểm định chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn Quốc tế</i>									
	Cử cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng, đào tạo kiểm định chuẩn Quốc tế		X	X						
	Chuẩn bị các điều kiện để kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn Quốc tế: Lựa chọn		X	X	X	X				

STT	Nội dung công việc	Thời điểm thực hiện								Căn cứ nêu trong Chiến lược phát triển Học viện
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
	ngành kiểm định, lập kế hoạch kiểm định, tập huấn, chuẩn bị về chương trình									
	Tiến hành đánh giá ngoài 01 chương trình đào tạo						X			
	Tiến hành đánh giá ngoài 01 - 02 chương trình đào tạo/năm							X	X	
2.3	<i>Kiểm định cơ sở giáo dục đại học theo tiêu chuẩn Việt Nam (chu kỳ 2 và chu kỳ 3)</i>	X						X		
2.4	<i>Kiểm định cơ sở giáo dục đại học theo tiêu chuẩn quốc tế</i>									
	Chuẩn bị các điều kiện để kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế: lập kế hoạch kiểm định, tập huấn, chuẩn bị điều kiện về nhân sự, quản trị,...					X	X	X		
	Tiến hành đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Đại học								X	

Để đạt được các chỉ tiêu phân đầu này, Học viện đã cụ thể hóa các chỉ số và chỉ tiêu phân đầu đưa vào trong các kế hoạch và phương hướng cụ thể hàng năm của Học viện [H1.09.05.01], từ đó các đơn vị, cá nhân xây dựng kế hoạch để triển khai nhằm đạt được các mục tiêu bảo đảm chất lượng. Báo cáo tổng kết năm học cho thấy hầu hết trong các mảng công tác từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, tuyển dụng đến chỉnh trang, nâng cấp cơ sở vật chất, ... hàng năm Học viện đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra [H1.09.05.02].

Để đo lường và đánh giá kết quả công tác đảm bảo chất lượng hàng năm, căn cứ định mức khối lượng công việc theo vị trí việc làm, theo chỉ tiêu phân đầu, kế hoạch hoạt động ngân sách đầu năm của các đơn vị, Học viện triển khai đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân theo quy trình sau:

- Phòng Tổ chức – Hành chính gửi thông báo và hướng dẫn về việc đánh giá, phân loại viên chức và bình xét thi đua năm học, trong đó nêu rõ các tiêu chí cụ thể để đánh giá,

xếp loại viên chức theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ [H1.09.05.03]

- Các cá nhân làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác và trình bày tại cuộc họp đơn vị. Các thành viên tham gia cuộc họp nhận xét, đóng góp ý kiến với bản báo cáo tự đánh giá của cá nhân.

- Trưởng đơn vị căn cứ ý kiến tại cuộc họp đơn vị, đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức do đơn vị quản lý.

- Đối với viên chức giữ chức vụ quản lý, ngoài ý kiến đóng góp tại cuộc họp đơn vị, nhận xét của cấp ủy đảng nơi viên chức công tác cũng là căn cứ để Giám đốc xem xét đánh giá, phân loại cán bộ quản lý.

Các tiêu chí xếp loại, đánh giá viên chức được Học viện xây dựng căn cứ trên khối lượng công việc quy định tại đề án vị trí việc làm của các đơn vị [H1.09.05.04] theo định mức về giờ giảng, giờ nghiên cứu khoa học / giảng viên được quy định tại Quy chế làm việc [H1.09.05.05].

Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, ngoài việc đánh giá kết quả thực hiện công tác theo chức năng, nhiệm vụ, Học viện dựa trên các chỉ tiêu cụ thể tại kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách, các chỉ tiêu phần đầu tại báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học để đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ được giao.

Kết quả đánh giá viên chức và bình xét thi đua khen thưởng hàng năm từ 2018- 2023 cho thấy số lượng cán bộ, viên chức đạt các danh hiệu chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến đều tăng lên theo các năm học, số lượng các tập thể đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến chiếm tỉ lệ cao trong tổng số các đơn vị trong Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục

Trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, Học viện đã thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng. Học viện đã ban hành Quyết định số 1396/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2022 ban hành Quy chế bảo đảm chất lượng trong giáo dục đại học của Học viện, theo đó việc rà soát, đánh giá và cải tiến đối với đảm bảo chất lượng về chiến lược được thực hiện ít nhất 02 năm 1 lần, đối với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động phục vụ cộng đồng được rà soát định kỳ hàng năm.

Hàng năm, các đơn vị trong Học viện đã thực hiện rà soát và báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chất lượng theo quy định. Một trong những kết quả thực hiện chính là Học viện đã ban hành, sửa đổi các quy trình đảm bảo chất lượng hoạt động cốt lõi của hệ

thống đảm bảo chất lượng bên trong: Quy trình thu thập, xử lý thông tin phản hồi các bên liên quan và Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ cộng đồng. Đây là những quy trình cốt lõi, làm công cụ, cơ sở để Học viện thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục. **[H1.09.06.01]**.

Trên cơ sở rà soát việc thực hiện chiến lược phát triển Học viện đến năm 2022, nhằm xác định mục tiêu chiến lược, cải tiến các chỉ tiêu phần đầu chính phù hợp với tình hình thực tiễn giai đoạn mới, ngày 30/3/2023 Hội đồng Học viện đã ban hành Nghị quyết số 01 đồng ý chủ trương xây dựng kế hoạch hành động thực thi chiến lược phát triển Học viện giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 **[H1.09.06.02]**. Hiện nay, dự thảo của kế hoạch hành động đang được rà soát, tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan tại các cuộc họp đơn vị trong toàn Học viện trước khi ban hành. **[H1.09.06.02]**.

Kết quả thực hiện rà soát, thường xuyên cải tiến các chỉ tiêu phần đầu cho thấy các chỉ tiêu chính về đội ngũ (tỷ lệ giảng viên, cán bộ, nhân viên đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng), về hoạt động đào tạo (tỷ lệ sinh viên thôi học giảm, sinh viên có việc làm cao), về cơ sở vật chất (phòng học, phòng làm việc và trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu dạy - học và làm việc...), các hoạt động phục vụ cộng đồng được cải thiện. **[H1.09.06.04]**.

Hàng năm Học viện thực hiện các khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng giảng dạy của giảng viên, chất lượng chương trình đào tạo, mức độ đáp ứng nhu cầu người đọc của thư viện,... Kết quả khảo sát được sử dụng làm cơ sở để Học viện xây dựng kế hoạch và thực hiện cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục **[H1.09.06.04]**.

Nhằm từng bước hoàn thiện bộ chỉ số làm công cụ đánh giá kết quả thực hiện công việc cho các đơn vị trong toàn Học viện, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đã lên kế hoạch xây dựng danh mục các nội dung gắn với hoạt động đảm bảo chất lượng cần triển khai đối với các đơn vị để đưa vào công tác đánh giá đối với của các đơn vị trong toàn Học viện **[H1.09.06.03]**.

Chu kỳ 2 năm sau kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, Học viện đã triển khai tổng rà soát, đánh giá các lĩnh vực hoạt động và thực hiện cải tiến theo khuyến nghị của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục **[H1.09.06.03]**. Trên cơ sở kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục sau 2 năm đánh giá ngoài và kế hoạch cải tiến giai đoạn 2 của chu kỳ kiểm định, Học viện đã xây dựng kế hoạch đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục lần 2. Đây là bước tiếp theo để Học viện tiếp tục rà soát, cải tiến các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng trong giai đoạn tới.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng được thành lập và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Học viện. Phòng có đội ngũ cán bộ chuyên trách có trình độ, năng lực chuyên môn, được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu đáp ứng yêu cầu công việc.

- Học viện thành lập mạng lưới đảm bảo chất lượng bao gồm: Hội đồng đảm bảo chất lượng, đơn vị chuyên trách về đảm bảo chất lượng là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và các tổ đảm bảo chất lượng tại các đơn vị với 73 thành viên tại tất cả các đơn vị trong toàn Học viện; đã ban hành hệ thống các quy định về đảm bảo chất lượng.

- Học viện đã có 11 cán bộ, giảng viên (gồm 04 Lãnh đạo Học viện, 05 Lãnh đạo các đơn vị và 02 chuyên viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng) hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục; cán bộ, giảng viên của các đơn vị trong Học viện hàng năm được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng, cán bộ là thành viên của Tổ đảm bảo chất lượng đều đã được tập huấn về Công tác đảm bảo chất lượng bên trong Học viện;

- Học viện đã ban hành được quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong và các quy trình đảm bảo chất lượng hoạt động cốt lõi làm định hướng cho toàn bộ hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện.

- Học viện đã ban hành kế hoạch hành động thực hiện chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn 2045 trong đó có nội dung chi tiết về đảm bảo chất lượng; đồng thời ban hành các quy định về đảm bảo chất lượng; các quy trình đảm bảo chất lượng hoạt động cốt lõi bên trong chi tiết, đầy đủ bao gồm phát triển hệ thống, xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển nhân sự, quy trình đảm bảo chất lượng định hướng cho toàn bộ hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện.

- Học viện đã ban hành một số chính sách ưu tiên cho hoạt động đảm bảo chất lượng như: thực hiện tốt kế hoạch đảm bảo chất lượng và có những kết quả xuất sắc trong hoạt động đảm bảo chất lượng được đề nghị khen thưởng; tạo điều kiện và hỗ trợ tối đa cho đội ngũ cán bộ tham gia tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ đảm bảo chất lượng, nghiệp vụ sư phạm, đồng thời xây dựng chế độ chính sách của học viện với các cá nhân tham gia đóng góp cho công tác đảm bảo chất lượng thông qua việc hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, bồi dưỡng.

- Hàng năm, quá trình triển khai hoạt động đảm bảo chất lượng, đặc biệt là công tác khảo sát đều có sự tham gia của cán bộ quản lý, nhân viên, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và người sử dụng lao động.

- Trên cơ sở Chiến lược phát triển Học viện, Học viện đã ban hành kế hoạch đảm bảo chất lượng theo năm nhằm cụ thể hóa thành các chỉ tiêu trong kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng năm học; các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng

được Học viện lấy ý kiến trước khi ban hành, phổ biến, quán triệt thông qua nhiều hình thức tới cán bộ, giảng viên, sinh viên để triển khai thực hiện.

- Học viện đã ban hành Quy định về công tác văn thư để triển khai thống nhất việc quản lý và lưu trữ văn bản. Văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục được lưu trữ một cách có hệ thống. Hằng năm, Học viện triển khai rà soát, cập nhật văn bản quản lý nội bộ, trong đó có văn bản quản lý, chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng.

- Giai đoạn năm 2018-2023, Học viện đã hoàn thành đánh giá ngoài và nhận giấy chứng nhận chất lượng CTĐT đối với 05 CTĐT trình độ đại học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa triển khai bộ chỉ số KPIs đánh giá, cho điểm công tác lĩnh vực đảm bảo chất lượng của các đơn vị trong toàn Học viện.

- Thời điểm hiện tại Học viện chưa có cán bộ, giảng viên đạt chứng nhận và được cấp thẻ Kiểm định viên.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Rà soát và hoàn thiện, cập nhật website lưu trữ thông tin đảm bảo chất lượng; Tiến dần tới việc mua phần mềm chuyên dụng	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông	Năm học 2023-2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Đề xuất với Ban Giám đốc Học viện xem xét xây dựng bộ chỉ số KPIs về đảm bảo chất lượng cùng với quá trình xây dựng KPIs chung của Học viện	Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2023- 2024	
3	Khắc phục tồn tại 3	Ít nhất 01 cán bộ, GV của Học viện có thẻ kiểm định viên	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2023- 2024	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Chú trọng phát huy vai trò của Phòng KT&ĐBCL trong việc nâng cao/cải tiến chất lượng đào tạo tại Học viện, đặc biệt là trong khâu khảo thí, rà soát chương trình đào tạo, ứng dụng công nghệ trong đào tạo			

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5	Phát huy tiềm năng 2	Tiếp tục chú trọng công tác theo dõi, tổng kết việc thực hiện kế hoạch hành động chiến lược gắn với công tác đảm bảo chất lượng			

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 9	5
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	5
Tiêu chí 9.6	5

TIÊU CHUẨN 10: TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập

Tự đánh giá (TĐG) và chuẩn bị cho hoạt động đánh giá ngoài (ĐGN) chất lượng CSGD cũng như các CTĐT luôn là nội dung trọng tâm trong hoạt động đảm bảo chất lượng tại Học viện.

Kết quả TĐG và ĐGN là cơ sở để Học viện và tất cả các đơn vị trong Học viện lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động cải tiến mọi mặt. Nhận thức được vai trò quan trọng của TĐG và ĐGN, để hướng dẫn cho các đơn vị, cá nhân trong Học viện tham gia thực hiện việc TĐG và ĐGN, căn cứ vào các bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD và CTĐT của Bộ GD&ĐT, Học viện đã ban hành Quyết định số 1396/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2022 về quy trình TĐG CSGD (tại Điều 10) và CTĐT (tại Điều 11) [H1.10.01.02].

Đồng thời với việc ban hành quy trình TĐG, để thực hiện tốt hoạt động này, Học viện luôn chú trọng việc lập kế hoạch và triển khai các bước theo kế hoạch một cách khoa học, rõ ràng. Căn cứ vào chiến lược phát triển của Học viện, Học viện đã xây dựng chiến lược riêng đối với hoạt động đảm bảo chất lượng [H1.10.01.01]. Từ chiến lược đảm bảo chất lượng, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị đầu mối thực hiện việc lập kế hoạch đảm bảo chất lượng từng năm học [H1.10.01.01]. Các kế hoạch đảm bảo chất lượng thể hiện rõ các hoạt động TĐG và chuẩn bị ĐGN cần thực hiện đối với các CTĐT và CSGD (nếu thuộc chu kỳ đánh giá).

Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nội dung chi tiết về công tác đảm bảo chất lượng đã xác định rõ lộ trình và kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐNG đối với CSGD và các CTĐT.

Cụ thể:

STT	Nội dung công việc	Thời điểm thực hiện								Căn cứ nêu trong Chiến lược phát triển Học viện
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
2.1	Kiểm định chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn Việt Nam (bao gồm cả kiểm định lần đầu và các chu kỳ sau)									Mục II, Điểm 3: "Giá trị cốt lõi: Chất lượng - Trí tuệ - Phát triển";
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Quản lý Nhà nước (Lần đầu và chu kỳ 2)	X						X		Mục III (Mục tiêu phát triển), Điểm 2 (Mục tiêu cụ thể), ý a) Đến năm 2025: "Trên 80% chương trình đào tạo có sinh viên tốt nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc gia" và ý b) Đến năm 2030: "100% chương trình đã có sinh viên tốt nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc gia, một số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc tế"
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng (Lần đầu và chu kỳ 2)	X						X		
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế (lần đầu và chu kỳ 2)		X						X	
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Kinh tế phát triển (lần đầu và chu kỳ 2)		X						X	
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Kế toán – Kiểm toán (lần đầu và chu kỳ 2)			X						X
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Kinh tế (chu kỳ 2 và chu kỳ 3)			X						X
	- Lập kế hoạch, đầu mỗi triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế (chu kỳ 2 và chu kỳ 3)			X						X

STT	Nội dung công việc	Thời điểm thực hiện								Căn cứ nêu trong Chiến lược phát triển Học viện	
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030		
	- Lập kế hoạch, đầu mối triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh (chu kỳ 2 và chu kỳ 3)			X						X	
	- Lập kế hoạch, đầu mối triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Kinh tế số				X						
	- Lập kế hoạch, đầu mối triển khai kiểm định chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh					X					
2.2	<i>Kiểm định chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn Quốc tế</i>										
	Cử cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng, đào tạo kiểm định chuẩn Quốc tế		X	X							
	Chuẩn bị các điều kiện để kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn Quốc tế: Lựa chọn ngành kiểm định, lập kế hoạch kiểm định, tập huấn, chuẩn bị về chương trình		X	X	X	X					
	Tiến hành đánh giá ngoài 01 chương trình đào tạo						X				
	Tiến hành đánh giá ngoài 01 - 02 chương trình đào tạo/năm							X	X		
2.3	<i>Kiểm định cơ sở giáo dục đại học theo tiêu chuẩn Việt Nam (chu kỳ 2 và chu kỳ 3)</i>	X						X			
2.4	<i>Kiểm định cơ sở giáo dục đại học theo tiêu chuẩn quốc tế</i>										
	Chuẩn bị các điều kiện để kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế: lập kế hoạch kiểm định, tập huấn,					X	X	X			

STT	Nội dung công việc	Thời điểm thực hiện								Căn cứ nêu trong Chiến lược phát triển Học viện
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
	chuẩn bị điều kiện về nhân sự, quản trị,...									
	Tiến hành đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Đại học								X	

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị đầu mối cho hoạt động Đảm bảo chất lượng, Phòng đã triển khai các kế hoạch, tập huấn các nội dung liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng tới các đơn vị liên quan, đồng thời cũng phân công cán bộ trong phòng làm nhiệm vụ hỗ trợ các đơn vị trong toàn Học viện giải đáp hướng dẫn về công tác đảm bảo chất lượng [H1.10.01.01].

Với 05 CTĐT đã kiểm định chất lượng trong giai đoạn 2018-2023, Học viện lựa chọn Bộ tiêu chuẩn đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo là căn cứ để TĐG chất lượng CTĐT và chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn này. Để thực hiện hoạt động TĐG các CTĐT chuẩn bị kiểm định, Học viện thành lập Hội đồng TĐG cho từng CTĐT. Hội đồng TĐG có Giám đốc Học viện là chủ tịch Hội đồng, bên cạnh các thành viên của Khoa chuyên ngành có CTĐT được kiểm định còn có lãnh đạo các đơn vị chức năng của Học viện. Giúp việc cho Hội đồng TĐG có Ban thư ký và các nhóm chuyên trách để triển khai hoạt động TĐG [H1.10.01.04]. Đồng thời với việc thành lập Hội đồng TĐG, Học viện ban hành Kế hoạch TĐG các CTĐT, trong đó xác định cụ thể mục tiêu TĐG, nội dung công việc, phân công trách nhiệm cho từng đơn vị, cá nhân thực hiện và thời gian hoàn thành công việc [H1.10.01.03]. Kế hoạch TĐG là căn cứ quan trọng để triển khai, giám sát hoạt động TĐG nhằm đạt được mục tiêu của hoạt động này. Để triển khai hoạt động TĐG tốt nhất, Học viện đã tiến hành tổ chức các cuộc họp, tập huấn cho toàn thể thành viên trong Hội đồng TĐG và các cán bộ nhân viên có liên quan về việc thu thập và đánh giá minh chứng, viết báo cáo TĐG... [H1.10.01.05].

Việc chuẩn bị cho hoạt động ĐGN 05 CTĐT được Học viện thiết lập một cách rõ ràng, khoa học nhằm đạt kết quả tốt nhất cho hoạt động KĐCL. Căn cứ mục tiêu của hoạt động đảm bảo chất lượng, Học viện lên kế hoạch đăng ký kiểm định các CTĐT, hoàn thành các hồ sơ đăng ký gửi cho Trung tâm kiểm định và Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó xác định rõ CTĐT thực hiện kiểm định cũng như thời gian dự kiến cho hoạt động ĐGN [H1.10.01.06]. Sau đó lập và ban hành Kế hoạch công tác chuẩn bị cho hoạt động ĐGN chính thức, trong đó quy định chi tiết các nội dung công việc cần chuẩn bị, các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện và chi tiết thời gian thực hiện và hoàn thành các công việc [H1.10.02.05].

Đối với TĐG chất lượng CSGD, Học viện coi đây cũng là hoạt động thường xuyên liên tục. Toàn bộ quá trình TĐG và cải tiến chất lượng CSGD tại Học viện được thực hiện

song song cùng với công tác lập kế hoạch và triển khai thực hiện mọi mặt hoạt động của Học viện hàng năm.

Sau khi ĐGN vào năm 2018, Học viện lên kế hoạch đăng ký kiểm định chất lượng cho chu kỳ 2 và thực hiện TĐG chất lượng CSGD theo theo bộ tiêu chuẩn ban hành theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT gồm 25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí đánh giá. Học viện đã thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CSGD do Giám đốc làm Chủ tịch Hội đồng [H1.10.01.04]. Giúp việc cho Hội đồng là Ban Thư ký và 6 nhóm công tác chuyên trách với 6 trưởng phòng chức năng được phân công là trưởng 6 nhóm phụ trách các tiêu chuẩn liên quan. Học viện cũng đã ban hành kế hoạch TĐG chất lượng CSGD với các nội dung công việc cụ thể cần triển khai, thời gian hoàn thành và phân công nhiệm vụ cho các đơn vị cá nhân liên quan [H1.10.01.04]. Hiện nay, việc triển khai TĐG đang được thực hiện và dự kiến hoàn thành trong tháng 9/2023 để đón Đoàn chuyên gia ĐGN, dự kiến vào tháng 11/2023.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc chuyên gia độc lập đã được đào tạo

Để chuẩn bị cho công tác đánh giá chất lượng giáo dục tại đơn vị, trong giai đoạn 2018-2023, Học viện đã cử 11 cán bộ tham gia công tác tập huấn đào tạo kiểm định viên tại Trung tâm kiểm định CLGD ĐHQGHN trong đó có 04 cán bộ thuộc đơn vị chuyên trách là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng [H1.10.02.06].

Nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trong mạng lưới đảm bảo chất lượng, Học viện luôn chú trọng đào tạo nhân lực cho hoạt động đảm bảo chất lượng. Bên cạnh việc cử cán bộ tham gia lớp tập huấn đào tạo kiểm định viên tại Trung tâm kiểm định CLGD ĐHQGHN, Học viện còn tổ chức 01 khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho các cán bộ, giảng viên với tổng số trên 50 lượt cán bộ, giảng viên được tập huấn [H1.10.02.07]. Vì vậy, đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động TĐG tại Học viện đều có kiến thức và am hiểu rõ ràng các công việc của hoạt động TĐG cũng như nội hàm các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá CSGD và CTĐT. Do đó, hoạt động TĐG CSGD và các CTĐT được thực hiện khoa học, hiệu quả và đáp ứng và bám sát các yêu cầu của hoạt động TĐG.

Theo quy định về chu kỳ tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị chủ trì cùng các đơn vị khác trong Học viện đã triển khai Tự đánh giá và đã đăng ký để kiểm định chất lượng giáo dục 05 CTĐT và cơ sở giáo dục [H1.10.02.01]; [H1.10.02.02]; [H1.10.02.03]; [H1.10.02.04].

Các thành viên hội đồng TĐG là lãnh đạo Học viện, lãnh đạo các Khoa/Phòng ban và các cán bộ đã được đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục [H1.10.02.06]. Đến tháng 10/2020 Học viện đã hoàn thành ĐGN đối với 03 CTĐT bởi Trung tâm Kiểm định chất

lượng giáo dục (Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam) và đến tháng 6/2023 hoàn thành ĐGN đối với 02 CTĐT bởi Trung tâm kiểm định CLGD ĐHQGHN được thực hiện bởi đoàn đánh giá ngoài là những chuyên gia hàng đầu về kiểm định chất lượng [H1.10.02.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.3 Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát

Trong quá trình TĐG CSGD và các CTĐT, Học viện luôn phân tích, đưa ra các điểm mạnh cũng như điểm tồn tại, từ đó xây dựng kế hoạch hành động nhằm khắc phục các tồn tại để liên tục cải tiến chất lượng giáo dục.

Khi thực hiện TĐG toàn diện chất lượng CSGD hay các CTĐT theo bộ tiêu chuẩn đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bên cạnh việc nhận diện các điểm mạnh để phát huy, Học viện luôn chú trọng việc xác định các tồn tại để sớm có kế hoạch cải tiến. Học viện đã xác định và ban hành kế hoạch hành động để khắc phục tồn tại, cụ thể các công việc cần triển khai cho từng đơn vị có liên quan [H1.10.03.03]; [H1.10.03.04]. Căn cứ vào kế hoạch hành động, các đơn vị có liên quan thực hiện triển khai các hoạt động cải tiến và báo cáo kết quả về đơn vị đầu mối là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng [H1.10.03.05].

Sau mỗi đợt ĐGN, điểm mạnh, tồn tại và các khuyến nghị theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá CTĐT, CSGD, tất cả các hoạt động của Học viện đều được đoàn ĐGN phân tích cụ thể [H1.10.03.01];[H1.10.03.02] . Các đánh giá này là cơ sở để Học viện rà soát và tiến hành cải tiến đối với các hoạt động của Học viện.

Sau ĐGN chất lượng CSGD vào năm 2018, Học viện căn cứ kế hoạch cải tiến trong Báo cáo TĐN và các khuyến nghị của Đoàn ĐGN, sau 2,5 năm (năm 2021), Học viện rà soát việc thực hiện kế hoạch cải tiến, các khuyến nghị và hoàn thành Báo cáo kết quả cải tiến chất lượng giữa kỳ với hàng loạt các hoạt động cải tiến chất lượng giữa kỳ [H1.10.03.04]. Cụ thể:

- Đối với hệ thống bộ máy, chính sách: Học viện đã kiện toàn Hội đồng trường theo quy định của Luật Giáo dục sửa đổi năm 2018 được ban hành bởi quyết định số 1436/QĐ-BKHĐT ngày 28/09/2020 về việc công nhận Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển nhiệm kỳ 2020-2025. Ngoài ra, Học viện còn ban hành một số chính sách: Chính sách tài chính; chính sách đảm bảo chất lượng...

- Đối với hoạt động đào tạo: Học viện đã tăng cường quy mô đào tạo hệ chất lượng cao và các hệ liên kết quốc tế. Học viện đã xây dựng và ban hành quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào trong công tác tuyển sinh trình độ đại học. Học viện đã xây dựng và đưa vào sử dụng bộ công cụ phân tích phổ điểm, qua đó đánh giá chất lượng giảng dạy, cách thức đánh giá và chất lượng học tập của sinh viên. Học viện đã xây dựng được hệ thống khảo sát đối với bên liên quan nhằm đánh giá, cải tiến chất lượng đào tạo.

- Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học: Việc thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ tuân thủ thông báo nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm, việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học được thực hiện tập trung tại Học viện. Học viện đã có hệ thống các quy định nghiên cứu khoa học chặt chẽ, có các cơ chế khuyến khích nghiên cứu khoa học như thành lập nhóm nghiên cứu mạnh, chế độ khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có bài báo đăng tại các tạp chí quốc tế có uy tín, chế độ hỗ trợ tài chính cho sinh viên nghiên cứu khoa học...

- Đối với công tác phát triển đội ngũ: Học viện đã xây dựng đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt theo Quyết định số 1545/QĐ-BKHĐT ngày 09/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, các kế hoạch này được rà soát kỹ lưỡng và căn cứ theo đề án vị trí việc làm và nhu cầu thực tế tại mỗi đơn vị. Trình độ của giảng viên liên tục được nâng cao, tỷ lệ tiến sĩ tăng nhanh. Học viện đã tích cực tổ chức các buổi đối thoại, thảo luận để nắm bắt ý kiến cán bộ, giảng viên và người lao động. Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn và ngắn hạn tại Học viện được thực hiện theo định kỳ, phù hợp với yêu cầu phát triển chung của Học viện đồng thời đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực theo vị trí việc làm...

- Đối với hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong: Học viện đã ban hành quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục theo Quyết định số 1396/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2022. Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện được thành lập lần đầu tiên năm 2018 theo Quyết định số 737/QĐ-HVCSPT ngày 15/10/2018 và được cập nhật, bổ sung danh sách cho phù hợp với cơ cấu tổ chức thực tế của Học viện theo Quyết định số 1402/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2022. Mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện được tổ chức chặt chẽ, với đứng đầu là Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị đầu mối và các hệ thống các tổ đảm bảo chất lượng tại từng khoa, bộ môn và từng đơn vị trong Học viện (Quyết định số 737/QĐ-HVCSPT ngày 15/10/2018 và Quyết định số 580/QĐ-HVCSPT ngày 06/6/2023)

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.4: Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Để đáp ứng được mục tiêu chiến lược phát triển Học viện. Học viện luôn quan tâm đến chất lượng công tác đảm bảo chất lượng giáo dục do vậy việc cải tiến các quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị cho việc ĐGN luôn được quan tâm.

Năm 2023 Học viện đã ban hành quyết định số 1396/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2022 thay thế quyết định số 969/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017 về việc ban hành Quy chế đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển, trong đó bao gồm quy trình TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN [H1.10.04.01].

Đề Quy trình TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN đạt kết quả tốt, Học viện đã tổ chức họp rà soát, chỉ đạo thực hiện các kế hoạch TĐG, hoàn thiện hồ sơ TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN CTĐT và CSĐT **[H1.10.04.02];[H1.10.04.03];[H1.10.04.05]**.

Tại chu kỳ đánh giá này Học viện áp dụng quy trình TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN CSĐT và CTĐT theo Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/04/2018 của cục trưởng Cục quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo; Công văn Số 2085/KTĐBCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2020 Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài thay thế Công văn 1075; 1076 và Quyết định số 1396/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2022 về quy trình TĐG CSGD (tại Điều 10) và CTĐT (tại Điều 11) **[H1.10.04.05]**. Đề tập trung cho công tác kiểm định chất lượng CSGD chu kỳ 2 vào năm 2023 và nhằm tuyên truyền, nâng cao văn hóa BĐCL, nhằm xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng không chỉ nhằm phục vụ công tác kiểm định mà còn hướng tới sự liên tục tự rà soát, cải tiến chất lượng của Học viện: Đó là thành lập mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong mà nòng cốt là các lãnh đạo và chuyên viên từng bộ phận của Học viện **[H1.10.04.04]**.

Quá trình TĐG và ĐGN đối với CSGD và các CTĐT của Học viện thực hiện theo Thông tư 04/2016/TT- BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT và Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 và các công văn hướng dẫn (Công văn số 1668/QLCL- KĐCLGD ngày 31/12/2019 kèm theo bảng hướng dẫn đánh giá để thay thế cho bảng hướng dẫn đánh giá kèm theo công văn số 768/QLCL- KĐCLGD ngày 20/4/2018). Sau khi đạt chứng nhận kiểm định CLGD, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng làm đầu mối cùng các Khoa chuyên ngành đã tiến rà soát lại các hoạt động cần cải tiến nhằm nâng cao chất lượng CSGD và các CTĐT **[H1.10.04.06]**.

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng mời chuyên gia thuộc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN đến tập huấn về công tác TĐG theo bộ tiêu chuẩn mới do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành **[H1.10.04.07]**.

So với lần TĐG CSGD năm 2018 thì công tác TĐG chu kỳ 2 năm 2023 có nhiều thay đổi tích cực giúp cho công tác TĐG của Học viện đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu chiến lược của CSGD đó là đã xây dựng, cập nhật được hệ thống mạng lưới BĐCL, các đơn vị đã có các thay đổi tích cực trên đã góp phần cải tiến một cách có hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng trong toàn Học viện. Học viện thực hiện kế hoạch cải tiến công tác đảm bảo chất lượng thông qua các chính sách, hệ thống, quy trình nghiệp vụ và nguồn lực để thực hiện tốt nhất các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học thông qua việc xây dựng giải pháp và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Học viện **[H1.10.04.04]**.

Sau mỗi đợt ĐGN, Học viện đều có các cuộc họp rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác đảm bảo chất lượng, KĐCLGD giữa các đơn vị trong Học viện. Có thể thấy, quy trình TĐG và chuẩn bị cho hoạt động ĐGN được Học viện rà soát,

cải tiến; quy trình phối hợp giữa các đơn vị trong Học viện từng bước được chuẩn hóa, đảm bảo hoạt động đảm bảo chất lượng trong toàn Học viện được thực hiện một cách khoa học, hiệu quả.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Công tác lập kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN được thiết lập một cách đầy đủ, khoa học và rõ ràng.
- Có đội ngũ cán bộ, giảng viên được đào tạo bài bản để thực hiện hoạt động TĐG.
- Các phát hiện và kết quả từ hoạt động TĐG và ĐGN được rà soát thường xuyên, là cơ sở để cải tiến chất lượng.
- Có Quyết định ban hành Quy trình TĐG CSGD và CTĐT của Học viện để hướng dẫn cho các đơn vị và cá nhân trong Học viện tham gia TĐG thực hiện hiệu quả.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Khi rà soát, chuẩn hóa, cải tiến các quy trình TĐG CSGD và CTĐT chưa thể hiện rõ thông qua việc ban hành các văn bản bổ sung, cập nhật các quyết định đã ban hành quy trình trước đó.
- Thời điểm hiện tại Học viện chưa có cán bộ, giảng viên đạt chứng nhận và được cấp thẻ Kiểm định viên.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện nghiêm túc quy định về đảm bảo chất lượng tại các đơn vị trong Học viện.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên rà soát, cập nhật bổ sung các quy định về đảm bảo chất lượng nói chung và tự đánh giá nói riêng; Ban hành sổ tay theo dõi đối hoạt động đảm bảo chất lượng tại các đơn vị	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục cử các cán bộ, giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2023-2024	

4	Phát huy điểm mạnh 3	Chú trọng hơn nữa việc rà soát, đối sánh để cải tiến chất lượng trong các hoạt động	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và các đơn vị có liên quan	Năm học 2023-2024
---	----------------------	---	---	-------------------

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	TĐG
Đánh giá chung Tiêu chuẩn 10	5
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	5

TIÊU CHUẨN 11: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập

Vai trò quan trọng của hoạt động đảm bảo chất lượng với sự phát triển của Học viện đã được xác định rõ trong chiến lược phát triển Học viện các giai đoạn. Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020 khẳng định mục tiêu chiến lược của Học viện là đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng đối với trường đại học và chương trình đào tạo của Việt Nam, tiếp cận với các tiêu chuẩn quốc tế; Mục tiêu chiến lược này tiếp tục được phát triển và nhấn mạnh trong Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 hướng tới mục tiêu đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đối với cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam và quốc tế [H1.11.01.01]. Chiến lược phát triển Học viện gắn với hoạt động đảm bảo chất lượng được cụ thể hóa trong chiến lược đảm bảo chất lượng của Học viện, trong đó mục tiêu từng năm học được xác định rõ ràng, nhấn mạnh việc xây dựng và triển khai hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong Học viện gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H1.11.01.01].

Nhận thức được tầm quan trọng của hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, việc xây dựng hệ thống này đã được đưa vào nội dung các cuộc họp liên tịch và họp Hội đồng đảm bảo chất lượng Học viện [H1.11.01.02].[H1.11.01.03].

Nhằm hỗ trợ và nâng cao chất lượng tất cả các mặt hoạt động của Học viện, ý kiến

của các bên liên quan gồm: Người học, giảng viên, cán bộ quản lý và đội ngũ nhân viên của Học viện, nhà tuyển dụng, đội ngũ chuyên gia và các hiệp hội nghề nghiệp là một kênh cung cấp thông tin khách quan và hiệu quả, Học viện đã ban hành Quy định về khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan theo quyết định số 408/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2020. Trong đó có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, đơn vị, phòng ban trong việc phối hợp thu thập thông tin, xử lý, báo cáo và chuyển thông tin từ các bên liên quan **[H1.11.01.04]** và các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, khoa, viện, trung tâm, của Học viện **[H1.11.01.06]**. Theo đó Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tự đánh giá CTĐT/CSGD công tác giảng dạy của giảng viên, công tác hỗ trợ, phục vụ học tập của người học **[H1.11.01.05]**.

Đối với công tác thu thập và xử lý thông tin từ các bên liên quan là người học, cựu người học, nhà tuyển dụng, chuyên gia hay các hiệp hội nghề nghiệp, giảng viên và cán bộ, Học viện đã ban hành Quyết định số 408/QĐ-HVCSPT ngày 02/6/2020 về Quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan trong hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục tại Học viện. Theo đó, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng làm đầu mối, cung cấp mẫu phiếu khảo sát, mẫu kế hoạch, báo cáo khảo sát và mẫu kế hoạch cải tiến; Phòng Quản lý Đào tạo thực hiện khảo sát người học sau tốt nghiệp về việc làm; Các khoa có CTĐT khảo sát nhà tuyển dụng lao động, chuyên gia, hiệp hội nghề nghiệp,... về mục tiêu, chuẩn đầu ra, chất lượng CTĐT và mức độ hài lòng về người học tốt nghiệp,... Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện khảo sát trực tiếp đối với người học về giảng viên từng học phần; Khảo sát đối với người học trước tốt nghiệp về chất lượng chương trình đào tạo; Khảo sát giảng viên, cán bộ quản lý và đội ngũ nhân viên về các mặt hoạt động của Học viện **[H1.11.01.04]**.

Bên cạnh việc lấy ý kiến thông qua hình thức khảo sát các bên liên quan, Học viện thực hiện tiếp nhận ý kiến đóng góp và phản hồi thông qua gặp gỡ trực tiếp tại Phòng tiếp dân, thông qua số điện thoại, Email của Ban lãnh đạo Học viện cũng như số điện thoại, email của các đơn vị và lãnh đạo các đơn vị được công khai trên website www.apd.edu.vn **[H1.11.01.07]**. Ngoài ra, hàng năm Học viện tổ chức hội nghị đối thoại giữa Ban lãnh đạo, Ban Giám đốc với người học và hội nghị cán bộ, viên chức **[H1.11.01.08]**.

Việc thu thập và xử lý thông tin từ các bên liên quan được thực hiện định kỳ, có kế hoạch và đều có thông báo, hướng dẫn cụ thể. Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thông báo tới các đơn vị về việc lấy phiếu khảo sát bên liên quan và thời gian cũng như hình thức lấy phiếu **[H1.11.01.05]**. Định kỳ hàng tháng, các đơn vị báo cáo về tình hình thực hiện công việc và kế hoạch công tác tháng tiếp theo gửi Phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp và báo cáo Ban Giám đốc Học viện. Các cuộc họp liên tịch của Ban Giám đốc với trưởng các đơn vị để thu thập, phản hồi các thông tin về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Học viện đều được lập kế hoạch và triển khai định kỳ hàng quý Hàng năm,

Học viện đều lên kế hoạch tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức tại trụ sở Học viện và các phân viện để công khai thông tin các hoạt động của Học viện và tiếp nhận, giải quyết các góp ý, kiến nghị của cán bộ, viên chức và người lao động [H1.11.01.8].

Việc xử lý, lưu trữ dữ liệu phản hồi được Học viện quan tâm thiết lập hệ thống xử lý rất nhanh chóng và linh hoạt, tùy thuộc vào đặc điểm thông tin nhận được. Đối với các sự cố về thiết bị trong quá trình giảng dạy trực tiếp, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo thu thập thông tin qua điện thoại (số điện thoại của cán bộ kỹ thuật và cán bộ trực giảng đường được in trên mặt bàn giảng viên trong phòng học), lập tức cán bộ kỹ thuật hỗ trợ GV ngay tại phòng học và lưu lại nhật ký xử lý và thống kê số lần thiết bị hỏng. Các thông tin phản hồi từ cơ sở, thông qua họp lớp giữa CVHT với sinh viên, các cuộc họp Khoa/Phòng, hội nghị tại các đơn vị với các bên liên quan đều được các bộ phận chức năng tập hợp báo cáo tại các cuộc họp liên tịch, báo cáo trực tiếp cho cấp có thẩm quyền, hay báo cáo tại các hội nghị/cuộc họp cấp Học viện để giải quyết.

Để nâng cao hiệu quả trong việc thu thập và xử lý thông tin từ các bên liên quan, Học viện đã sử dụng các ứng dụng CNTT, cho phép thu thập, lưu trữ, xử lý và phân tích ý kiến của các bên liên quan cũng như các dữ liệu trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Việc lấy ý kiến bên liên quan được thực hiện từ hình thức thủ công (phát phiếu khảo sát bản in) sang gửi các link khảo sát thông qua google forms, hoặc APD Slink. Việc phân tích và xử lý kết quả khảo sát trên kết quả tổng hợp của google forms và tính toán trên phần mềm APD Slink [H1.11.01.09]. Đối với các thông tin là các văn bản pháp quy, các văn bản quản lý của Học viện được ban hành, kết luận các cuộc họp của Giám đốc thì việc quản lý, lưu trữ và công bố được thực hiện trên ứng dụng E-office cũng như tập trung tại bộ phận văn thư của Văn phòng Học viện [H1.11.01.09].

Học viện luôn chú trọng đầu tư ứng dụng CNTT trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong. Các phần mềm đã và đang được Học viện triển khai gồm: Phần mềm quản lý đào tạo; Phần mềm tổ chức thi trực tuyến; Hệ thống phần mềm đào tạo và quản lý giảng dạy trực tuyến; Phần mềm quản lý thư viện; Phần mềm kiểm tra trùng lặp và chống đạo văn trong nghiên cứu khoa học; và phần mềm E-office [H1.11.01.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn

Để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng hướng đến đạt được mục tiêu, sứ mạng của Học viện, việc ứng dụng CNTT được Ban lãnh đạo rất quan tâm và đã được thực hiện trong các mặt hoạt động của Học viện với sự

kết nối giữa các đơn vị. Tầm nhìn 2045 của Học viện được xác định rõ trong Quyết định số 1822/QĐ-BKHĐT ngày 11/11/2022 về việc Phê duyệt chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, mục tiêu đến năm 2025 là “Chuyển đổi số mạnh mẽ để xây dựng đại học thông minh, đại học số có tính chất mở, khả năng thích ứng và quốc tế hóa cao” và đến năm 2030 sẽ “Trở thành Đại học thông minh, có hệ thống quản trị hiện đại và có tính quốc tế hóa cao”. **[H1.11.02.01]**. Học viện đã ứng dụng rộng rãi CNTT trong quản trị, điều hành các hoạt động và hỗ trợ công tác ra quyết định của các cấp lãnh đạo. Với hệ thống phần mềm quản lý như hiện tại của Học viện, khi cần thông tin báo cáo Ban lãnh đạo, lãnh đạo các đơn vị để ra quyết định, các phần mềm có thể truy xuất thông tin theo yêu cầu một cách nhanh chóng, chính xác. Hệ thống các ứng dụng CNTT đã và đang được triển khai và ứng dụng tại Học viện gồm: Website Học viện apd.edu.vn cung cấp đầy đủ thông tin cho các bên liên quan về chiến lược phát triển của Học viện, cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất, cam kết đảm bảo chất lượng, thông tin về hoạt động đào tạo (thông tin về CTĐT, thông tin tuyển sinh các bậc và hệ đào tạo, thông tin sinh viên,...), thông tin về hoạt động nghiên cứu khoa học (các sản phẩm nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên), thông tin về hoạt động phục vụ cộng đồng, các văn bản pháp luật, quy chế, quy định, hợp tác trong nước và quốc tế, thông tin tuyển dụng **[H1.11.02.02]**.; Trong quản lý, đảm bảo an toàn và an ninh thông tin về hoạt động đào tạo, Học viện đã ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, đảm bảo quản lý chặt chẽ mọi hoạt động đào tạo gồm: Triển khai kế hoạch đào tạo, phân công giảng viên, trích xuất danh sách lớp, quản lý lớp và điểm danh online, quản lý và nhập điểm, quản lý khối lượng giờ giảng của giảng viên, quản lý việc đăng ký nhóm lớp học phần của người học,...

Phần mềm quản lý đào tạo tích hợp nhiều phân hệ, trong đó phân hệ quản lý sinh viên do Phòng Quản lý đào tạo làm admin, phân hệ học phí sinh viên do Phòng Kế hoạch – Tài chính quản lý. Hệ thống phần mềm đào tạo có sự kết nối dữ liệu giữa các đơn vị, từ máy chủ của admin quản lý tổng thể hoạt động đào tạo đặt ở Phòng Quản lý đào tạo kết nối tới hệ thống các máy tính cố định của các Khoa, Viện. Đồng thời giảng viên cũng như sinh viên truy cập dễ dàng và thuận tiện tại địa chỉ online (qltd.edu.vn và tinchi.apd.edu.vn); Đối với hoạt động khoa học công nghệ, các quy trình, mẫu biểu liên quan đến đề xuất nghiên cứu khoa học, hợp xét duyệt đề xuất, thuyết minh, phản biện, hợp nghiệm thu, quyết định công nhận,... đều được công bố trên website của Học viện. Các thông báo của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác và các báo cáo, sản phẩm nghiên cứu khoa học, thống kê nghiên cứu khoa học theo năm học của cá nhân và các đơn vị đều được nộp về Phòng thông qua hệ thống email nội bộ. Một số đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, luận văn tốt nghiệp thạc sỹ hay khóa luận tốt nghiệp của sinh viên đều được kiểm tra tỉ lệ trùng lặp thông qua phần mềm kiểm tra trùng lặp và chống đạo văn Turnitin đảm bảo các sản phẩm này có nội hàm khoa học cao và là sản phẩm thật; Công tác tài chính kế toán rất được quan tâm chú trọng, để đảm bảo thông tin tài chính kế toán cập nhật, chính xác, kịp thời và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về kế toán tài chính, Học viện đã đầu tư và đưa vào sử dụng

phần mềm kế toán ANA; Ngoài ra còn có các phần mềm quản lý thư viện số, phần mềm thi trực tuyến Testsolution, phần mềm hỗ trợ kiểm định và các phần mềm thực hành dành cho sinh viên chuyên ngành của các CTĐT và các chuyên đề nâng cao cho cán bộ thuộc các ngân hàng, doanh nghiệp bên ngoài (phần mềm kế toán Misa, phần mềm giảng dạy kinh tế số,...) [H1.11.02.03]. Toàn bộ các hoạt động nội bộ của Học viện gồm các thông báo, triển khai thực hiện các công việc, chế độ báo cáo, công bố văn bản mới, lấy ý kiến đóng góp về dự thảo văn bản,... đều được triển khai qua hệ thống email nội bộ với tên miền apd.edu.vn đảm bảo các thông tin hoạt động được triển khai thông suốt, kịp thời, chính xác, an toàn và bảo mật [H1.11.02.09].

Đối với hoạt động khảo sát bên liên quan: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chủ trì triển khai công tác khảo sát của các bên liên quan, có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trong Học viện thực hiện các khảo sát đã được phân công và phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất biện pháp, giải pháp để cải tiến, nâng cao chất lượng của Học viện lưu trữ toàn bộ báo cáo cuối cùng liên quan đến việc khảo sát của các đơn vị thuộc Học viện. Thực hiện các khảo sát đối với người học về học phần nhằm đánh giá hoạt động giảng dạy (nội dung, phương pháp giảng dạy, cách thức kiểm tra đánh giá,...) của giảng viên, khảo sát người học trước tốt nghiệp về chất lượng CTĐT/chất lượng khóa học (nội dung CTĐT, mức độ đạt được các kiến thức, kỹ năng; thái độ và chất lượng của các hoạt động hỗ trợ người học,...). Các Khoa, Viện phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên thực hiện khảo sát đối với người học tốt nghiệp về tình hình việc làm (đúng/liên quan đến ngành đào tạo, khu vực và địa điểm làm việc,...). Các khoa có CTĐT thực hiện khảo sát các bên liên quan gồm: Người học, cựu người học, nhà sử dụng lao động, chuyên gia, hiệp hội nghề nghiệp về mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung CTĐT, mức độ đáp ứng của người học tốt nghiệp. Phòng Tổ chức- Hành chính thực hiện khảo sát chất lượng về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo đối với cán bộ, giảng viên và sinh viên... Dữ liệu khảo sát sau khi tổng hợp sẽ được phân tích theo từng tiêu chí bằng các phần mềm chuyên dụng (Google forms hoặc APD Slink). Báo cáo tổng kết các hoạt động khảo sát được gửi tới Ban Giám đốc Học viện và các đơn vị có liên quan để có các phương án cải tiến chất lượng hoạt động của từng đơn vị. Kết quả khảo sát người học về học phần được tổng hợp và gửi tới từng Khoa, Viện, tổng hợp ý kiến đối với các giảng viên trong Khoa, Viện được gửi tới cho trưởng Khoa, Viện, từng giảng viên được cấp một mã riêng để truy cập vào file xem kết quả của chính giảng viên đó. Do đó, kết quả khảo sát chất lượng giảng dạy của giảng viên được đảm bảo tính bảo mật và quyền riêng tư cho các giảng viên [H1.11.02.04].. Báo cáo tổng hợp ý kiến của các bên liên quan là cơ sở để các khoa chuyên ngành thực hiện điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra,... của CTĐT [H1.11.02.04]].

Đối với thông tin phản hồi và các kiến nghị từ các Hội nghị cán bộ, viên chức được Phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp báo cáo và lưu trữ. Các thông tin phản hồi và các kiến nghị từ cũng như Hội nghị đối thoại giữa Ban Giám đốc Học viện và người học, các

cuộc họp với CVHT, ... thông qua các biên bản được tổng hợp báo cáo và lưu trữ tập trung tại Phòng Chính trị và Công tác sinh viên **[H1.11.02.05]**.

Các quy định, hướng dẫn về xử lý, lưu trữ và cơ chế sử dụng kết quả khảo sát bên liên quan được thể hiện rõ ràng trong các quyết định của Giám đốc Học viện về tổ chức khảo sát ý kiến bên liên quan. Cập nhật nhất là Quyết định số 408/QĐ-HVCSPT ngày 02/6/2020 về Quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan trong hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục tại Học viện **[H1.11.02.04]**.

Báo cáo ba công khai của Học viện theo từng năm học được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 36/2017/TT/BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với CSGD và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng - đơn vị chuyên trách về đảm bảo chất lượng là đầu mối thông báo và thu thập thông tin từ các đơn vị trong Học viện theo yêu cầu của Thông tư về tình hình các mặt hoạt động của Học viện **[H1.11.02.06]**. Sau khi thông tin được các đơn vị phụ trách trực tiếp cung cấp, Phòng Quản lý đào tạo tổng hợp báo cáo và công bố báo cáo ba công khai lên cổng thông tin điện tử Học viện **[H1.11.02.06]**.

Thông tin đảm bảo chất lượng lưu trữ trên hệ thống quản lý chung của Học viện, tại các đơn vị lưu gắn với những mặt hoạt động của từng đơn vị. Đồng thời có phân quyền cụ thể khi tiếp cận dữ liệu, đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong. Khi truy cập tất cả các phần mềm để lấy thông tin nội bộ hoặc nhập dữ liệu,... đều phải có tài khoản và mật khẩu, đồng thời phân quyền rõ ràng trong từng phân hệ đảm bảo an toàn và bảo mật. Đối với phần mềm quản lý đào tạo, tài khoản và mật khẩu được cấp cho từng cá nhân có liên quan thuộc từng đơn vị (chuyên viên Phòng Quản lý Đào tạo, trưởng/phó Khoa, Viện). Đối với cổng thông tin quản lý đào tạo, tất cả giảng viên đang công tác, người học đang học tại Học viện được cấp tài khoản và mật khẩu riêng để đăng nhập, lấy các thông tin và thông báo cá nhân. Đối với phần mềm quản lý thi trực tuyến Testsolution, phân quyền rõ ràng giữa chuyên viên Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông quản lý về mặt kỹ thuật, chuyên viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng để tạo đề trước ca thi dựa trên ma trận thi kết thúc học phần do khoa/bộ môn gửi đến, trưởng/phó bộ môn quản lý ca thi, giảng viên coi thi, thanh tra phòng thi,... **[H1.11.02.08]**. Việc quản lý các văn bản Học viện sử dụng phần mềm E-offic với hệ thống các văn bản, công văn đi đến nội bộ qua hệ thống email có tên miền mpi.gov.vn. Học viện đã ban hành quy định về việc quản lý và sử dụng thư điện tử. Trong đó quy định rõ mỗi cá nhân, mỗi đơn vị có một tài khoản email riêng phục vụ cho công việc, mật khẩu do chủ tài khoản tự đặt, đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu **[H1.11.02.07]**, **[H1.11.02.09]**. Tại Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, thông tin về các hoạt động khảo sát (dữ liệu gốc khảo sát, các kết quả khảo sát) được lưu trữ bằng folder riêng trên phần mềm hỗ trợ kiểm định của đơn vị phụ trách đảm bảo thuận lợi trong việc chia sẻ với các đơn vị, cá nhân khi cần, đồng thời lưu trữ ở ổ cứng ngoài đảm bảo an toàn và bảo mật dữ liệu, tránh mất dữ liệu **[H1.11.02.03]**.

Đồng thời hệ thống máy chủ của Học viện đặt tại Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông và hệ thống các máy tính cố định phục vụ hoạt động của các đơn vị đều được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền, tránh virus xâm nhập làm mất, hỏng dữ liệu [H1.11.02.03]].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin

Nội dung quan trọng trong quản lý thông tin đảm bảo chất lượng chính là quản lý hệ thống thông tin về mọi mặt hoạt động của Học viện gồm: Hệ thống quản lý đào tạo, quản lý công tác sinh viên, quản lý nghiên cứu khoa học, quản lý tài chính,... và quản lý thông tin phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động của Học viện. Xác định được tầm quan trọng của hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Học viện thường xuyên thực hiện việc rà soát để đảm bảo sự hoạt động ổn định cũng như xác định những yêu cầu mới của hệ thống để không ngừng cải tiến. Hệ thống quản lý thông tin của Học viện luôn được rà soát, lấy ý kiến và điều chỉnh cho phù hợp. Trên cơ sở đó tiến hành điều chỉnh công tác quản lý thông tin để hỗ trợ tốt hơn cho công tác quản lý. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng của Học viện là một hệ thống thống nhất từ Ban Giám đốc đến từng cán bộ, nhân viên, giảng viên và sinh viên trong toàn Học viện. Đặc biệt trong thời gian vừa qua, ở góc độ quản lý Nhà nước cũng như tại Học viện có khá nhiều sự thay đổi từ Luật Giáo dục Đại học, đến các quy chế, quy định trong bổ nhiệm cán bộ, tuyển dụng, quy chế đào tạo, sau đại học, tuyển sinh, thi đua khen thưởng, tài chính, áp dụng cơ chế tự chủ đại học... Mỗi khi có sự thay đổi, Học viện thực hiện nghiên cứu, rà soát để cập nhật, hiệu chỉnh, bổ sung thay thế các quy định, quy trình, đồng thời hoàn thiện hệ thống thông tin để đảm bảo triển khai thực hiện những quy định mới. Các thông tin liên quan đến các mặt hoạt động được cập nhật thường xuyên đến các bên liên quan trong và ngoài Học viện thông qua cổng thông tin điện tử <http://apd.edu.vn>, đảm bảo tính chính xác, kịp thời và an toàn của hệ thống thông tin nói chung, thông tin về đảm bảo chất lượng nói riêng. Bên cạnh đó, Học viện xây dựng và duy trì cổng thông tin riêng về công tác đảm bảo chất lượng để cung cấp và là công cụ hỗ trợ cho hoạt động đảm bảo chất lượng tại địa chỉ: <http://apd.edu.vn/van-ban-ve-cong-tac-am-bao-chat-luong-giao-duc> [H1.11.03.01].

Tại Học viện, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc thiết lập và đảm bảo sự vận hành của hệ thống thông tin thông qua phần mềm quản lý tổng thể và cổng thông tin điện tử [H1.11.03.02]. Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông sẽ thực hiện rà soát thường xuyên hoạt động của các đường truyền, sự ổn định của các phần mềm ứng dụng cũng như đảm bảo bảo mật và an toàn của dữ liệu thông tin. Việc rà soát các chức năng cụ thể của phần mềm quản lý thông tin tổng thể của Học viện là công việc thường xuyên của các đơn vị chức năng trong quá trình vận

hành, thao tác, xử lý và khai thác dữ liệu. Các đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ và đánh giá thực tế hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đồng thời căn cứ những yêu cầu mới của công việc, các đơn vị rà soát các tính năng của phần mềm quản lý tổng thể đang áp dụng và lập tờ trình mua sắm để Trung tâm Hỗ trợ đào tạo tổng hợp báo cáo Ban Giám đốc phê duyệt các phương án bổ sung, nâng cấp phần mềm.

Đầu mỗi năm học, dưới sự chỉ đạo của Ban Giám đốc, các đơn vị trong Học viện chủ động rà soát hệ thống quản lý thông tin bên trong gắn với các hoạt động của đơn vị và lập kế hoạch thực hiện rà soát, đảm bảo số lượng, chất lượng, thống nhất, bảo mật và an toàn dữ liệu. Phòng Tổ chức – Hành chính là đơn vị đầu mối tổng hợp kế hoạch của các đơn vị và lập chương trình công tác năm học của toàn Học viện **[H1.11.03.04]**. Định kỳ hàng tháng, quý, trên cơ sở kế hoạch, các đơn vị thực hiện rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin, hệ thống dữ liệu đảm bảo chất lượng bên trong gắn với các hoạt động của từng đơn vị và nộp báo cáo công tác tháng, quý. Phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp báo cáo công tác của toàn Học viện. Trong các báo cáo công tác tháng, quý và báo cáo tổng kết năm học, Học viện luôn đề cập đến kết quả thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin bên trong và phương hướng, kế hoạch của tháng/quý/năm học tiếp theo **[H1.11.03.03]**

Việc thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong theo định kỳ hàng năm được thực hiện thông qua mạng lưới đảm bảo chất lượng nội bộ từ năm 2018: Thông qua các cuộc họp hội đồng đảm bảo chất lượng hàng năm và báo cáo việc thực hiện hoạt động đảm bảo chất lượng cuối năm **[H1.11.03.08]**. Năm 2023, Học viện đã tiến hành kiện toàn nhân sự mạng lưới đảm bảo chất lượng nhằm hỗ trợ tốt nhất cho việc thu thập và quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện **[H1.11.03.05]; [H1.11.03.06]**.

Việc rà soát hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng cũng được thực hiện thông qua hoạt động TĐG chất lượng CSGD cũng như các CTĐT. Kế hoạch hành động khắc phục tồn tại luôn thể hiện các hoạt động cải tiến liên quan đến việc hoàn thiện hệ thống thông tin tại Học viện **[H1.11.03.07]**.

Đối với hoạt động thu thập thông tin đảm bảo chất lượng từ các hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm trong việc rà soát toàn diện quy trình và phương thức thực hiện khảo sát cũng như phân tích và báo cáo các kết quả khảo sát **[H1.11.03.08]**. Các thông tin cần thu thập từ các bảng câu hỏi luôn được rà soát hàng năm, thể hiện ở sự việc thay đổi trong nội dung câu hỏi trên các Phiếu khảo sát hoặc thay đổi Phiếu khảo sát mới và các quyết định về quy trình khảo sát bên liên quan. Bên cạnh đó, cách thức truyền tải thông tin về kết quả khảo sát cũng được Phòng rà soát để thay đổi cách thức truyền tải và công bố thông tin **[H1.11.03.08]**.

Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn đến năm 2030 tầm nhìn 2045 đã xác định tầm quan trọng của công nghệ với hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong thông qua việc hướng tới “Trở thành đại học thông minh, có hệ thống quản trị hiện đại và

có tính quốc tế hóa cao.” [H1.11.03. 09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Việc rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được các đơn vị trong Học viện thực hiện thường xuyên, định kỳ, đồng thời thực hiện thông qua các đợt TĐG. Kết quả của việc rà soát là cơ sở quan trọng để Học viện xác định kế hoạch hành động và thực hiện cải tiến liên tục hệ thống này nhằm đáp ứng tốt nhất cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tính đến hiện tại, đã có nhiều cải tiến từ các đơn vị chức năng và các khoa trong việc tiếp nhận thông tin phản hồi và quản lý hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng. Các kế hoạch cải tiến chất lượng sau TĐG và ĐGN, cũng như trong các chương trình công tác năm học và kế hoạch thực hiện tháng/quý của Học viện và các đơn vị, nhiều hoạt động cải tiến liên quan đến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng đã được xác định [H1.11.04.01]; [H1.11.04.02].

Cổng thông tin điện tử Học viện thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật, cải tiến bởi Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm [H1.11.04.03]. Các thông tin công bố về các mặt hoạt động của Học viện tới các bên liên quan được thể hiện trên cổng thông tin điện tử <http://apd.edu.vn>, mỗi đơn vị chức năng đều có nhánh riêng trên cổng thông tin điện tử của Học viện để công bố các thông tin hoạt động của đơn vị. Trong thời gian vừa qua, Học viện đã ban hành nhiều văn bản, quy trình, quy chế nội bộ nhằm tăng cường hiệu quả hệ thống quản lý thông tin bên trong Học viện như: Quy chế về chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu; Quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế đào tạo các bậc tại Học viện; Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, Quy định chế độ chính sách cho sinh viên... Các văn bản, quy định, này được công bố trên cổng thông tin điện tử Học viện và các đơn vị chuyên trách. Cổng thông tin điện tử của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thường xuyên cập nhật những văn bản, quy định mới của Nhà nước có liên quan đến các hoạt động thanh tra, khảo thí và đảm bảo chất lượng cũng như các văn bản do Học viện ban hành thuộc lĩnh vực này. Đồng thời Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thường xuyên cập nhật các thông tin, hướng dẫn các đơn vị về các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện [H1.11.04.04].

Trong 5 năm gần đây, các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin của Học viện được cập nhật, bổ sung nhiều tính năng, phân hệ mới phù hợp hơn với đặc điểm các hoạt động của Học viện. Cụ thể: Nâng cấp và bổ sung phần mềm tổng thể quản lý hệ thống công nghệ thông tin; Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý sinh viên;... Sau khi nâng cấp, hệ thống phần mềm giữa các đơn vị chức năng tăng sự liên thông, kết nối với nhau, chẳng hạn với phần mềm quản lý đào tạo, sau khi khoa/bộ môn nhập và khóa điểm

trên phần mềm, sinh viên sẽ xem được điểm cập nhật trong tài khoản cá nhân trên cổng thông tin điện tử; tình hình thu nộp học phí, sinh viên còn nợ học phí... được kết nối giữa phần mềm quản lý đào tạo của Phòng Quản lý Đào tạo và phần mềm kế toán của Phòng Kế hoạch – Tài chính; cảnh báo học vụ trên cơ sở điểm rèn luyện và điểm học tập của sinh viên được kết nối giữa các phân hệ của Phòng Quản lý Đào tạo và Phòng Chính trị và Công tác sinh viên trên phần mềm quản lý đào tạo **[H1.11.04.05]**.

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan có nhiều cải tiến, cụ thể Học viện đã ban hành Quyết định số 408/QĐ-HVCSPT ngày 02/6/2020 về Quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan trong hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục tại Học viện. Theo đó, các đối tượng lấy ý kiến bên liên quan đa dạng hơn, phân công các đơn vị làm đầu mối trong từng loại khảo sát rõ ràng và hiệu quả hơn: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên cùng các Khoa, Viện đào tạo thực hiện khảo sát người học sau tốt nghiệp về việc làm; Các khoa có CTĐT khảo sát nhà tuyển dụng lao động, chuyên gia, hiệp hội nghề nghiệp,... về mục tiêu, chuẩn đầu ra, chất lượng CTĐT và mức độ hài lòng về người học tốt nghiệp; Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông khảo sát người đọc về các mặt hoạt động của thư viện; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện khảo sát trực tiếp đối với người học về giảng viên từng học phần, khảo sát đối với người học trước tốt nghiệp về chất lượng chương trình đào tạo và khảo sát giảng viên, cán bộ quản lý và đội ngũ nhân viên về các mặt hoạt động của Học viện;... Phương pháp lấy ý kiến khảo sát bên liên quan cũng có sự cải tiến lớn, thay đổi từ việc lấy ý kiến người học về học phần bằng phiếu khảo sát bản cứng sang link khảo sát/ứng dụng APD Slink. Việc khảo sát đối với nhà tuyển dụng, chuyên gia, hiệp hội nghề nghiệp, cựu sinh viên do các khoa có CTĐT đảm nhận do mối quan hệ kết nối với cộng đồng doanh nghiệp của Khoa, Viện thuận lợi và đảm bảo hiệu quả việc khảo sát. Đối với những đối tượng này, việc lấy ý kiến không chỉ thực hiện qua khảo sát trực tuyến mà tăng cường hoạt động gặp gỡ trao đổi thông qua các buổi tọa đàm, vừa phong phú về nội dung trao đổi, vừa đạt hiệu quả trong quá trình tiếp nhận thông tin. Ngoài ra, Học viện còn triển khai các kênh thu thập thông tin khác như hotline, fanpage của Học viện, các khoa/bộ môn, Đoàn Thanh niên,... có phân công người trực tiếp nhận và xử lý liên tục các thông tin phản hồi và đóng góp ý kiến **[H1.11.04.06]**.

Kết quả khảo sát ý kiến người học trước tốt nghiệp về chương trình đào tạo năm học 2022 - 2023 có một tồn tại cần lưu ý trong hệ thống thông tin cung cấp cho người học (qua cổng thông tin điện tử): Chỉ có 30% người học trả lời hệ thống thông tin đáp ứng tốt và 16% câu trả lời là đáp ứng rất tốt, và tổng số 27% ý kiến cho rằng hệ thống thông tin không đáp ứng hoặc chỉ đáp ứng một phần. Học viện thông qua đầu mối là Phòng Quản lý Đào tạo đã làm việc với Công ty cung cấp dịch vụ phần mềm quản lý đào tạo để tích hợp trên cổng thông tin sinh viên các phân hệ về học vụ (học phí, học lại, số dư, số còn nợ,...), sinh viên thông qua tài khoản cá nhân được cung cấp có thể vào tra cứu toàn bộ các thông tin liên quan. Đồng thời Phòng Quản lý Đào tạo kết hợp với Trung tâm Thông tin, Thư viện và

Truyền thông đã tăng tốc độ đường truyền, thực hiện và giải pháp phân luồng khi đăng ký học phần đầu mỗi học kỳ, không còn tình trạng sinh viên gặp khó khăn hoặc không đăng ký được học phần. Với những cải tiến đồng bộ và toàn diện của hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong đã góp phần hỗ trợ tốt cho việc nâng cao chất lượng mọi mặt hoạt động của Học viện [H1.11.04.07].

Tính đến hết tháng 8/2023, việc kiểm định thành công 5 CTĐT cũng như hoàn thành tốt việc TĐG CSGD là kết quả cụ thể nhất cho thấy Học viện đã nỗ lực xây dựng và cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng, nhờ đó góp phần nâng cao chất lượng, uy tín và học hiệu Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Công tác lập kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được triển khai khá đồng bộ với phân công rõ ràng theo quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Hệ thống quản lý thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện gắn với các hoạt động chính đã được thực hiện trên nền tảng công nghệ thông tin, có sự kết nối hiệu quả giữa các đơn vị. Các chính sách, quy trình, quy định và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong từ kết quả rà soát đã có nhiều cải tiến để nâng cao hiệu quả thực hiện.

- Thông tin đảm bảo chất lượng bên trong liên quan đến từng đơn vị luôn cung cấp kịp thời, phục vụ ra quyết định gắn với các mặt hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Học viện, đồng thời đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong gắn với hoạt động các đơn vị trong Học viện được rà soát thường xuyên, là cơ sở để cải tiến chất lượng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các mặt hoạt động của Học viện, mới có kết nối tương đối nhưng chưa đồng bộ hóa hệ thống các phần mềm ứng dụng;

- Chưa ban hành quyết định về quy trình rà soát và cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	- Triển khai ứng dụng hệ thống văn phòng điện tử e-office trong toàn Học viện;	Phòng Tổ chức – Hành chính, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông, Phòng Kế hoạch – Tài	Năm học 2023-2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị	Thời gian
		- Đẩy mạnh khai thác ứng dụng website về kiểm định của Học viện	chính kết hợp với các đơn vị	
2	Khắc phục tồn tại 2	Soạn thảo, lấy ý kiến và ban hành văn bản chính thức về quy trình rà soát và cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong Học viện	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2023-2024
3	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên rà soát kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong để kế hoạch được triển khai đồng bộ với phân công rõ ràng theo quy định	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2023-2024
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường rà soát nhằm gắn với các hoạt động chính đã được thực hiện trên nền tảng công nghệ thông tin, có sự kết nối hiệu quả giữa các đơn vị.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2023-2024

4. *Mức đánh giá*

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Tự đánh giá
Đánh giá chung Tiêu chuẩn 11	5
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	5
Tiêu chí 11.4	5

TIÊU CHUẨN 12. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng, Học viện đã thực hiện việc xây dựng, hoàn thiện các chủ trương, chính sách có liên quan về công tác nâng cao chất lượng về các mặt hoạt động của nhà trường. Bên cạnh việc thực hiện công tác nâng cao chất lượng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Học viện luôn quan tâm và coi trọng công tác nâng cao chất lượng, thông qua việc xây dựng chủ trương, chính sách của nhà trường về công tác nâng cao chất lượng, và được cụ thể hóa trong kế hoạch chiến lược

của Học viện theo từng giai đoạn phát triển **[H1.12.01.04]**.

Nhằm thực hiện các chính sách trong công tác nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và nâng cao chất lượng giáo dục đại học nói riêng, Học viện triển khai xây dựng chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt **[H1.12.01.04]**, **[H1.12.01.06]** trong đó thể hiện rõ chính sách và nguồn lực của nhà trường trong việc nâng cao chất lượng của nhà trường trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Để việc triển khai hoạt động đào tạo đạt hiệu quả, tạo thuận lợi cho việc quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện và kiểm tra hiệu quả của các hoạt động đào tạo bậc đại học và Sau đại học, Học viện đã ban hành quy chế và xây dựng các hướng dẫn thực hiện quy chế đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời đáp ứng yêu cầu đã tuyên bố trong kế hoạch chiến lược của Học viện **[H1.12.01.01]**, **[H1.12.01.05]**.

Đối với công tác nghiên cứu khoa học và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, Học viện giao Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác là đơn vị đầu mối trong việc tham mưu, giúp Giám đốc Học viện xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm về hoạt động khoa học và công nghệ; tổ chức triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện sau khi được phê duyệt **[H1.12.01.07]**. Học viện đã ban hành và thường xuyên cập nhật các Quy định về việc quản lý hoạt động Khoa học công nghệ tại các Quyết định số 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/7/2018 Ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển; Quyết định số 1182/QĐ-HVCSPT ngày 27/12/2019 ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển; Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021 ban hành quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển. **[H1.12.01.02]**. Việc ban hành đầy đủ, chi tiết các quy định giúp hoạt động này đảm bảo chất lượng và đáp ứng các yêu cầu theo quy định hiện hành, cũng như những quy tắc, đạo đức của người làm nghiên cứu khoa học.

Đối với hoạt động phục vụ cộng đồng, Học viện đã giao đơn vị đầu mối là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tham gia nghiên cứu, xây dựng lấy ý kiến góp ý của các đơn vị trong toàn Học viện trình Giám đốc ban hành Quy định về Hoạt động Phục vụ Cộng đồng tại Học viện **[H1.12.01.03]**. Học viện cũng ban hành Kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội theo năm học chung của Học viện dựa trên kế hoạch của từng đơn vị.

Bên cạnh các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Học viện luôn chú trọng những chính sách về công tác đảm bảo chất lượng, Học viện giao Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị đầu mối tham mưu, giúp Giám đốc Học viện thực hiện công tác thanh tra, khảo thí, và quản lý chất lượng giáo dục của Học viện **[H1.12.01.07]**. Với phương châm coi trọng chất lượng, xem chất lượng là danh dự của nhà trường, Học viện đã hoàn thiện nhiều mục tiêu quan trọng cho công tác bảo đảm chất

lượng, Học viện đã tập trung xây dựng và ban hành kế hoạch bảo đảm chất lượng cho từng năm học cụ thể [H1.12.01.09], đây là một trong những điều kiện quan trọng giúp Học viện thực hiện những mục tiêu chất lượng mà nhà trường đã đề ra, Học viện đã rà soát và xây dựng kế hoạch triển khai cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài, cùng với đó Học viện đã hoàn thiện kế hoạch và gửi báo cáo đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đến các cơ quan quản lý và cơ quan chuyên môn liên quan. Học viện cũng hoàn thiện kế hoạch tự đánh giá và kiểm định chất lượng 05 chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1.12.01.08].

Tự đánh giá tiêu chí 12.1: 4/7

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập

Với sứ mệnh cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao, các nghiên cứu có tầm ảnh hưởng, cùng với dịch vụ tư vấn và hoạt động phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh - quản lý, pháp luật, ngoại ngữ và công nghệ thông tin. Học viện tiên phong xây dựng môi trường giáo dục tiên tiến, văn minh, mang đến cơ hội học tập liên tục, khai phóng sự sáng tạo và phát triển con người toàn diện; với tầm nhìn vào năm 2030 Học viện là trường đại học uy tín, đào tạo đa ngành, liên ngành đạt chuẩn quốc tế; Học viện trở thành đại học tự chủ, có hệ thống quản trị hiện đại gắn liền với chuyển đổi số trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng; trở thành đại học thông minh vào năm 2045 [H1.12.02.01]. Để góp phần đáp ứng sứ mạng và tầm nhìn, trong mọi hoạt động của Học viện đều hướng đến việc cải tiến và nâng cao chất lượng; hoạt động bảo đảm chất lượng tại Học viện không chỉ dừng lại ở công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng, nhà trường còn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đối sánh nhằm nâng cao chất lượng; Học viện đã tiến hành đối sánh các chương trình đào tạo của nhà trường với chương trình đào tạo trong nước và quốc tế [H1.12.02.02], trong việc đối sánh, so chuẩn nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo Học viện đã thực hiện nhiều hoạt động đối sánh khác nhau như đối sánh về mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với mục tiêu và chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo của các trường đối tác trong nước và quốc tế; đối sánh về tỉ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp... Để việc đối sánh và so chuẩn các chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng Học viện đã tiến hành xây dựng và lựa chọn các đối tác có uy tín trong nước cũng như quốc tế [H1.12.02.03]

Trong giai đoạn 2018 – 2023 Học viện đã tiến hành đàm phán và ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển chung, hướng tới việc cụ thể hóa sứ mạng, tầm nhìn của Học viện. Học viện đã ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như các Trường Đại học, các doanh nghiệp, các công ty, các tổ chức giáo dục... [H1.12.02.03].

Trong giai đoạn 2018 - 2022, Học viện cũng đã xây dựng đề án mở ngành đào tạo cho các chương trình đào tạo bậc đại học và bậc sau đại học nhằm thực hiện nâng cao năng

lực đào tạo và phát huy hiệu quả, khả năng đáp ứng các nguồn lực hiện có của Học viện, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực và bối cảnh phát triển chung của xã hội [H1.12.02.04].

Tự đánh giá tiêu chí 12.2: 4/7

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo

Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của công tác đối sánh hướng tới việc bảo đảm và nâng cao chất lượng tại Học viện, hàng năm Học viện luôn rà soát theo hướng dẫn, thông báo và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Tại Học viện đang áp dụng các loại đối sánh sau:

- Đối sánh chiến lược;
- Đối sánh chương trình đào tạo;
- Đối sánh kết quả đầu ra của người học;
- Đối sánh hoạt động nghiên cứu khoa học;
- Đối sánh hoạt động phục vụ cộng đồng.

Đối sánh về tuyển sinh: Để chuẩn bị cho công tác tuyển sinh, hàng năm Học viện tiến hành xây dựng đề án tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ giáo dục và đào tạo, trong đó thể hiện rõ những thông tin có liên quan về công tác tuyển sinh của Học viện như quy mô đào tạo, đối tượng và phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh...đặc biệt trong đề án tuyển sinh của Học viện luôn thể hiện đầy đủ thông tin về việc đối sánh, so chuẩn thông tin về chỉ tiêu tuyển sinh trong những năm trước đó [H1.12.03.01]. Bên cạnh đó Học viện còn tiến hành đối sánh với một số cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong nước thuộc cùng lĩnh vực thông qua thông tin công khai cơ sở giáo dục theo quy định [H1.12.03.02].

Đối sánh về CTĐT: Giai đoạn từ 2017 - 2022, Nhà trường đã triển khai rà soát CTĐT và so chuẩn CTĐT trình độ đại học; Xây dựng chương trình đào tạo theo quy định. Học viện đã tiến hành rà soát về chương trình đào tạo như mục tiêu, chuẩn đầu ra...theo yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt như việc đối sánh của CTĐT ngành Kinh tế quốc tế với khung trình độ quốc gia Việt Nam, đối sánh với các CTĐT chất lượng cao trong nước và quốc tế, đối sánh chương trình đào tạo Quản trị doanh nghiệp qua các giai đoạn khác nhau, đối sánh CTĐT ngành Tài chính với các CTĐT chất lượng cao trong nước và quốc tế [H1.12.03.02]

Việc triển khai công tác đối sánh, so chuẩn là căn cứ quan trọng giúp Học viện hoàn thiện việc tự đánh giá và kiểm định chất lượng 05 chương trình đào tạo, đây cũng là căn cứ để thể hiện uy tín, danh dự cũng thể hiện trách nhiệm giải trình xã hội của Học viện [H1.12.03.03].

Đối sánh về kết quả đào tạo: Hàng năm, Học viện đã tiến hành lập bảng tổng hợp, phân tích đối sánh tỷ lệ lên lớp/thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm; thông qua đó Học viện có được thông tin chi tiết về thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên theo từng khóa

[H1.12.03.04].

Đổi mới về nghiên cứu khoa học: Bên cạnh các hoạt động đổi mới về CTĐT, tuyển sinh, tốt nghiệp, tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, Học viện còn thực hiện việc đổi mới về nghiên cứu khoa học, trong giai đoạn 2018-2022, Học viện đã thực hiện thống kê và đổi mới về hoạt động nghiên cứu khoa học trong khối cán bộ, giảng viên cũng như sinh viên để có được những thông tin chi tiết về số lượng công trình nghiên cứu trong từng năm, số lượng công trình được đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, đảm bảo định mức giờ nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học theo quy định **[H1.12.03.05]**

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đổi mới được rà soát

Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đổi mới chất lượng đã được Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá cụ thể: các thông tin về tuyển sinh, CTĐT, nghiên cứu khoa học.... được thể hiện qua báo cáo cơ sở dữ liệu trong giai đoạn 2018-2022 **[H1.12.04.01]**

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện đã họp để rà soát quy trình lựa chọn và sử dụng thông tin so chuẩn về quy định phát triển. Theo đó, Học viện thực hiện rà soát CTĐT theo chu kỳ 2-3 năm/lần theo đúng các quy định phát triển CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, qua đó có được CTĐT đáp ứng yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra cũng như yêu cầu của các bên liên quan trong hoạt động đào tạo **[H1.12.04.02], [H1.12.04.03]**

Học viện đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan từ đó đưa ra các nhận xét, căn cứ để rà soát CTĐT để có căn cứ ban hành CTĐT sau rà soát **[H1.12.04.04]**.

Hàng năm, Học viện tiến hành nhiều loại hình khảo sát khác nhau để có căn cứ đổi mới, so chuẩn nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, như khảo sát sinh viên về giảng viên, khảo sát sinh viên trước tốt nghiệp về chất lượng chương trình đào tạo, khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.... để có được bức tranh tổng thể và có được những quyết định quản lý kịp thời trong công tác điều hành của Học viện cũng như có những điều chỉnh khi cần thiết **[H1.12.04.04]**.

Trong công tác khảo sát ý kiến các bên liên quan Học viện đã có những thay đổi tích cực về nội dung và hình thức tổ chức khảo sát, chuyển từ khảo sát trực tiếp bằng phiếu giấy sang hình thức khảo sát trực tuyến, những thay đổi này giúp công việc được thuận lợi, đặc biệt trong thời gian tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đổi mới được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và

phục vụ cộng đồng

Trên cơ sở tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về mục tiêu của CTĐT tại Học viện tới các bên liên quan, Học viện luôn cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm tiến hành rà soát CDR theo kế hoạch trong đó có các năng lực tổ hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ, mở rộng thêm ngành và liên kết đào tạo để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Rà soát, điều chỉnh khung CTĐT trình độ Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H1.12.05.01].

Công tác lấy ý kiến người học của các bên liên quan cũng được nhà trường chú trọng và hàng năm tiến hành khảo sát định kỳ để lấy ý kiến của các bên liên quan về các mặt hoạt động của Học viện, lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên bằng hình thức online [H1.12.05.02].

Để đối sánh CDR, CTĐT, Học viện đã tập hợp các tiêu chí chọn đối tác, tiêu chí so chuẩn CTĐT, Hội đồng Khoa, Viện và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện hợp để rà soát quá trình thực hiện các bước lựa chọn đối tác, sử dụng tiêu chí so chuẩn theo hướng dẫn đã thực sự phù hợp chưa, qua đó có những điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí để nhà trường mở rộng mối quan hệ hợp tác [H1.12.05.03].

Trong lĩnh vực Kiểm định chất lượng giai đoạn 2018-2022 Học viện đã hoàn thiện báo cáo kiểm định cơ sở giáo dục giữa chu kỳ và hoàn thiện việc tự đánh giá, kiểm định chất lượng 05 chương trình đào tạo [H1.12.05.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện đã có kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng, gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- Để nâng cao chất lượng CTĐT và các mặt hoạt động, Học viện đã thực hiện đối sánh, so chuẩn với các trường khác cùng CTĐT trong nước và quốc tế.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Đã có nhiều hoạt động liên quan về đối sánh, so chuẩn nhưng cần thực hiện đa dạng hơn để nâng cao chất lượng mọi mặt hoạt động của Học viện.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị	Thời gian	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh các hoạt động đối sánh, so chuẩn các mặt hoạt động của Học viện.	P.Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Các Khoa, Viện	Năm học 2023-2024	

2	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên rà soát kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng, gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	P.Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Mở rộng hoạt động đối sánh, so chuẩn với các trường khác cùng CTĐT trong nước và quốc tế, đặc biệt là các chương trình chất lượng cao đào tạo bằng tiếng Anh	P.Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; các Khoa, Viện	Năm học 2023-2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	TĐG
Đánh giá chung Tiêu chuẩn 12	5
Tiêu chí 12.1	4
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	5
Tiêu chí 12.4	5
Tiêu chí 12.5	5

TIÊU CHUẨN 13: TUYỂN SINH VÀ NHẬP HỌC

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục

Học viện hiện đang tuyển sinh các trình độ đại học và sau đại học với các hình thức/CTĐT khác nhau. Tương ứng với mỗi hình thức/CTĐT, Học viện xây dựng kế hoạch tuyển sinh, chính sách tuyển sinh và kế hoạch truyền thông phù hợp.

Về kế hoạch tuyển sinh: Hàng năm, trên cơ sở Quy chế tuyển sinh và các văn bản liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chiến lược và kế hoạch phát triển của Học viện, năng lực hiện có, phương hướng tuyển sinh được Hội đồng Học viện thông qua, nghiên cứu về các phương thức đánh giá đối tượng người học hướng tới nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển chiến lược, phân tích kết quả tuyển sinh của những năm trước, Học viện xây dựng đề án/phương án tuyển sinh và thông báo xét tuyển cho các trình độ/hình thức đào tạo, đề án, kế hoạch tuyển sinh đều nêu rõ đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển/thi tuyển, các chính sách ưu tiên và kế hoạch xét tuyển [H1.13.01.01]. Với mỗi hình thức đào tạo khác nhau,

Học viện xây dựng kế hoạch tuyển sinh, chính sách tuyển sinh và kế hoạch truyền thông khác nhau, đồng thời thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ này [H1.13.01.01]. Hội đồng tuyển sinh sẽ thông qua đề án/kế hoạch tuyển sinh, trong đó xác định cụ thể các chính sách tuyển sinh. Các chính sách này được bổ sung, và điều chỉnh qua các năm để phù hợp với tình hình thực tế. Hội đồng tuyển sinh dưới sự chỉ đạo của Giám đốc sẽ tiến hành họp để xây dựng kế hoạch, phương án tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh cho từng ngành đào tạo [H1.13.01.02]. Trên cơ sở chính sách tuyển sinh được đưa ra tại đề án/phương án tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh. Kế hoạch tuyển sinh hàng năm theo từng trình độ, hình thức đào tạo được xây dựng chi tiết, có các mốc thời gian cụ thể, xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của các đơn vị bao gồm đơn vị chủ trì là các đơn vị quản lý đào tạo, các đơn vị chức năng phối hợp, các đơn vị chuyên môn và thời gian thực hiện các nội dung liên quan tới tuyển sinh [H1.13.01.03]. Học viện giữ ổn định các tổ hợp xét tuyển bao gồm các nhóm tổ hợp: A00, A01, C00, C01, C02, D01, D07, D09, D10. Dự kiến trong các năm tuyển sinh tới Học viện vẫn giữ các nhóm tổ hợp trên để có thể đánh giá người học sâu hơn qua năm, từng giai đoạn tuyển sinh.

Về chính sách tuyển sinh: Học viện xây dựng và công bố công khai các chính sách tuyển sinh thông qua đề án/phương án/kế hoạch tuyển sinh, cụ thể bao gồm các nội dung: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức và tiêu chí tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, tổ chức tuyển sinh, nguyên tắc xét tuyển, chính sách ưu tiên, lệ phí xét tuyển, học phí dự kiến và các thông tin khác. Các chính sách này tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định của pháp luật có liên quan, các chủ trương của Học viện và được điều chỉnh cho phù hợp hàng năm. Đề án/phương án tuyển sinh được thông qua tại Hội đồng tuyển sinh. Từ năm 2020 trở về trước, Học viện tuyển sinh đại học chính quy chủ yếu dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Từ năm 2020 trở về trước Học viện tuyển sinh chủ yếu dựa vào kết quả thi Tốt nghiệp THPT hàng năm. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Học viện đều có báo cáo kết quả và đánh giá tình hình tuyển sinh, từ đó làm căn cứ xây dựng phương án, chính sách tuyển sinh cho đợt tuyển sinh năm sau [H1.13.01.04]. Từ năm 2020 đến nay, Học viện tuyển sinh trên cơ sở kết hợp giữa phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT quốc gia và các phương thức xét tuyển riêng của trường theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh của Học viện với số lượng phương thức ngày càng đa dạng hơn, đảm bảo lựa chọn được thí sinh có chất lượng và phù hợp với từng CTĐT. Giai đoạn 2018-2023, các chính sách tuyển sinh của Học viện về cơ bản đã đáp ứng rất tốt mục tiêu chiến lược mà Học viện đã đề ra. Việc xây dựng chính sách tuyển sinh đảm bảo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và định hướng tuyển sinh hàng năm của Học viện. Hàng năm, Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp để xuất phương án, chỉ tiêu, phạm vi và đối tượng tuyển sinh, phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo và quy mô tuyển sinh của Học viện [H1.13.01.02].

Về truyền thông tuyển sinh: Kế hoạch tư vấn và truyền thông tuyển sinh được xây dựng nhằm truyền tải các thông tin về giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, ngành nghề đào tạo, CTĐT, chính sách tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh và các thông tin khác có liên quan. Truyền thông tuyển sinh được xác định là nhiệm vụ thường xuyên được cải tiến và được thực hiện trên nhiều kênh truyền thông và được thể hiện trên nhiều ấn phẩm truyền thông [H1.13.01.05]. Để thông tin tuyển sinh được truyền tải chính xác và rộng rãi với thí sinh cả nước, Học viện chú trọng truyền thông trên tất cả các kênh thông tin. Phòng Quản lý đào tạo, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông là các đơn vị chủ trì, phối hợp với Khoa chuyên môn và các Phòng chức năng liên quan trong việc lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát công tác truyền thông cho tuyển sinh đối với các trình độ, loại hình đào tạo. Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh hàng năm, các Phòng, Khoa chức năng sẽ xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể và chi tiết cho công tác tư vấn tuyển sinh qua các kênh thông tin - truyền thông như: ban hành cẩm nang tuyển sinh, các câu hỏi thường gặp trong tuyển sinh; tham gia các sự kiện tư vấn ở quy mô quốc gia như Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và Ngày hội tư vấn tuyển sinh hàng năm do báo Tuổi trẻ tổ chức; tham gia các buổi tư vấn, hướng nghiệp do các địa phương tổ chức [H1.13.01.03]. Học viện cũng tổ chức tư vấn trực tiếp tại các trường THPT để giới thiệu cho học sinh về các ngành đào tạo của trường cũng như các chính sách tuyển sinh cụ thể. Ngoài việc truyền thông và tư vấn trực tiếp, Học viện cũng khai thác hiệu quả các kênh tư vấn trực tuyến như đăng tải thông tin tuyển sinh hàng năm lên các phương tiện truyền thông xã hội như website, fanpage để cập nhật liên tục các thông tin liên quan đến tuyển sinh như: phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian tuyển sinh, các ngành đào tạo, cơ hội nghề nghiệp,...; và thông qua các hoạt động tiếp cận cộng đồng, các tài liệu quảng bá và các bộ sản phẩm phục vụ công tác truyền thông [H1.13.01.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo

Xây dựng tiêu chí lựa chọn người học là một khâu quan trọng trong hoạt động tuyển sinh của Học viện. Việc xác định tiêu chí lựa chọn người học được thực hiện hàng năm, trên cơ sở tham mưu của các đơn vị phụ trách đào tạo, sự đóng góp ý kiến rộng rãi của các đơn vị trong toàn Học viện và của các bên liên quan, cụ thể như sau:

❖ Xác định các tiêu chí Căn cứ trên mục tiêu đào tạo và CDR của mỗi CTĐT Học viện xác định các tiêu chí và chỉ tiêu tuyển sinh rõ ràng và phù hợp với từng CTĐT để lựa chọn người học có chất lượng đáp ứng mục tiêu phát triển chiến lược của Học viện. Theo quy trình tuyển sinh hàng năm, trước khi công bố Đề án tuyển sinh cho từng trình độ/hình thức đào tạo, các đơn vị quản lý đào tạo sẽ có dự thảo phương án tuyển sinh để trình Hội

đồng tuyển sinh thông qua, trong đó xác định các tiêu chí lựa chọn người học cho từng CTĐT trên cơ sở:

- (1) Nghiên cứu về các phương thức đánh giá đối tượng người học hướng tới.
- (2) Phân tích kết quả tuyển sinh của những năm trước: Kết quả tuyển sinh hàng năm được tổng kết, đánh giá và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- (3) Phân tích nhu cầu của thị trường về ngành nghề đào tạo.
- (4) Những quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[H1.13.02.01].

Tùy vào đặc điểm của đối tượng tuyển sinh, các tiêu chí được áp dụng một cách phù hợp. Hội đồng tuyển sinh sẽ họp thảo luận các nội dung trên, thống nhất và trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phê duyệt để công khai rộng rãi cho thí sinh trên các kênh thông tin chính thức và các kênh thông tin hỗ trợ. Trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy chế tuyển sinh và đào tạo của Học viện, Trường xác định các hình thức xét tuyển phù hợp với đối tượng người học và tuân thủ quy định **[H1.13.02.03]**.

❖ Các tiêu chí tuyển sinh được Học viện công khai rõ ràng đến người học hàng năm, Học viện ban hành các đề án tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, khối tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và cách thức tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo **[H1.13.02.03]**. Các quy định này đều được công khai trên các cổng thông tin điện tử của Học viện, fanpage của các đơn vị quản lý đào tạo, các Khoa chuyên môn giúp người học tiếp cận nhanh với nguồn thông tin tuyển sinh. Bên cạnh đó, người học cũng có thể tiếp cận thông tin tuyển sinh qua số điện thoại đường dây nóng của từng đơn vị quản lý đào tạo hay thông qua Ngày hội tư vấn tuyển sinh tại các trường đại học, THPT... **[H1.13.05.01]**.

Năm 2018 - 2020 Học viện xét tuyển theo 2 phương thức: (i) Xét tuyển dựa trên kết quả kì thi Tốt nghiệp THPT; (ii) Xét tuyển căn cứ trên học bạ THPT. Trong năm 2021, 2022 (i) Xét tuyển dựa trên kết quả kì thi Tốt nghiệp THPT; (ii) Xét tuyển căn cứ trên học bạ THPT; (iii) Xét tuyển dựa trên chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS, TOEIC, TOEFL....

Để đảm bảo chất lượng người học cho từng ngành đào tạo, ngay từ quy trình tuyển sinh, Học viện đã lựa chọn các tổ hợp môn phù hợp với từng ngành học để xét tuyển. Các tổ hợp môn này có tính chất điển hình, yêu cầu thí sinh cần phải đạt vì có mối liên hệ với ngành học. Hàng năm, Học viện khi xây dựng đề án tuyển sinh đều xác định rõ về chỉ tiêu cho từng ngành/nhóm ngành và công bố để sinh viên được biết, cụ thể năm 2022:

Ngành	Năm tuyển sinh 2020			Năm tuyển sinh 2021		
	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
Nhóm ngành III	420	610		520	641	
1/ Ngành Tài chính – Ngân hàng	120	153	22,25	120	153	25,35
A00 (Toán, Vật lý, Hóa học)						
A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh)						
D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh)						
D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh)						
2/ Ngành Quản trị kinh doanh	100	183	22,50	230	246	25,25
A00 (Toán, Vật lý, Hóa học)						
A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh)						
D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh)						
C01 (Toán, Vật lý, Ngữ Văn)						
3/ Ngành Luật Kinh tế	100	128	21,00	100	124	26,00
A00 (Toán, Vật lý, Hóa học)						
C00 (Ngữ Văn, Địa lý, Lịch sử)						
D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh)						
D09 (Toán, Lịch sử, tiếng Anh)						
4/ Ngành Kế toán	100	146	20,25	100	117	25,05
A00 (Toán, Vật lý, Hóa học)						
A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh)						
D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh)						
C01 (Toán, Vật lý, Ngữ Văn)						
Nhóm ngành VII	530	674		690	839	
5/ Ngành Kinh tế phát triển	100	115	19,00	100	121	24,85
A00 (Toán, Vật lý, Hóa học)						
A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh)						
D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh)						
C02 (Toán, Hóa học, Ngữ văn)						
6/ Ngành Quản lý Nhà nước	50	22	18,25	70	88	24,00
A00 (Toán, Vật lý, Hóa học)						
A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh)						
D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh)						
C02 (Toán, Hóa học, Ngữ văn)						
7/ Ngành Kinh tế	240	339	20,00	270	252	24,95
A00 (Toán, Vật lý, Hóa học)						
A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh)						

Ngành	Năm tuyển sinh 2020			Năm tuyển sinh 2021		
	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh)						
C01 (Toán, Vật lý, Ngữ Văn)						
8/ Ngành Kinh tế quốc tế	140	198	22,75	270	238	25,6
A00 (Toán, Vật lý, Hóa học)						
A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh)						
D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh)						
D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh)						
9/ Ngành Kinh tế số				120	139	24,65
A00 (Toán, Vật lý, Hóa học)						
A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh)						
D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh)						
C01 (Toán, Vật lý, Ngữ Văn)						
Tổng	950	1.284		1.450	1.480	

Đối với tuyển sinh Thạc sĩ: Các tiêu chí để tuyển chọn ứng viên Thạc sĩ được ban hành rõ ràng. Học viện cũng quy định về học chuyển đổi với thí sinh thi tuyển bậc Thạc sĩ với ngành đúng, ngành gần, ngành phù hợp. Ứng viên hệ đào tạo Thạc sĩ được tuyển chọn qua hình thức thi tuyển. Yêu cầu thi là 3 môn: môn chủ chốt, môn không chủ chốt và ngoại ngữ. Học viện tuyển sinh các ngành gồm: ngành Tài chính Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển và ngành Chính sách công. Để đáp ứng với tình hình mới (dịch bệnh Covid-19) những yêu cầu của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ mới, các thông tin tuyển sinh thạc sĩ cũng được công khai trên các cổng thông tin điện tử của Học viện giúp người học tiếp cận nhanh với nguồn thông tin tuyển sinh. Bên cạnh đó, người học cũng có thể tiếp cận thông tin tuyển sinh qua số điện thoại đường dây nóng của Phòng Quản lý đào tạo [H1.13.02.04].

Bảng 13.2.3. Điểm trúng tuyển các ngành theo các tổ hợp môn, giai đoạn 2018-2023.

STT	Mã ngành học	Mã/Tên tổ hợp	Năm tuyển sinh 2018			Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020			Năm tuyển sinh 2021			Năm tuyển sinh 2022		
			Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
1	7340201	A00, A01, D01, D07	120	144	17-19	120	211	19-20	120	153	22.25	120	153	25.35	150	182	24.5
2	7310101	A00, A01, D01, C01	240	293	17-19	240	210	18	240	339	20	270	252	24.05	270	320	24.2
3	7340101	A00, A01, D01, C01	100	125	17-19	100	211	19.5-20	100	183	22.5	230	246	25.25	270	226	24.5
4	7310205	C00, A01, D01, D09	50	25	17-19	50	10	17.15-18	50	22	18.25	70	88	24	70	88	24.2
5	7310105	A00, A01, D01, C02	x	x	x	100	58	17.2-20	100	115	19	100	121	24.85	100	89	24.45
6	7310106	A00, A01, D01, D07	140	175	17-19	240	210	18	140	198	22.75	270	238	25.6	270	257	24.7
7	7380107	C00, A00, D01, D09	x	x	x	100	71	17.15-18	100	128	21	100	124	26	100	116	27
8	7340301	A00, A01, D01, C01	x	x	x	x	x	x	100	146	20.25	100	117	25.05	100	92	25
9	7310109	A00, A01, D01, C01	x	x	x	xx	x	x	x	x	x	120	139	24.65	120	114	24.6
10	7220201	A01, D01, D07, D10	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	100	101	30.8

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học

Học viện thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng để thực hiện các nhiệm vụ về thanh tra trong đó có nhiệm vụ giúp Giám đốc chủ trì tổ chức các hoạt động thanh tra theo sự chỉ đạo của Giám đốc trong phạm vi trách nhiệm quản lý của Giám đốc Học viện: thanh tra việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, nội dung, phương pháp giáo dục, quy chế đào tạo, quy chế thi cử, cấp văn bằng, chứng chỉ; việc thực hiện các quy định về giáo trình, bài giảng; việc quản lý tài chính, tài sản, khoa học và công nghệ, công tác tổ chức công chức, viên chức và điều kiện cần thiết khác đảm bảo chất lượng giáo dục. Ban Thanh tra nhân dân được bầu tại Hội nghị đại biểu cán bộ viên chức có nhiệm vụ giám sát mọi mặt công tác của trường trong đó có công tác tuyển sinh và nhập học. Quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi quy định về nội dung giám sát trong đó công tác tuyển sinh, nhập học và trách nhiệm của các bên liên quan. Quy chế tuyển sinh và đào tạo quy định về kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh và nhập học. Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh được Giám đốc ra quyết định thành lập trước mỗi kỳ thi nhằm thực thi các nhiệm vụ trong công tác tuyển sinh như thi tuyển, chấm thi và xét tuyển.

Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo có nhiệm vụ tham gia giám sát toàn bộ quy trình tuyển sinh và nhập học. Đối với tuyển sinh đại học, trong những năm gần đây trường không tổ chức thi tuyển sinh mà thực hiện xét tuyển đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và việc xét tuyển được thực hiện trên cơ sở sử dụng kết quả thi Tốt nghiệp THPT, kết quả học tập THPT và năng lực ngoại ngữ trong đó kết quả thi THPT chiếm tỷ trọng cao. Hàng năm, theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, học viện cử đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ giám sát và kiểm tra kỳ thi THPT nhằm đảm bảo chất lượng của kỳ thi, đảm bảo cơ sở chất lượng xét tuyển. Đối với hoạt động tuyển sinh thạc sỹ, xuất phát từ hình thức tổ chức kỳ thi tuyển sinh, trường thành lập Ban Thanh tra theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo với nhiệm vụ điều hành toàn bộ công tác kiểm tra, giám sát kỳ thi từ khâu ra đề thi cho đến khâu chấm thi, chấm phúc khảo; thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát kỳ thi tuyển sinh sau Đại học được quy định rõ tại Quy định đào tạo trình độ Thạc sỹ của Học viện. Theo đó, Công đoàn Học viện ra Quyết định thành lập Ban Thanh tra để thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh theo quy định hiện hành. **[H1.13.03.01]**. Quy trình giám sát thể hiện, Trưởng Ban Thanh tra chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ công tác kiểm tra, giám sát kỳ thi từ khâu ra đề thi cho đến khâu chấm thi, chấm phúc khảo; thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát kỳ thi tuyển sinh thạc sỹ. Bên cạnh đó, trong mỗi kỳ tuyển sinh sau Đại học, Học viện đều mời Phòng PA03 - Công an thành phố Hà Nội đến trực tiếp giám sát in, sao đề thi cho kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sỹ nhằm đảm bảo việc tổ chức thi được đảm bảo, khách quan và đúng quy chế. Ban Thanh tra có nhiệm vụ: (i)

Thanh tra, kiểm tra, giám sát các đợt thi tuyển sinh đại học, thạc sĩ do Học viện tổ chức tại các địa điểm thi của Học viện; (ii) Kiểm tra hồ sơ xét tuyển của thí sinh trúng tuyển theo hình thức xét tuyển trong Kỳ thi tuyển sinh đại học hệ Chính quy; (iii) Kiểm tra hồ sơ nhập học của thí sinh trúng tuyển. Theo quy trình tuyển sinh, sau khi Ban Thư ký xử lý hồ sơ, Ban Thanh tra sẽ kiểm tra lại kết quả trước khi công bố nhằm đảm bảo tính chính xác tuyệt đối. Kết quả này sẽ được phản hồi lại cho Ban Thư ký, Hội đồng tuyển sinh để kiểm tra, xử lý và đưa ra những đánh giá, phân tích và làm rõ tỷ lệ tuyển sinh, nhập học hàng năm tại Học viện. Nhờ làm tốt công tác giám sát trong tuyển sinh, trong giai đoạn đánh giá, công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy định, không có sai phạm trong công tác tuyển sinh. [H1.13.03.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

Thứ nhất, Học viện thực hiện giám sát thông qua đối chiếu việc thực thi với quy định về tuyển sinh và nhập học, đối chiếu quy mô tuyển sinh với chỉ tiêu tuyển sinh, kết quả về chất lượng tuyển sinh với yêu cầu chất lượng người học của CTĐT. Hàng năm, Học viện đều có báo cáo đánh giá tuyển sinh, như số lượng thí sinh đăng ký dự thi, số lượng thí sinh trúng tuyển, phân tích số liệu thí sinh trúng tuyển theo nhóm ngành, ngành; điểm trúng tuyển theo các phương thức tuyển sinh, điểm trúng tuyển theo ngành để đánh giá các công tác thanh tra, giám sát nhằm đưa ra phương hướng giám sát tuyển sinh cho năm tiếp theo [H1.13.02.01]. Từ năm 2015 đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai Hệ thống quản lý thi và tuyển sinh chung cho Hệ đào tạo đại học Chính quy trên cả nước nên thí sinh hoàn toàn đăng ký dự thi, xét tuyển trực tuyến. Với đào tạo sau Đại học, các CTĐT trình độ Thạc sĩ tuyển sinh theo hình thức thi tuyển đối với thí sinh Việt Nam, xét tuyển đối với thí sinh người nước ngoài, đến đợt 2/2022 Học viện thực hiện hoàn toàn theo hình thức xét tuyển. Nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, từ năm 2021, ngoài phương thức xét tuyển dựa theo kết quả thi Tốt nghiệp THPT Học viện sử dụng các phương thức tuyển sinh riêng (bao gồm xét kết quả học tập THPT và năng lực ngoại ngữ). Các phương thức xét tuyển riêng của Học viện được thực hiện trước khi thực hiện phương thức xét tuyển dựa theo kết quả thi Tốt nghiệp THPT. Để làm tốt công tác tuyển sinh, Học viện luôn định kỳ rà soát và đánh giá nhu cầu đào tạo cũng như cập nhật các quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo để điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí và quy trình tuyển sinh [H1.13.02.01].

Số lượng sinh viên, học viên, trúng tuyển được giám sát đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu đã được thông qua bởi Hội đồng trường và đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực tế cho thấy, trường có biện pháp giám sát tuyển sinh và nhập học minh bạch, công khai. Số lượng tuyển sinh qua nhiều năm vẫn đáp ứng đúng, đủ các tiêu chuẩn được giao, phù hợp với năng lực đào tạo.

Bảng 13.1 Thống kê chỉ tiêu tuyển sinh, trúng tuyển giai đoạn 2018 - 2023

Năm tuyển sinh	Chỉ tiêu	Trúng tuyển	Tỷ lệ
2018	650	820	126%
2019	850	1018	119%
2020	950	1284	135%
2021	1100	1481	134%
2022	1550	1565	101%

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo)

Thứ hai, trước mỗi kỳ tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh và các ban có liên quan được thành lập để giám sát các quy trình thực hiện tuyển sinh theo Đề án tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh của Học viện, các điều kiện đảm bảo cho công tác xét tuyển, đặc biệt việc ban hành các văn bản hướng dẫn xét tuyển theo thẩm quyền của Học viện. Ban Thanh tra tham gia toàn bộ các khâu của quá trình tuyển sinh và nhập học, được cung cấp đầy đủ thông tin về tuyển sinh và nhập học, được quan sát quá trình chạy dữ liệu của phần mềm tuyển sinh/xét tuyển, hậu kiểm... Đối với đào tạo trình độ Thạc sĩ, Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập Ban Thanh tra cho các kỳ thi tuyển sinh áp dụng theo Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban Thanh Tra thực hiện giám sát các hoạt động chuẩn bị tuyển sinh và công tác xét tuyển theo quy trình [H1.13.04.01].

Thứ ba, trường thực hiện họp tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học trong đó chỉ rõ những kết quả đạt được, những tồn tại và nguyên nhân. Hàng năm, Học viện thực hiện định kỳ giám sát công tác tuyển sinh thông qua các buổi họp tổng kết về công tác tuyển sinh. Các cuộc họp đều có phân tích đánh giá so sánh với năm trước, trên cơ sở đó kịp thời điều chỉnh, khắc phục những bất cập trong các kỳ tuyển sinh các năm tiếp theo, có các biên bản kết luận của các cuộc họp Hội đồng tuyển sinh. Đầu mỗi năm học, Học viện đều đánh giá các nội dung tuyển sinh và được cụ thể hóa thành văn bản giao cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện kiểm tra và giám sát nhằm đảm bảo khách quan [H1.13.04.02].

Thứ tư, Học viện thực hiện công khai các quy định, quy trình xét tuyển và nhập học để tăng cường sự giám sát của xã hội và tự giám sát của người học, các tiêu chí xét tuyển rõ ràng, đều được công bố trong đề án tuyển sinh. Danh sách trúng tuyển của các phương thức xét tuyển đều được công bố công khai theo quy định. Hàng năm, Học viện đều xây dựng kế hoạch nhập học cho sinh viên, học viên, trong kế hoạch Học viện có cụ thể hóa các nội dung như: thời gian nhập học, phân công nhiệm vụ các đơn vị trong ngày nhập học. Thực hiện giám sát công tác xét tuyển thông qua Kế hoạch tuyển sinh và các quy trình thực hiện tuyển sinh. Các quy trình chuẩn bị xét tuyển và công tác xét

tuyển bao gồm: thông báo tuyển sinh (Nội dung, thời gian và hình thức tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh (bao gồm cả đối tượng tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển); quy trình cập nhật công bố thông tin xét tuyển (việc phát, nhận hồ sơ xét tuyển về thời gian, hình thức, các loại giấy tờ xác nhận kết quả học tập, kết quả thi Tốt nghiệp THPT); Quy trình xác định điểm trúng tuyển (Quy trình xác định điểm trúng tuyển; đối tượng ưu tiên, cử tuyển trong tuyển sinh; công khai kết quả xét tuyển, tuyển thẳng, danh sách thí sinh trúng tuyển; triệu tập thí sinh trúng tuyển); Quy trình nhập học thực hiện thông qua việc nhập học và hồ sơ thí sinh trúng tuyển (Các loại giấy tờ theo quy định bắt buộc và giấy tờ ưu tiên khi thí sinh nhập học); việc thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ thí sinh nộp với bản gốc; việc tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, xử lý thí sinh nhập học muộn; việc kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển; việc quy định và tổ chức thu các khoản phí và lệ phí xét tuyển); Quy trình lưu giữ hồ sơ thí sinh trúng tuyển **[H1.13.04.02]**.

Quy trình giám sát công tác nhập học được Học viện thực hiện như sau: Căn cứ số lượng sinh viên trúng tuyển, sau mỗi buổi nhập học, Phòng Quản lý đào tạo và Phòng Chính trị và Công tác sinh viên phối hợp báo cáo số lượng sinh viên đến nhập học. Phòng Chính trị và Công tác sinh viên người học có phân công nhiệm vụ rõ ràng trong việc tiếp đón và kiểm tra hồ sơ nhập học của sinh viên. Quy trình nhập học được tổ chức qua việc thu và kiểm tra các loại giấy tờ theo quy định bắt buộc và giấy tờ ưu tiên khi thí sinh nhập học; việc thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ thí sinh nộp với bản gốc; việc tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, xử lý thí sinh nhập học muộn; việc kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển; việc quy định và tổ chức thu các khoản phí và lệ phí xét tuyển.

Đối với tuyển sinh thạc sỹ, các quy định về quá trình tổ chức thi tuyển được ban hành nhằm việc tổ chức kỳ thi được diễn ra có tổ chức. Căn cứ vào số lượng học viên trúng tuyển, Phòng Quản lý đào tạo ban hành thông báo nhập học. Phòng Quản lý đào tạo chịu trách nhiệm trong việc tiếp đón, hướng dẫn và kiểm tra hồ sơ nhập học của học viên; báo cáo số lượng HV nhập học sau mỗi buổi nhập học để ra quyết định công nhận học viên.

Thứ năm, thực hiện hậu kiểm và đánh giá công tác giám sát sau tuyển sinh, chỉ rõ thuận lợi, khó khăn Sau kỳ tuyển sinh, Học viện có những buổi họp thông qua phân tích để đánh giá các công tác thanh tra, giám sát nhằm đưa ra phương hướng giám sát tuyển sinh cho năm tiếp theo. Căn cứ theo kế hoạch tuyển sinh, nhập học hàng năm, Học viện xem xét lại các mốc thời gian tuyển sinh, nhập học cho sinh viên, học viên xem xét tính hợp lý đúng kế hoạch đề ra, thảo luận và đưa ra điều chỉnh mốc thời gian nếu chưa hợp lý. Đầu mỗi năm học, Học viện đều thực hiện hậu kiểm các nội dung tuyển sinh và được cụ thể hóa thành kế hoạch hậu kiểm **[H1.13.04.02]**.

Thứ sáu, Học viện thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động thanh tra, kiểm tra tuyển sinh đại học và tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các biện pháp giám sát cũng được thực hiện theo chức năng của đơn vị thanh tra và các đơn vị chức năng khác [H1.13.04.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả

Công tác cải tiến hoạt động tuyển sinh và nhập học được Học viện đặc biệt chú trọng và thực hiện liên tục hàng năm, có các giải pháp cải tiến cần thiết, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng tuyển sinh và thuận lợi hóa quá trình nhập học, đồng thời, điều chỉnh kịp thời để phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm, Học viện đều có tổng kết và đánh giá công tác tuyển sinh và nhập học cấp Học viện và cấp đơn vị nhằm đưa ra những cải tiến, phương hướng, kế hoạch tuyển sinh cho năm tiếp theo. Học viện đều có báo cáo đánh giá tuyển sinh, như số lượng thí sinh đăng ký dự thi, số lượng thí sinh trúng tuyển, phân tích số liệu thí sinh trúng tuyển theo nhóm ngành, ngành. Điểm trúng tuyển theo các phương thức tuyển sinh. Việc tổng kết cũng được tiến hành ở cấp đơn vị (phòng, khoa chức năng...) nhằm bàn các biện pháp đổi mới và nâng cao chất lượng tuyển sinh và đào tạo. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến hàng năm, thể hiện ở một số điểm như sau:

Thứ nhất, rà soát điều chỉnh các quy định liên quan tới tuyển sinh và nhập học, tiêu chí tuyển sinh, hình thức tuyển sinh/xét tuyển. Học viện cũng có bước cải tiến về phương thức tuyển sinh. Cụ thể như: Đối với hệ đào tạo đại học chính quy: Từ năm 2021, Học viện sử dụng nhiều phương thức xét tuyển tuân thủ theo quy định tuyển sinh và phương thức xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các kỳ thi quốc gia theo quy định của Bộ.

Đối với đào tạo sau Đại học năm 2021 cũng có sự cải tiến trong phương thức tuyển sinh nhằm nâng cao chất lượng người học xét tuyển thẳng đối với những thí sinh tốt nghiệp tại Học viện. Căn cứ theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ. [H1.13.02.04].

Thứ hai, cải tiến quy trình tuyển sinh và nhập học theo hình thức nộp hồ sơ trực tuyến từ năm học 2021-2022. Văn bản thông báo tuyển sinh luôn được cập nhật trên website và FB, các kênh truyền thông của Học viện. Đào tạo đội ngũ tư vấn và hướng dẫn trực tuyến áp dụng công nghệ thông tin. [H1.13.05.02].

Thứ ba, ứng dụng công nghệ trong tuyển sinh/xét tuyển. Với tiêu chí thích ứng với thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Học viện chú trọng việc sử dụng công nghệ thông tin trong các quy trình nhập học hay cung cấp thủ tục hành chính khác để đẩy mạnh tuyển sinh, nhập học trực tuyến, đưa thông tin đến học sinh, sinh viên và

phụ huynh nhanh nhất và chất lượng nhất. Cụ thể, Học viện đã xây dựng và hướng dẫn chi tiết cho sinh viên, Học viện cách thức nhập học trực tuyến (thay vì phải đến tận nơi làm thủ tục như trước). Các văn bản hướng dẫn này luôn được cập nhật thông tin kịp thời trên website, fanpage và các công cụ truyền thông khác của từng đơn vị đầu mối và website chung của Học viện.

Thứ tư, cải tiến công tác tư vấn và truyền thông tuyển sinh Công tác truyền thông tuyển sinh luôn được chú trọng và thường xuyên có các giải pháp cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả. Nắm được nhu cầu của người học, Học viện cũng đẩy mạnh truyền thông, tích cực thay đổi và tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh các trình độ đào tạo, các buổi tọa đàm, nghiên cứu khoa học thường niên nhằm lan tỏa thông tin về ngành nghề đào tạo, chính sách tuyển sinh đến người học. Học viện tăng cường quảng bá, truyền thông về chính sách tuyển sinh trực tiếp đến người học: Tham gia các đợt tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp do các đơn vị tổ chức tại các địa phương, tổ chức tư vấn tại các trường THPT, chủ động đưa các thông tin về tuyển sinh lên các kênh phương tiện thông tin đại chúng, biên tập và công bố những câu hỏi thường gặp giúp thí sinh hiểu rõ hơn về quy trình tuyển sinh cũng như những thông tin về ngành nghề, chỉ tiêu và cơ hội làm việc của từng ngành. Trong thời kỳ dịch bệnh toàn cầu Covid-19, Học viện đã phát triển và đẩy mạnh các kênh thông tin trên các phương tiện truyền thông như website, mạng xã hội, fanpage... tuyển sinh trực tuyến thay vì các kênh truyền thống trực tiếp. Liên tục cập nhật, kịp thời thay đổi để phù hợp hơn, tiếp thu ý kiến của các sinh viên để nâng cao, điều chỉnh công tác tuyển sinh, đón tiếp sinh viên phù hợp. **[H1.13.05.01]**.

Căn cứ để thực hiện cải tiến: (i) phát triển kinh tế - xã hội; (ii) thay đổi trong giáo dục phổ thông; (iii) thay đổi về kỳ thi THPT và các phương thức đánh giá NH; (iv) ý kiến của các bên liên quan bao gồm các chuyên gia trong giáo dục phổ thông, chuyên gia về phát triển, người học, người sử dụng lao động...; (v) đối sánh kết quả tuyển sinh qua các năm bao gồm quy mô và chất lượng; (vi) đối sánh với các trường có tính tương đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Công tác tuyển sinh được quy định và thực hiện chi tiết, rõ ràng, có phân công nhiệm vụ cho từng bộ phận và thông tin về tuyển sinh được công khai rõ ràng theo đúng quy chế tuyển sinh và đào tạo. Bên cạnh đó, Học viện cũng sử dụng nhiều phương tiện, phương pháp để quảng bá, truyền thông cho hoạt động tuyển sinh nhằm mở rộng nguồn tuyển. Công tác truyền thông tuyển sinh được đẩy mạnh dựa vào công nghệ thông tin và kết nối internet như qua mạng xã hội, báo điện tử, email...

- Học viện đã xây dựng được quy trình giám sát tuyển sinh và nhập học cho sinh viên, học viên một cách rõ ràng, cụ thể. Công tác triển khai được thực hiện đúng các quy định hiện hành, theo đúng kế hoạch và mục tiêu đề ra; đúng tiến độ và mục tiêu đề ra.

- Tiêu chí xét tuyển thường xuyên được rà soát, đổi mới; thường xuyên lấy ý kiến của sinh viên, học viên nhằm nâng cao, điều chỉnh công tác tuyển sinh, nhập học để phù hợp với nhu cầu và tình hình hiện tại; Đa dạng hóa hình thức, phương thức tuyển sinh các hệ đào tạo, thu hút và tuyển sinh chọn được thí sinh đạt giải quốc tế, quốc gia, các học sinh xuất sắc ở các trường chuyên trong cả nước. Với việc đa dạng hóa phương thức xét tuyển giúp cho Học viện không bị động trong công tác tuyển sinh, tuyển sinh được các thí sinh có chất lượng tốt, phù hợp với các chương trình từ khắp cả nước.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Hiện nay Học viện chưa tiến hành phân tích dữ liệu về mối tương quan giữa kết quả học tập của sinh viên với phương thức tuyển sinh tương ứng. Do đó chưa có đánh giá định lượng về chất lượng của các phương thức tuyển sinh

3. Kế hoạch cải tiến, khắc phục tồn tại

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị	Thời gian	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành phân tích, đối sánh giữa kết quả học tập của sinh viên với phương thức trúng tuyển tương ứng	P. Quản lý đào tạo	Năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1, 3	Thường xuyên cập nhật các quy định cũng như xu hướng tuyển sinh; tăng cường ứng dụng công nghệ trong hoạt động truyền thông tuyển sinh	P.Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường áp dụng công nghệ trong hoạt động nhập học, hậu kiểm tuyển sinh	P.Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; các Khoa, Viện	Năm học 2023-2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Tự đánh giá
Đánh giá chung Tiêu chuẩn 13	5
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	5
Tiêu chí 13.4	5
Tiêu chí 13.5	5

TIÊU CHUẨN 14. THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tiêu chí 14.1 Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan

Nghị quyết về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển đã chỉ rõ một số mục tiêu chiến lược về đào tạo đó là đa dạng hóa, phát triển lĩnh vực, phương thức đào tạo, đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đối với cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam và quốc tế [H1.14.01.01]. Với chủ trương này các đơn vị quản lý đào tạo cũng như các đơn vị chuyên môn của Học viện đã chủ động phối hợp thực hiện nhiệm vụ, ban hành nhiều CTĐT mới đáp ứng được nhu cầu của xã hội với nguyên tắc xây dựng CTĐT luôn đảm bảo tính căn bản, mở và linh hoạt.

Học viện Chính sách và Phát triển đang thực hiện đa dạng các chương trình đào tạo. Với đào tạo bậc đại học, Học viện hiện có 17 CTĐT hệ chuẩn (Tài chính, Ngân hàng, Kế toán – Kiểm toán, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị Marketing, Quản trị kinh doanh du lịch, Kinh tế đối ngoại, Thương mại quốc tế và Logistics, Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh, Luật đầu tư – Kinh doanh, Đầu tư, Đấu thầu và quản lý dự án, Kinh tế phát triển, Kế hoạch phát triển, Quản lý công, Kinh tế và kinh doanh số, Phân tích dữ liệu lớn trong Kinh tế và Kinh doanh); và 02 chương trình chất lượng cao (Kinh tế đối ngoại chất lượng cao, Tài chính chất lượng cao). Ở bậc đào tạo sau Đại học, Học viện có 05 CTĐT thạc sĩ (chuyên ngành Chính sách công, Tài chính-ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Kinh tế quốc tế, Quy hoạch phát triển) và 01 chương trình Thạc sĩ liên kết với nước ngoài (chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công). Trong giai đoạn 2018-2023, Học viện đã rà soát, cập nhật và điều chỉnh nội dung với toàn bộ CTĐT ở bậc đại học chính quy vào năm 2018, năm 2021 và 04 CTĐT Thạc sĩ [H1.14.01.02] vào năm 2020 và 2022. Các chương trình này được xây dựng và ban hành dựa trên các kế hoạch rà soát, cập nhật và điều chỉnh nội dung CTĐT do Giám đốc Học viện phê duyệt [H1.14.01.03]. Các CTĐT của Học viện được thiết kế và phát triển dựa trên các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo Quy định của Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 và sau này là Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021) [H1.14.01.04].

Nhiệm vụ xây dựng và phát triển chương trình đào tạo bao gồm CDR, nội dung CTĐT và các đề cương chi tiết học phần đã được quy định rõ ràng trong Quy chế tổ chức hoạt động của Học viện. Cụ thể, nhiệm vụ này được giao chủ trì cho các đơn vị quản lý đào tạo (Phòng quản lý đào tạo phối hợp cùng đơn vị Khoa/Viện phụ trách chuyên môn và các đơn vị liên quan để thực hiện. Học viện đã thành lập các Hội đồng

cấp Học viện và các Tô rà soát, cập nhật và điều chỉnh nội dung CTĐT để triển khai và tham mưu cho lãnh đạo Học viện về công tác phát triển CTĐT [H1.14.01.04].

Quy trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTĐT được thực hiện trên cơ sở các quy định pháp quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo như Thông tư số 17/2021/- BGDĐT, Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ, Khung trình độ quốc gia [H1.14.01.03]. và quy định của Học viện tại Quyết định số 509/QĐ-HVCSPT và Quyết định số 971/QĐ-HVCSPT [H1.14.01.03].. Theo đó, công tác xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTĐT mới được thực hiện theo kế hoạch xây dựng, phát triển chương trình của Học viện và kế hoạch rà soát CTĐT đã ban hành được tiến hành 02-03 năm/lần. Đối với các CTĐT ban hành lần đầu, kế hoạch và quy trình được cụ thể hóa cho từng CTĐT thông qua thành lập Ban soạn thảo để triển khai xây dựng Đề án xây dựng CTĐT [H1.14.01.02].. Phòng quản lý đào tạo đầu mối phối hợp cùng với các Khoa chuyên ngành/Viện ĐTQT lập kế hoạch và thực hiện quá trình xây dựng, thẩm định và ban hành cũng như kế hoạch triển khai các hoạt động liên quan đến CTĐT (từ kế hoạch thực hiện công tác đào tạo cho tới thực thi công tác giảng dạy học tập, kế hoạch tài chính, đến kiểm định, rà soát chương trình được đưa vào đề án xây dựng CTĐT). Quy trình xây dựng CTĐT gồm các bước chính dưới đây, dựa trên các quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và hướng dẫn của Học viện [H1.14.01.04].

- Bước 1: Thu thập thông tin, minh chứng và đánh giá về tính cấp thiết về việc mở mới CTĐT, khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo chiến lược phát triển của ngành, địa phương và nhu cầu của thị trường lao động.

- Bước 2: Xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT:

+ Thu thập thông tin, căn cứ để xây dựng Mục tiêu, CDR: khung trình độ quốc gia, các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, tầm nhìn, sứ mạng của Học viện; yêu cầu của vị trí việc làm...

+ Dự thảo Mục tiêu, CDR của CTĐT

+ Lấy ý kiến góp ý về dự thảo; tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện Mục tiêu, CDR của CTĐT

- Bước 3: Xây dựng chương trình dạy học

+ Thu thập thông tin, căn cứ để xây dựng khung CTĐT trên cơ sở đối sánh với các CTĐT tại các trường Đại học uy tín trong nước và quốc tế

+ Hình thành ý tưởng về cấu trúc và dự thảo khung CTĐT

+ Thiết kế trình tự CDR, chỉ báo và phân bổ trình tự CDR, chỉ báo vào khung CTĐT.

+ Lấy ý kiến các bên liên quan về dự thảo khung CTĐT

+ Tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện khung CTĐT

- Bước 4: Xây dựng đề cương học phần
 - + Dự thảo đề cương học phần theo mẫu; xây dựng ma trận đánh giá học phần (analytical rubrics)
 - + Thẩm định đề cương học phần
 - + Rà soát, chỉnh sửa đề cương học phần
- Bước 5: Thẩm định chương trình đào tạo
 - + Thành lập HĐ thẩm định CTĐT, gửi các tài liệu, minh chứng liên quan.
 - + Hội đồng thẩm định cho ý kiến đánh giá về CTĐT
 - + Tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến Hội đồng, hoàn thiện bản mô tả CTĐT
 - + Xin ý kiến Hội đồng Khoa học và Đào tạo về CTĐT
 - + Ban hành chương trình đào tạo

Theo quy trình được Học viện ban hành, các CTĐT và đề cương chi tiết học phần chỉ được ban hành khi đã được xem xét, rà soát và thẩm định để đảm bảo chất lượng và đáp ứng đúng nhu cầu xã hội. CTĐT và đề cương chi tiết học phần được xây dựng bởi các đơn vị chuyên môn dựa trên điều tra nhu cầu xã hội, nhà tuyển dụng, giảng viên, cựu người học thông qua điều tra khảo sát và hội thảo lấy ý kiến. Bên cạnh đó, CTĐT được đối sánh với các CTĐT trong nước (Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Thương mại...) và quốc tế (Đại học Monash, Đại học Sussex, Đại học Exeter, Đại học Birmingham, Đại học Curtin, Đại học Bristol, Đại học Manchester, Đại học Nottingham,...). Ngoài ra, CTĐT cũng được thẩm định bởi Hội đồng các nhà khoa học, chuyên gia cũng như phải được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện để đảm bảo đáp ứng tính học thuật và thực tiễn.

Các CTĐT được xây dựng để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, vì thế việc quy định khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan ngoài trường như Nhà sử dụng lao động, nhu cầu nguồn nhân lực cũng như các phân tích dự báo nguồn nhân lực của các cơ quan, tổ chức đặc biệt được chú trọng. Kế hoạch và phương pháp lấy ý kiến được quy định cụ thể trong các văn bản của Học viện về xây dựng và điều chỉnh CTĐT cũng như đảm bảo chất lượng [H1.14.01.03]. Trên cơ sở phân tích các kết quả khảo sát, kết quả đối sánh, Học viện xây dựng mục tiêu, CDR của CTĐT từ đó làm căn cứ thiết kế CTĐT và đề cương chi tiết các học phần, thiết kế hệ thống các phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích có định hướng với CDR của học phần và CDR của CTĐT [H1.14.01.04]. Trên cơ sở đối sánh các chương trình đào tạo tiên tiến trong nước và quốc tế và kết quả khảo sát các bên liên quan, CTĐT đã tích hợp đưa vào các nội dung điều chỉnh, cập nhật phù hợp và tích hợp cập nhật các chuẩn đầu ra. Sau khi CTĐT được ban hành, Phòng Quản lý Đào tạo là đầu mối triển khai, hướng dẫn các đơn vị trong việc thực hiện triển khai các CTĐT.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

Trong xây dựng và điều chỉnh CTĐT cũng như đề cương chi tiết học phần, CĐR là kim chỉ nam cho các nội dung của CTĐT và đề cương chi tiết học phần. Vì thế việc xây dựng CĐR luôn được Học viện đặc biệt chú trọng. Trong giai đoạn 2017-2022, việc xây dựng cũng như điều chỉnh CĐR của các CTĐT và đề cương chi tiết được thực hiện theo quy định của Thông tư số 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/04/2015 ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ [H1.14.02.01], đặc biệt tham chiếu Khung trình độ quốc gia Việt Nam và ý kiến khảo sát của các bên liên quan để xây dựng mục tiêu cũng như CĐR của CTĐT [H1.14.02.01].

Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đã rà soát, cải tiến 16 CTĐT đại học chính quy, 04 CTĐT Thạc sĩ. Để thực hiện điều này, Học viện ban hành kế hoạch và các quyết định thành lập Hội đồng rà soát, điều chỉnh CTĐT và Nhóm xây dựng CTĐT (đối với các CTĐT mới). Đối với xây dựng CTĐT mới, các quy trình để thực hiện đã được trình bày chi tiết ở Tiêu chí 14.1 Đối với hoạt động rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT, Học viện triển khai tương tự như xây dựng CTĐT mới, tuy nhiên không có bước cuối về thẩm định CTĐT.

Học viện đã ban hành các quy định và hướng dẫn, phân công cho các đơn vị liên quan khi triển khai xây dựng, rà soát CĐR của các CTĐT và CĐR của các học phần. Việc triển khai các CĐR của CTĐT thành các CĐR học phần được thực hiện theo phương án xây dựng ma trận đóng góp của các học phần vào đạt được các CĐR của CTĐT để thấy được vai trò của từng học phần trong thực hiện đạt được CĐR của CTĐT. Bảng ma trận này được xây dựng, rà soát và thẩm định qua mỗi lần ban hành CTĐT [H1.14.02.01]. Các hướng dẫn rất chi tiết để các đơn vị thực hiện đảm bảo tính khoa học trong xây dựng CĐR của các CTĐT cũng như các học phần, đảm bảo được việc lựa chọn các học phần đưa vào CTĐT có đóng góp hiệu quả để đạt được CĐR của CTĐT [H1.14.02.01]. Khi phân bổ các CĐR chi tiết vào các học phần để đảm bảo CĐR được dần hình thành, tích lũy và phát triển trong suốt quá trình học tập của người học.

Quy trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của các CTĐT bao gồm các bước chính [H1.14.02.01].

- Bước 1: Thành lập ban soạn thảo CĐR của CTĐT

- Bước 2: Ban soạn thảo lập báo cáo ngành nghề gồm các nội dung: Khảo sát, đánh giá về nhu cầu nhân lực xã hội, xu hướng phát triển của ngành nghề dự kiến xây dựng CTĐT và tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các nhà khoa học, các chuyên gia.

- Bước 3: Xác định mục tiêu CĐR (căn cứ vào chiến lược phát triển ngành nghề của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan; tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục của khoa và Học viện; Kết quả lấy ý kiến các bên liên quan)

- Bước 4: Xây dựng dự thảo CĐR

- Bước 5: Lấy ý kiến các bên liên quan về dự thảo CĐR

- Bước 6: Hoàn thiện dự thảo CĐR dựa trên kết quả đối sánh, ý kiến các bên liên quan

- Bước 7: Ban hành và áp dụng CĐR

Học viện đã có quy định cụ thể về kế hoạch và phương pháp lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan khi xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của chương trình đào tạo cũng như các học phần cho phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên, định kỳ và theo yêu cầu của các trọng kế hoạch xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT [H1.14.02.01]. Đối tượng lấy ý kiến bao gồm: sinh viên hiện tại, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng.

Nhìn chung các bên có liên quan tham gia tích cực vào việc đóng góp ý kiến xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR của các chương trình đào tạo. Đối với các đối tượng khảo sát như Nhà tuyển dụng và cựu sinh viên, ngoài việc lấy ý kiến khảo sát, các CTĐT còn thực hiện phương pháp lấy ý kiến thông qua phỏng vấn trực tiếp. Các đối tượng được phỏng vấn hầu hết là các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan đến CTĐT. Tất cả các ý kiến góp ý của các bên liên quan được các Khoa/Viện phụ trách CTĐT ghi nhận, có biên bản tổng hợp và phản hồi ý kiến. Các ý kiến, đóng góp tập trung vào hoàn thiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có của sinh viên sau khi tốt nghiệp, ví dụ như sự cần thiết tích hợp các kỹ năng số, năng lực số, tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm CĐR về ngoại ngữ; tăng cường các hoạt động thực tế nghề nghiệp, kỹ năng nghề nghiệp trong CTĐT, tăng cường tư duy hệ thống, tư duy dịch vụ; khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập; khả năng học tập suốt đời,... Trên cơ sở đối sánh các chương trình đào tạo tiên tiến trong nước và quốc tế và kết quả khảo sát các bên liên quan, CTĐT đã tích hợp đưa vào các nội dung điều chỉnh, cập nhật phù hợp, đặc biệt là việc tích hợp các chuẩn đầu ra mới như “Năng lực số”, “Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo”, “Tư duy phản biện”, “Tư duy hệ thống”, “Trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp”. Sau khi xây dựng hay rà soát, điều chỉnh, các CĐR cũng như CTĐT được công bố công khai cùng CTĐT trên Website của Học viện [H1.14.02.04]. Bên cạnh đó, Phòng Quản lý Đào tạo là đầu mối hướng dẫn thực hiện các CĐR sau khi được phê duyệt ban hành. Đối với các CĐR mới như “Năng lực số”, “Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo”, Trường tổ chức các buổi tọa đàm hướng dẫn, phổ biến và trao đổi giữa các Khoa/Bộ môn để đảm bảo việc thực hiện các CĐR được đồng bộ và thống nhất trong tất cả các CTĐT.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra

Trong giai đoạn từ năm 2018-2022 Đề cương các học phần của CTĐT được chỉnh sửa và ban hành 2 lần vào năm 2018 và năm 2021. Năm 2018 Đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo các quy định hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần bậc đại học tại Quyết định số 494/QĐ-HVCSPT ngày 07/08/2018 quy định hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần bậc đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ - hệ đào tạo Đại học chính quy và ban hành kèm theo Quyết định số 531/QĐ-HVCSPT ngày 10/08/2018 về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2018. Giai đoạn 2021-2022 Đề cương chi tiết học phần được rà soát, chỉnh sửa theo mẫu đề cương ban hành kèm theo Công văn hướng dẫn rà soát, chỉnh sửa CTĐT đại học số 147/HVCSPT-QLĐT ngày 18/06/2021 và sau đó được ban hành kèm theo Quyết định số 620/QĐ-HVCSPT ngày 13/08/2021 **[H1.14.03.03]**.

Tất cả đề cương các học phần trong CTĐT bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định gồm 09 mục, bao gồm: tên đơn vị/ tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo, hướng dẫn tự học. Đặc biệt phương pháp đánh giá được thể hiện trong đề cương bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần; trọng số của mỗi điểm thành phần, cấu trúc đề thi của các học phần được thể hiện rõ trong đề cương, qua đó, người học biết được chính xác các yêu cầu, nắm được cụ thể hình thức, tính chất, mục đích kiểm tra, thời lượng kiểm tra và các trọng số của từng hình thức kiểm tra **[H1.14.03.03]**.

100% đề cương các học phần với đầy đủ các thông tin nêu trên tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên trong quá trình giảng dạy và học tập, cụ thể là nội dung bài giảng sẽ luôn bám sát theo đề cương đã được xây dựng, đồng thời người học cũng xác định được các yêu cầu cụ thể của môn học/học phần để có phương pháp học tập phù hợp, giúp người học đạt được CĐR trong từng học phần và đạt được CĐR của CTĐT trong giai đoạn 2018 - 2022.

Đề cương chi tiết học phần, kế hoạch giảng dạy, học tập và thời khoá biểu được công khai trên phần mềm Quản lý đào tạo mục Đề cương học phần và trên trang tín chỉ **[H1.14.03.01]** **[H1.14.03.02]**. Bên cạnh đó đề cương chi tiết học phần được các thầy cô công bố trong buổi học đầu tiên của môn học. Cùng với đó, Kế hoạch giảng dạy, học tập, thời khoá biểu hàng kỳ được ban hành công khai tới người học kèm theo các Quyết định ban hành kế hoạch năm học và Quyết định ban hành thời khoá biểu **[H1.14.03.06]**.

100% đề cương các học phần được định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật theo quy định. Hoạt động rà soát được tiến hành từ hình thức, nội dung, cách sắp xếp từng nội dung, cập nhật tài liệu tham khảo cho từng học phần trong đề cương các học phần dựa trên biên bản họp Biên bản họp Khoa và Hội đồng khoa học Khoa về rà soát đề cương các học phần. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT tuân theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chỉnh sửa CTĐT. [H1.14.03.05]. [H1.14.03.04]

Đề cương các học phần ngành năm 2021 có thay đổi so với năm 2018 như sau:

- Căn cứ vào yêu cầu từ thực tiễn để xây dựng, bổ sung, điều chỉnh nội dung trong đề cương và các nội dung trong đề cương học phần tuân thủ CĐR của chương trình đào tạo.

- Rà soát nội dung giữa các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành nhằm tránh hiện tượng trùng lặp.

- Bổ sung thông tin chi tiết về CĐR của học phần về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chịu trách nhiệm

- Chú trọng vào cả 3 mục tiêu đào tạo: Kiến thức, thái độ, kỹ năng. Phần kiến thức tăng các kiến thức thực tiễn và nghiệp vụ cho sinh viên.

- Học phần được chi tiết hóa các nội dung và tương ứng các CĐR của học phần.

- Bổ sung thông tin về phương pháp đánh giá môn học và đánh giá việc đáp ứng CĐR của học phần.

- Bổ sung hướng dẫn sinh viên tự học với chi tiết nhiệm vụ dành cho sinh viên tương ứng với các nội dung của học phần.

- Cập nhật nội dung giảng dạy, giáo trình và tài liệu tham khảo.

- Ngoài ra các học phần ngành và chuyên ngành trong CTĐT đã tích cực bổ sung phần hướng dẫn tự học cho sinh viên để phát triển kỹ năng tự nghiên cứu và tìm hiểu vấn đề cho người học.

Hiện tại trong giai đoạn đầu năm 2023, Học viện đang triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo đại học theo Kế hoạch số 86/KH-HVCSPT ban hành ngày 21/12/2022.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.4 Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện

Việc thực hiện xây dựng và rà soát CTĐT trình độ đại học cũng như Thạc sĩ được thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1.14.04.01]. Căn cứ vào các quy định này, Học viện ban hành văn bản hướng dẫn quy trình thiết kế, đánh giá và rà

soát các CTĐT **[H1.14.04.02]**. Trong giai đoạn 2018-2023, Học viện đã thực hiện rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát CTĐT trong năm học 2018 và năm 2021.

Năm 2021, trên cơ sở các quy định mới do Bộ GD&ĐT ban hành (thông tư 08/2021 và thông tư 17/2021) **[H1.14.04.01]**, và trên cơ sở đánh giá quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát CTĐT, Học viện đã có những điều chỉnh trong Quy định về đào tạo cũng như quy trình và các mẫu biểu cho thiết kế, đánh giá và rà soát CTĐT. Quy trình rà soát và điều chỉnh các CTĐT năm 2021 đã có những cải tiến so với các năm trước. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CDR còn thể hiện ở việc trong chương trình đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của sinh viên đối với toàn bộ học phần phù hợp, góp phần đạt được CDR. Việc thiết kế chương trình dạy học hợp lý đáp ứng hợp lý các CDR về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm thông qua kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực, trình tự và tiến độ trong chương trình dạy học, lịch trình giảng dạy các học phần theo hướng tiếp cận các khối kiến thức mang tính thống nhất. Sự phù hợp của các môn học trong chương trình dạy học với các chương trình dạy học được thể hiện ở Ma trận kỹ năng **[H1.14.04.02]**.

Đối với các CTĐT thiết kế mới, quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát cơ bản thực hiện theo quy định của Trường và được cụ thể hóa theo kế hoạch của từng hoạt động xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT, tương tự như quy trình ở Tiêu chí 14.1. Vì thế các quy trình này được xem xét và cập nhật thường xuyên cho phù hợp với những sự thay đổi trong thực tế và ngày một gia tăng sự kết nối với các bên liên quan. Các kế hoạch này được giao cho phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các đơn vị chuyên môn Khoa/Viện/Bộ môn thực hiện vì thế các quy trình ban hành kèm theo đảm bảo được sự phối hợp giữa các bên liên quan **[H1.14.04.03]**.

Trong thời gian 2017-2022, Học viện đã tiến hành 2 đợt rà soát CTĐT vào năm 2018, 2021, theo quy trình và hướng dẫn trong các kế hoạch xây dựng, rà soát đánh giá CTĐT, căn cứ cơ bản cho thực hiện việc xây dựng, rà soát, đánh giá CTĐT cũng như điều chỉnh CTĐT là: (1) ý kiến của các bên liên quan như người học, người sử dụng lao động,...) (2) nhận xét về những điểm cần cải thiện từ các đợt kiểm định CTĐT (3) tham khảo các CTĐT của các nước tiên tiến trên thế giới (4) các quy định về CTĐT. Trong quá trình đào tạo, phòng quản lý đào tạo phối hợp với các Khoa, Viện hoặc qua các buổi tọa đàm trao đổi, thực hiện khảo sát để lấy ý kiến của người học, giảng viên, nhà tuyển dụng cũng như ý kiến đánh giá của các nhà khoa học ngoài Học viện để có cái nhìn tổng quát về chương trình, trên cơ sở đó có sự điều chỉnh phù hợp như làm rõ hơn trong CTĐT về các CDR người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp, bổ sung những nội dung mới trong các môn học, bổ sung các học phần mới, cách thức đánh giá phù hợp với yêu cầu của các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.5: Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan

Quy trình thiết kế, phát triển đánh giá chương trình dạy học được ban hành kèm theo các Quyết định về việc ban hành Quy định về chuẩn trương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT đại học tại Học viện Chính sách và Phát triển. Trong giai đoạn năm học 2018 đến nay, việc xây dựng các CTĐT là do tổ soạn thảo chuyên môn là những người am hiểu về ngành/chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng phát triển chương trình đào tạo xây dựng và sau đó được thẩm định bởi hội đồng chuyên môn. Từ năm 2021, việc xây dựng CTĐT được thực hiện chặt chẽ hơn với nhiều bước khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan bao gồm cả bên sử dụng lao động. Bên cạnh đó quy trình thẩm định CTĐT cũng được xây dựng rõ ràng, với những quy định chặt chẽ cho thành viên hội đồng thẩm định [H1.14.05.01]. Sự cải tiến này một mặt đảm bảo được CTĐT được thiết kế, rà soát và điều chỉnh phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của Học viện và mặt khác huy động và phối hợp được mọi nguồn lực để thực hiện thiết kế, đánh giá và rà soát CTĐT có hiệu quả và toàn diện. Bên cạnh đó, chuẩn đầu ra của CTĐT trong giai đoạn này cũng được Học viện chú ý và xác định những quy định cụ thể cho chuẩn đầu ra. Các CTĐT trước khi ban hành phải được thông qua Hội đồng khoa/viện sau đó trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện [H1.14.05.03].

Nhu cầu của các bên liên quan luôn được cập nhật và thay đổi hàng ngày. Do đó, với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành và cho nền kinh tế, Học viện triển khai việc rà soát, cập nhật chương trình dạy học để kịp thời đáp ứng với yêu cầu của các bên liên quan. Chính vì lý do đó, Học viện không ngừng cải tiến nội dung của CTĐT thông qua rà soát điều chỉnh cũng như ban hành CTĐT mới, đồng thời xem xét cả những sự cải tiến trong quy trình thiết kế và đánh giá [H1.14.05.02]

Trong giai đoạn 2018-2022, Học viện đã tiến hành xây dựng 02 CTĐT mới để đáp ứng những sự thay đổi của xã hội và nhu cầu các bên liên quan là CTĐT ngành Kế toán, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán (Quyết định số 340/QĐ-HVCSPT ngày 05/07/2020) và CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh (Quyết định số 14/QĐ-HVCSPT ngày 11/01/2022) [H1.14.05.04]. Học viện cũng đã tiến hành rà soát điều chỉnh các CTĐT hiện có, điều chỉnh các CĐR, bổ sung các năng lực về tư duy phản biện, tư duy hệ thống, khởi nghiệp cũng như năng lực số cho sinh viên, đưa các học phần phù hợp và tích hợp tổng hoạt động dạy và học để giúp người học đạt được các năng lực này. Về cấu trúc chương trình, tỷ lệ các học phần tự chọn được gia tăng để tăng thêm tính linh hoạt cho CTĐT, các học phần mới được bổ sung để tăng tính mở và liên thông của CTĐT. Nội dung nhiều học phần được điều chỉnh, đặc biệt là phương pháp giảng dạy và học tập đã gắn nhiều hơn với thực tiễn thông qua các học phần thực hành, bổ sung nội dung thực tế nghề nghiệp trong học phần tốt nghiệp.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Mục tiêu của CTĐT của được mô tả rất bao quát, rõ ràng, và cụ thể trong Bản mô tả CTĐT bao gồm các mục tiêu chung đến các mục tiêu cụ thể liên quan đến kiến thức, kỹ năng, trình độ và năng lực chuyên môn và vị trí hay công việc có thể đảm nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu của CTĐT được thiết kế rõ ràng, súc tích và tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của Học viện trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, quản trị, quản lý và chính sách phát triển. CDR của CTĐT vừa bao quát vừa cụ thể đáp ứng các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm sau khi hoàn thành CTĐT. Các CDR đều có thể đo lường và đánh giá được thông qua các phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá của từng môn học. CDR của CTĐT đã được xây dựng dựa trên ý kiến của các bên có liên quan và đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tin trong bản mô tả CTĐT được xây dựng và cập nhật đầy đủ nội dung theo văn bản hướng dẫn mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề cương chi tiết học phần được xây dựng đầy đủ và cập nhật các nội dung theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bản mô tả CTĐT và Đề cương chi tiết học phần được công bố công khai đến các bên liên quan và học viên tương đối dễ tiếp cận thông qua website của các đơn vị. Việc thực hiện rà soát, đánh giá nội dung chương trình, đánh giá chất lượng dạy và học của được triển khai định kỳ, theo yêu cầu của các văn bản pháp quy và yêu cầu của các bên liên quan. Thông tin phản hồi và ý kiến của các bên liên quan được đưa vào trong các cuộc họp để làm căn cứ thiết kế, cải tiến CTĐT, đồng thời được lưu trữ và thường xuyên rà soát.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc rà soát, cải tiến CTĐT giai đoạn 2017 - 2019 còn chưa đảm bảo quy trình PDCA và chưa lấy ý kiến đầy đủ các bên liên quan.

- Việc thu thập ý kiến giữa các bên liên quan còn mất khá nhiều thời gian.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Ban hành quy trình, biểu mẫu rà soát, cải tiến CTĐT theo quy trình PDCA	- Tập thể Lãnh đạo Học viện, - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (Đầu mối), Các đơn vị liên quan.	Từ năm học 2023-2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Khắc phục tồn tại 2	Ứng dụng triệt để phần mềm S-link trong công tác khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan; tăng cường sự hợp tác đối với các bên liên quan, đặc biệt là cựu người học và nhà tuyển dụng trong việc lấy ý kiến.	- Tập thể Lãnh đạo Học viện, - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (Đầu mối), Các đơn vị liên quan.	Từ năm học 2023-2024
3	Phát huy điểm mạnh 1, 2	Thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, đề cương học phần,...	- Lãnh đạo Học viện, - Phòng Quản lý đào tạo (đơn vị đầu mối) - Đơn vị phối hợp: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Các đơn vị liên quan.	Thường xuyên

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Tự đánh giá
Đánh giá chung Tiêu chuẩn 14	5
Tiêu chí 14.1	5
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	5
Tiêu chí 14.5	5

TIÊU CHUẨN 15. GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Tiêu chí 15.1 Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra

Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển là : “*Giáo dục toàn diện - Đổi mới sáng tạo - Phụng sự xã hội*” phù hợp với sứ mạng “*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, quản trị, luật và chính sách phát triển, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế; nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành kế hoạch và đầu tư và của đất nước*” và tầm nhìn “*Đến năm 2045 Học viện trở thành đại học định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm các trường hàng đầu tại Việt Nam, có uy tín trong khu vực và quốc tế; tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân*

lực chất lượng cao”. Cách tiếp cận dạy và học của Học viện được nêu rõ qua Triết lý giáo dục của Học viện được thể hiện trong “Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045” [H1.15.01.01]. Cụ thể, trong chiến lược phát triển đào tạo của Học viện được chia làm hai giai đoạn như sau:

“Giai đoạn 1 đến năm 2025: Chuyển đổi số mạnh mẽ để xây dựng nền tảng đại học thông minh, đại học số có tính chất mở, khả năng thích ứng và quốc tế hóa cao. Quy mô sinh viên đại học đạt từ 7.000 - 8.000 sinh viên, trong đó quy mô chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, chương trình theo định hướng nghề nghiệp chiếm 20%-30%; quy mô sau đại học chiếm 6% - 8% tổng quy mô tuyển sinh hàng năm; thu hút người học là sinh viên quốc tế đến học Học viện đạt 1%-1,5%. Quy mô cán bộ, giảng viên khoảng 250 người, trong đó từ 45% - 50% giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ; hàng năm có từ 5% - 10% giảng viên có bài đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín. Trên 80% chương trình đào tạo có sinh viên tốt nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc gia. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm sau 12 tháng đạt tỷ lệ trên 95%”.

“Giai đoạn 2 đến năm 2030” Trở thành đại học thông minh, có hệ thống quản trị hiện đại và có tính quốc tế hóa cao. Có chất lượng, uy tín, thuộc nhóm 10 trường hàng đầu về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển tại Việt Nam. Quy mô đào tạo đạt từ 10.000 - 12.000 sinh viên; trong đó quy mô chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, chương trình quốc tế, chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp chiếm 45%-50%; quy mô sau đại học 10%-12% tổng quy mô tuyển sinh hàng năm, tỷ lệ sinh viên quốc tế đạt 2%-3%. Quy mô cán bộ, giảng viên trên 300 người, trong đó từ 50%-55% giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ; hàng năm có từ 10%-15% giảng viên có bài đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín. 100% chương trình đã có sinh viên tốt nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc gia, một số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc tế. Phần đầu đạt 10% chương trình đào tạo cấp bằng quốc tế trên cơ sở đầy mạnh hợp tác quốc tế với một số trường đại học uy tín trên thế giới. Học viện phần đầu tự đảm bảo 100% chi thường xuyên, chậm nhất vào năm 2032. Phần đầu trở thành một trung tâm nghiên cứu, phân biện chính sách có uy tín trong lĩnh vực chính sách phát triển, kinh tế vĩ mô, quản lý nhà nước, tài chính tiền tệ. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm sau 12 tháng đạt tỷ lệ trên 98%”. [H1.15.01.01]

Các mục tiêu đào tạo đã được hiện thực hóa thông qua hệ thống các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra chung của Học viện và của các Chương trình đào tạo [H1.15.01.02]

Học viện hướng tới việc xây dựng phát triển các CTĐT của tất cả các bậc học đa dạng từ các ngành truyền thống và có thế mạnh về kinh tế, kinh doanh thuộc các lĩnh vực như Tài chính ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Quản trị doanh nghiệp và chính sách công (ngành Tài chính - Ngân hàng, ngành Kế toán, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Kinh tế quốc tế, ngành Quản lý công), Pháp luật (ngành Luật kinh tế), Học viện tiếp tục phát

triển thêm các ngành mới thuộc các lĩnh vực trên và các ngành sang các lĩnh vực mới, như lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý hoặc các chương trình đào tạo hướng liên ngành như Kinh tế số, Logistics....

Triết lý giáo dục của Học viện “*Giáo dục toàn diện - Đổi mới sáng tạo - Phụng sự xã hội*” được thể hiện trong việc thiết kế, xây dựng chương trình các bậc học theo hướng tạo môi trường để người học được chủ động, sáng tạo để thích nghi và phát triển toàn diện. Chương trình đào tạo liên tục được xây dựng, rà soát, cải tiến đáp ứng các chuẩn đầu ra. Ngoài các học phần bắt buộc trong CTĐT, các CTĐT của Học viện được thiết kế theo hướng mở với rất nhiều học phần tự chọn để sinh viên có thể phát huy hết khả năng của mình **[H1.15.01.02]**

Để đạt được mục tiêu đó, nội dung CTĐT và phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá đối với từng ngành, cho từng trình độ phải được phân tích, đánh giá và đổi mới không ngừng **[H1.15.01.03]**.

Trong các lần rà soát cải tiến chương trình đào tạo các năm 2019 và 2021, Học viện đã chú trọng phát triển các học phần mới như: đổi mới sáng tạo, phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh... được tích hợp nhằm tăng tính mở, linh hoạt cho các CTĐT các bậc học, tạo thêm giá trị, tăng khả năng hội nhập và thích ứng nhanh của người học. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần được rà soát bổ sung sửa đổi theo hướng mở, linh hoạt, thiết kế các bài giảng gắn lý thuyết với thực hành, mời chuyên gia về nói chuyện với sinh viên và thay đổi phương pháp giảng dạy hiện đại đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội **[H1.15.01.02]; [H1.15.01.04]**.

Trong lần rà soát cải tiến CTĐT năm 2021, Học viện đã chú trọng đến cải tiến tất cả các CTĐT nhằm phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ cho người học giúp phát triển và hình thành năng lực chủ động, sáng tạo để thích nghi và phát triển toàn diện. Học viện đã thiết kế các CTĐT với học phần chuyên đề thực tế, khóa luận tốt nghiệp, phương pháp nghiên cứu khoa học... nhằm tạo điều kiện tối đa cho sinh viên được trải nghiệm môi trường thực tế để phát triển hoàn thiện các kiến thức, kỹ năng theo chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp **[H1.15.01.06]; [H1.15.01.07]**.

Để thực hiện triết lý giáo dục nói trên, Học viện đã mời các chuyên gia giáo dục hướng dẫn cách thức thiết kế hoạt động dạy và học đáp ứng chuẩn đầu ra năm 2021 **[H1.15.1.09]**. Học viện đã ban hành các hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục của Học viện. Mỗi ngành đều được xây dựng CĐR phù hợp với triết lý giáo dục và xu thế phát triển chung của xã hội, sinh viên tốt nghiệp phải đảm bảo được CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ theo đúng chuyên ngành đào tạo của mình **[H1.15.01.05]**. Phương pháp dạy và học được quy định ở từng đề cương môn học của từng CTĐT **[H1.15.01.06]**

Chương trình đào tạo của các ngành, chuyên ngành được thiết kế tăng cường bài tập, thực hành và số các môn tự chọn để nâng cao tính chủ động của sinh viên, do đó

trong quá trình dạy/học sinh viên phải tự tìm hiểu và thực hiện chứ không đơn thuần là tiếp thu kiến thức do GV cung cấp. Các ngành đều xây dựng chuẩn đầu ra và ma trận tích hợp chuẩn đầu ra cho các môn học trong chương trình đào tạo **[H1.15.01.05]**. Bộ môn phụ trách môn học và các GV dựa trên các ma trận tích hợp chuẩn đầu ra để thiết kế hoạt động dạy và học cho các môn học. **[H1.15.01.06]**

Các phương pháp cơ bản cho hoạt động dạy và học của môn học sau khi được thống nhất giữa Bộ môn và các GV giảng dạy môn học sẽ được thể hiện trên đề cương môn học và được Hội đồng Khoa học và đào tạo của Khoa xem xét trước khi gửi Phòng Quản lý đào tạo và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện thông qua để triển khai thực hiện. **[H1.15.01.08]**

Để đảm bảo việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục, Học viện đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Học viện cụ thể hóa việc xây dựng kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu cho các khóa. Học viện cũng đã có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học cho người học cũng như người dạy để đạt được CĐR của CTĐT và theo dõi quá trình học tập của mình, hướng dẫn về việc đi tham quan thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp hay hướng dẫn người học về các chương trình triển khai tại các cơ sở **[H1.15.01.09]**

Học viện quản lý giảng dạy và học tập bằng hệ thống đào tạo tín chỉ để quản lý giảng viên và sinh viên. Các học phần tín chỉ sẽ được thêm các thông tin về giảng viên giảng dạy và sinh viên theo dõi cũng như CTĐT và thời khóa biểu qua hệ thống tín chỉ của các phần mềm quản lý đào tạo.

Quá trình triển khai các hoạt động dạy và học, các giảng viên trực tiếp giảng dạy cũng đồng thời thực hiện các phương pháp đánh giá mức độ tích lũy chuẩn đầu ra của người học, qua đó, tự đánh giá sự phù hợp của nội dung và phương pháp dạy và học đang áp dụng để tự điều chỉnh các hoạt động dạy và học chi tiết của từng buổi học hoặc đề xuất các điều chỉnh cần thiết về nội dung và phương pháp dạy và học.

Bên cạnh đó, trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Học viện cũng đã kịp thời đưa ra các phương án, kế hoạch nhằm đảm bảo công tác dạy, học không bị gián đoạn. Cụ thể theo chủ trương, các đơn vị đào tạo của Học viện triển khai thực hiện kế hoạch học tập, thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến thông qua hệ thống quản lý Zoom Meeting, Google Classroom. Ngay cả đối với các hình thức phòng vấn đầu vào cho Chương trình thạc sỹ cho đến các hoạt động bảo vệ khóa luận, luận văn thạc sỹ thì Học viện cũng đều tổ chức, hướng dẫn cho người học bảo vệ theo hình thức trực tuyến bảo đảm tính trung thực, khách quan và đúng quy định khi đánh giá **[H1.15.01.09]; [H1.15.01.10]**.

Hàng năm Học viện có hệ thống lấy ý kiến người học về hoạt động dạy và học để có những điều chỉnh về chương trình phù hợp với triết lý giáo dục của Học viện. Một số

ý kiến liên quan đến chương trình đào tạo cần cập nhật các xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ của các ngành đã được Học viện tiếp thu và cải tiến trong đợt rà soát cải tiến CTĐT năm 2021 trong đó đã đưa chuẩn đầu ra về năng lực số là một trong những chuẩn đầu ra của Học viện. Tất cả các học phần trong các CTĐT đều được cập nhật đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H1.15.01.03]; [H1.15.01.07].

Với việc tiếp cận xây dựng CTĐT, thay đổi phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá người học, sinh viên được giảng dạy đầy đủ các kỹ năng cá nhân, kỹ năng nhóm và được đánh giá đầy đủ, toàn diện. Học viện với mục tiêu tiếp cận phương pháp giáo dục mới, nâng cao chất lượng đào tạo, giảng dạy và học tập trong một môi trường mở và thân thiện, đáp ứng yêu cầu thời kỳ hội nhập, thời kỳ cách mạng công nghệ 4.0. Điều này cho thấy Học viện đã lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục của mình: “*Giáo dục toàn diện - Đổi mới sáng tạo - Phụng sự xã hội*”.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.2 Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm

Học viện đã xây dựng “Chiến lược phát triển cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2016 -2020” và “Chiến lược phát triển cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2021 -2025, tầm nhìn 2030” trong đó có chiến lược về tổ chức và nhân sự [H1.15.01.02] nhằm thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao, có năng lực chuyên môn tốt, có kinh nghiệm giảng dạy, cụ thể:

Đến thời điểm tự chủ đại học đảm bảo tỉ lệ viên chức giảng dạy và nghiên cứu viên/viên chức hành chính là 70/30 với quy mô nhân sự phù hợp với năng lực đào tạo của Học viện;

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đạt tỉ lệ 40% giảng viên là tiến sĩ và tỉ lệ thạc sĩ trở lên đạt trên 90% so với tổng số viên chức, người lao động toàn Học viện. Tỷ lệ GS, PGS đạt 5.3%; tỉ lệ TS đạt 45% so với số giảng viên và nghiên cứu viên, đảm bảo các tiêu chuẩn về quy đổi giảng viên, quy mô đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành phù hợp với các lĩnh vực đào tạo của Học viện.

Để thực hiện được kế hoạch này, các đơn vị trong Học viện đã chủ động xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực phục vụ cho tương lai của đơn vị; xác định hệ thống vị trí việc làm và đưa ra tiêu chuẩn nhân sự phù hợp với từng vị trí, báo cáo Học viện để tuyển dụng và bố trí nhân sự thích hợp [H1.15.02.08]. Học viện đang trong quá trình xây dựng chế độ lương theo vị trí việc làm và chất lượng công tác để thu hút, tuyển

chọn được đội ngũ có trình độ cao.

Học viện có tiêu chí rõ ràng về việc tuyển dụng giảng viên: Có học vị thạc sĩ trở lên phù hợp với ngành/ chuyên ngành ứng tuyển, ưu tiên tốt nghiệp các ứng viên tốt nghiệp tại các chương trình của nước ngoài, liên kết nước ngoài và có các điều kiện cụ thể khác như: Tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên tại các trường đại học công lập phù hợp với ngành và chuyên ngành cần tuyển; Điểm trung bình quy đổi các môn học thuộc chương trình thạc sĩ đạt khá trở lên, không có môn nào thuộc khối kiến thức chuyên ngành đạt dưới mức điểm khá [H1.15.02.09], nhiều Thạc sĩ được cử đi làm NCS ở nước ngoài, nhận học vị Tiến sĩ và quay trở về Học viện công tác, góp phần tăng tỷ lệ cán bộ, giảng viên là tiến sĩ của Học viện.

Năm 2018: Về công tác nhân sự, Học viện đã triển khai các đợt tuyển dụng tại trụ sở Học viện và các phân viện. Tại Trụ sở và các phân viện đã tuyển dụng được 29 giảng viên và viên chức hành chính (chỉ tiêu 40, đạt 72,5%).[H1.15.02.03]

Năm 2019: Học viện đã triển khai các đợt tuyển dụng tại trụ sở Học viện và các phân viện. Tại Trụ sở và các phân viện đã tuyển dụng được 21 giảng viên và viên chức hành chính (chỉ tiêu 28, đạt 75%) [H1.15.02.03].

Năm 2020: Học viện đã triển khai các đợt tuyển dụng tại trụ sở Học viện và các phân viện. Tại Trụ sở và các phân viện đã tuyển dụng được 14 giảng viên và viên chức hành chính (chỉ tiêu 19, đạt 73,6%) [H1.15.02.03].

Bảng 15.1. Thống kê về số cán bộ bổ nhiệm giai đoạn 2018 - 2022

Năm	Bổ nhiệm mới	Bổ nhiệm lại	Điều động và bổ nhiệm	Kéo dài	Giao phụ trách	Tổng
2018	2	1	1	0	1	5
2019	1	1	0	0	0	2
2020	2	1	1	0	1	5
2021	2	1	2	0	0	5
2022	1	1	1	0	1	4
2023	2	1	1	0	0	4

(Nguồn: Thống kê từ các quyết định bổ nhiệm 2018-T8/2023).

Học viện đang hoàn thiện xây dựng “Đề án vị trí việc làm” [H1.15.02.08]. Đây là một quy chế toàn diện về chức năng, trách nhiệm và nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên làm căn cứ đánh giá và sàng lọc các giảng viên. Học viện có một hệ thống quản lý, hoạt động chặt chẽ từ cấp đơn vị, cấp khoa, đến cấp Học viện được quy định trong “Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Học viện”, “Quy chế tổ chức hoạt động của Học viện”, “Quy chế dân chủ cơ sở” [H1.15.02.11]

Hệ thống phân công giảng dạy hiện nay của Học viện được thực hiện qua hệ thống

văn bản phân công nhiệm vụ giảng viên [H1.15.02.04] và phần mềm Quản lý đào tạo [H1.15.02.04]. Các bên liên quan đến phân công giảng dạy sẽ thực hiện các công việc thông qua hệ thống này theo cấp độ quản lý tương ứng. Quy định về trách nhiệm phân công giảng dạy và kiểm tra kết quả phân công giảng dạy được Học viện quy định rõ ràng, chi tiết trong các quy chế làm việc của giảng viên. Trưởng bộ môn có trách nhiệm phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn theo quy định của Học viện và căn cứ vào khối lượng giảng dạy trong bộ môn. Khi giảng viên ứng tuyển vào Học viện, giảng viên đã thực hiện đăng ký học phân giảng dạy và giảng trước hội đồng của bộ môn, khoa và Học viện. Sau đó giảng viên thực hiện 1 năm tập sự tại bộ môn quản lý học phần đó. Kết thúc thời gian tập sự giảng viên phải tiến hành giảng chính thức trước 03 hội đồng của Khoa, Viện và của Học viện. Quy trình này đảm bảo đánh giá đúng được năng lực trình độ chuyên môn của giảng viên. Ngoài ra đối với các giảng viên chính thức, khi phát sinh nhu cầu giảng môn mới, khoa bộ môn sẽ căn cứ theo trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác để phân công giảng viên giảng dạy các môn mới. Quy trình xét duyệt cũng thực hiện theo 3 cấp: bộ môn, khoa và Học viện. Quy trình này đảm bảo việc phân công nhiệm vụ cho giảng viên là phù hợp, phát huy được năng lực của giảng viên và tăng hiệu quả thực hiện CTĐT. Học viện có quy chế quy định về khối lượng và nhiệm vụ giảng dạy cho các giảng viên theo trình độ. Kết quả khảo sát giảng viên hàng năm cho thấy hầu hết các giảng viên đều đánh giá cao chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ và việc phân công nhiệm vụ cụ thể.

Đối với các học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh như các học phần của chương trình cử nhân chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo quốc tế, các giảng viên được tuyển chọn là các giảng viên đã tốt nghiệp các chương trình đào tạo của các nước tiên tiến hoặc giảng viên có kinh nghiệm, có trình độ ngoại ngữ và được tuyển chọn qua các hội đồng chuyên môn giảng dạy bằng Tiếng Anh [H1.15.02.09]. Các chính sách tuyển dụng giảng viên của Học viện ưu tiên tuyển dụng các ứng viên tốt nghiệp tại các nước tiên tiến, có năng lực giảng dạy bằng Tiếng Anh [H1.15.02.09]. Hàng năm các ý kiến phản hồi của các giảng viên về chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ và việc phân công nhiệm vụ của Học viện qua các hội nghị như tổng kết đào tạo, tổng kết năm học, hội nghị cán bộ viên chức,... đều được tập thể lãnh đạo Học viện quan tâm lắng nghe và chỉ đạo thực hiện [H1.15.03.10]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.3 Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

Kiến thức và kỹ năng làm việc luôn phát triển cùng với sự tiến bộ của xã hội và các ngành kỹ thuật, điều đó đòi hỏi mỗi cá nhân phải tự thích ứng và học hỏi thêm để đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của công việc cũng như cuộc sống. Hoạt động dạy-học đã cung

cấp cho sinh viên những phương pháp, kỹ năng để sau này có thể vận dụng trong công việc, nghiên cứu, học tiếp lên bậc học cao hơn, quá trình này sẽ theo suốt cuộc đời hay có thể gọi là *học tập suốt đời*.

Học viện với 19 các chuyên ngành khác nhau (17 chuyên ngành đào tạo hệ chuẩn và 2 chuyên ngành đào tạo hệ chất lượng cao) đã tạo ra sự đa dạng trong lựa chọn chuyên ngành học cho sinh viên. Các CTĐT không chỉ tập trung vào các kiến thức chuyên môn mà còn bổ sung những môn học liên ngành giúp khai mở những kiến thức mới mẻ, hướng tới việc phát huy tối đa sáng tạo của cá nhân, giải phóng tư duy, năng lực trí tuệ của con người và tạo điều kiện cho họ phát huy hết khả năng cá nhân, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp sang nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau và tạo tiền đề để người học tiếp tục học lên những bậc học cao hơn hướng tới việc học tập suốt đời **[H1.15.03.06]**. Thông qua quá trình nghiên cứu tìm hiểu tài liệu, làm bài tập tình huống theo nhóm, người học được rèn luyện những kỹ năng tự học như: kỹ năng phân tích, tổng hợp; kỹ năng phát hiện vấn đề; kỹ năng trình bày và giải quyết vấn đề và đạt được các kỹ năng và kiến thức cụ thể theo yêu cầu của môn học. Quá trình nghiên cứu, làm các bài tập, bài tập tiểu luận, bài tập lớn, thực hành đóng vai trò quan trọng giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm, tạo ra những kỹ năng tự học tập phù hợp như kỹ năng phân tích và tổng hợp tài liệu, học đi đôi với hành; kỹ năng phát hiện vấn đề, trình bày và giải quyết vấn đề, các kỹ năng và kiến thức cụ thể cần đạt được của từng môn học. Hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên, số tiết thảo luận nhóm, thuyết trình được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần.

Hàng năm Học viện sẽ xây dựng Kế hoạch giảng dạy và học tập cho từng năm học, khóa học cho tất cả các loại hình đào tạo; từ kế hoạch giảng dạy và học tập, Phòng Quản lý đào tạo xây dựng thời khóa biểu chi tiết theo từng môn, từng lớp, từng giai đoạn của học kỳ để tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc học tập, nghiên cứu và sắp xếp thời gian tham gia các lớp học kỹ năng khác **[H1.15.03.01] [H1.15.03.08]**.

Các CTĐT của Học viện đều hướng đến khả năng học tập suốt đời và kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho người học nhằm đáp ứng mong muốn tự nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của người học. Do vậy, trong quá trình học tập, các đơn vị đào tạo phối hợp với Viện/Khoa chuyên môn thường xuyên tổ chức cho người học đi thực tập, thực tế tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phù hợp với chuyên môn, chuyên ngành đào tạo **[H1.15.03.04]**.

Nhằm đáp ứng nhu cầu được tiếp xúc và trải nghiệm nhiều môi trường học tập mới, khám phá thế giới xung quanh, phát triển bản thân, Học viện đã ký kết biên bản thỏa thuận hợp tác giữa 10 trường đại học khối ngành kinh tế ký kết ngày 29/10/2022 về Hoạt động đào tạo, trao đổi sinh viên, đảm bảo chất lượng và hoạt động nghiên cứu khoa học và tổ chức các chương trình trao đổi cho sinh viên chính quy thông qua mạng lưới các trường đối tác trong khối ngành Kinh tế. Điều này mở ra cơ hội học hỏi, mở mang kiến

thức và đặc biệt đây là một môi trường thuận lợi để trau dồi khả năng ngoại ngữ, các kỹ năng mềm cho sinh viên **[H1.15.03.02]**.

Về việc triển khai các hoạt động học tập đa dạng: các hoạt động hỗ trợ để sinh viên nâng cao kỹ năng tự nghiên cứu, tìm tòi tài liệu để xây dựng khả năng tự học, tự đọc được triển khai rộng rãi thông qua các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học. Sau mỗi năm tổ chức, Học viện đều có những thống kê, báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của cả cán bộ, giảng viên, người học để có cái nhìn tổng quát hơn; từ đó điều chỉnh qua các năm, xây dựng những phương án mới phù hợp hơn, hiệu quả hơn trong việc tạo dựng môi trường học tập cho người học **[H1.15.03.10] [H1.15.03.09]**..

Bên cạnh năng lực chuyên môn, Học viện luôn chú trọng tạo lập một môi trường rèn luyện và học tập cho sinh viên nuôi dưỡng và phát triển tiềm năng, quan tâm phát triển các năng lực khác. Thông qua hoạt động của các câu lạc bộ sinh viên, các thể hệ sinh viên Học viện Chính sách và Phát triển luôn giữ được truyền thống năng động, sáng tạo, giỏi ngoại ngữ, có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức tốt nên được thị trường lao động đánh giá cao **[H1.15.03.12]**

Ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR của các môn học/học phần: Học viện cũng thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị dạy học để đảm bảo cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR; Giảng đường đầy đủ máy chiếu, điều hòa, rèm che nắng; có nhà tập để học tập các môn Giáo dục thể chất; TV đầy đủ tài liệu tham khảo và kết nối TV số với hệ thống dữ liệu TV số trong toàn Học viện; Hội trường trong nhà có sân khấu và màn hình led phục vụ các lớp học kỹ năng, các hoạt động chuyên môn sâu của các lớp. Thư viện có đầy đủ sách giáo trình và sách tham khảo (gồm tiếng Anh và tiếng Việt) đáp ứng nhu cầu về tài liệu học tập cho sinh viên **[H1.15.03.14] [H1.15.03.15]. [H1.15.03.17]**

Công tác đảm bảo chất lượng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng tại Học viện. Vì vậy, việc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR của các môn học/học phần được BGD đặc biệt quan tâm và chú trọng vì đây là nhân tố quyết định cho sự thành công của công tác đảm bảo chất lượng. Hệ thống đảm bảo chất lượng ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR của các môn học/học phần được thiết kế, xây dựng và phát triển nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của Học viện như đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng tốt sứ mệnh, tầm nhìn, đạt các mục tiêu chiến lược của Học viện và đáp ứng tốt yêu cầu của các bên liên quan. Bên cạnh đó để kiểm chứng chất lượng đầu ra của sinh viên, Học viện có những khảo sát về việc làm đối với sinh viên đã tốt nghiệp, từ đó đưa ra những cải thiện cho mục tiêu, CDR của CTĐT phục vụ cho việc học tập suốt đời. **[H1.15.03.05] [H1.15.03.03]**

Học viện đặc biệt quan tâm và chú trọng thường xuyên đầu tư nâng cao chất

lượng cơ sở vật chất phục vụ công tác học tập và giảng dạy. Trong thời gian diễn ra dịch Covid-19, Học viện đã kịp thời chuyển đổi hình thức đào tạo từ trực tiếp sang trực tuyến ở tất cả các loại hình đào tạo. Học viện đã triển khai Hoạt động hỗ trợ người học: tập huấn sử dụng phần mềm, hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử, hướng dẫn sử dụng APD-S-Link, LMS, Zoom Meeting....[H1.15.03.11] [H1.15.03.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.4 Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng

Hoạt động dạy và học tại Học viện được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng bao gồm các nội dung thực hiện đánh giá chất lượng hàng năm từ người học của các ngành đào tạo trong và sau khi ra trường. Việc giám sát hoạt động dạy và học được Học viện thực hiện dưới nhiều hình thức bao gồm cả đánh giá quá trình cũng như cuối kỳ theo các năm [H1.15.04.06]. Dựa trên hệ thống khảo sát ý kiến đánh giá của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên [H1.15.04.02]

Bên cạnh đó, Học viện còn triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học dựa trên kết quả khảo sát môn học, điều chỉnh các hoạt động dạy và học ít nhất 2 năm/lần; nội dung điều chỉnh phù hợp với triết lý giáo dục nhằm đạt CĐR [H1.15.04.03]

Các hoạt động giảng dạy trên lớp được thực hiện theo quy định quản lý giảng dạy trên lớp mà cụ thể là quy định về đào tạo đại học, đào tạo thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ tại Học viện [H1.15.04.04]. Mọi sự thay đổi được công bố công khai tới người học và giảng viên được phân công. [H1.15.04.03]

Trong quá trình giảng dạy và khi kết thúc lớp học, các giảng viên sẽ đánh giá mức độ tích lũy CĐR của sinh viên theo lớp học phần. Kết quả học tập, rèn luyện của người học được tổng hợp và thống kê theo từng học kỳ, năm học [H1.15.04.05]

Hàng năm, tình hình sử dụng thư viện của Học viện luôn được thống kê, cập nhật là căn cứ cho thấy mức độ học tập, nghiên cứu khoa học của người học cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu về tài liệu từ đó nâng cao chất lượng, số lượng nguồn tài liệu và hoạt động của thư viện. [H1.15.04.12]

Hoạt động dạy và học, thi kết thúc học phần được giám sát và kiểm tra nghiêm ngặt thông qua hoạt động của phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Các đơn vị chức năng dựa trên chức năng nhiệm vụ được phân công sẽ đảm bảo việc thực hiện quy chế làm việc của cán bộ giảng viên cũng như người học, kịp thời nhắc nhở và xử lý các trường hợp vi phạm (nếu có) theo đúng quy chế của Học viện. Hiện nay, việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên của Học viện được thực hiện dựa trên hệ thống khảo sát ý kiến đánh giá của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất

lượng **[H1.15.04.03]**. Từ đó triển khai tới người học các mẫu đánh giá giảng viên kịp thời và đầy đủ.

Học viện luôn chú trọng đến việc lập kế hoạch và triển khai đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên và có kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy vào cuối từng giai đoạn trong một học kỳ của năm học thông qua hình thức khảo sát trực tuyến cho tất cả các hình thức đào tạo hiện nay. Qua khảo sát, 100% giảng viên tham gia giảng dạy trình độ đại học được lấy ý kiến phản hồi từ người học về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá. Kết quả phiếu khảo sát đều thể hiện các ý kiến của người học đánh giá về việc người học được nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu và được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình giảng dạy và học tập tại Học viện. Kết quả khảo sát đều được báo cáo Ban Giám đốc để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Học viện, đặc biệt là đổi mới phương pháp dạy và học tại các cơ sở cũng như các hệ đào tạo hiện hành **[H1.15.04.03]**.

Hàng năm Học viện cũng tổ chức Hội nghị đối thoại với sinh viên trong toàn Học viện để kịp thời điều chỉnh nâng cao chất lượng đào tạo **[H1.15.04.13]**.

Cuối cùng, nhằm đưa hoạt động giảng dạy tiến gần đến với hoạt động thực tế tại các doanh nghiệp, các đơn vị cũng chủ động đưa ra các hướng dẫn về đi thực tế của giảng viên và sinh viên, theo đó khuyến khích các giáo viên đến thực tập, làm việc, tư vấn cho các doanh nghiệp trong những lĩnh vực chuyên môn phù hợp với môn học giảng dạy **[H1.15.04.02]**

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tiến hành khảo sát các sinh viên về hoạt động giảng dạy từng năm học và khảo sát lấy ý kiến về CTĐT trước khi ra trường. Từ đó giúp cho việc khảo sát thu thập thông tin, đánh giá khách quan phù hợp và có các điều chỉnh để nâng cao chất lượng giảng dạy của Học viện **[H1.15.04.03]**

Học viện luôn áp dụng công tác triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học dựa trên kết quả khảo sát môn học. Ngoài ra, từ năm 2020 do tình hình dịch bệnh Covid-19 tại các cơ sở đào tạo của Học viện cũng ứng dụng CNTT trong việc giám sát và đánh giá để đảm bảo chất lượng trên các loại hình đào tạo của Học viện **[H1.15.04.14]**

Bên cạnh đó, Học viện cũng xây dựng các quy chế, quy định để lượng hóa tất cả các quy trình giảng dạy và học tập chung cho các loại hình đào tạo **[H1.15.04.07]** để có thể cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra cũng như đánh giá người học.

Hàng năm, Học viện triển khai thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động dạy và học qua nhiều cách thức và công cụ khác nhau. Thứ nhất là thông qua chức năng thanh tra, kiểm tra giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đối với các đơn vị. Thông qua các công cụ thống kê, phân tích số liệu kết quả học tập của từng chương trình đào tạo theo từng học kỳ, năm học trong các báo cáo sơ kết đào tạo học kỳ 1, báo cáo tổng kết công tác đào tạo năm học, báo cáo phân

tích phổ điểm từng học phần trong từng đợt học [H1.15.04.07]. Khi sinh viên tốt nghiệp Học viện có tổ chức khảo sát sinh viên tốt nghiệp và khảo sát sau khi sinh viên tốt nghiệp một năm [H1.15.04.03]. Các kết quả khảo sát này giúp Học viện đánh giá được chất lượng sinh viên tốt nghiệp của các ngành đào tạo theo ý kiến tự đánh giá của người học và là căn cứ để Học viện có các cải tiến chương trình đào tạo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.5 Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời

Căn cứ vào báo cáo kiểm định năm 2018, Hội đồng học viện đã điều chỉnh Triết lý giáo dục của Học viện và hiện thực hóa trong “Chiến lược phát triển Học viện Chính sách và Phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 1822/QĐ-BKHĐT ngày 11/11/2022 [H1.15.05.01]. Để đảm bảo việc dạy và học được cải tiến liên tục, đạt được chuẩn đầu ra, các Khoa thường xuyên rà soát và điều chỉnh CTĐT, bổ sung các môn học chuyên ngành mới phù hợp với chuẩn đầu ra và Triết lý giáo dục [H1.15.01.06]

Hoạt động dạy và học được rà soát, cải tiến để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời. Các CTĐT được cập nhật, điều chỉnh theo triết lý giáo dục của Học viện, theo đó mỗi chuyên ngành đào tạo đều chú trọng đến việc xây dựng mục tiêu đào tạo và CDR cho sinh viên toàn Học viện và cho từng chương trình đào tạo [H1.15.01.06]. Định kỳ 2-3 năm 01 lần, Học viện thực hiện rà soát và điều chỉnh CTĐT để có những điều chỉnh phù hợp trong quá trình thực hiện bao gồm: (i) Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo của từng chương trình cụ thể; (ii) Đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với CDR và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); (iii) So sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển CTĐT và mức độ đáp ứng yêu cầu của CTĐT đang thực hiện; (iv) Rà soát tổng thể CTĐT, bản mô tả CTĐT, các Đề cương chi tiết học phần của 19 CTĐT. Ngoài ra, trong quá trình triển khai, khi có những bất cập, Học viện thực hiện điều chỉnh để cho phù hợp. Để có cơ sở cải tiến hoạt động dạy và học, hàng năm Học viện tổ chức khảo sát về công tác giảng dạy và học tập sau mỗi đợt học. Đối tượng khảo sát gồm: sinh viên (đang học hoặc đã tốt nghiệp), giảng viên và viên chức hành chính. Hoạt động khảo sát được thực hiện cho tất cả các CTĐT: chương trình chuẩn, chương trình chất lượng cao, [H1.15.05.03]

Các kỹ năng phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin, số liệu liên quan đến chuyên ngành được tích lũy trong quá trình học, làm bài tập, tiểu luận, bài tập lớn môn học cung cấp công cụ cho việc học tập suốt đời. Học viện có chính sách khuyến khích các bộ môn

điều chỉnh nội dung môn học theo hướng tăng giờ thực hành, thực tập, làm bài tập và tiểu luận môn học. Ngoài ra, các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc theo nhóm được lồng ghép trong từng môn học, nhất là các môn tiếng Anh, môn có thực hành, môn chuyên môn hay nhóm khoá luận tốt nghiệp, nhóm nghiên cứu khoa học. Các khoa chuyên ngành cũng tổ chức cho sinh viên các khoá học thực tập trải nghiệm tại các doanh nghiệp [H1.15.05.02]

Hàng năm, Học viện đều lấy ý kiến phản hồi của người học, của giảng viên, đội ngũ Cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng bằng phiếu khảo sát và khảo sát online để phân tích đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan [H1.15.05.03], và sử dụng ý kiến phản hồi này như một kênh thông tin quan trọng để cải tiến, nâng cao chất lượng của hoạt động dạy và học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Học viện đã xây dựng được triết lý giáo dục và chuẩn đầu ra phù hợp với chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2030 tầm nhìn đến 2045; Học viện có hướng dẫn về việc giảng dạy, học tập phù hợp với CDR. Hoạt động giảng dạy và học tập tại Học viện đều dựa trên CDR quy định trong các CTĐT bao gồm chương trình chuẩn, chương trình chất lượng cao, CTĐT liên kết với nước ngoài; Các CTĐT của Học viện được thiết kế theo hướng mở với rất nhiều học phần tự chọn để sinh viên có thể phát huy hết khả năng của mình; Học viện luôn áp dụng công tác triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học dựa trên kết quả khảo sát; Các hoạt động giảng dạy và học tập có sự giám sát đảm bảo chất lượng bởi các đơn vị chức năng liên quan như Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và các đơn vị liên quan.

Hoạt động thu hút giảng viên có trình độ cao, có hướng dẫn rõ ràng và hoạt động hỗ trợ giảng viên mới. Các công tác phân công giảng dạy đều được triển khai định kỳ. Hệ thống quản lý đào tạo của Học viện đảm bảo việc phân công giảng dạy cho các GV theo đúng chuyên môn, đủ khối lượng và tiếp thu được các đánh giá, phản hồi của sinh viên và được công khai, phổ biến cụ thể tới người học. Học viện đã tạo được môi trường dạy - học đa dạng để sinh viên đều tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động, nhiều hình thức học tập được tổ chức trong quá trình đào tạo đã cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết để đạt được chuẩn đầu ra cho CTĐT. Đồng thời sinh viên được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các Hội thảo, Seminar chuyên ngành, tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Học viện và cấp Bộ, tham gia các hoạt động thi Olympic và các câu lạc bộ tiếng Anh và khoa học kỹ thuật. Các hoạt động dạy vào học có sự giám sát góp ý kịp thời của các bên có liên quan; Học viện đã tổ chức việc

khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo, mức độ hài lòng của sinh viên, cựu sinh viên và các Nhà tuyển dụng về hoạt động dạy và học. Học viện có chính sách khuyến khích các bộ môn điều chỉnh nội dung môn học theo hướng tăng giờ thực hành, thí nghiệm, thực tập,... để nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo sự chủ động cho sinh viên và cung cấp công cụ cho việc học tập suốt đời.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến của sinh viên, nhà tuyển dụng và Cựu sinh viên cần được tổ chức đa dạng và thường xuyên hơn để thu thập được nhiều thông tin đa chiều và khách quan về chất lượng giảng dạy và mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Mặc dù Học viện đã thúc đẩy nhanh chóng ứng dụng công nghệ trong giảng dạy để thích nghi với bối cảnh mới nhưng hiện vẫn chưa mang tính tổng thể. Do đó, cần có giải pháp mang tính tổng thể hơn.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Cải tiến và đa dạng hóa hình thức khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan	P. KT&ĐBCL (Đầu mối), các đơn vị phối hợp	Năm học 2023 - 2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng chiến lược chuyển đổi số của Học viện, đề án chuyển đổi số của Học viện nhằm hỗ trợ tốt hơn việc tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong việc dạy và học, đảm bảo đạt CDR và phù hợp với Triết lý giáo dục;	P. KT&ĐBCL (Đầu mối), các đơn vị phối hợp	Năm học 2023 - 2024	
3	Phát huy các điểm mạnh 1	Đẩy mạnh áp dụng công tác triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học dựa trên kết quả khảo sát; Tăng cường các hoạt động giám sát đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập	P. Quản lý đào tạo (Đầu mối), các đơn vị phối hợp	Năm học 2023 - 2024	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Chú trọng thiết lập môi trường dạy - học đa dạng để sinh viên đều tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động, nhiều hình thức học tập được tổ chức trong quá trình đào tạo đã cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết để đạt được chuẩn đầu ra cho CTĐT.	Lãnh đạo Học viện; P. Quản lý đào tạo (Đầu mối), các đơn vị phối hợp	Năm học 2023 - 2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 15	5,0
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5

TIÊU CHUẨN 16. ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập

Trong giai đoạn 2018 - 2023, căn cứ vào các quy định hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo tại quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012) Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học [H1.16.01.03]

Học viện đã thiết lập quy trình đánh giá người học chung cho tất cả các CTĐT và phổ biến cho các Khoa, Viện đồng thời để Khoa, Viện chủ động triển khai các hình thức đánh giá, kiểm tra cho phù hợp với các học phần và chuyên ngành đào tạo. Các quyết định cụ thể của Học viện Chính sách và Phát triển bao gồm: Quy định số 619/QĐ-HVCSPT năm 2021, Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển, Quyết định ban hành đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo [H1.16.02.05]

Với hệ đào tạo sau đại học, Học viện đã áp dụng Thông tư số 15/2014/TT – BGDĐT về quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ [H1.16.01.04], Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT về quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ. Học viện đưa ra các quyết định của Học viện Chính sách và Phát triển bao gồm Quyết định ... Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.16.02.05]

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phòng Quản lý đào tạo [H1.16.01.08] là đơn vị đầu mối thực hiện việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh và lựa chọn phương thức kiểm tra, đánh giá người học đầu vào theo ngưỡng đảm bảo chất lượng các bậc, các hệ đào tạo. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ chủ trì lên kế hoạch học tập thi kết thúc học phần, tốt nghiệp và các kế hoạch này được triển khai đến các Khoa, Viện, giảng viên và người học. Phòng Khảo

thí và Đảm bảo chất lượng phụ trách tổ chức kì thi kết thúc học phần, thanh tra, giám sát, quản lý đảm bảo chất lượng các bậc, hệ đào tạo **[H1.16.02.02]** Quá trình đánh giá được thiết lập cho toàn bộ quá trình học của người học tại Học viện Chính sách và Phát triển, từ đánh giá tuyển sinh đầu vào, đánh giá quá trình đào tạo cho tới khi tốt nghiệp. Cụ thể:

Công tác tuyển sinh đầu vào: Chi tiêu tuyển sinh của từng chương trình đào tạo, từng chuyên ngành, từng ngành được Học viện xác định dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và dựa trên năng lực đào tạo của Học viện. Chi tiêu, phương thức tuyển sinh, điều kiện đăng ký, cách xác định điểm trúng tuyển được được công bố công khai thông qua các kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh hàng năm, đề án tuyển sinh hàng năm **[H1.16.01.08]**

Đánh giá quá trình: Trong quá trình đào tạo tại Học viện, quy trình, nội dung kiểm tra đánh giá được thể hiện thống nhất trong quá trình triển khai từ đơn vị quản lý đào tạo đến Khoa, Viện và giảng viên. Không chỉ được quy định, hướng dẫn cụ thể trong hệ thống các quy chế, quy định về đào tạo kể trên, để thực hiện đánh giá người học hiệu quả, nội dung kiểm tra đánh giá quá trình, kết thúc học phần, đánh giá học phần thực hành, chuyên đề thực tế, thực tập tốt nghiệp, khoá luận tốt nghiệp. Nội dung về điều kiện dự thi, điểm đánh giá người học, các nội dung đánh giá đối với từng học phần cụ thể được trình bày rõ trong đề cương chi tiết học phần của từng CTĐT trong toàn Học viện. Các phương pháp đánh giá được thiết kế đa dạng, bao gồm: tiểu luận cá nhân/nhóm, thuyết trình nhóm/cá nhân và kiểm tra cuối kì dưới hình thức câu hỏi lựa chọn, câu hỏi mở, câu hỏi giải quyết vấn đề. Phương pháp đánh giá được xây dựng để kiểm tra khả năng phân tích vấn đề của học viên theo thang nhận thức của Bloom [nhớ - hiểu - áp dụng - phân tích - sáng tạo] trong mỗi học phần. Kết quả đánh giá của mỗi học phần được tổng hợp từ điểm đánh giá kiến thức cuối học phần và điểm đánh giá thường xuyên trong suốt quá trình. Ngoài ra Học viện có ban hành Quy chế về xây dựng ngân hàng đề thi, ra đề thi và tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính. Ngân hàng đề thi được biên soạn theo hướng đánh giá toàn bộ chương trình học phần, đo lường đánh giá các chuẩn đầu ra học phần và được sử dụng để tạo đề thi khi đảm bảo đúng các quy định về khảo thí và đảm bảo chất lượng khác **[H1.16.04.01]**, Học viện cũng đã ban hành quy trình quản lý kết quả học tập, quy trình này thống nhất trong toàn Học viện trong cách thức quản lý **[H1.16.04.01]**.

Một nội dung quan trọng trong đánh giá sinh viên mỗi học kỳ và năm học, đó là công tác đánh giá rèn luyện sinh viên. Hoạt động đánh giá rèn luyện sinh viên được xây dựng kế hoạch hàng năm và theo từng kỳ học. Học viện căn cứ theo Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT về Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy **[H1.16.04.01]** để ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo hệ Đại học chính quy tại Học viện Chính sách và

phát triển [H1.16.04.01]. Trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ của người học, cố vấn học tập, Khoa, Viện và các đơn vị chức năng. Nội dung đánh giá bao gồm: ý thức của người học về việc tham gia học tập, tham gia các phong trào của Học viện, của cộng đồng, tuân thủ các nội quy, quy chế, quy định của Học viện, tuân thủ pháp luật... cũng được đánh giá thường xuyên sau mỗi học kỳ, năm học và toàn khoá học.

Đánh giá tốt nghiệp: Bên cạnh việc hoàn thành đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo, để công nhận tốt nghiệp là người học phải có chứng chỉ GDTC và GDQP. Một điều kiện quan trọng khác để công nhận tốt nghiệp là người học phải đạt chuẩn tiếng anh B1 theo khung Châu Âu hoặc tương đương đối với chương trình chuẩn hoặc IELTS 5.5 hoặc tương đương đối với các chương trình chất lượng cao và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ chứng chỉ Tin học IC3 hoặc chứng chỉ MOS [H1.16.02.01]

Quy trình đánh giá người học trong quá trình học và nhiệm vụ của các bên liên quan được thể hiện rõ. Bộ môn có nhiệm vụ đề xuất nội dung và hình thức đánh giá các học phần do mình phụ trách. Toàn bộ các vấn đề này sẽ được Hội đồng Khoa học và Đào tạo xét duyệt trước khi áp dụng chính thức trên quy mô toàn Học viện. Sau khi ban hành phương thức đánh giá cho môn học, toàn bộ quá trình thực hiện tự đánh giá sẽ do bộ môn phụ trách. Toàn bộ công tác khảo thí sẽ do các Khoa, Viện, Phòng Quản lý đào tạo và Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp thực hiện. Kết quả này cũng sẽ được Khoa, Viện kiểm tra lại, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có nhiệm vụ giám sát trong suốt quá trình thực hiện và công bố kết quả. Mặt khác, tất cả các quy định, quy trình, các hình thức xử lý, trách nhiệm của tất cả các bên liên quan cũng được quy định chặt chẽ trong quy định của Học viện về tổ chức thi kết thúc học phần.

Quy trình đánh giá tốt nghiệp người học được thực hiện theo các quy định hiện hành [H1.16.03.01] và nhiệm vụ của các bên liên quan được thể hiện rõ. Bộ môn có nhiệm vụ đề xuất nội dung và hình thức đánh giá học phần tốt nghiệp. Toàn bộ các nội dung này sẽ được Hội đồng Khoa học và Đào tạo [H1.16.03.01] xét duyệt trước khi áp dụng chính thức trên quy mô toàn Học viện. Sau khi ban hành phương thức đánh giá tốt nghiệp, toàn bộ quá trình thực hiện tự đánh giá sẽ do Hội đồng tốt nghiệp Khoa, Viện phụ trách. Kết quả này cũng sẽ được Hội đồng tốt nghiệp khoa và phòng Quản lý đào tạo kiểm tra và công bố chính thức. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có nhiệm vụ giám sát trong suốt quá trình thực hiện và công bố kết quả.

Kết quả việc thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên về các hình thức kiểm tra đánh giá cho thấy: khoảng 70% sinh viên cho rằng, các hình thức đánh giá là đa dạng, phù hợp và kết quả thu được là công bằng, khách quan [H1.16.02.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra

Hoạt động đánh giá người học là nội dung quan trọng trong quá trình đào tạo. Vì vậy, ngay từ khi nhập học người học đã được phổ biến cụ thể, rõ ràng nội dung, yêu cầu về đánh giá người học trên cơ sở CĐR của CTĐT theo học.

Căn cứ vào Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 16/4/2015 [H1.16.02.01] quy định về khối lượng tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22/06/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Học viện đã xây dựng các CTĐT, trong đó, từng thành phần trong CTĐT như mục tiêu, CĐR của CTĐT và CĐR của học phần, nội dung học phần, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá đảm bảo tương thích và gắn kết [H1.16.02.01]. Để đảm bảo đạt được các CĐR của CTĐT và CĐR của học phần, đề cương chi tiết học phần các học phần, các hoạt động kiểm tra, đánh giá được thiết kế phù hợp với việc đạt được CĐR. Căn cứ trên CĐR của CTĐT, các Khoa, Viện xây dựng CĐR ra của từng học phần, trên cơ sở đó, các đơn vị đào tạo xây dựng các hoạt động kiểm tra, đánh giá phù hợp để đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của NH. Học viện đã thực hiện nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được CĐR như: tiểu luận, bài thu hoạch, tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, chấm khóa luận tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp [H1.16.02.01].

- Đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức cơ sở khối ngành, hình thức kiểm tra chủ yếu là thi viết, Khoa, Viện xây dựng đề thi giúp người học biết, hiểu và bắt đầu vận dụng kiến thức.

- Đối với các học phần bắt buộc, các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, Khoa, Viện đa dạng hóa và kết hợp giữa các hình thức kiểm tra ngoài mục đích đánh giá kiến thức, nhận thức của người học còn giúp người học xây dựng phẩm chất nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, phản xạ, giao tiếp hiệu quả.

Học viện đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng quy trình rõ ràng về việc đánh giá kết quả người học để đạt được CĐR được quy định rõ trong bản mô tả CTĐT. Quy trình đánh giá kết quả người học được xây dựng nhằm đảm bảo việc đánh giá sự khách quan, công bằng và phù hợp với mục tiêu môn học, hình thức đào tạo, học tập. Quy trình kiểm tra đánh giá đều được Học viện quy định cụ thể đối với từng trình độ và loại hình đào tạo và được công bố công khai, rộng rãi đến người học và các Khoa/Viện/đơn vị liên quan. Các quy trình đều được thể hiện rõ ràng và quy định trách nhiệm như sau:

Bảng 16.1. Quy trình thi tự luận, trắc nghiệm

Bước	Nội dung	Trách nhiệm
1	Lập và thông báo Lịch thi kết thúc học phần	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
2	Ra đề thi, đáp án và thang điểm	Khoa, Viện

Bước	Nội dung	Trách nhiệm
3	Sao in và bảo mật đề thi	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
4	Tổ chức coi thi	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
5	Chấm thi và nộp bảng điểm	Khoa, Viện
6	Công bố điểm và phúc khảo [nếu có]	Khoa, Viện; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Quản lý đào tạo
7	Lưu giữ bài thi	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

(Nguồn: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng)

Bảng 16.2.2. Quy trình thi vấn đáp

Bước	Nội dung	Trách nhiệm
1	Lập và thông báo Lịch thi kết thúc học phần	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
2	Ra đề thi, đáp án và thang điểm	Khoa, Viện
3	Sao in và bảo mật đề thi	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
4	Tổ chức coi thi và công bố điểm	Phòng Quản lý đào tạo; Khoa, Viện; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
5	Nộp bảng điểm	Khoa, Viện
6	Lưu giữ bộ đề thi, đáp án và thang điểm	Khoa, Viện; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

(Nguồn: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng)

Đối với đánh giá học phần: Trên cơ sở CTĐT các trình độ đào tạo đã được phê duyệt và quy chế, quy định về đào tạo đại học chính quy, Thạc sĩ. Học viện quy định đánh giá kết quả học tập của người học thông qua hệ thống đánh giá chuyên cần, đánh giá định kỳ và thi kết thúc học phần. Các quy định, hướng dẫn này được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần, quy định kiểm tra đánh giá và được phổ biến công khai cho sinh viên trên cổng thông tin sinh viên, hướng dẫn chi tiết cho giảng viên trong các buổi sinh hoạt chuyên môn. Ngoài ra trong buổi đầu tiên của mỗi lớp học phần, các giảng viên đề công bố rõ đề cương học phần trong đó có các hình thức kiểm tra, đánh giá với thời gian và hình thức cụ thể cho sinh viên. Khảo sát đánh giá của sinh viên hàng năm cho thấy toàn bộ sinh viên đã nắm bắt được đầy đủ các phương pháp kiểm tra đánh giá, thời gian kiểm tra đánh giá từng học phần. Về phía giảng viên các hình thức kiểm tra đánh giá được thống nhất đầy đủ trong các buổi sinh hoạt chuyên môn [H1.16.02.09]. Trên cơ sở CTĐT các trình độ đào tạo đã được phê duyệt, các Khoa, Viện cũng xây dựng đề cương chi tiết học phần cũng thể hiện tỷ trọng điểm đánh giá theo yêu cầu của Học viện để đảm bảo tính thống nhất và theo quy định hiện hành, theo đó điểm đánh giá học phần của người học gồm điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần. Đánh giá kết thúc học phần cũng được đa dạng hóa gồm thi viết, vấn đáp, thi trắc nghiệm trên máy vi tính. Học viện đã ban hành quy định và hướng dẫn về

đề thi và xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm trên máy vi tính. Nhằm khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm, các học phần của Học viện đều có xu hướng gia tăng tỷ trọng đánh giá căn cứ trên các bài tập lớn, bài tiểu luận, bài tập nhóm,... trong suốt quá trình học tập và giảm tỷ trọng đánh giá dựa trên bài thi cuối kỳ **[H1.16.02.02]**

Nhằm triển khai thống nhất, đúng tiến độ thực hiện học phần, đồng thời đảm bảo các biện pháp phòng chống dịch theo thông báo của Chính phủ và các địa phương, năm học 2019-2020; 2020-2021, Học viện có ban hành kịp thời các hướng dẫn về việc triển khai việc tổ chức đánh giá kết thúc học phần hình thức trực tuyến đối với các học phần các trình độ đại học, sau Đại học tổ chức thi trong năm học 2019-2020; 2020-2021 **[H1.16.02.03]**

Đối với đánh giá kết thúc khóa học: Mỗi CTĐT đều thể hiện rõ học phần tốt nghiệp/đánh giá kết thúc khóa học theo một trong hai hình thức: Thực tập tốt nghiệp, học phần tốt nghiệp và Khóa luận/Luận văn tốt nghiệp. Học viện đã xây dựng và thực thi chăm Khóa luận tốt nghiệp/Luận văn tốt nghiệp theo

- Đối với CTĐT trình độ Thạc sĩ, viết và bảo vệ luận văn là bắt buộc. Học viên đăng ký đề tài luận văn theo năng lực về mặt chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo. Sau khi thông qua đề cương luận văn Thạc sĩ Học viện sẽ ra quyết định giao đề tài luận văn cho Học viên để triển khai thực hiện. Sau khi hoàn thành luận văn được giảng viên hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ, và đủ điều kiện bảo vệ luận văn theo quy chế, quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ hiện hành. Học viện tiến hành thành lập Hội đồng góp ý đánh giá luận văn Thạc sĩ cho Học viên theo quyết định của Giám đốc, Học viên phải bảo vệ đề tài trước hội đồng được thành lập theo để đánh giá kết quả **[H1.16.02.08]**

- Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên cho thấy sinh viên được hỏi đánh giá tốt sự công bằng, khách quan và chính xác trong kiểm tra, đánh giá môn học. **[H1.16.02.09]**, mức độ đồng ý các phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất và đặc thù của từng học phần đạt 92,5%.

Ngoài ra, đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ hàng năm Học viện đều thực hiện khảo sát ý kiến doanh nghiệp về chất lượng đào tạo để đánh giá CĐR của người học một cách gián tiếp **[H1.16.02.09]**. Khi thực hiện rà soát, cải tiến chương trình đào tạo, Học viện đều thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo. Qua việc phân tích, đối sánh các bên, từ đó làm căn cứ để đưa ra các giải pháp thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, là 1 trong những tiêu chí để Hội đồng khoa học thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT 2 năm /1 lần.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Về công tác thực hiện rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH Học viện thực hiện định kỳ ít nhất 1 năm/lần. Học viện ban hành quy trình tổ chức thi kết thúc học phần quy định rõ ràng và chi tiết quy trình đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, rà soát kiểm tra để đảm bảo kết quả đánh giá luôn công bằng, công khai và khách quan [H1.16.03.02]

Việc đánh giá người học căn cứ vào các đề cương chi tiết học phần [H1.16.03.02]. Đối với những học phần đặc biệt như học phần tốt nghiệp Học viện có ban hành quy định riêng về việc đánh giá các học phần đó đối với từng hệ đào tạo [H1.16.03.06], ... Phương pháp đánh giá kết thúc học phần được các Khoa định kỳ rà soát đánh giá và cải tiến cho phù hợp với CDR của CTĐT [H1.16.04.03]. Bên cạnh đó, đánh giá người học cũng được thực hiện định kỳ theo năm học thông qua thống kê kết quả thi kết thúc học phần năm học, đây là căn cứ để Học viện sẽ có các phương án nâng cao chất lượng đào tạo vào những năm học tiếp theo [H1.16.03.02]. Với những khóa sinh viên tốt nghiệp, Phòng Quản lý đào tạo tiến hành tổng hợp thống kê kết quả tốt nghiệp làm căn cứ và cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo của các CTĐT. Bên cạnh việc đánh giá kết quả học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên cũng được Học viện rất coi trọng. Hàng năm, đánh giá rèn luyện của sinh viên được thực hiện định kỳ theo từng kỳ học [H1.16.03.02]. Hoạt động thống kê đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cũng được thực hiện song song để kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng NH.

Công tác kiểm tra, đánh giá người học muốn đạt được kết quả tốt cần được tiến hành thường xuyên, liên tục, do đó việc rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra và đánh giá người học cũng phải được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ thông qua các hoạt động khảo sát người học, báo cáo đánh giá về chất lượng kiểm tra, đánh giá NH. Hàng năm, Học viện đều thực hiện việc khảo sát người học đánh giá về chất lượng giảng dạy và đào tạo, về mức độ tiếp nhận các quy định về đào tạo của Học viện thông qua hệ thống khảo sát của Học viện [H1.16.04.05]. Căn cứ vào kết quả khảo sát, Phòng Quản lý đào tạo đã có những báo cáo đánh giá nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo thể hiện qua các tiêu chí: nội dung CTĐT, quá trình giảng dạy học tập, cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ. Kết quả đánh giá của người học đối với hoạt động giảng dạy được Học viện và các đơn vị đào tạo, các Khoa chuyên môn sử dụng để đưa ra các cập nhật, cải tiến kịp thời [H1.16.03.02]. Ngoài ra, trong các đợt rà soát, chỉnh sửa CTĐT, để đảm bảo tương thích với CDR của học phần và CTĐT, phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá cũng được rà soát và cập nhật.

Căn cứ vào đề cương chi tiết học phần thuộc các CTĐT, Khoa, Viện tổ chức ra đề thi phù hợp với quy định trong đề cương chi tiết học phần, đảm bảo đánh giá được

CĐR của học phần. Hoạt động phân tích và đánh giá đề thi, phân tích kết quả thi được thực hiện định kỳ [H1.16.04.09]. Trong trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh...), căn cứ vào các hướng dẫn, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện đã có những điều chỉnh hợp lý trong việc đánh giá người học phù hợp với tình hình thực tế: chuyển đổi hình thức đánh giá từ trực tiếp sang trực tuyến, sử dụng các công cụ đánh giá hiện đại thông qua các phần mềm đánh giá tiên tiến (APD-Slink,...) [H1.16.04.08]. Để đảm bảo chất lượng đánh giá, Học viện thực hiện kiểm tra việc thực hiện quy định tổ chức thi kết thúc học phần và báo cáo về kết quả thực hiện, từ đó đưa ra các kiến nghị, đề xuất để kịp thời cập nhật, điều chỉnh những hạn chế, triển khai công tác đánh giá được hiệu quả và thống nhất trong toàn Học viện.

Để đảm bảo kết quả của người học được công bố tới người học theo đúng thời gian quy định, Học viện ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc học phần trình độ đại học chính quy, trong đó quy định rõ thời hạn nộp điểm, công bố điểm, phúc khảo bài thi tới người học [H1.16.03.01]. Hoạt động chấm thi, nhập điểm thi và công bố trên hệ thống tín chỉ, nộp bảng điểm gốc cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng được thực hiện trong vòng 2 tuần kể từ ngày thi. Học viện ban hành. Trong vòng 5 ngày làm việc sau khi công bố điểm thi trên hệ thống tín chỉ, người học có thể tiến hành phúc khảo bài thi nếu cảm thấy kết quả chưa phù hợp theo đúng quy định. Bên cạnh đánh giá kết quả học tập của người học, mỗi học kỳ và kết thúc khoá học, Học viện tổ chức việc đánh giá rèn luyện của sinh viên chính quy, để thực hiện việc xét học bổng cuối mỗi kỳ học [H1.16.03.01].

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của người học, cựu người học, với các CTĐT hệ chính quy, kết thúc mỗi giai đoạn học tập, Học viện đều triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học về chất lượng giảng dạy các học phần với những tiêu chí rất cụ thể về đánh giá giảng viên cũng như phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết thúc học phần [H1.16.04.05]. Kết quả khảo sát, đánh giá đều ở mức tốt đến rất tốt, được thể hiện rõ ràng bằng các đánh giá của người học, cựu người học thông qua các tiêu chí cụ thể. Kết quả khảo sát là nguồn dữ liệu quan trọng để Học viện có những cập nhật, cải tiến phù hợp, kịp thời để đổi mới mô hình giáo dục với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Trong những năm gần đây, một trong những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được Học viện quan tâm, chú trọng là cải tiến các loại hình và các phương pháp đánh giá người học để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, hướng tới đạt được CĐR của mỗi CTĐT.

Căn cứ khuyến nghị của Hội đồng kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục năm 2018, dựa trên kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng, nội dung CTĐT, Học viện đã ban hành các quyết định về quy định hoạt động kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần **[H1.16.04.01]**. Ngoài ra đến năm 2022, Học viện đã ban hành Quy chế về cải tiến chất lượng rà soát, cải tiến chương trình đào tạo **[H1.16.04.02]** trong đó có nội dung cải tiến về các hoạt động giảng dạy và kiểm tra, đánh giá. Thực hiện kế hoạch này, hầu hết các Khoa đã triển khai các hoạt động như yêu cầu tất cả giảng viên phải giới thiệu về phương pháp kiểm tra đánh giá trong buổi học đầu tiên, khuyến khích giảng viên tăng cường đổi mới phương pháp đánh giá.

Trong chu kỳ rà soát CTĐT, Học viện đều tổ chức rà soát quy định về đào tạo, trong đó có rà soát đề cương chi tiết học phần và cải tiến phương pháp đánh giá sinh viên theo hướng đa dạng hóa các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR của học phần.

Trên cơ sở CDR của học phần, các Khoa phụ trách CTĐT đã yêu cầu xây dựng, cải tiến phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao kết quả. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá cơ bản được sử dụng trong các CTĐT bao gồm: đánh giá quá trình, đánh giá cuối kỳ với các hình thức như: thảo luận trên lớp, bài tập về nhà, thuyết trình nhóm, tự đánh giá, phản hồi trên lớp, viết bài tóm tắt, trắc nghiệm, viết luận, viết báo cáo, thực hành, dự án, thuyết trình, vấn đáp và bài tập tình huống **[H1.16.04.01]**.

Một trong những vấn đề được chú trọng cải tiến trong kế hoạch rà soát CTĐT năm 2021 là nội dung về kiểm tra, đánh giá. Phương pháp, hình thức, nội dung đánh giá đã được đề cập và yêu cầu làm rõ trong Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần từ đánh giá quá trình đến đánh giá tổng kết. Việc đưa vào sử dụng mỗi phương pháp kiểm tra, đánh giá phải đảm bảo được độ giá trị, độ tin cậy, tính công bằng và phù hợp với CDR tương ứng của học phần **[H1.16.04.03]**.

Định kỳ theo học kỳ, năm học các Khoa, Viện đều tổ chức họp tổng kết, rà soát, đánh giá hiệu quả của các phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm điều chỉnh, cải tiến phương pháp dạy học, phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá của mỗi học phần trong CTĐT do Khoa, Viện phụ trách **[H1.16.04.04]**.

Đặc biệt trong năm học 2019-2020;2020-2021, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, Học viện đã có chủ trương điều chỉnh hình thức của một số học phần thuộc các CTĐT trình độ đại học và Thạc sĩ từ hình thức thi viết chuyên sang vấn đáp, từ tự luận sang bài tập lớn, thi trắc nghiệm trực tuyến nhằm đảm bảo đánh giá công bằng, khách quan kết quả học tập của người học **[H1.16.04.04]**.

Bên cạnh đó, định kỳ hàng năm Học viện thực hiện khảo sát ý kiến người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên, trong đó có lấy ý kiến về các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá mỗi học phần. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số người học đều hài lòng và cho rằng các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá của các CTĐT

đều đảm bảo sự khách quan, công bằng cho NH. Kết quả đánh giá đối với cách thức cho điểm, đánh giá, tính công bằng trong kiểm tra đánh giá tại tất cả các cơ sở đào tạo của Học viện, trong các CTĐT đều có xu hướng tốt lên trong giai đoạn từ 2018-2023 [H1.16.04.05].

Các quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của Học viện được xây dựng một cách khoa học trên cơ sở sự phối hợp giữa các Khoa/viện chuyên môn, các đơn vị quản lý đào tạo (Phòng Quản lý đào tạo, Viện Đào tạo quốc tế) và Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

Cơ chế phối hợp của các đơn vị trong việc tổ chức thi kết thúc học phần được thể hiện trong nội dung quy trình như sau:

+ Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn, giám sát/kiểm soát việc tuân thủ các bước trong quy trình; tổng hợp, báo cáo Ban Giám đốc. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với phòng Quản lý đào tạo định kỳ giám sát việc tuân thủ quy định, quy trình của các Khoa, Viện thông qua việc xem xét hồ sơ, tài liệu lưu trữ của Khoa, Viện.

+ Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm chính về lịch thi, nhận điểm, công bố điểm và tổng hợp kết quả phúc khảo.

+ Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm chính về phân công coi thi; sao in và bảo mật đề thi; tổ chức nhận đơn phúc khảo; lưu giữ đơn phúc khảo; tổ chức lưu giữ bài thi cho đến hết khóa.

+ Khoa, Viện chịu trách nhiệm chính về tổ chức ra đề thi kèm đáp án, thang điểm; nội dung đề thi kèm đáp án, thang điểm; chấm chi/hồi thi; nộp điểm và giải quyết đơn phúc khảo;

Các hướng dẫn tổ chức đánh giá kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến được Học viện ban hành vào cũng được xây dựng trên cơ sở ý kiến chuyên môn của các đơn vị quản lý đào tạo nhằm đảm bảo tính công bằng, chính xác và khách quan trong quá trình tổ chức thi [H1.16.04.05]. Việc tổ chức thi trực tuyến, ngoài sự phối hợp giữa các đơn vị như quy định chung còn có sự tham gia của Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông. Theo đó, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông có trách nhiệm tạo và cấp tài khoản cho các thầy cô trông coi thi, chấm thi phục vụ công tác quản lý ca thi trên phần mềm thi trực tuyến..

Các quy trình, quy định, hướng dẫn về phương pháp kiểm tra đánh giá được Học viện phổ biến cho người học qua trang thông tin điện tử của Học viện, của Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông, các Khoa/Viện và cổng thông tin sinh viên. Ngoài ra, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, trong sổ tay sinh viên các năm và trong buổi đầu tiên lên lớp của

học phần nội dung này cũng được giảng viên phổ biến và hướng dẫn cụ thể cho sinh viên [H1.16.04.04].

Báo cáo tổng hợp tình hình phúc khảo điểm bài thi kết thúc học phần của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng cho thấy số sinh viên được điều chỉnh điểm thi kết thúc học phần có tỷ lệ rất thấp và có xu hướng giảm dần theo các năm [H1.16.04.04]. Từ đó cho thấy, công tác đánh giá người học đã được Học viện triển khai tốt và đáp ứng sự mong đợi từ phía người học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện có hệ thống đánh giá toàn diện người học từ kiến thức, kỹ năng, thái độ... giúp người học luôn không ngừng hoàn thiện bản thân trong quá trình học tập. Việc đánh giá người học được thực hiện xuyên suốt, thống nhất từ lúc nhập học đến khi tốt nghiệp. Thông tin về phương pháp đánh giá người học rất rõ ràng và được truyền tải công khai theo nhiều kênh. Thông tin được truyền đạt trước, trong và sau khi người học tham gia các học phần giúp người học nắm bắt đầy đủ, kịp thời để có thể chuẩn bị tốt nhất cho học phần và CTĐT.

- Các CTĐT đều có phương pháp và hình thức đánh giá người học đa dạng và phong phú, áp dụng cả các phương pháp truyền thống và các phương pháp mới hiện đại nhằm giúp người học hiểu sâu lý thuyết và nâng cao thực tiễn. Các hình thức đánh giá được cải tiến, đảm bảo tính chính xác, công bằng, phù hợp với CDR và yêu cầu của các bên liên quan. Phương pháp đánh giá người học đang ngày càng được cải tiến, đặc biệt chú trọng triển khai đổi mới theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

- Các quy định về khiếu nại về kết quả học tập khá rõ ràng và cụ thể giúp người học có thể tự đọc và thực hiện các bước trong quy trình một cách dễ dàng. Học viện đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản, cũng như đảm bảo thực hiện việc kiểm tra, giám sát các kỳ thi thường xuyên để đảm bảo chất lượng, công bằng và đạt CDR. Quy trình đánh giá chặt chẽ, đảm bảo tính công bằng, khách quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Mặc dù đã có kế hoạch xây dựng quy trình đánh giá đề thi nhưng đến thời điểm tự đánh giá Học viện vẫn chưa ban hành văn bản để hướng dẫn thực hiện thống nhất trong toàn Học viện.

- Học viện chưa có văn bản hướng dẫn việc sử dụng kết quả đánh giá đề thi trong việc thực hiện rà soát, điều chỉnh ngân hàng đề thi nhằm nâng cao chất lượng đề thi.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện quy trình đánh giá đề thi	P. KT&ĐBCL, các đơn vị	Năm học 2023 - 2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Ban hành văn bản hướng dẫn việc sử dụng kết quả đánh giá đề thi và cơ chế giám sát việc thực hiện	P. KT&ĐBCL, các đơn vị	Năm học 2023 - 2024	
3	Phát huy điểm mạnh 1, 2, 3	Tiếp tục rà soát, cập nhật các hình thức đánh giá theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường tính khách quan, minh bạch và đánh giá người học chính xác.	P. KT&ĐBCL, các đơn vị	Năm học 2023 - 2024	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 16	5
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	5
Tiêu chí 16.4	5

TIÊU CHUẨN 17: CÁC HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 17.1 Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ người học cũng như hệ thống giám sát người học

Với sứ mạng trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học chuyên sâu trong các lĩnh vực của nền kinh tế tri thức, là nơi người học được chủ động, sáng tạo để thích nghi và phát triển toàn diện, trong những năm qua Học viện không ngừng cải thiện chất lượng đào tạo và lấy người học làm trung tâm trong quá trình đó. Học viện luôn coi trọng công tác phục vụ, hỗ trợ người học để các em sinh viên có một môi trường học tập chuyên nghiệp, hoàn thiện bản thân đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu không ngừng thay đổi của xã hội. Có thể khẳng định công tác quản lý, phục vụ và hỗ trợ người học của Học viện đã đi vào nề nếp, theo đúng chủ trương của Đảng,

pháp luật của nhà nước và các quy định của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong suốt quá trình học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học tại trường, người học luôn được hỗ trợ và cung cấp nhiều dịch vụ trong học tập, tài chính, y tế, việc làm, hướng nghiệp, thực tế, thực tập...

Học viện đã có kế hoạch phân công cụ thể theo chức năng nhiệm vụ của các Viện, Phòng ban, Trung tâm, Khoa, Cơ sở đào tạo Sơn Tây để triển khai các hoạt động hỗ trợ người học [H1.17.01.01]. Các đầu mối như Phòng Quản lý người học, Phòng Quản lý Đào tạo, các Khoa chuyên ngành, Viện Đào tạo Quốc tế, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Văn Phòng Đảng ủy, Đoàn Thanh niên, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông; Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn phát triển, Trung tâm Công nghệ Thông tin (CNTT), có chức năng hỗ trợ tốt nhất cho sinh viên về quá trình học tập, chế độ, chính sách, học bổng, vay vốn, khám sức khỏe, hệ thống học liệu, hệ thống ký túc xá, các cuộc thi học thuật, các khóa học ngắn hạn... Cụ thể như sau:

- Phòng Quản lý Đào tạo, Viện Đào tạo quốc tế và các Khoa chuyên ngành xây dựng chương trình đào tạo cho các ngành học đang được đào tạo tại Học viện phù hợp với trình độ các hệ đào tạo khác nhau và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Xây dựng hệ thống qui chế quản lý đào tạo phù hợp với văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện tổ chức đào tạo của Học viện; Tổ chức triển khai và giám sát kế hoạch đào tạo toàn Học viện giúp người học có lộ trình học tập chuyên nghiệp cho từng môn, từng đợt, từng kỳ, từng năm học. Phối hợp triển khai quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục; làm đầu mối quản lý điểm, đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong việc cung cấp thông tin về điểm và các thông tin liên quan về đào tạo cho người học; thông báo kế hoạch học tập năm học trên hệ thống phần mềm đào tạo và trên cổng thông tin sinh viên của Học viện trong đó có chương trình đào tạo, lịch học, lịch kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ, lịch phúc tra, lịch xét cảnh báo học vụ, thôi học, buộc thôi học... [H1.17.01.01].

- Phòng Quản lý người học có nhiệm vụ phục vụ, hỗ trợ người học các hệ trong công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; thực hiện chế độ chính sách, khen thưởng kỷ luật, đánh giá kết quả rèn luyện đối với sinh viên; công tác cố vấn học tập, công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm và các hoạt động dịch vụ người học; thực hiện công tác quản lý hành chính đối với người học, kết nối người học với doanh nghiệp, mạng lưới cựu sinh viên... Xây dựng kế hoạch phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo và các Khoa để phân công chuyên viên, giảng viên làm cố vấn học tập cho các lớp, có nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ người học trong các hoạt động học tập, rèn luyện và nghiên cứu khoa học ... [H1.17.01.02]

- Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông được phân công cung cấp thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cho người học; Tổ chức phục vụ, hướng dẫn người học khai thác, tìm kiếm, sử

dụng hiệu quả nguồn tài liệu, học liệu và các sản phẩm dịch vụ thông qua các hình thức phục vụ phù hợp với quy định... **[H1.17.01.01]**

- Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện các quyết toán tài chính cho người học; phối hợp thực hiện bảo hiểm y tế, học bổng, khen thưởng và các chế độ khác cho người học... **[H1.17.01.05]**

- Trung tâm Hỗ trợ đào tạo đầu mối đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho người học. Tham gia quản lý và bảo đảm điện, nước đồng thời tổ chức thực hiện công tác phục vụ giảng đường gồm đóng mở cửa phòng học, tủ micro, điều khiển máy chiếu; quản lý hiệu lệnh các ca/tiết học; quản lý, bảo quản và sửa chữa kịp thời tài sản, thiết bị trong các phòng học bị hư hỏng, đảm bảo việc hỗ trợ người học quá trình học tập, rèn luyện tại trường; tham gia quản lý ký túc xá sinh viên theo đúng quy định hiện hành; điều hành, hướng dẫn sinh viên, học viên thực hiện tốt nội quy ký túc xá; bố trí phòng ở cho sinh viên, học viên trong ký túc xá đảm bảo khoa học, thuận lợi cho công tác quản lý của Học viện và học tập của sinh viên, học viên nội trú; phối hợp với các đơn vị chức năng trong và ngoài Học viện bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, điều kiện sinh hoạt và giáo dục lành mạnh trong khu ký túc xá; đẩy mạnh phong trào tự quản trong sinh viên; phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý tài sản trong ký túc xá, tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên và đề xuất các mô hình, phương án quản lý ký túc xá theo hướng văn minh, hiện đại; đảm bảo tốt công tác phòng cháy, chữa cháy trong khu ký túc xá; Tổ chức quản lý, khai thác có hiệu quả nhà ăn của Học viện không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ ăn uống, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm cho người học; Tổ chức trông giữ xe máy, xe đạp và các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của Học viện, đề xuất các phương án cải tiến việc trông giữ xe nhằm đảm bảo an toàn, thuận tiện, tránh ùn tắc ảnh hưởng thời gian vào lớp của người học. **[H1.17.01.04]**

- Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác cùng các Khoa lập kế hoạch tổ chức các Hội nghị, Cuộc thi nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên cấp Khoa, Học viện hàng năm, trao giải, xác nhận sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học các cấp, lựa chọn các đề tài đạt giải gửi dự thi nghiên cứu khoa học cấp Bộ và tương đương. Đồng thời Viện cũng là đầu mối xây dựng kế hoạch tổ chức, phối hợp tổ chức các hội thảo, tọa đàm khoa học tầm cỡ quốc gia, quốc tế phục vụ cho người học. **[H1.17.01.03]**

- Đoàn Thanh niên, các câu lạc bộ trực thuộc lập kế hoạch cụ thể tổ chức các hoạt động xã hội, văn thể mỹ, hoạt động ngoại khóa cho người học. Văn phòng Đảng ủy và Phòng Chính trị và Công tác sinh viên hỗ trợ người học trong công tác phát triển Đảng. **[H1.17.01.01]**

- Bộ phận Y tế quản lý, chăm sóc sức khỏe, đồng thời là đơn vị tổ chức thực hiện các biện pháp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ sức khỏe cho sinh viên. Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên nhập học và trước khi tốt nghiệp ra trường, quản lý và lưu hồ sơ sức khỏe, sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến kỹ thuật, chăm sóc khỏe

ban đầu, cấp thuốc thông thường, chuyên bệnh nhân lên cơ sở y tế tuyến trên trong những trường hợp cần thiết; Tuyên truyền, giáo dục, tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe; Tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh tật học đường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích. [H1.17.01.03]

- Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông và Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn phát triển cung cấp các khóa học ngắn hạn nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng cho người học và tổ chức thi, cấp chứng chỉ cần thiết cho người học đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu cá nhân người học theo quy định. [H1.17.01.02]

Thông qua các hoạt động nói trên, người học đều được phục vụ, hỗ trợ tương đối đầy đủ để hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, thực hiện tốt quy chế đào tạo và các quy chế, quy định liên quan khác. Học viện có bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ [H1.17.01.02]. Đồng thời, thường xuyên thực hiện khảo sát, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên qua mỗi học kỳ để đảm bảo chất lượng giáo dục [H1.17.01.02]. Từ đó, Học viện từng bước hoàn thiện các yêu cầu (tiêu chí) về năng lực làm việc đối với viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ người học như: Năng lực chuyên môn; Sáng kiến trong công việc; Ý thức, thái độ làm việc; Kiến thức kỹ năng, hỗ trợ... Các tiêu chí đánh giá này về cơ bản đã đảm bảo đánh giá đầy đủ, xác thực các năng lực của cán bộ, nhân viên hỗ trợ người học.

Trên cơ sở kế hoạch các đơn vị xây dựng vào đầu mỗi năm, các đơn vị sẽ phối hợp với các đầu mối trong và ngoài trường thực hiện các hoạt động phục vụ, hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của người học theo đúng các quy định đã ban hành. Đến cuối năm học, thừa lệnh Giám đốc, Phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành báo cáo công tác đào tạo của học viện trong đó có các bảng số liệu đánh giá theo dõi kết quả các mặt công tác phục vụ người học [H1.17.01.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.2 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Trên cơ sở kế hoạch được lập đầu năm học, Học viện đã thực hiện cung cấp nhiều nhất các dịch vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai đáp ứng nhu cầu của sinh viên trong suốt thời gian học tại Học viện.

Trước khi bước vào năm học mới, học kỳ mới, Học viện đều ban hành đầy đủ, chi tiết các kế hoạch học tập, nội dung chương trình, thời khóa biểu cho người học [H1.17.02.01].

Đối với sinh viên năm nhất, Học viện xác định đây là đối tượng cần được hỗ trợ đặc biệt. Tân sinh viên được thông báo kế hoạch nhập học [H1.17.02.03]. Khi nhập học, sinh viên được cung cấp tài liệu giới thiệu về các các hoạt động đào tạo của Học viện, các quy định, thủ tục trong quá trình học tập, các chế độ chính sách của Nhà nước và của Trường đối với người học thông qua cuốn Sổ tay sinh viên [H1.17.02.04]. Bên cạnh đó, sinh viên năm nhất được Học viện tổ chức tuần sinh hoạt công dân-sinh viên để trang bị hành trang đầy đủ cho các bạn bước cánh cổng đại học một cách tự tin. Kết thúc đợt học, Học viện tổ chức đánh giá kết quả tuần sinh hoạt công dân sinh viên thông qua bài thu hoạch [H1.17.02.05]. Để tăng cường kết nối, cung cấp thêm thông tin và nhận thức của sinh viên về ngành học, các Khoa chuyên ngành đã tổ chức các buổi Chào Tân sinh viên- cũng là nơi để các thầy cô trong Khoa và các anh chị khóa trước gặp gỡ, chào đón, giúp đỡ, hỗ trợ cho các bạn sinh viên khóa sau... [H1.17.02.04].

Để sinh viên có thêm thông tin cập nhật về tình hình học tập, rèn luyện cho các bạn sinh viên, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên đã thành lập các câu lạc bộ sinh viên trực thuộc phòng: Câu lạc bộ cố vấn học tập (ACC) và câu lạc bộ hướng nghiệp. Thông qua hoạt động và fanpage của các câu lạc bộ sinh viên được cung cấp nhiều thông tin hữu ích như: kế hoạch học tập, học bổng, điểm rèn luyện, tư vấn việc làm... Ngoài ra, sinh viên được tư vấn tận tình theo giờ hành chính tại Văn phòng của các Phòng, Trung tâm, Khoa liên quan hoặc thông qua kênh Facebook, Fanpage chính thức của Học viện, các đơn vị để giải đáp thắc mắc của sinh viên [H1.17.02.06].

Ngoài ra, vào các dịp định kỳ (đầu năm, cuối kỳ, cuối năm) Phòng Chính trị và Công tác sinh viên bố trí các buổi họp lớp cho các lớp hành chính. Tại đây sinh viên sẽ được các Quản lý khối- kiêm cố vấn học tập chuyên trách và các giảng viên là cố vấn học tập kiêm nhiệm đưa ra các lời khuyên giúp sinh viên xây dựng và quản lý kế hoạch học tập tốt hơn (lựa chọn môn học, đăng ký học...), giải đáp các thắc mắc, kiến nghị của sinh viên. Đối với những sinh viên có học lực yếu hay thuộc diện cảnh báo học vụ mỗi kỳ, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên và các Khoa đều bố trí CVHT gửi thông tin, liên hệ, tư vấn, động viên và đưa ra các giải pháp để sinh viên cải thiện kết quả học tập của mình. Hàng năm, Học viện giao nhiệm các đơn vị phòng ban đặc biệt là các Cố vấn học tập để hỗ trợ phục vụ tốt hơn cho người học [H1.17.02.07].

Bên cạnh đó, Học viện thông qua đầu mối là Phòng Chính trị và Công tác sinh viên đều tổ chức Hội nghị Ban cán sự lớp, Chương trình đối thoại Ban Giám đốc- là diễn đàn chính thức để các cán sự lớp cũng như những người học khác bày tỏ nguyện vọng chính đáng của mình để Học viện lắng nghe và cải thiện dịch vụ hỗ trợ sinh viên ngày càng tốt hơn [H1.17.02.08].

Học viện thường xuyên rà soát và ra thông báo các đối tượng sinh viên được xem xét vào ở Ký túc xá vào đầu năm học hoặc dịp sinh viên tốt nghiệp chuyển ra. Ký túc xá

của Học viện đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu chỗ ở nội trú của sinh viên, với quy mô gồm 4 nhà 3 tầng với các phòng hoàn toàn có công trình phụ khép kín, trong đó có 2 khối nhà có nóng lạnh, điều hòa. Bên cạnh khu nội trú còn có thư viện phục vụ cho việc học tập và tự học của sinh viên; câu lạc bộ văn hoá thể thao, sân tập thể thao, các quây dịch vụ phục vụ ăn, uống; điện, nước ... đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của sinh viên nội trú. Đội ngũ cán bộ công nhân viên ký túc xá (thuộc Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo) thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý ký túc, triển khai hỗ trợ 24/7 nhằm đảm bảo sinh viên ở ký túc nhận được sự hỗ trợ ngày càng tốt hơn.

Tân sinh viên sau khi nhập học vào trường sẽ được cấp 1 thẻ sinh viên đồng thời là thẻ ATM để sinh viên thực hiện các giao dịch tài chính với Học viện như đóng học phí, lệ phí phúc tra, nhận học bổng..., mỗi sinh viên sẽ có 1 tài khoản cá nhân trên cổng thông tin sinh viên. Với tài khoản này, sinh viên có thể truy cập các tiện ích của Học viện: đăng ký môn học, hủy môn học, đăng ký bổ sung, nhận thông báo về tiến độ học tập, rèn luyện của Học viện.

Thư viện của trường có không ngừng mở rộng đầu sách đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của sinh viên với nhiều nguồn tài nguyên sách trong nước và cả nước ngoài, ngoài ra sinh viên còn có thể tham khảo và sử dụng tài liệu trực tuyến đang ngày càng hoàn thiện. [H1.17.02.06].

Khu thể thao: nhà thi đấu, sân bóng đá, sân tennis, cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ đáp ứng được nhu cầu học tập các môn thể chất và chơi thể thao, rèn luyện sức khỏe của sinh viên.

Bảng 17.1. Thống kê giá trị các loại học bổng tài trợ sinh viên

Năm	Số loại học bổng	Số suất học bổng	Tổng giá trị học bổng
2017-2018	2	35	50
2018-2019	3	45	35
2019-2020	3	24	45
2020-2021	3	35	48
2021-2022	3	40	38
2022-2023	3	30	40

Sinh viên được hỗ trợ học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ của các Ngân hàng thương mại và các tổ chức, Học bổng thống đốc, học bổng ngành [MC. 460]; Thực hiện chế độ chính sách, miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội, hỗ trợ khi khó khăn đột xuất, hướng dẫn sinh viên thực hiện thủ tục vay vốn ngân hàng [H1.17.02.08]. Ngoài ra, Học viện còn hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức (Đoàn Thanh niên, các Câu lạc bộ...) để tổ chức hoạt động sinh viên theo kế hoạch năm học [H1.17.02.12].

Bộ phận Y tế của Học viện thường xuyên hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe (sơ cứu khi có tai nạn, khám sức khỏe, bảo hiểm y tế, cung cấp thuốc theo quy định), tư vấn tâm lý cho sinh viên. Việc khám sức khỏe cho sinh viên được Trạm Y tế phối hợp với phòng Chính trị và Công tác sinh viên tổ chức khám khi sinh viên nhập học và ra trường, sinh viên được Học viện hỗ trợ đăng ký bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể cho sinh viên. Bên cạnh đó, sinh viên được còn được tư vấn tâm lý miễn phí khi có nhu cầu. **[H1.17.02.08]**

Học viện có mối liên hệ thường xuyên với các nhà tuyển dụng nhằm hướng nghiệp cho sinh viên và tạo cơ hội để sinh viên làm quen với việc làm sau khi ra trường, luôn chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ cho sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các sinh viên năm ba, năm cuối cuối đi thực tập để học hỏi kinh nghiệm thực tế. Học viện thường xuyên phối hợp với các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, công ty tổ chức chương trình tư vấn kỹ năng nghề nghiệp và ngày hội việc làm cho sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp **[H1.17.02.13]**. Ký thỏa thuận hợp tác với nhiều DN trong việc đào tạo và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên **[H1.17.03.11]**.

Các Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn phát triển, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông, Bộ môn Ngoại ngữ định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, tổ chức thi và cấp chứng chỉ cho các khóa đào tạo (Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học, ...) **[H1.17.02.08]**. Các khóa đào tạo, các lớp bồi dưỡng này vừa giúp sinh viên hoàn thiện chuẩn đầu ra, vừa bổ trợ kiến thức cho chương trình đào tạo chính khóa, giúp sinh viên không ngừng hoàn thiện năng lực cá nhân.

Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác là đơn vị phát động, tổ chức cuộc thi NCKKH sinh viên và các hội thảo, diễn đàn khoa học hàng năm dành cho sinh viên **[H1.17.02.15]**. Sân chơi này giúp sinh viên củng cố, mở rộng kiến thức chuyên môn đã học, đồng thời rèn luyện, nâng cao khả năng nghiên cứu ứng dụng, triển khai- là cầu nối quan trọng trong học tập-nghiên cứu- ứng dụng, làm việc thực tế.

Đoàn Thanh niên luôn xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị đồng thời tạo ra sân chơi lành mạnh để sinh viên tham gia hoạt động phong trào đoàn thể. Số lượng câu lạc bộ trực tiếp được Đoàn Thanh niên quản lý ngày càng tăng - đây là cánh tay nối dài của Đoàn để tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao để thu hút đông đảo sinh viên tham gia. Sinh viên Học viện được hỗ trợ và tham gia các cuộc thi, các sự kiện lớn trong và ngoài trường. Đoàn Thanh niên phối hợp với Văn phòng Đảng Đoàn, Chi bộ sinh viên giới thiệu, theo dõi, hướng dẫn, kết nạp các sinh viên là quần chúng ưu tú vào Đảng Cộng sản Việt Nam **[H1.17.02.12]**.

Ban khởi nghiệp là đơn vị thường trực tham mưu cho ban Giám đốc Học viện triển khai, tổ chức, hỗ trợ sinh viên tham gia các đề án khởi nghiệp, cuộc thi khởi nghiệp...

Học viện đã quy định về xét khen thưởng sinh viên, trong đó, thừa lệnh Giám đốc, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên là đơn vị thường trực, đầu mối xét khen thưởng định kỳ và đột xuất cho sinh viên của Học viện, còn Đoàn Thanh niên xét và đề nghị khen thưởng cho các đoàn viên có thành tích xuất sắc trong phong trào Đoàn- Hội, Viện nghiên cứu khoa học xét và đề nghị khen thưởng sinh viên có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học.

Về giám sát tiến trình học tập, rèn luyện hiệu quả học tập của người học được Học viện triển khai bằng các quy chế, quy định trong hoạt động học tập và rèn luyện của người học, kiểm tra/giám sát của hệ thống đánh giá kết quả học tập rèn luyện và cảnh báo học vụ. Giám sát hiệu quả học tập và rèn luyện của người học được thực hiện thông qua đánh giá kết quả học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên vào cuối học kỳ/năm học với các tiêu chí cụ thể. Về kết quả học tập, sinh viên được xếp loại thành các mức: Xuất sắc (3.6/4 trở lên), Giỏi (3.2/4 trở lên), Khá (2.5/4 trở lên), Trung bình (2.0/4 trở lên), Yếu (Dưới 2.0/4), về điểm đánh giá cho từng môn học có các mức: A (8.5/10 trở lên), B (7.0-dưới 8.5/10), C (5.5- dưới 7.0/10), D (4.0-dưới 5.5/10), F (dưới 4.0/10). Về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên: tổng điểm rèn luyện tối đa là 100 được chia thành các mức xếp loại: Xuất sắc (từ 90/100 điểm trở lên), Giỏi (80-dưới 90/100 điểm), Khá (70- dưới 80/100 điểm), Trung bình (50-dưới 70/100 điểm), Yếu (30-dưới 50/100 điểm), Kém (dưới 30/100 điểm); tập thể lớp tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá, xếp loại rèn luyện cho từng sinh viên, Ban cán sự lớp tổng hợp thông qua, báo cáo cho Quản lý khối và Phòng Chính trị và Công tác sinh viên điều chỉnh theo quy định để đưa ra kết quả cuối cùng (sau bước thắc mắc của sinh viên).

Bảng 17.2. Thống kê xếp loại sinh viên tốt nghiệp qua các năm học

Xếp loại	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
<i>Xuất sắc</i>	23	10	25	63	70
<i>Giỏi</i>	109	62	134	169	200
<i>Khá</i>	117	142	248	256	312
<i>TBK</i>	2	7	36	24	20
<i>TB</i>	2	3	9	8	5
Tổng số sinh viên	253	224	452	520	607

Bảng 17.3. Bảng thống kê kết quả thực hiện việc chấm điểm rèn luyện sinh viên qua các năm học

Xếp loại	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
<i>Xuất sắc</i>	368	299	468	1.158	952
<i>Tốt</i>	1.180	1.487	2.093	2.507	2.890
<i>Khá</i>	669	919	898	492	950
<i>TB</i>	181	198	86	47	153
<i>Yếu</i>	39	23	53	36	21
<i>Kém</i>	70	64	76	43	175
Tổng số sinh viên	2.507	2.990	3.674	4.283	5.141

Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên đại học chính quy đã giúp cho mỗi người học nhìn nhận lại bản thân sau mỗi kỳ học tập và tu dưỡng, để từ đó có kế hoạch phấn đấu vươn lên đạt kết quả cao hơn ở những kỳ học tiếp theo. Hoạt động này tại Học viện đã thực sự là kênh giám sát đối với mỗi người học và tập thể các lớp sinh viên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.3 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát

Tại Học viện, công tác hỗ trợ và cung cấp dịch vụ cho sinh viên luôn được kiểm tra, đánh giá từ các đối tượng liên quan. Hàng năm, Học viện đều có các phiếu khảo sát gửi tới sinh viên trước khi tốt nghiệp để lấy ý kiến phản hồi để từ đó làm cơ sở cho việc đánh giá, điều chỉnh, xây dựng kế hoạch phục vụ hỗ trợ sinh viên được tốt hơn **[H1.17.03.01]**

Định kỳ hằng năm, Học viện tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Ban giám đốc, lãnh đạo các đơn vị đào tạo và phục vụ của Học viện với sinh viên, cung cấp và giải thích các thông tin đào tạo, lắng nghe và chia sẻ với người học các vấn đề được quan tâm **[H1.17.03.02]**

Những kiến nghị của sinh viên trong các kỳ đối thoại giữa sinh viên với Học viện để Ban Giám đốc lắng nghe những phản hồi từ phía sinh viên về công tác phục vụ và hỗ trợ người học, sau đó Phòng Chính trị và Công tác sinh viên tổng hợp và báo cáo Ban Giám đốc để có ý kiến chỉ đạo giải quyết các vấn đề tồn đọng. Năm học 2017-2018 đến nay, Học viện đã tiến hành sửa chữa, làm mới, nhiều phòng học, lắp điều hòa, màn chiếu và các thiết bị âm thanh ánh sáng ở hầu hết các giảng đường **[H1.17.03.07]**

Học viện giao cho các CVHT chuyên trách và kiêm nhiệm thường xuyên nhắc nhở và cảnh báo, gặp trực tiếp sinh viên bị cảnh báo học tập để tư vấn về tiến độ học tập, lộ trình đăng ký môn học. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp/đầu vào: nhìn chung, tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của sinh viên trong các năm vừa qua của cả trường trong khoảng trên 80%.

Học viện cũng triển khai lấy ý kiến đánh giá, tự đánh giá các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Hơn nữa, sau mỗi năm học, Học viện tiến hành tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác CVHT để tiếp tục hỗ trợ sinh viên với chất lượng ngày càng tốt hơn, qua rà soát cho thấy đội ngũ CVHT của Học viện đã hoàn thành nhiệm vụ được giao [H1.17.03.05]

Về phục vụ người học trong các thủ tục, hồ sơ, giấy tờ, Học viện đã rà soát, cải cách các thủ tục hành chính trên hệ thống cổng thông tin, hầu hết các giấy tờ như các loại xác nhận sinh viên, giấy xác nhận sinh viên để vay vốn, giấy xác nhận sinh viên để nhận trợ cấp giáo dục... đều có thể đăng ký trực tuyến qua kênh thông tin sinh viên. Thư viện của Học viện đã tăng thời gian mở cửa các phòng tự học cho sinh viên nhất là vào các đợt thi học kỳ của Học viện [H1.17.03.07]. Các phòng học của Học viện đã được lắp điều hòa và các thiết bị hiện đại phục vụ cho học tập (âm thanh, máy chiếu, cửa cách âm...) [H1.17.03.07].

Hàng năm, Học viện không ngừng mở rộng ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác ngoài nhằm tìm kiếm thêm các nguồn học bổng do các NHTM, các tổ chức, doanh nghiệp và công ty cung cấp như: Ngân hàng TMCP Vietcombank, BIDV, SeaBank, ... [H1.17.03.09].

Về chế độ miễn giảm, trợ cấp cho các sinh viên thuộc các đối tượng được miễn giảm theo quy định, Học viện luôn hỗ trợ, hướng dẫn, thường xuyên rà soát thông tin người học để kịp thời hỗ trợ và tránh tình trạng bỏ sót vì sinh viên chưa nắm rõ quy định. Số tiền miễn giảm/ trợ cấp: mỗi năm Học viện miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội cho nhiều sinh viên thuộc các đối tượng được miễn giảm theo quy định.

Bảng 17.4. Thống kê số lượng sinh viên được miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội

Đối tượng	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Miễn giảm học phí	45	54	52	56	66
Trợ cấp xã hội	32	23	32	34	35

Để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho sinh viên, Học viện phối hợp với ngân hàng BIDV lắp đặt 01 cây ATM ngay trong khuôn viên.

Về tư vấn hỗ trợ việc làm cho sinh viên, Học viện cũng không ngừng rà soát để cải thiện số lượng chất lượng công tác này. Trong những năm qua, Học viện chủ yếu thông qua đầu mối là Phòng Chính trị và Công tác sinh viên đã thực hiện nhiều chương trình kết nối sinh viên của Học viện với các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh, đào tạo, được diễn ra thường xuyên liên tục, trải đều các năm.

Đây đều là những gợi ý hữu ích để Học viện đánh giá kết quả phục vụ người học của Hội chợ việc làm đồng thời qua đó rà soát toàn bộ các khâu, các quá trình, các nội dung của Hội chợ để tiếp tục cải tiến mọi mặt ở những năm tiếp sau.

Khảo sát số lượng sinh viên tốt nghiệp sau khi ra trường: Hiện nay theo số lượng khảo sát của Học viện sau 1 năm tốt nghiệp tỷ lệ sinh có việc làm là từ 93%-98% [H1.17.03.12]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.4 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Học viện luôn nỗ lực cải tiến các hoạt động hỗ trợ và dịch vụ cho sinh viên thông qua các kết quả khảo sát sự hài lòng từ các bên liên quan như:

1. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Trong thời gian từ 2018 đến nay, Học viện đã luôn nỗ lực cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học để đáp ứng tốt hơn nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Về công tác hỗ trợ học tập

- Công tác hỗ trợ thủ tục hành chính cho sinh viên từ các phòng/ban được cải thiện: Cải thiện chất lượng công thông tin sinh viên để thực hiện được nhiều tác vụ; Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để tăng tính liên thông liên kết giữa các đơn vị thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ người học. Bên cạnh đó Học viện còn thực hiện tin học hóa thủ tục hành chính, giấy chứng nhận sinh viên được in trực tiếp từ phần mềm, đảm bảo chính xác, nhanh chóng và thuận tiện. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 Học viện đáp ứng các yêu cầu cấp giấy chứng nhận của sinh viên bằng hình thức đăng ký online.

Công tác nhập học cho sinh viên khóa mới cũng được cải tiến các khâu như nộp học phí được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản thay vì nộp tiền mặt như trước đây, khâu khám sức khỏe đầu khóa cũng được cải tiến nhằm tạo điều kiện hơn cho sinh viên, sinh viên có thể khám ở các cơ sở khám chữa bệnh và nộp phiếu khám cho Bộ phận y tế của Học viện.

- *Tổ chức học tập* cũng có sự thay đổi tạo điều kiện cho sinh viên, Phòng Quản lý Đào tạo lên kế hoạch phân chia mỗi kỳ thành 2 đợt học, tăng thêm số lần đăng ký học/đăng ký học bổ sung, mở thêm lớp nhỏ để hỗ trợ sinh viên chính quy đẩy nhanh tiến độ hoàn thành kế hoạch học tập.

- *Học viện đã tăng cường ứng dụng CNTT* trong các hoạt động hỗ trợ để nâng cao hiệu quả công tác phục vụ và hỗ trợ người học. Các phần mềm được nâng cấp và bổ sung để phục vụ sinh viên, hệ thống học và thi trực tuyến được triển khai mở rộng, đáp ứng đòi hỏi thực tiễn thời kỳ đại dịch. Cải tiến quy trình xin giấy xác nhận sinh viên online; Cải tiến quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên online; Cải tiến quy trình thi đánh giá năng lực chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học trực tuyến; Cải thiện quy trình, thủ tục nhập học online. Cải tiến hệ thống học liệu và quy trình phục vụ giáo trình, tài liệu học tập cho sinh viên đáp ứng yêu cầu học trực tuyến. Cải tiến mô hình đào tạo từ trực tiếp sang trực tuyến và các hình thức đánh giá kết quả học tập liên quan tới hình thức này. Thực hiện lấy đánh giá của người học về chất lượng mô hình đào tạo trực tuyến để đánh giá, cải tiến chất lượng của hình thức đào tạo này [H1.17.03.01]

Về hỗ trợ tài chính cho sinh viên

Công tác này cũng có nhiều cải thiện thông qua tìm kiếm thêm nhiều học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nhưng có ý thức vươn lên trong học tập... Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Học viện đã hỗ trợ cho sinh viên về học phí, hỗ trợ bằng tiền cho toàn bộ sinh viên Học viện và sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, những sinh viên ở các tỉnh bị kẹt lại tại Hà Nội...

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ khác:

- Sổ tay sinh viên cung cấp các tổng tin hữu ích cho sinh viên trong quá trình học tập được cập nhật hàng năm;

- Thư viện được nâng cấp ngày càng hiện đại, số lượng đầu sách và tài liệu tham khảo của các chuyên ngành ngày càng, phong phú đa dạng đáp ứng yêu cầu của người học;

- Học viện chú trọng đầu tư cải tạo để xây dựng các không gian mở và sáng tạo cho sinh viên.

- Đường truyền internet và hệ thống wifi của Học viện không ngừng được nâng cấp đáp ứng nhu cầu của người học.

Với sự cải tiến cả về số lượng lẫn chất lượng của các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, Học viện đã đáp ứng ở tốt nhu cầu liên tục thay đổi của các nhà tuyển dụng, các đối tác sử dụng sản phẩm đầu ra của nhà trường.

Tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm của Học viện luôn ở mức cao (trên 90%) ở tất cả các chương trình đào tạo được khảo sát dù cho vài năm gần đây nhu cầu về nhân lực của xã hội có xu hướng giảm do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 [H1.17.03.12].

Đặc biệt, các sản phẩm đầu ra của các ngành Tài chính Ngân hàng, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị Kinh doanh... đều thuận lợi trong tìm kiếm việc làm (tỷ lệ có việc làm từ 93% trở lên). Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi ra trường luôn giữ ở mức cao trong khi xu hướng tuyển dụng nhân sự của xã hội giảm đã chứng tỏ hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ người học không chỉ cải thiện chất lượng nguồn nhân lực nhà trường đào tạo ra mà còn thể hiện khả năng kết nối của Học viện với các đối tác, các bên liên quan có nhu cầu tuyển dụng, sử dụng các cử nhân của Học viện, nhất là sinh viên tốt nghiệp các ngành mà Học viện có thế mạnh như Tài chính Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Quản trị kinh doanh...

2. Hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Hệ thống giám sát người học được cải tiến và các kết quả của người học được cải thiện, cụ thể:

- Quy định, hướng dẫn về đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên được sửa đổi hàng năm để phù hợp hơn với thực tế- đặc biệt biệt trong thời kỳ dịch Covid-19

- Nhờ nỗ lực của hệ thống giám sát người học từ Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Khoa chuyên ngành đến hệ thống giáo CVHT, tình hình sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập và buộc thôi học được cải thiện [**H1.17.03.17**]

- Cải tiến các mẫu biểu khảo sát người học nhằm hướng tới cải thiện chất lượng phục vụ sinh viên [**H1.17.03.01**]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện có kế hoạch phân công cụ thể cho các đơn vị theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị phụ trách. Học viện coi trọng và rất quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ sinh viên, các đơn vị chức năng triển khai tốt các công việc phục vụ sinh viên theo đúng kế hoạch được phê duyệt đầu năm học. Học viện luôn xem trọng và thường xuyên tiến hành các công tác đánh giá, kiểm tra hoạt động hỗ trợ, dịch vụ, phục vụ sinh viên.

- Học viện nhận được sự quan tâm từ các cấp, sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp, đơn vị hợp tác trong công tác kiểm tra, đôn đốc các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ sinh viên. Học viện luôn xem trọng và thường xuyên tiến hành các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Còn một bộ phận nhỏ sinh viên chưa thực sự quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ của Học viện; Học viện chưa đánh giá hết tất cả các hoạt động hỗ trợ và dịch vụ cho sinh viên.

- Do điều kiện hạn chế về diện tích, nên cơ sở vật chất đã cải tiến đã thực hiện thường xuyên nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của tất cả các sinh viên.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Để khắc phục điểm yếu về đánh giá các hoạt động, Học viện phân công đơn vị liên quan tới cung cấp hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học xây dựng quy trình, hệ thống phần mềm, khảo sát để đánh giá từng hoạt động. Đồng thời thông qua hệ thống các đơn vị liên quan tiếp nâng cao số lượng, chất lượng trong hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, và các đơn vị liên quan	Năm học 2023-2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện dự án xây dựng học viện để đưa vào sử dụng các hạng mục phục vụ sinh viên	Ban quản lý dự án, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo	Năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Đôn đốc sát sao các hoạt động hỗ trợ sinh viên tới từng đơn vị trong Học viện	Ban Giám đốc	Năm học 2023-2024	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường kết nối với các doanh nghiệp và đối tác khác nhằm tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác	Năm học 2023-2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 17	5
Tiêu chí 17.1	5
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	5
Tiêu chí 17.4	5

TIÊU CHUẨN 18. QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu

Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác (được thành lập theo Quyết định số 599/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2009 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển). **[H1.18.01.01]**. Sau nhiều lần điều chỉnh, thay đổi cơ cấu của Học viện nói chung, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức được quy định tại Quyết định số 918/QĐ-BKHĐT ngày 19 tháng 05 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quyết định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển **[H1.18.01.11]**. Theo đó, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác được Ban Giám đốc giao nhiều chức năng, nhiệm vụ trong đó có 2 chức năng chính tương ứng với mô hình tổ chức gồm mảng Nghiên cứu khoa học và mảng Hợp tác quốc tế **[H1.18.01.02]** Bên cạnh đó, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác còn đảm nhiệm vị trí Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo cũng như Thường trực Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển. **[H1.18.01.12]**

Hiện nay phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác có tổng cộng 6 cán bộ trong đó 01 Phụ trách Phòng và 5 chuyên viên, 6/6 cán bộ có học vị Thạc sĩ trở lên, có chuyên môn tốt và có kinh nghiệm trong hoạt động QLKH. Phòng có nhiệm vụ quản lý hồ sơ về hoạt động khoa học và công nghệ toàn Học viện; Tổ chức hội đồng xét duyệt đề xuất, đề cương, nghiệm thu đề tài các cấp, tài liệu phục vụ đào tạo của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong HV; Tổ chức và hỗ trợ các đơn vị trong việc tổ chức các sự kiện khoa học (SKKH) của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong HV; Thực hiện chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho các đối tác trong và ngoài nước.

Việc thiết lập hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu của Học viện được Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác đầu mối thực hiện chủ động và hiệu quả. Học viện có chiến lược phát triển khoa học và công nghệ dài hạn, là một chiến lược bộ phận trong (i) Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2016-2020; (ii) Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Mục tiêu là xây dựng Học viện trở thành đại học định hướng nghiên cứu **[H1.18.01.01]**. Học viện đã thực hiện cùng lúc nhiều cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy, khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ ngày càng phát triển mạnh. Cụ thể Học viện đã kịp thời ban hành các văn bản như: Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện trong đó có Quy định nhiệm vụ hoạt động khoa học và công nghệ của cán bộ, giảng viên, Nhóm Nghiên cứu mạnh, Quy định liên chính học thuật của Học viện, về việc cộng điểm khuyến khích cho sinh viên có công trình nghiên cứu khoa học đạt giải thưởng các cấp của Học viện **[H1.18.01.02]**, Quy chế chi tiêu nội

bộ,... Bên cạnh đó, Đảng ủy và Ban Giám đốc Học viện đã triển khai nhiều giải pháp, chính sách cụ thể dưới sự tham mưu của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác. Cụ thể:

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ, giảng viên Học viện thông qua tổ chức các khóa đào tạo....
- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.....
- Có cơ chế tài chính rõ ràng khen thưởng đối với các cá nhân có công bố quốc tế uy tín....

Nhờ có các cơ chế, chính sách trên mà hiện tại Học viện đang hiện thực hóa rất tốt các mục tiêu đề ra. Học viện luôn khẳng định là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực chính sách, hợp tác với nhiều trường đại học trong khu vực và trên thế giới; có nhiều công bố quốc tế trên các tạp chí, ấn phẩm của các nhà xuất bản uy tín ...

Trên cơ sở chiến lược dài hạn, tổng thể, Học viện xây dựng kế hoạch trung hạn cho giai đoạn 2020-2025 và hàng năm về khoa học và công nghệ **[H1.18.01.04]** **[H1.18.01.05]**. Theo đó, kế hoạch trung hạn nêu rõ các chỉ số phấn đấu về các sản phẩm khoa học của Học viện trong cả giai đoạn, làm cơ sở cho việc xét duyệt nhiệm vụ hàng năm.

Đầu mỗi năm học, dựa trên thông báo của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, cán bộ, giảng viên của đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và sau đó Hội đồng xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ hợp xét và phê duyệt danh mục đề tài/ đề án và kế hoạch khoa học cho một năm học **[H1.18.01.07]** **[H1.18.01.04]**. Các hướng nghiên cứu, nội dung của các nhiệm vụ khoa học được xét duyệt, theo quy định phải phù hợp với sứ mạng, với định hướng phát triển khoa học và công nghệ của Học viện. Trên cơ sở các nhiệm vụ được phê duyệt, cá nhân, đơn vị tổ chức thực hiện dưới sự quản lý, giám sát của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác **[H1.18.01.05]**.

Học viện đã xây dựng một hệ thống các văn bản quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ trong Học viện bao gồm: Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện **[H1.18.01.02]**, Quyết định về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025, Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa - Học viện Chính sách và Phát triển **[H1.18.01.06]** **[H1.18.01.12]** Quy chế chi tiêu nội bộ **[H1.18.01.13]**.

Bên cạnh hệ thống quản lý, giám sát hoạt động khoa học và công nghệ, nhằm rà soát và tăng cường hoạt động khoa học và công nghệ, Học viện đã thực hiện một loạt các cơ chế khuyến khích như: cấp kinh phí cho tất cả các đề tài/ đề án cấp cơ sở được phê duyệt, chính sách khen thưởng các bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/ Scopus, hỗ trợ tổ chức sự kiện khoa học các cấp, hỗ trợ cán bộ, giảng viên, sinh

viên báo cáo hội thảo trong nước và quốc tế, cộng điểm khuyến khích vào các môn học đối với nhóm sinh viên đạt giải các cấp [H1.18.01.02]; Các quy định này đều phù hợp, tuân thủ Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Khoa học và công nghệ, Luật chuyển giao công nghệ và các quy định khác có liên quan của Học viện. Với quy định này vấn đề đạo đức, trung thực trong nghiên cứu khoa học được nâng cao và các chế tài xử phạt được áp dụng trong hoạt động nghiên cứu khoa học tại Học viện.

Định kỳ khi thực hiện được ½ thời gian, Học viện kiểm tra tình hình thực hiện đề tài/ đề án và tài liệu phục vụ đào tạo để kịp thời đôn đốc, hỗ trợ các nhóm nghiên cứu [H1.18.01.08]. Cuối mỗi năm học, Học viện tiến hành tổng kết, rà soát lại các hoạt động khoa học và công nghệ. Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trong năm học và phương hướng, nhiệm vụ công tác trong năm học tiếp theo được trình bày trong các Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ, Báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, Báo cáo tổng kết năm học, Báo cáo tổng kết công tác Đảng [H1.18.01.09]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Mục tiêu về thu từ hoạt động khoa học và công nghệ được thể hiện rõ trong Định hướng hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện giai đoạn 2021-2025 [H1.18.02.01], đảm bảo phù hợp với Chiến lược phát triển chung của Học viện giai đoạn 2016-2020, Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 [H1.18.02.01]. Học viện chú trọng tăng về số lượng và đa dạng nguồn kinh phí từ các hoạt động tài trợ, hợp tác và chuyển giao công nghệ với nhiều giải pháp khác nhau, cụ thể:

Thứ nhất, Học viện đã đẩy mạnh việc thực hiện đấu thầu các đề tài, đề án, dự án nghiên cứu khoa học các cấp như cấp Bộ, cấp Nhà nước trên cơ sở tăng cường hợp tác với các tổ chức, các doanh nghiệp, các địa phương, và các đối tác trong và ngoài nước khác. Ngoài ra, để có thể thành công trong đấu thầu, Học viện lựa chọn nhóm các nhà khoa học, nhóm nghiên cứu có liên quan đến chủ đề đấu thầu, hỗ trợ nhóm trong quá trình đấu thầu để có thể thành công. Nhờ đó, trong 5 năm trở lại đây, các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước thường xuyên được triển khai. Trong giai đoạn 2017-2022, Học viện đã tích cực đẩy mạnh khai thác nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước, cụ thể là hoạt động đấu thầu thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước và cấp Bộ. Số lượng và kinh phí cấp mới cho các đề tài từ nguồn vốn bên ngoài (cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương) được duy trì và tăng nhẹ [H1.18.02.04].

Bảng 18.1. Thống kê kinh phí cấp cho đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ, giai đoạn 2018-2023 của Học viện

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Năm					
	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Đề tài cấp Nhà nước	1.100	2.910	1.400	0	1.580	
Đề tài cấp Bộ	130	90	180	0	0	
Tổng cộng	1.230	3.000	1.580	0	1.580	

Nguồn: Phòng Kế hoạch tài chính

Thứ hai, Học viện đã ký kết hợp tác với các trường đại học, các doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài nước trong việc cùng hợp tác nghiên cứu, trao đổi sinh viên, giảng viên và tổ chức các hội nghị hội thảo khoa học. Nguồn kinh phí từ tài trợ và các thỏa thuận hợp tác chủ yếu dành cho việc tổ chức các sự kiện khoa học và cho hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học theo tầm nhìn và sứ mạng của Học viện [H1.18.02.04]

Thứ ba, bên cạnh các nguồn kinh phí từ bên ngoài, Đảng ủy, Hội đồng trường và Ban Giám đốc Học viện đã luôn quan tâm chỉ đạo sát sao hoạt động nghiên cứu khoa học khi gia tăng các hình thức, chính sách hỗ trợ cho các hoạt động khoa học và công nghệ. Đồng thời, Học viện thúc đẩy hoạt động nghiên cứu đỉnh cao thông qua các chính sách tài trợ, hỗ trợ tài chính: hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh, chi khen thưởng cho các bài báo ISI/WoS, Scopus, các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và trọng điểm, khen thưởng sinh viên và giảng viên các cuộc thi nghiên cứu khoa học, tài trợ sinh viên tham dự các cuộc thi chuyên môn, tham dự các Hội thảo trong nước và quốc tế. Nhờ đó, hoạt động khoa học và công nghệ trong cán bộ, giảng viên, sinh viên của Học viện được đẩy mạnh [H1.18.02.04].

Bảng 18.2. Kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện giai đoạn 2018-2022

Đơn vị: triệu đồng

Năm	Kinh phí chung cho hoạt động KH&CN		
	Tổng cộng	NCKH Giảng viên	NCKH Sinh viên
2018	190	100	90
2019	250	160	90
2020	294	221	73
2021	449	322	127
2022	925	666	258

Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu

Để đánh giá kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, Học viện đã xây dựng các chỉ số thực hiện chính đánh giá về số lượng và chất lượng nghiên cứu cho giai đoạn hoặc hàng năm như:

- Đề tài khoa học và công nghệ các cấp: Số lượng đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ và tương đương, cấp cơ sở được thông qua, và hoàn thành; mức xếp loại của đề tài các cấp; số lượng các công bố có liên quan đến đề tài; tính ứng dụng của các đề tài; số lượng đề tài quy đổi trên 1 cán bộ, giảng viên;

- Số lượng các bài báo trên các tạp chí uy tín được xếp hạng, số lượng các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong danh mục Hội đồng chức danh giáo sư; Số lượng các bài kỉ yếu đăng tải trên các Hội thảo quốc gia, quốc tế;

- Số lượng sự kiện khoa học quốc tế/ quốc gia thường niên, tọa đàm khoa học, webinars, seminars;

- Số lượng các nhóm nghiên cứu mạnh, các sản phẩm công bố của nhóm nghiên cứu mạnh;

- Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên tham gia và đạt giải các cuộc thi nghiên cứu khoa học các cấp [H1.18.03.01]; các cuộc thi chuyên môn; Số lượng các bài báo, bài kỉ yếu Hội thảo trong nước và quốc tế do sinh viên thực hiện .

Trên cơ sở các kế hoạch đề ra, cuối mỗi năm học, Học viện tiến hành tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ của các cá nhân và đơn vị theo các chỉ số đã đưa ra. Từ đó, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét khen thưởng khoa học và công nghệ đối với các cá nhân và đơn vị đạt thành tích cao [H1.18.03.02]. Các báo cáo tổng kết được gửi đến các đơn vị và được trình bày tại Hội nghị Tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ giảng viên và sinh viên [H1.18.03.05], Hội nghị Tổng kết hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện, Hội nghị cán bộ, viên chức Học viện để lấy ý kiến góp ý và có những điều chỉnh phù hợp cho việc thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ của năm học tiếp theo.

Về chất lượng nghiên cứu, cơ sở đánh giá được quy định tại Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện. Các đề tài, đề án, tài liệu phục vụ đào tạo, đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí được quy định cụ thể và xếp loại dựa trên đánh giá bình quân của Hội đồng nghiệm thu [H1.18.03.03]. Ngoài ra, đối với các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, sản phẩm sau nghiệm thu được chuyển giao tới các đơn vị thụ hưởng đều có ý kiến phản hồi hàng năm và được phê duyệt quyết định công nhận đối với mỗi sản phẩm [H1.18.03.04]. Chất lượng các nghiên

cứu còn được thể hiện thông qua các công bố được đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước (căn cứ Danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng Chức danh giáo sư Nhà nước) và quốc tế (căn cứ Danh mục ISI, Scopus ...) [H1.18.03.01]

Bảng 18.3. Thống kê số lượng đề tài, bài báo, kỷ yếu, ... giai đoạn 2018-2022 của Học viện

Năm	Đề tài giảng viên các cấp			Đề tài sinh viên đạt giải các cấp		Bài báo	Bài kỷ yếu
	Nhà nước	Bộ	Cơ sở	Bộ	Cơ sở		
2017-2018	0	0	6		66	24	
2018-2019	2	3	14	0	67	56	
2019-2020	1	6	6	0	108	76	17
2020-2021	1	1	8	0	103	59	9
2021-2022	0	3	11	0	147	140	9
Tổng cộng	4	13	45	0	491	355	

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học

Công tác quản lý nghiên cứu được lấy ý kiến hàng năm đối với các cán bộ, giảng viên, sinh viên trong Học viện thông qua đối thoại trực tiếp tại các Hội nghị như Hội nghị Tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, Hội nghị tổng kết năm học, Hội nghị Cán bộ công chức viên chức Học viện [H1.18.04.01]. Tại Phiếu khảo sát gửi cho các viên chức trong đơn vị, là cơ sở để Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất phương án cải tiến công tác quản lý với Ban Giám đốc. Các ý kiến thực sự là công cụ hữu ích giúp Học viện đưa ra các chính sách và giải pháp cải tiến công tác quản lý nghiên cứu phù hợp, linh hoạt trong năm tiếp theo. Trong đó có thể kể đến một số ý kiến điển hình như:

Bảng 18.4. Thống kê một số ý kiến phản hồi của các bên liên quan về công tác quản lý khoa học và công nghệ tại Học viện

TT	Ý kiến góp ý	Chính sách, giải pháp cải tiến của Học viện
1	Tăng mức hỗ trợ tài chính của các công bố quốc tế của các cán bộ, giảng viên và người học Học viện.	Quy chế nội bộ của Học viện đã điều chỉnh tăng mức hỗ trợ tài chính cho các công bố quốc tế. Ví dụ, trước năm 2017 có các mức tài trợ từ 5 - 15 triệu đồng; từ năm 2017 trở đi có các mức tài trợ từ 10 – 40 triệu đồng
2	Đa dạng các hình thức khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học	- Cộng điểm khuyến khích học tập cho sinh viên - Tăng mức tiền thưởng cho sinh viên đạt giải nghiên cứu khoa học các cấp

		- Hỗ trợ tiền in ấn cho các nhóm sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học...
--	--	--

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Các năm gần đây công tác quản lý khoa học và công nghệ của Học viện đã được cải tiến nhiều và được các đơn vị trong và ngoài Học viện đánh giá cao. Điều này được thể hiện thông qua các văn bản quản lý được ban hành mới, chỉnh sửa và bổ sung, bao gồm: Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa [H1.18.04.03], Quy chế chi tiêu nội bộ [H1.18.04.04].

Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, đơn vị phụ trách quản lý nghiên cứu khoa học của Học viện liên tục được đánh giá là tập thể Lao động xuất sắc. Với tổng số 4 cán bộ cơ hữu hiện nay Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác đã phải đảm đương nhiều công việc, áp lực công việc khá lớn. Cán bộ Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác có trình độ chuyên môn cũng như tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, vì vậy luôn được luôn được Ban lãnh đạo Học viện tin tưởng giao nhiều nhiệm vụ quan trọng.

Để đạt được những kết quả trên, ngoài sự nỗ lực, sự đoàn kết của các cán bộ Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác thì công tác quản lý nghiên cứu khoa học cũng được cải tiến đáng kể. Các mẫu biểu thực hiện kê khai đã ngày càng được hoàn thiện hơn, cũng nhờ vậy mà thời gian dành cho việc tổng hợp cập nhật số liệu và viết các báo cáo được rút ngắn về mặt thời gian hơn. Từ giữa năm 2023 việc số hóa các văn bản, giấy tờ quản lý cũng giúp giảm tải rất nhiều trong việc lưu trữ tại đơn vị. Cán bộ, giảng viên, sinh viên dễ dàng tìm kiếm thông tin qua trang Web của Học viện và có thể trao đổi thông tin cũng như trao đổi chuyên môn. Quản lý nghiên cứu khoa học được cải tiến đã góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu, góp phần làm tăng thêm thương hiệu cho Học viện trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:

1. Tóm tắt những điểm mạnh

Học viện có một hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát đầy đủ, luôn chủ động trong xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ, phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Học viện. Các kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ được triển khai theo đúng tiến độ, đồng bộ và nhất quán trong toàn Học viện.

Học viện đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Công tác quản lý khoa học và công nghệ của Học viện luôn được cải tiến, tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả công chức, viên chức, người lao động cũng như người học

tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ. Học viện thực hiện tốt quy chế dân chủ trong ban hành các quy định về quản lý khoa học và công nghệ của Học viện.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại

Nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ vẫn chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong tổng thu, chưa xứng với tiềm năng của Học viện. Học viện chưa có nhiều hợp đồng đặt hàng có giá trị lớn từ các doanh nghiệp, các tổ chức trong nước và quốc tế.

Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu vẫn trong quá trình hoàn thiện, mới chỉ mang tính định hướng tổng thể và khuyến khích, chưa mang nhiều tính chế tài với từng đơn vị trong Học viện.

3. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác	Thường xuyên	
2	Khắc phục tồn tại 2	Hoàn thiện hệ thống chỉ số đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác	Thường xuyên	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Liên tục rà soát và hoàn thiện hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động khoa học và công nghệ.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác	Thường xuyên	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Đánh giá hiệu quả các quan hệ hợp tác, tăng cường quan hệ với mạng lưới cựu sinh viên Học viện.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác	Thường xuyên	

4. Đánh giá chung

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 18	5
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	5
Tiêu chí 18.4	5

TIÊU CHUẨN 19. QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Sở hữu trí tuệ là kết quả của một quá trình sáng tạo, đầu tư trí tuệ, tiền bạc, công sức của cá nhân, tổ chức. Chính vì vậy, bảo hộ tài sản trí tuệ, các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu là một nội dung rất quan trọng nhằm khuyến khích và hỗ trợ những tổ chức, cá nhân sáng tạo nhiều hơn. Nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động này, Ban lãnh đạo Học viện đã luôn chỉ đạo, quan tâm đến hoạt động bảo hộ tài sản trí tuệ sẽ đảm bảo quyền (quyền nhân thân và quyền tài sản) của các chủ sở hữu đối với sản phẩm mà mình sáng tạo ra.

1. Chiến lược và kế hoạch về tài sản trí tuệ (TSTT) của Học viện

Tài sản trí tuệ của Học viện được hiểu là các công trình khoa học do đội ngũ cán bộ, giảng viên, người lao động, và người học sáng tạo và làm ra. Vì vậy, tài sản trí tuệ của Học viện bao gồm: đề tài nghiên cứu khoa học các cấp do Học viện là đơn vị chủ trì; các tài liệu phục vụ đào tạo do Học viện nghiệm thu và bảo hộ; kỉ yếu Hội thảo, tọa đàm các cấp do Học viện chủ trì; luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ, khóa luận tốt nghiệp, và các sản phẩm chuyên đề khác.

Chiến lược phát triển tài sản trí tuệ được gắn trực tiếp với Chiến lược phát triển Học viện nói chung và chiến lược phát triển hoạt động khoa học và công nghệ nói riêng [H01.19.01.05]. Trên cơ sở chiến lược, hàng năm Học viện phê duyệt kế hoạch về hoạt động khoa học và công nghệ – đó cũng chính là các tài sản trí tuệ mà cán bộ, giảng viên, người lao động, và người học sẽ triển khai trong năm học.

2. Hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến tài sản trí tuệ và SHTT tại Học viện:

- Học viện đã ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.19.01.01] trong đó có các quy định cụ thể liên quan đến tài sản trí tuệ và SHTT như sau:

+ Quy định quản lý đối với đề tài các cấp, giáo trình, tài liệu học tập, sách chuyên khảo được quy định tại Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện [H1.19.01.01]. Theo quy định này, điều kiện để đề tài được nghiệm thu là phải có công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí chuyên ngành trong nước. Tất cả các tài sản trí tuệ sau khi nghiệm thu đều được Học viện cấp Quyết định công nhận kết quả để đảm bảo quyền SHTT cho các chủ nhiệm/chủ biên. Đồng thời các chủ nhiệm/ chủ biên phải nộp sản phẩm cuối cùng cho Thư viện, và các Khoa, Viện chuyên ngành với vai trò là đơn vị thụ hưởng kết quả nghiên cứu.

+ Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại Chương số 9 Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện [H1.19.01.01]. Quy định đã làm rõ

các quy trình về xác định sở hữu trí tuệ, phát hiện, ghi nhận, đăng ký cũng như việc khai thác thương mại các tài sản trí tuệ tại Học viện. Các quy định này đều phù hợp, tuân thủ Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Khoa học và công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ và các quy định khác có liên quan của Học viện.

Trung tâm Thông tin thư viện: là đơn vị tiếp nhận các tài sản trí tuệ từ các kết quả nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, và người học của Học viện.

Các sản phẩm trí tuệ của trường đều được xác nhận sở hữu bao gồm các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, các tài liệu phục vụ đào tạo (giáo trình, tài liệu học tập và sách chuyên khảo do Học viện nghiệm thu), kỉ yếu Hội thảo các cấp, luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ, khóa luận và chuyên đề tốt nghiệp. Hệ thống quản lý và bảo hộ các kết quả nghiên cứu tại Học viện được thực hiện thông qua các Quyết định công nhận hoàn thành các nhiệm vụ khoa học và công nghệ [H1.19.01.05]. Ngoài ra, các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ sử dụng ngân sách Nhà nước, sau khi hoàn thành đều đăng ký thông tin với Bộ khoa học và công nghệ theo quy định, nhận được Giấy chứng nhận kết quả kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ [H1.19.01.06].

Trong thời gian qua, Học viện đã tuân thủ rất nghiêm ngặt các quy định về SHTT, không có trường hợp vi phạm nào được ghi nhận.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai

Trên cơ sở Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện [H1.19.02.01], trong đó có quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại chương số 9, hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai với sự tham gia của Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông và các Khoa, Viện chuyên ngành với vai trò là đơn vị thụ hưởng kết quả nghiên cứu.

Cụ thể, với hoạt động ghi nhận, lưu trữ các tài sản trí tuệ, Học viện đã thực hiện xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ trên cơ sở số hóa các hồ sơ, tài liệu theo quy trình quản lý, quản lý thông tin theo danh mục, cập nhật các văn bản, quyết định khoa học và công nghệ, đăng tải trên website của Học viện, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi cán bộ, giảng viên, sinh viên và các đối tượng quan tâm tra cứu, tìm kiếm thông tin [H1.19.02.01]. Bên cạnh dữ liệu số, toàn bộ hồ sơ và tài sản trí tuệ bản cứng cũng được Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác lưu trữ theo đúng quy trình và thời gian quy định. Hiện tại, Học viện đang hoàn thiện hồ sơ mua sắm phần mềm quản lý hoạt động khoa học và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng công tác.

Đối với hoạt động khai thác tài sản trí tuệ được thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, cụ thể:

(i) Các Khoa, Viện chuyên ngành với vai trò là đơn vị thụ hưởng cũng chủ động khai thác tài sản trí tuệ thông qua việc phổ biến các kết quả nghiên cứu trong các bài giảng, giới thiệu tài liệu tham khảo cho sinh viên, đồng nghiệp. Nhờ đó, các bài giảng trở nên sinh động hơn, thực tế hơn, khoa học hơn.

(ii) Đối với các đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành, kết quả của các nghiên cứu sau khi nghiệm thu sẽ tiếp tục được chủ nhiệm đề tài công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, các Hội thảo, tọa đàm trong và ngoài nước.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện

Công tác quản lý tài sản trí tuệ được Học viện thực hiện hàng năm thông qua đầu mối là Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai ở nhiều khía cạnh khác nhau:

Thứ nhất, đơn vị thực hiện rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ tại Học viện bao gồm Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác và Thư viện. Các bản sao lưu (gồm cả bản mềm và bản cứng) của tài sản trí tuệ sẽ được quản lý tại thư viện theo đúng quy định. Sau khi các tài sản trí tuệ được nghiệm thu bởi các Hội đồng, Thư viện sẽ thực hiện công tác quản lý tài sản trí tuệ và công tác này được định kì kiểm tra, rà soát nhằm tăng cường hiệu quả đối với hoạt động quản lý tài sản trí tuệ.

Thứ hai, rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ để lưu trữ, chuyển giao và cung cấp thông tin cho ban lãnh đạo Học viện và các đối tượng quan tâm. Cuối mỗi năm học, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác triển khai hoạt động báo cáo trên phạm vi toàn Học viện, tập hợp danh mục và minh chứng các sản phẩm trí tuệ do cán bộ, giảng viên Học viện tự thực hiện và hợp tác thực hiện với các đối tác bên ngoài [H1.19.03.03]

Thứ ba, thực hiện rà soát các văn bản pháp lý liên quan đến công tác quản lý tài sản trí tuệ tại Học viện. Trong giai đoạn 2017-2022 công tác quản lý tài sản trí tuệ của Học viện được Ban lãnh đạo các cấp quan tâm đáng kể, cùng với sự chỉ đạo của Ban Giám đốc Học viện, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác đã ban hành văn bản liên quan đến quản lý tài sản trí tuệ [H1.19.03.04]

Thứ tư, thực hiện các báo cáo về hoạt động quản lý tài sản trí tuệ với các cơ quan cấp trên. Bên cạnh công tác quản lý nội bộ, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác cũng liên tục thực hiện thống kê, báo cáo về hoạt động quản lý tài sản trí tuệ với các cơ quan quản lý như Bộ khoa học và công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1.19.03.01] [H1.19.03.02]. Đây cũng là cơ sở để Học viện nói riêng và các cơ quan quản lý nói chung có những đánh giá, điều chỉnh phù hợp trong công tác quản lý tài sản trí tuệ.

So với trước đây khi Học viện chưa ban hành các văn bản liên quan đến quản lý tài sản trí tuệ thì giai đoạn 2018-2022 công tác quản lý tài sản trí tuệ của Học viện ngày càng tiệm cận với chuẩn, mọi quy định được triển khai khoa học, liêm chính hơn. **[H1.19.03.01]**. Học viện còn sử dụng hệ thống Phần mềm thư viện điện tử và phần mềm thư viện số (từ năm 2022) nhằm quản lý cũng như cung cấp tài sản trí tuệ đến các đối tượng quan tâm trong và ngoài Học viện **[H1.19.03.05]**. Trong thời gian qua, Học viện đã tuân thủ các quy định về công tác quản lý tài sản trí tuệ, không có trường hợp vi phạm nào được ghi nhận.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng

Trên cơ sở thống nhất, hoàn thiện từ hệ thống quản lý và bảo hộ các kết quả nghiên cứu, hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ đến hệ thống rà soát công tác quản lý, công tác quản lý tài sản trí tuệ của Học viện luôn được cải tiến, đảm bảo quyền lợi tối đa cho Học viện nói chung và các tác giả nói riêng. Theo đó, các sản phẩm khoa học ngày càng được nâng cao cả về số lượng và chất lượng.

Công tác quản lý tài sản trí tuệ ngày càng được cải tiến nhằm bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của tất cả các bên liên quan, cụ thể:

(i) Văn bản pháp lý về Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Học đã bổ sung một phần riêng về Sở hữu trí tuệ **[H1.19.04.01]**.;

(ii) Thiết lập một mô hình tổ chức đảm bảo sở hữu trí tuệ với nhiều bên liên quan, quy định cụ thể về quyền và trách nhiệm của từng bên;

Bên cạnh những cải tiến về quy trình quản lý, các hình thức khuyến khích nghiên cứu khoa học cũng được nghiên cứu, ban hành nhằm gia tăng quyền lợi cho các tập thể, cá nhân tham gia. Đơn cử, tăng cơ chế chi hỗ trợ cho các công bố quốc tế trên tạp chí khoa học có uy tín, không cố định mức chi tổ chức sự kiện khoa học, tăng chi kinh phí thực hiện cho các đề tài/ đề án cấp cơ sở **[H1.19.04.04]** hay ban hành quy định về cộng đồng điểm khuyến khích học tập cho sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học. Học viện cũng đã có các báo cáo khảo sát và dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về công tác quản lý tài sản trí tuệ của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 19:

1. Tóm tắt những điểm mạnh

- Học viện có nhận thức đúng đắn về việc bảo hộ các tài sản trí tuệ, sớm có quy định về công tác quản lý tài sản trí tuệ.

- Học viện có hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát tài sản trí tuệ đầy đủ, thống nhất.

- Công tác quản lý tài sản trí tuệ luôn được cải tiến nhằm tạo điều kiện tối đa cho các tập thể, cá nhân tham gia nghiên cứu; góp phần gia tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm nghiên cứu.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại

- Hoạt động khai thác tài sản trí tuệ còn hạn chế, các hình thức thương mại hóa tài sản trí tuệ chưa được triển khai.

- Học viện chưa ứng dụng phần mềm quản lý khoa học và công nghệ nói chung và tài sản trí tuệ nói riêng.

3. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Chủ động kết nối các đơn vị thực tế, hợp tác nghiên cứu các công trình mang tính thực tiễn và ứng dụng cao; từ đó triển khai khai thác thương mại tài sản trí tuệ.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác; Các đơn vị liên quan	2023-2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Sử dụng phần mềm để nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản trí tuệ.			
3	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện quy định và hệ thống quản lý tài sản trí tuệ, đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác; Các đơn vị liên	2022-2025	

4. Đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 19	5
Tiêu chí 19.1	5
Tiêu chí 19.2	5
Tiêu chí 19.3	5
Tiêu chí 19.4	5

TIÊU CHUẨN 20: HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Học viện xác định việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác là vô cùng quan trọng, điều đó đã được thể hiện rõ trong các phiên bản Chiến lược phát triển Học viện từ nhiều năm [H1.20.01.01]. Việc mở rộng và phát triển các mối quan hệ hợp tác không chỉ có ý nghĩa với hoạt động đào tạo mà còn với cả hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện, đặc biệt trong bối cảnh công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước; tăng cường hội nhập quốc tế. Cụ thể, Học viện đã chỉ rõ quan điểm phát triển: *“Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế, đẩy mạnh hoạt động hợp tác với khu vực doanh nghiệp, trao đổi học thuật và liên kết với các trường đại học, viên nghiên cứu uy tín trên thế giới”*. Và với mục tiêu cụ thể về Hợp tác trong nước *“Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Học viện với các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhằm tranh thủ nguồn lực, kiến thức, uy tín và kinh nghiệm của các chuyên gia; Hợp tác với các đơn vị trong nước, phát triển các hoạt động liên kết với các cơ sở giáo dục, cơ quan, doanh nghiệp, địa phương trong cả nước để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động”*; mục tiêu cụ thể về Hợp tác quốc tế *“Tăng cường hội nhập quốc tế, thúc đẩy liên kết đào tạo; hợp tác, trao đổi về học thuật kinh nghiệm, học liệu; phương pháp và chương trình đào tạo, nghiên cứu; trao đổi sinh viên và giảng viên với các trường đại học uy tín từ các quốc gia phát triển trên thế giới”* *“Có chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hợp tác nghiên cứu và hoạt động đào tạo tại Học viện, đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến và học tập tại Học viện”*

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Học viện đã xây dựng Định hướng hoạt động hợp tác hoạt động khoa học và công nghệ như sau [H1.20.01.01] [H1.20.01.02]:

- Hợp tác thực hiện công trình nghiên cứu khoa học có tính thực tế trên cơ sở nhu cầu và năng lực của hai bên, trong đó chú trọng thực hiện các dự án nghiên cứu, đánh giá một số vấn đề trọng điểm theo đề xuất/đặt hàng của đối tác.

- Hợp tác tổ chức các sự kiện khoa học, hội nghị, hội thảo, tọa đàm về những vấn đề hai bên cùng quan tâm.

- Hợp tác liên kết ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực được đào tạo tại Học viện.

- Hợp tác kết nối giảng viên/chuyên gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học do tổ chức, doanh nghiệp đặt hàng.

Triển khai các kế hoạch và giải pháp chiến lược, các đơn vị thuộc/ trực thuộc

cũng như đội ngũ cán bộ, giảng viên Học viện luôn chủ động tìm kiếm, phát triển và tổ chức các hoạt động hợp tác nghiên cứu nhằm đạt được các mục tiêu nghiên cứu đề ra. Trong đó:

+ Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác là đơn vị phụ trách các hoạt động hợp tác quốc tế, triển khai việc tìm kiếm, kết nối với các chuyên gia, nhà khoa học đến từ các trường/đại học và tổ chức quốc tế trong khuôn khổ các thỏa thuận hợp tác đã kí. **[H1.20.01.03]**. Tất cả các cán bộ của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác đều có học vị Thạc sĩ trở lên, tốt nghiệp từ các Đại học danh tiếng nước ngoài.

Để có thể thúc đẩy hoạt động hợp tác trong nước, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác và tư vấn được giao trách nhiệm chính phụ trách mảng hợp tác trong nước của Học viện. Với đội ngũ nhân sự gồm 1 Tiến sĩ, 5 Thạc sĩ đều tốt nghiệp tại các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước.

+ Mỗi đơn vị Khoa, Viện, phòng ban đều phát triển mạng lưới đối tác riêng, phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nội bộ, hướng tới mục tiêu chung của Học viện.

+ Bản thân mỗi cán bộ, giảng viên Học viện, đặc biệt là các cán bộ, giảng viên có thời gian học tập tại nước ngoài luôn chủ động tìm kiếm, kết nối quan hệ với các chuyên gia, nhà khoa học để cùng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

+ Mạng lưới cựu sinh viên Học viện với với ưu thế hoạt động rộng khắp luôn tích cực trong việc tìm kiếm và kết nối hỗ trợ cho Học viện nói chung, và cho hoạt động khoa học và công nghệ nói riêng.

Các thông tin, kết quả về hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu đều được công khai trên các trang thông tin điện tử (website, fanpage) của Học viện và các đơn vị liên quan. Hoạt động hợp tác trong nước được triển khai trên nhiều nội dung, cụ thể như:

(i) Hợp tác trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Hợp tác tổ chức các hội thảo, tọa đàm tư vấn, chương trình hướng nghiệp cho sinh viên có sự tham gia của các đại diện đến từ đối tác nhằm giúp sinh viên được tiếp cận, định hướng nghề nghiệp sát với nhu cầu thị trường lao động; Hợp tác tổ chức chuỗi hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, tạo cơ hội cho các bạn sinh viên giao lưu, học hỏi bí quyết thành công với những doanh nhân thành đạt và tạo nên một "hệ sinh thái khởi nghiệp" tại Học viện; Hợp tác tổ chức chương trình tham quan thực tế trong điều kiện phù hợp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có kiến thức sâu hơn về các nội dung được học, và về môi trường làm việc trong tương lai; Hợp tác kết nối sinh viên với các cơ hội thực tập, tuyển dụng việc làm phù hợp tại đối tác, giúp sinh viên tìm được việc làm đúng chuyên ngành, đối tác tuyển dụng được nguồn nhân lực có chuyên môn và chất lượng. **[H1.20.01.03]**

(ii) Hợp tác trong hoạt động khoa học và công nghệ: triển khai các đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp, tổ chức các hội thảo khoa học, công bố chung, hỗ trợ

các hoạt động nghiên cứu của người học và các hoạt động nghiên cứu khoa học khác. Các đối tác trong nước tham gia nghiên cứu khoa học với Học viện với tư cách là các đối tác hoặc phối hợp các nguồn lực (chuyên gia, tài chính, thông tin, công nghệ, kết nối mạng lưới...) để cùng triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học. Từ đó, các công bố chung được công bố trong và ngoài nước. Các đối tác trong nước cũng phối hợp với Học viện để triển khai các hoạt động chuyển giao tri thức và kết quả nghiên cứu ứng dụng và thực tiễn, phục vụ cho cộng đồng và doanh nghiệp. **[H1.20.01.03]**

(iii) Hợp tác trong chia sẻ trách nhiệm xã hội

Hàng năm, kết quả của các hoạt động hợp tác nghiên cứu được tổng hợp, báo cáo trong các Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ, Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác phát triển của Học viện **[H1.20.01.02]**

Riêng với các hoạt động hợp tác quốc tế, Học viện còn tiến hành theo dõi, thống kê hoạt động của các đoàn ra, đoàn vào thuộc các thỏa thuận hợp tác, thực hiện báo cáo đánh giá sau mỗi chuyến công tác nước ngoài để có căn cứ thực hiện, điều chỉnh các hoạt động hợp tác tiếp theo **[H1.20.01.06]**

Bên cạnh phát triển các nguồn lực chuyên gia, nhà khoa học của trường, Học viện ban hành một số chính sách để thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước cùng thực hiện các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu. Một số chính sách cụ thể đã được Học viện triển khai như:

(i) Để thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, Học viện sẽ thực hiện chính sách hỗ trợ tài chính cho các công bố quốc tế nếu công bố đó được thực hiện giữa cán bộ/giảng viên Học viện với các nhà khoa học, chuyên gia quốc tế. **[H1.20.01.09]**.

(ii) Để tăng cường tính ứng dụng và chất lượng của các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, Học viện yêu cầu các đề tài cần có sự phối hợp của các đơn vị thực tiễn hoặc các chuyên gia thực tiễn (thể hiện trong biên bản xét duyệt đề cương, thuyết minh các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp). Không những thế, các nhóm nghiên cứu của Học viện cũng chủ động mời các chuyên gia bên ngoài tham gia triển khai đề tài cùng. Sự phối hợp cùng nghiên cứu giữa các nhà khoa học của Học viện với các chuyên gia bên ngoài để góp phần đẩy mạnh chất lượng của các nghiên cứu khoa học, tăng cường tính gắn kết giữa Học viện với các đơn vị thực tiễn. **[H1.20.01.10]**.

Thông qua các cuộc họp của Hội đồng Học viện và các cuộc họp của BGĐ, các cuộc họp giao ban, họp cán bộ chủ chốt, Hội nghị tổng kết năm học, Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm để tổng kết, đánh giá từ đó đề ra phương hướng, kế hoạch và nhiệm vụ của công tác hợp tác trong nghiên cứu khoa học nhằm mở rộng mạng lưới, nâng cao chất lượng của hoạt động hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học. **[H1.20.01.11]**. Việc quản lý hoạt động hợp tác đối tác trong nghiên cứu khoa học đảm bảo hiệu quả thông qua việc xây dựng kế hoạch chi tiết trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của Học viện. Học viện xác định rõ ràng, cụ thể yêu cầu, nhiệm vụ cũng như sản

phẩm dự kiến và phân công nhiệm vụ các đơn vị để triển khai. Để đảm bảo tiến độ và kết quả, việc tổ chức giám sát được thực hiện thông qua cơ chế báo cáo giao ban, sơ kết, tổng kết, trên cơ sở đó điều chỉnh, cập nhật kế hoạch, nguồn lực để đảm bảo hiệu quả

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu

Nội dung mở rộng quan hệ hợp tác về khoa học và công nghệ là một trong các nội dung được đặt ra trong kế hoạch chiến lược dài hạn, trung hạn và hàng năm của Học viện [H1.20.02.13]. Trên cơ sở đó, Học viện lựa chọn các đối tác phù hợp, theo đúng tiêu chí đã đặt ra. Các đối tác hợp tác nghiên cứu của Học viện là những cơ sở giáo dục đại học, các viện/tổ chức có chức năng đào tạo và nghiên cứu, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp có thế mạnh về các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh,... có năng lực và nguồn lực phù hợp để thực hiện các hoạt động hợp tác nghiên cứu chung theo các định hướng nghiên cứu và quy định về khoa học và công nghệ của cả 2 bên, đặc biệt là Học viện [H1.20.01.14]

Thông qua quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục và các viện nghiên cứu,... giai đoạn 2018-2023, Học viện đã ký kết, triển khai nhiều thỏa thuận hợp tác [H1.20.01.14] dưới các hình thức đa dạng như: thành lập các nhóm nghiên cứu; phối hợp thực hiện đề tài hợp tác nghiên cứu; công bố chung các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí trong nước và quốc tế; phối hợp tổ chức hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế; tổ chức các đoàn ra, đoàn vào nhằm trao đổi chuyên môn, kinh nghiệm về quản lý, đào tạo và nghiên cứu Cụ thể:

Thứ nhất, Học viện đã chủ trì và phối hợp công bố 73 bài báo trên các tạp chí quốc tế, trong đó 19 bài được công bố trên các tạp chí có chỉ số ISI/Scopus và các tạp chí quốc tế uy tín khác [H1.20.02.06];

Thứ hai, Học viện đã chủ trì và phối hợp thực hiện 62 đề tài các cấp. Trong giai đoạn 2018 – nay, Học viện đã thực hiện một số đề tài hợp tác nghiên cứu với các địa phương. Tất cả các đề tài đã được nghiệm thu với kết quả Đạt trở lên và được chuyển giao ứng dụng tại các đơn vị/ bộ phận chuyên môn của các đơn vị hợp tác [H1.20.02.05];

Bảng 20.1. Hợp tác trong công bố các bài báo khoa học, đề tài NCKH các cấp

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng số bài báo quốc tế	12	15	16	15	15
- Số bài báo có hợp tác để triển khai nghiên cứu					
2. Tổng số đề tài cơ sở	6	14	6	8	10
- Số đề tài có hợp tác để triển khai nghiên cứu					
3. Tổng số đề tài cấp Bộ/ngành	0	3	6	1	3

- Số đề tài có hợp tác để triển khai nghiên cứu					
5. Tổng số đề tài cấp Nhà nước và tương đương	0	2	1	1	0

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Thứ ba, Học viện đã chủ trì và phối hợp tổ chức 13 hội thảo, tọa đàm khoa học cấp quốc tế, quốc gia [H1.20.02.08], thu hút nhiều nhà khoa học quốc tế tham dự. Hoạt động này chủ yếu do các Trường Đại học, tổ chức quốc tế thực hiện cùng Học viện. Ngược lại, Học viện cũng đã tham gia tổ chức nhiều hội thảo do phía đối tác làm chủ trì [H1.20.02.08] ... Bên cạnh đó Học viện cũng phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nước tổ chức các Hội thảo quốc tế thường niên cụ thể tổ chức Diễn đàn phát triển bền vững Việt Nam VSF, Hội thảo phối hợp cùng các trường đại học khác về phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam, Hội thảo về Kinh tế số [H1.20.02.08]

Bảng 20.2. Số lượng Hội thảo, tọa đàm phối hợp tổ chức với các đối tác trong và ngoài nước

Số sự kiện đồng tổ chức	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Đối tác trong nước	4	2	2	0	2
Đối tác quốc tế	0	1	1	0	1

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Ngoài ra, Học viện đã tiếp nhận khoảng 20 giảng viên chuyên gia,... sinh viên nước ngoài đến trường tham gia giảng dạy, nghiên cứu [H1.20.02.09]; Tổ chức trao đổi sinh viên trong nước, quốc tế [H1.20.02.10].

Học viện đã định kỳ hàng năm thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học thông qua cơ chế Hội nghị viên chức và người lao động. Các đơn vị trong toàn Học viện có ý kiến góp ý về các chính sách khoa học và công nghệ nói chung cũng như chính sách hợp tác và đối tác nghiên cứu. Các đơn vị đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu và đề xuất các giải pháp, kiến nghị để điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Công tác rà soát tính hiệu quả của hoạt động hợp tác nói chung và hợp tác nghiên cứu nói riêng luôn được Học viện chú trọng và thường xuyên thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau. Cụ thể:

- Trong giai đoạn hợp tác, Học viện và các đối tác thường có các buổi họp tổng kết đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ hợp tác. Trong các buổi họp hai bên sẽ đánh giá các kết quả

hợp tác nói chung và hợp tác trong nghiên cứu khoa học nói riêng. Trên cơ sở đánh giá những kết quả và hạn chế, hai bên sẽ đề xuất các định hướng hợp tác mới cũng như giải pháp thúc đẩy hợp tác trong giai đoạn tiếp theo.

- Học viện tổ chức Hội nghị Chào mừng ngày khoa học và công nghệ Việt Nam 18/5, Hội nghị Tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ sinh viên nhằm đánh giá rút kinh nghiệm và cải tiến công tác quản lý nghiên cứu để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, trong đó nhấn mạnh đến thúc đẩy hoạt động hợp tác trong nghiên cứu **[H1.20.03.01]**. Tại các Hội nghị này, Ban lãnh đạo Học viện đã ghi nhận và tiếp thu các ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên, người học nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học tại Học viện

- Tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu cũng đánh giá trong các cuộc họp, hội nghị tổng kết của Đảng ủy, Ban lãnh đạo, của Học viện và thể hiện trong các báo cáo như: Báo cáo công tác Đảng; Báo cáo công tác hàng tháng, học kì, năm học của Học viện; Báo cáo tổng kết công tác đối ngoại theo nhiệm kỳ; Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác quốc tế theo giai đoạn và phương hướng, kế hoạch theo giai đoạn; các báo cáo tổng kết và phương hướng, kế hoạch hàng năm; các Báo cáo công tác hợp tác quốc tế của Học viện nộp cơ quan chủ quản là Bộ Kế hoạch và Đầu tư; thống kê các văn bản hợp tác ký kết với các đối tác trong và ngoài nước **[H1.20.03.02]**.

- Riêng với các nhóm nghiên cứu mạnh, đề tài, đề án, việc rà soát hiệu quả hợp tác được thực hiện chủ yếu thông qua Hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, Học viện cũng như các đơn vị chủ quản, đơn vị đối tác tiến hành quản lý hoạt động hợp tác thông qua các đợt kiểm tra tiến độ và báo cáo định kỳ **[H1.20.03.04]**

Học viện (do Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác và Viện Đào tạo quốc tế làm đầu mối trong từng lĩnh vực) đã định kỳ hàng năm thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học thông qua cơ chế Hội nghị viên chức và người lao động. Các đơn vị trong toàn Học viện có ý kiến góp ý về các chính sách khoa học và công nghệ nói chung cũng như chính sách hợp tác và đối tác nghiên cứu. Các đơn vị đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu và đề xuất các giải pháp, kiến nghị để điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở chiến lược phát triển đã được ban hành, để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược, Học viện đã thường xuyên thực hiện cải thiện các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu. Cùng với đó, Học viện đã ban hành Quy chế về hoạt động hợp tác trong nước theo Quyết định 518 /QĐ-HVCSPT ngày 24/05/2023 của Giám

độc Học viện về việc Ban hành Quy định tạm thời về quản lý công tác trao đổi người học tại Học viện Chính sách và Phát triển với các trường đại học nước ngoài **[H1.20.04.03]**.

- Học viện đã kí kết mới và tái kí kết nhiều thỏa thuận hợp tác với các đối tác trong nước, cũng như các số đối tác quốc tế mới... **[H1.20.04.01]**, góp phần tăng cường hiệu quả hợp tác trong nghiên cứu.

- Triển khai tổ chức các Hội thảo quốc tế, tọa đàm khoa học quốc tế dành cho cán bộ, giảng viên và người học với sự tham dự của nhiều nhà khoa học, sinh viên quốc tế. Thông qua Hội thảo này, các nhà khoa học của Học viện, người học có thể kết nối với các nhà khoa học và chuyên gia quốc tế, từ đó mở ra các cơ hội hợp tác trong nghiên cứu. **[H1.20.04.10]**.

- Đa dạng hóa các đối tác trong nước không chỉ tập trung vào các trường Đại học mà còn mở rộng ra các doanh nghiệp, các hiệp hội nghề nghiệp, viện nghiên cứu.

- Đa dạng hóa các đối tác nước ngoài, gồm Anh, Mỹ, Pháp, Thụy điển, Hàn Quốc, Philippines, Indonesia,...

- Khuyến khích, tạo điều kiện các nhà khoa học Học viện hợp tác với các nhà khoa học trong nước và quốc tế để hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh tại Học viện **[H1.20.04.01]**.

- Có cơ chế khuyến khích tài chính đối với các công bố quốc tế có sự hợp tác với các nhà khoa học tại các trường đại học nước ngoài **[H1.20.04.03]**.

Chính vì vậy, hoạt động hợp tác nghiên cứu với các đối tác trong và ngoài nước của Học viện trong giai đoạn 2018-2023 đã đạt được các kết quả đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đề ra. Số lượng và chất lượng của tất cả các hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện đều được cải thiện qua từng năm. Trong đó, sản phẩm của các hoạt động hợp tác nghiên cứu cũng thể hiện xu hướng tăng. Cụ thể, cán bộ, giảng viên Học viện đã công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước, trong đó nhiều bài báo được phối hợp thực hiện với các đối tác nghiên cứu **[H1.20.04.08]**. Số lượng Hội thảo, tọa đàm cấp quốc tế, quốc gia đồng tổ chức với đối tác nghiên cứu, số đề tài, công bố kết quả nghiên cứu chung cũng xu hướng gia tăng **[H1.20.04.10]** **[H1.20.04.07]**

Các hoạt động hợp tác và đối tác đã mang lại và làm phong phú thêm nguồn lực cho Học viện. Thông qua các hoạt động hợp tác, nhiều trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu được đầu tư mới; nhiều cán bộ, giảng viên, sinh viên được nhận học bổng đi học tập, thực tập giảng dạy, trao đổi học thuật ở nước ngoài **[H1.20.04.11]**. Tuy vậy, nguồn thu từ hợp tác nghiên cứu vẫn còn tương đối hạn chế so với tiềm năng của Học viện cũng như các mối quan hệ hợp tác **[H1.20.04.05]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện có chiến lược và giải pháp phát triển hợp tác trong nghiên cứu khoa học; có quy chế, quy định về quản lý các công trình hợp tác nghiên cứu.

- Học viện đã triển khai đa dạng các hình thức hợp tác nghiên cứu khoa học. Học viện thường xuyên tăng cường, mở rộng các mối quan hệ hợp tác và đối tác, thúc đẩy các hoạt động hợp tác nhằm gia tăng các nguồn lực cho Học viện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nguồn thu từ hoạt động hợp tác nghiên cứu còn hạn chế. Các hoạt động hợp tác nghiên cứu mang tính tập thể còn tương đối hạn chế, chủ yếu là các cá nhân chủ động tham gia nghiên cứu với bên đối tác.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ nhằm gia tăng nguồn thu từ các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu. Nghiên cứu triển khai các đề án nghiên cứu lớn với sự tham gia đồng đều giữa Học viện và đơn vị đối tác	- Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác. - Đơn vị phối hợp: Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng quản lý người học, các Khoa, Viện ...	2023-2025
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục nghiên cứu, rà soát cập nhật quy chế về nghiên cứu khoa học theo hướng nâng cao chất lượng, yêu cầu	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác.	2023-2025
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường, mở rộng các mối quan hệ hợp tác và đối tác, thúc đẩy các hoạt động hợp tác nhằm gia tăng các nguồn lực cho Học viện	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác.	2023-2025

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 20	5
Tiêu chuẩn 20.1	5
Tiêu chuẩn 20.2	5
Tiêu chuẩn 20.3	5
Tiêu chuẩn 20.4	5

TIÊU CHUẨN 21. KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Kết nối và phục vụ cộng đồng là một trong các lĩnh vực hoạt động quan trọng của Học viện. Trong Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 đã xác định sứ mạng của Học viện là “đào tạo nhân lực chất lượng cao bậc đại học và sau đại học về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách theo yêu cầu phát triển của Ngành Kế hoạch – Đầu tư và của đất nước” [H1.21.01.01]. Như vậy, có thể thấy Học viện đã nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, từ đó có các kế hoạch cụ thể trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng ở những lĩnh vực mà Học viện có thế mạnh (Kinh tế, tài chính – ngân hàng, kinh doanh, quản lý ...) Đặc biệt, trong Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã xác định rõ sứ mạng “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, luật và chính sách phát triển; có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế; nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Kế hoạch – Đầu tư và của đất nước” [H1.21.01.01]. Theo đó, xác định rõ mục tiêu tăng cường sự gắn kết với cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển của ngành và nền kinh tế, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.

Đề hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được triển khai bài bản và hiệu quả, Học viện đã ban hành Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đóng góp cho xã hội của Học viện theo Quyết định số 853/QĐ-HVCSPT ngày 31/7/2023 [H1.21.01.03]. Đây là văn bản chính thức của Học viện quy định tổng thể về phạm vi, mục đích, nội dung kết nối, phân công nhiệm vụ/trách nhiệm cho các đơn vị và cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Theo quy định này, Ban Giám đốc Học viện chịu trách nhiệm phê duyệt kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng hàng năm của Học viện, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động.

Về yêu cầu, hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng phải được thực hiện theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; nội quy, quy định của Học viện và các bên liên quan; phải có ý nghĩa và giá trị nhân văn đối với các bên liên quan; đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của Học viện; cần thường xuyên được đánh giá, cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tế và sự hài lòng của các bên liên quan.

Để đảm bảo thực hiện hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng một cách thống nhất, hiệu quả, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên (P. Chính trị và Công tác sinh viên) [H1.21.01.04] được giao nhiệm vụ phụ trách chính, là đơn vị tham mưu cho Ban Giám đốc Học viện ban hành kế hoạch kết nối và phục vụ cộng đồng chung của toàn Học viện trên cơ sở tổng hợp kế hoạch của các đơn vị theo chức năng quy định. Các đơn vị phối hợp khác trong trường như Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo, Công đoàn, Đoàn thanh niên... có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên trong việc triển khai thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực mà đơn vị mình phụ trách. Quy định nội dung hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đồng thời đưa ra các mẫu kế hoạch, mẫu báo cáo, các chỉ tiêu thực hiện làm cơ sở đánh giá hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho từng năm học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện

Trên cơ sở Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của nhà trường, các hoạt động này đã được Học viện triển khai với các kết quả cụ thể như sau:

- *Kết nối và phục vụ cộng đồng trong đào tạo, bồi dưỡng*

Về đào tạo chính quy, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao ở một số lĩnh vực, Học viện đã liên tục nghiên cứu, xây dựng và đưa ra một số ngành đào tạo mới.

Năm 2018, thực hiện rà soát, bổ sung hoàn thiện chương trình đào tạo đại học chính quy (đại trà và chất lượng cao). [H1.21.02.14].

Năm 2019, Học viện thành lập Đề án mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. [H1.21.02.15].

Năm 2020, Học viện đã thành lập Đề án mở mã ngành đào tạo Kinh tế số. [H1.21.02.15].

Năm 2021, Học viện đã hoàn thành Đề án mở ngành Ngôn ngữ Anh; tiếp tục rà soát, cải tiến chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tuân thủ các quy định mới về chuẩn chương trình đào tạo. [H1.21.02.15], [H1.21.02.14].

Năm 2022, Học viện đã thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ tiến sĩ Chính sách công; tiếp tục rà soát, cải tiến chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tuân thủ các quy định mới về chuẩn chương trình đào tạo. [H1.21.02.15].

Năm 2023, tiếp tục thực hiện rà soát, cải tiến chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tuân thủ các quy định mới về chuẩn chương trình đào tạo. **[H1.21.02.14]**.

Theo xu hướng hội nhập quốc tế trong giáo dục, Học viện cũng đẩy mạnh hoạt động liên kết với các trường đại học nước ngoài.

Năm 2018, Học viện tiếp tục hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới như Đại học Purdue, Đại học Portland, Đại học bang Georgia – Hoa Kỳ; Đại học Middlesex - Vương quốc Anh; Đại học Rennes 1 – Pháp.....Cùng các tổ chức quốc tế như: KOICA, USAID, World Bank, ADB, McKinsey. Học viện đã đón tiếp Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam và nhiều chuyên gia uy tín khác đến làm việc, trao đổi hợp tác. **[H1.21.02.16]**

Năm 2019, Học viện tiếp tục hợp tác với các đối tác quốc tế như Đại học Purdue, Đại học Portland, Đại học bang Georgia– Hoa Kỳ; Đại học Middlesex – Vương quốc Anh; Đại học Rennes 1 – Pháp; các tổ chức KOICA, USAID, World Bank, ADB, McKinsey trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Học viện đã cùng với Tổ chức Khoa học và Chuyên gia Việt Nam toàn cầu (AVSE Global) tổ chức thành công Diễn đàn bền vững Việt Nam (VSF) lần thứ nhất với sự tham gia của hàng trăm khách mời trong và ngoài nước. **[H1.21.02.16]**

Năm 2020, Học viện tiếp tục hợp tác với các đối tác quốc tế như Đại học Purdue, Đại học Portland, Đại học bang Georgia – Hoa Kỳ; Đại học Middlesex – Vương quốc Anh; Đại học Rennes 1 – Pháp; cùng các tổ chức quốc tế lớn như: KOICA, USAID, World Bank, ADB, McKinsey. Đồng thời Học viện mở rộng hợp tác với các đối tác mới như Đại học Indiana – Hoa Kỳ, Đại học Victoria – Úc, Tổ chức hợp tác Liên bang Đức (GIZ) – Đức, Trường Quản lý và Chính sách công (KDI) - Hàn Quốc, Học viện Lithan – Singapore trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Tiếp tục phối hợp với Tổ chức Khoa học và Chuyên gia Việt Nam toàn cầu (AVSE Global) tổ chức thành công Diễn đàn bền vững Việt Nam (VSF) lần thứ hai. **[H1.21.02.16]**

Năm 2021, Học viện tiếp tục hợp tác với các đối tác quốc tế như Đại học Purdue, Đại học Portland, Đại học bang Georgia – Hoa Kỳ; Đại học Middlesex – Vương quốc Anh; Đại học Rennes 1 – Pháp; cùng các tổ chức quốc tế lớn như: KOICA, USAID, World Bank, ADB, McKinsey,... trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tích cực thiết lập quan hệ hợp tác với Chương trình Phát triển của Liên Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam, mở rộng quan hệ hợp tác và ký kết MOU với Học viện Lithan – Singapore. **[H1.21.02.16]**

Năm 2022, Học viện tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác với các đối tác là các trường đại học uy tín trên thế giới và các tổ chức quốc tế lớn trước đó. Thiết lập quan hệ hợp tác và ký kết MOU với các đối tác mới như Trường Quản trị Normandie, Đại học Khoa học Quản trị - Pháp, Học viện Hume Institute Lausanne - Thụy Sĩ; Đại học Andrews –

Hoa Kỳ; Đại học Kadiri – Indonesia trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên và sinh viên, đón và làm việc với Bí thư Thứ nhất Đại sứ quán Singapore về cơ hội hợp tác trong năm 2023. **[H1.21.02.16]**

Ngoài việc phát triển các chương trình đào tạo mới hệ chính quy để kịp thời đáp ứng nhu cầu của người học, Học viện cũng triển khai nhiều khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm cho các sinh viên cũng như các cán bộ đang công tác ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ngoài trường. **[H1.21.02.03]**

Năm 2020, Học viện đã đào tạo 24 khóa theo Thông tư 05/2019 – Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa các tỉnh miền Bắc và miền Trung đáp ứng yêu cầu cho gần 1.061 học viên , thực hiện 02 khóa đào tạo nghiệp vụ đấu thầu với 80 học viên theo yêu cầu của các đối tác. **[H1.21.02.03].**

Năm 2021, Học viện đã đào tạo 15 khóa theo Thông tư số 05/2019-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa các tỉnh miền Bắc và miền Trung đáp ứng yêu cầu cho gần 763 học viên , thực hiện 06 khóa đào tạo nghiệp vụ đấu thầu với 217 học viên theo yêu cầu của các đối tác. **[H1.21.02.03].**

Năm 2022, Học viện đã đào tạo 24 khóa theo Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa các tỉnh miền Bắc và miền Trung đáp ứng yêu cầu cho gần 1.190 học viên , thực hiện 06 khóa đào tạo nghiệp vụ đấu thầu với 171 học viên theo yêu cầu của các đối tác. **[H1.21.02.03].**

Năm 2023, Học viện đã đào tạo 11 khóa bồi dưỡng ngắn hạn với 958 học viên trong đó cụ thể lớp bồi dưỡng Chuyên viên gồm 129 học viên, lớp bồi dưỡng Chuyên viên chính gồm 173 học viên, lớp bồi dưỡng Quản lý cấp Phòng gồm 35 học viên, lớp bồi dưỡng Đầu tư công gồm 122 học viên, lớp Giám sát công tác Đảng gồm 150 học viên, lớp QPAN đối tượng 4 gồm 70 học viên, lớp Nghiệp vụ đấu thầu qua mạng 6 gồm 37 học viên, lớp Nghiệp vụ đấu thầu cơ bản 8 gồm 65 học viên, lớp Nghiệp vụ đấu thầu cơ bản 9 gồm 10 học viên, lớp Nghiệp vụ đấu thầu cơ bản 10 gồm 77 học viên. **[H1.21.02.03].**

Bên cạnh đó, với mục tiêu tìm hiểu, điều tra và dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của xã hội và hỗ trợ người học được tốt hơn, Học viện đã thực hiện các cuộc khảo sát về tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp cũng như chất lượng đào tạo của Học viện **[H1.21.02.01]** và nhận được nhiều phản hồi tốt.

Bảng 21.1. Tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy

Tiêu chí	2018	2019	2020	2021	2022
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	53,3%	39,4%	35,8%	39,4%	40,3%
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	26,7%	51,9%	52,9%	51,9%	49,9%
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	20%	8,7%	11,3%	8,7%	9,8%

- *Kết nối và phục vụ cộng đồng trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ*

Phát triển khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển chung của Học viện. Trong những năm qua, Học viện đã xây dựng được một đội ngũ nghiên cứu mạnh. Giai đoạn 2018-2023, Học viện đã đạt được những thành tích đáng khích lệ trong việc triển khai thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ cộng đồng. Nhiều dự án, đề tài, sản phẩm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (CGCN) hữu ích đã giải quyết được những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra của ngành và đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội [H1.21.02.05]. Từ năm 2018 đến nay, đã có 62 đề tài, dự án, sản phẩm khoa học được thực hiện và chuyển giao, áp dụng vào thực tiễn.

Một số kết quả nổi bật như:

Bảng 21.2. Thống kê loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ giai đoạn từ năm 2018-2023

Năm học	Đề tài các cấp			Bài báo	Bài kỹ yếu
	Nhà nước	Bộ	Cơ sở		
2017-2018	0	0	6	24	
2018-2019	2	3	14	56	
2019-2020	1	6	6	76	17
2020-2021	1	1	8	59	9
2021-2022	0	3	11	140	9
2022-2023					
Tổng cộng	4	13	45	355	

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Bảng 21.3. Số lượng bài báo đăng tạp chí ISI, Scopus, tạp chí quốc tế giai đoạn 2018-2023

Năm học	ISI, Scopus	Khác	Tổng cộng
2017 - 2018	0	12	12
2018 - 2019	0	15	15
2019 - 2020	0	16	16
2020 - 2021	10	5	15
2021 - 2022	9	6	15
2022 - 2023			

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Bảng 21.4. Thống kê số lượng đề tài NCKH giai đoạn 2018-2023

Năm	Đề tài giảng viên các cấp			Đề tài sinh viên đạt giải các cấp		Bài báo	Bài kỹ yếu
	Nhà nước	Bộ	Cơ sở	Bộ	Cơ sở		
2017-2018	0	0	6		66	24	
2018-2019	2	3	14	0	67	56	
2019-2020	1	6	6	0	108	76	17
2020-2021	1	1	8	0	103	59	9
2021-2022	0	3	11	0	147	140	9
2022-2023							
Tổng cộng	4	13	45	0	491	355	

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Ngoài ra, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng luôn được quan tâm, chú trọng thu hút, 1916 sinh viên tham gia đề tài cấp Học viện trong giai đoạn 2018 – 2023 với số lượng và chất lượng ngày càng được nâng cao, thể qua các số liệu theo bảng dưới đây:

Bảng 21.5. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên giai đoạn 2019 - 2022

Năm học	Giải cấp Học viện				
	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
2019-2020	1	2	3	4	10
2020-2021	1	2	3	4	10
2021-2022	1	2	3	4	10

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

* Lưu ý: 2 năm 2017- 2018 không tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa

học nên không có giải thưởng cho các em sinh viên

Hoạt động chuyển giao công nghệ thông qua hoạt động của các công ty, trung tâm dịch vụ thuộc Trường, là cầu nối giữa quá trình đào tạo của Nhà trường với thực tế sản xuất. Hàng năm doanh thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng của Học viện đạt khoảng 12,6 đồng/năm. [H1.21.02.05]

Bảng 21.6. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Doanh thu	6.838	7.645	10.633	10.958	26.908

Ngoài nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, Học viện cũng thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, báo cáo chuyên đề khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội và phục vụ lợi ích cộng đồng. Từ năm 2018 đến 2023, Học viện đã tổ chức hơn 13 hội thảo, báo cáo chuyên đề về các vấn đề có tính thời sự trong các lĩnh vực thể mạnh [H1.21.02.05], cụ thể một số kết quả tiêu biểu:

Bảng 21.7. Số lượng Hội thảo, tọa đàm phối hợp tổ chức với các đối tác trong và ngoài nước

Số sự kiện đồng tổ chức	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Đối tác trong nước	4	2	2	0	2
Đối tác quốc tế	0	1	1	0	1

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Kết nối và phục vụ cộng đồng trong hỗ trợ người học

Học viện đã hoàn thành tốt công tác kết nối và phục vụ cộng đồng trong hỗ trợ người học. Từ sứ mạng của Học viện trong chiến lược, có thể thấy sự đa dạng trong các loại hình và khối lượng tham gia kết nối phục vụ cộng đồng về hỗ trợ người học. Với quan điểm xem sinh viên là trung tâm của quá trình đào tạo, Ban Giám đốc Học viện và các đơn vị chức năng tổ chức đối thoại trực tiếp với sinh viên định kỳ hàng năm. Ngoài ra, Học viện thường xuyên tiếp nhận các ý kiến thắc mắc, các kiến nghị, đề xuất của sinh viên thông qua Phòng Chính trị và Công tác sinh viên. Các kênh thông tin như website, fanpage của các đơn vị này được xây dựng và đưa vào hoạt động chính thức và nhanh chóng nhận được sự hưởng ứng, nhiều lượt tương tác của sinh viên. Những vấn đề phát sinh trong việc học tập, sinh hoạt của sinh viên được phản ánh tới các cấp có trách nhiệm và được quan tâm giải quyết kịp thời, tránh không để xảy ra phản ứng tiêu cực. [H1.21.02.08]

Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về nghề nghiệp liên quan đến ngành đào tạo thông qua các buổi tư vấn hướng nghiệp. Nhằm góp phần khơi dậy tiềm lực trong mỗi sinh viên, kết nối, khám phá và kiến tạo cơ hội, giúp người lao động tiếp cận xu hướng, nâng cao kỹ năng để tìm kiếm công việc phù hợp đáp ứng được nhu cầu việc làm cho sinh viên và người lao động, Học viện đã phối hợp với một số ngân hàng thương mại như Vietcombank, BIDV, SeaBank ... và các doanh nghiệp tổ chức Hội chợ việc làm. Học viện cũng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và địa phương trong việc thực hiện học bổng, chính sách miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, bảo hiểm, tín dụng đào tạo và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến sinh viên theo đúng các quy định của Nhà nước. Ngoài học bổng chính sách, Học viện cũng tích cực phối hợp với các đơn vị ngoài trường để khai thác, tìm kiếm các nguồn học bổng cho sinh viên. Từ năm 2019 đến 2022, đã có 105 suất học bổng với 332 triệu đồng được trao cho sinh viên Học viện [H1.21.02.10].

Bên cạnh đó, Học viện đã tổ chức nhiều Hoạt động tư vấn, hỗ trợ, định hướng nghề nghiệp, khởi nghiệp, việc làm và tạo môi trường để sinh viên học tập, rèn luyện góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. [H1.21.02.17].

Hoạt động đồng hành với sinh viên trong tìm kiếm việc làm, lập thân, lập nghiệp được thực hiện thông qua tư vấn, hỗ trợ sinh viên về nghề nghiệp, việc làm đã được triển khai đa dạng. Các khoa chuyên ngành, Đoàn Thanh niên Học viện tập trung đẩy mạnh các hoạt động hướng nghiệp, tổ chức các buổi giao lưu, đối thoại nghề nghiệp với một số tổ chức và trường đại học lớn, có uy tín trong nước: Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Công ty CMC, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hà Nội ...

Nhằm nâng cao tinh thần học hỏi sáng tạo, Học viện đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực nhằm khơi gợi niềm ham mê, hứng thú đối với học tập trong sinh viên, giúp sinh viên tìm tòi, xây dựng cho mình phương pháp học tập hiệu quả cũng như hứng thú nghiên cứu khoa học. Trong năm học, Học viện thường xuyên phát động các phong trào thi đua học tập, nghiên cứu khoa học, các hoạt động được diễn ra với nhiều hình thức khác nhau như phối hợp giữa với các Khoa, câu lạc bộ học thuật tổ chức các buổi Tọa đàm, hội thảo khoa học, cuộc thi kiến thức chuyên ngành như: Hội thảo *Lãnh đạo bản thân – Dẫn lối sự nghiệp* của Viện Đào tạo quốc tế, Tọa đàm khoa học Chính sách tiền tệ Kiểm soát lạm phát, Ổn định vĩ mô: *Lý thuyết đến thực tiễn ở một số nước trên thế giới và Việt Nam* của Khoa Tài chính – Đầu tư, Tọa đàm khoa học *Các vấn đề đương đại của lĩnh vực khoa học dữ liệu và kinh nghiệm viết bài quốc tế* của Khoa Kinh tế số ... [H1.21.02.18].

Các hoạt động văn nghệ, thể thao luôn được xác định là cầu nối gắn kết, tập hợp sinh viên, là sân chơi, giải trí lành mạnh sau những giờ lao động, học tập căng thẳng. Do đó, các hoạt động văn nghệ, thể thao luôn được quan tâm, tổ chức thường xuyên,

phục vụ nhu cầu, nguyện vọng của sinh viên. Các chương trình giao lưu văn nghệ với các đơn vị bạn, hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hàng năm, Giải bóng đá sinh viên, Chương trình Chào tân sinh viên ... [H1.21.02.19]

Kết nối và phục vụ cộng đồng trong các hoạt động thiện nguyện

Bên cạnh các nhiệm vụ chuyên môn, Học viện cũng thường xuyên phát động và tổ chức các hoạt động tình nguyện, từ thiện. Một số hoạt động nổi bật đã được triển khai với sự tham gia của đông đảo viên chức, người lao động và sinh viên Học viện.

Học viện chỉ đạo, tổ chức phong trào sinh viên tình nguyện và các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trong sinh viên. Đội sinh viên tình nguyện APD được duy trì hoạt động thường kỳ và sẵn sàng tham gia các hoạt động theo yêu cầu của Học viện [H1.21.02.19]. Thông qua các hoạt động tình nguyện, đoàn viên sinh viên thể hiện được ý thức trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng và xã hội, được chung tay giải quyết những vấn đề mà cả xã hội quan tâm như: vệ sinh môi trường, tuyên truyền phòng chống các tệ nạn xã hội, giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn,... Trong những năm qua Đội sinh viên tình nguyện của Học viện đã đóng góp tích cực cho các hoạt động của Đoàn trường và Đoàn Thanh niên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có thể kể đến các hoạt động như: lựa chọn sinh viên tham gia chiến dịch “Tiếp sức mùa thi” của Thành đoàn và của Học viện tại nhiều tỉnh thành; tổ chức đội “Tình nguyện xanh” làm vệ sinh tại ký túc xá và khu vực sân trường. Phong trào hiến máu tình nguyện cũng được đoàn viên, sinh viên nhiệt liệt hưởng ứng với sự tổ chức và tham gia của Câu lạc bộ sinh viên tình nguyện vận động hiến máu nhân đạo với những chương trình có thể kể đến như: Ngày hội hiến máu toàn Học viện APD, “Lễ hội Xuân hồng”, tham gia Ngày hội hiến máu tại phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy... được thực hiện hàng năm đã thu được hàng chục nghìn đơn vị máu. [H1.21.02.20].

Học viện đã tổ chức và phối hợp tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa giáo dục cho đoàn viên tinh thần tương thân tương ái, đạo lý uống nước nhớ nguồn; ý thức trách nhiệm của đoàn viên đối với bản thân, gia đình và xã hội; ý thức chấp hành pháp luật,... Các hoạt động nổi bật có thể kể đến như:

Bên cạnh các nhiệm vụ chuyên môn, Học viện cũng thường xuyên phát động và tổ chức các hoạt động tình nguyện, từ thiện. Một số hoạt động nổi bật đã được triển khai với sự tham gia của đông đảo cán bộ, viên chức và sinh viên Trường:

Học viện chỉ đạo, tổ chức phong trào sinh viên tình nguyện và các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trong sinh viên. Đội sinh viên tình nguyện Học viện được duy trì hoạt động thường kỳ và sẵn sàng tham gia các hoạt động theo yêu cầu của Học viện [H1.21.02.19]. Trong những năm qua Đội sinh viên tình nguyện của Học viện đã đóng góp tích cực cho các hoạt động của Đoàn Thanh niên Học viện và Đoàn Thanh niên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có thể kể đến các hoạt động như: lựa chọn sinh viên tham gia chiến dịch “Tiếp sức mùa thi” của Thành đoàn và của Học viện tại nhiều tỉnh thành

[H1.21.02.20]. Hằng năm, Đoàn thanh niên tổ chức các chương trình “Tết sẻ chia”; “Mùa hè xanh” nhằm hướng sinh viên đến các hoạt động công ích xã hội như: xây dựng công trình thanh niên, dọn dẹp môi trường, dạy học cho các em học sinh, thực hiện các hoạt động đền ơn đáp nghĩa ... **[H1.21.02.19]**. Bên cạnh đó, phong trào hiến máu tình nguyện cũng được đoàn viên, sinh viên nhiệt liệt hưởng ứng với sự tổ chức và tham gia của Câu lạc bộ sinh viên tình nguyện vận động hiến máu nhân đạo **[H1.21.02.20]**

Học viện đã phối hợp và tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa giáo dục cho đoàn viên tinh thần tương thân tương ái, các hoạt động nổi bật có thể kể đến như: Đoàn Thanh niên Học viện đã quyên góp ủng hộ, tặng quà trẻ em thiệt thòi, các gia đình chính sách, các bạn học sinh - sinh viên tàn tật và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Ủng hộ đồng bào miền Trung qua hai trận lũ lụt; tổ chức thành công chương trình Xuân về Bản Tráng; chương trình quốc tế thiếu nhi 1/6 “Nắng hoà bình 2” cho trẻ em khuyết tật tại bệnh viện phục hồi chức năng: quyên góp được 500 chai sữa Yakult, nhu yếu phẩm, bánh kẹo, sách vở,...; chương trình “Trung thu cho em - thắp sáng Đạo Viện” tại Tuyên Quang: tổ chức gala, trao quà: đèn ông sao, bánh kẹo,...; Tổ chức chương trình “Đông ấm vùng cao” tại xã Tân Lập, Chợ Đồn, Bắc Kạn: trao tặng công trình thanh niên “Mái che sân trường” trị giá 24 triệu, 200 cái áo phao trị giá 32 triệu, 10 suất quà cho các em có thành tích xuất sắc trong học tập - mỗi suất trị giá 350 ngàn đồng, 20 suất quà cho các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của 2 trường mầm non và tiểu học xã Tân Lập - mỗi suất trị giá 350 ngàn đồng, 5 suất quà cho các đồng chí cựu Thanh niên xung phong của xã - mỗi suất trị giá 350 ngàn đồng, tặng 100 cái bánh chưng cho các em học sinh tại xã **[H1.21.02.20]**.

Theo kết quả khảo sát ý kiến các nhà tuyển dụng qua các năm về chương trình đào tạo của các khoa chuyên ngành, theo đó các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà các khoa đưa ra đều được nhà tuyển dụng đánh giá là cần thiết và rất cần thiết, có tỷ lệ rất cao, trên 90%. **[H1.21.02.01]**.

Tại các buổi đối thoại với sinh viên hàng năm nhận được nhiều ý kiến đóng góp của sinh viên các lớp đã cho thấy những đánh giá tích cực của người học về các nội dung cụ thể như sau:

- Học viện luôn tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên học tập, rèn luyện và sinh hoạt trong điều kiện cụ thể của Học viện. Thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả hoạt động trên tất cả các lĩnh vực để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học theo đúng mục tiêu cam kết của Học viện về chuẩn đầu ra các ngành đào tạo.

- Học viện đầu tư và từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất đảm bảo tốt cho việc học tập, giảng dạy của giảng viên và sinh viên. Không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác quản lý người học và các hoạt động hỗ trợ đào tạo theo hướng dịch vụ phục vụ sinh viên ngày càng tốt hơn.

- Sinh viên đang học tập tại Học viện trong môi trường có nhiều thay đổi (cuộc cách mạng 4.0, phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... luôn được yêu cầu cần xác định đúng đắn mục tiêu học tập, trau dồi năng lực cá nhân (chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng sống, hành trang sống) và nâng cao ý thức trách nhiệm (với bản thân, gia đình, Học viện, xã hội), tích cực, chủ động tham gia có hiệu quả các hoạt động của Học viện góp phần xây dựng Học viện ngày càng phát triển.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng

Để đảm bảo các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được triển khai hiệu quả, bài bản và thống nhất, các hoạt động phục vụ cộng đồng được giám sát chặt chẽ bởi các đơn vị phụ trách theo từng lĩnh vực cụ thể: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên là đơn vị đầu mối tham mưu cho Giám đốc ban hành Kế hoạch hoạt động, đơn đốc quá trình triển khai, tổ chức thực hiện hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; Xây dựng các mẫu biểu thống kê, báo cáo liên quan áp dụng thống nhất trong toàn Học viện; Báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng hằng năm của Học viện và lưu trữ hồ sơ minh chứng theo quy định [H1.21.03.06]. Ngoài ra, tiêu chí tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cũng được đưa vào đánh giá xếp loại viên chức, người lao động và tập thể các đơn vị trong Học viện hàng năm. [H1.21.03.07].

Theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 **Quy chế tạm thời về thu nhập tăng thêm năm 2023** của Học viện, viên chức người lao động tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng được tính 10/100 điểm. Cách tính điểm căn cứ vào số lần viên chức tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng do Học viện hoặc đơn vị tổ chức như tham gia tổ covid cộng đồng, tham gia hiến máu, tham gia ủng hộ đồng bào vùng dịch; tham gia ủng hộ quỹ vacxin phòng, chống Covid-19...yêu cầu phải có minh chứng phù hợp kèm theo [H1.21.03.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 3/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Hàng năm, hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng được báo cáo theo các nội dung: hoạt động đào tạo bồi dưỡng, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế trong đào tạo, hỗ trợ người học, công tác đảng, đoàn thể... tại báo cáo tổng kết năm học, [H1.21.04.14]. Trên cơ sở đánh giá các kết quả hoạt động trong các báo cáo tổng kết năm học, phiếu khảo sát sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên đối với

hoạt động của Học viện, phiếu khảo sát ý kiến người học về mọi mặt hoạt động, Học viện đã có kế hoạch triển khai thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng từng lĩnh vực hoạt động, trong đó có hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cụ thể [H1.21.04.15].

Về đào tạo:

Học viện thường xuyên tiến hành rà soát chương trình đào tạo để đáp ứng tốt hơn với sự thay đổi của thực tiễn, thay đổi nội dung giáo trình, tài liệu, các phương pháp giảng dạy, kết hợp giảng dạy tại chỗ và online [H1.21.04.16], có kế hoạch tập huấn và triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần [H1.21.04.18], mở thêm các ngành đào tạo mới ở trình độ đại học và sau đại học, chương trình liên kết quốc tế [H1.21.04.17], tiến hành khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng qua các năm [H1.21.04.13], phối hợp với các đơn vị ngoài để mở các khoá đào tạo ngôn ngữ, kỹ năng mềm cho người học như Khóa đào tạo tiếng Anh, Tin học cho sinh viên Học viện [H1.21.04.21]

Về khoa học và công nghệ:

Học viện khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học thông qua việc tổ chức các Hội nghị nghiên cứu khoa học dành cho giảng viên và sinh viên [H1.21.04.04], thực hiện chuyển giao các đề tài nghiên cứu theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp, đơn vị ngoài Học viện [H1.21.04.06]

Bảng 21.8. Thống kê loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ giai đoạn 2018-2023

Năm học	Đề tài các cấp			Bài báo	Bài kỹ yếu
	Nhà nước	Bộ	Cơ sở		
2017-2018	0	0	6	24	
2018-2019	2	3	14	56	
2019-2020	1	6	6	76	17
2020-2021	1	1	8	59	9
2021-2022	0	3	11	140	9
2022-2023					
Tổng cộng	4	13	45	355	

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Bảng 21.9. Số lượng bài báo đăng tạp chí ISI, Scopus, tạp chí quốc tế giai đoạn 2018-2023

Năm học	ISI, Scopus	Khác	Tổng cộng
2017 - 2018	0	12	12
2018 - 2019	0	15	15

2019 - 2020	0	16	16
2020 - 2021	10	5	15
2021 - 2022	9	6	15
2022 - 2023			

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Bảng 21.10. Thống kê số lượng đề tài NCKH giai đoạn năm 2017 đến nay

Năm	Đề tài giảng viên các cấp			Đề tài sinh viên đạt giải các cấp		Bài báo	Bài kỹ yếu
	Nhà nước	Bộ	Cơ sở	Bộ	Cơ sở		
2017-2018	0	0	6		66	24	
2018-2019	2	3	14	0	67	56	
2019-2020	1	6	6	0	108	76	17
2020-2021	1	1	8	0	103	59	9
2021-2022	0	3	11	0	147	140	9
2022 - 2023							
Tổng cộng	4	13	45	0	491	355	

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Về hợp tác quốc tế:

Học viện đẩy mạnh việc tìm kiếm và khai thác các học bổng cho sinh viên [H1.21.04.19] đa dạng hoá phương thức trao đổi sinh viên (cả học tập và nghiên cứu, giao lưu văn hoá) [H1.21.04.07]

Về hoạt động thiện nguyện

Ngoài các hoạt động thiện nguyện thường niên như Mùa hè xanh, Tết sẻ chia, hiến máu nhân đạo, Đoàn Thanh niên và Công đoàn Học viện đã phát động thêm nhiều chương trình có ý nghĩa và lan tỏa tới cộng đồng với sự tham gia của nhiều sinh viên, viên chức, người lao động trong Học viện: quyên góp ủng hộ viên chức mắc bệnh hiểm nghèo, quyên góp ủng hộ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, quyên góp ủng hộ nhân dân 2 xã An Thượng và An Khánh phòng chống dịch Covid 19, ủng hộ trẻ em thiệt thòi và người khuyết tật [H1.21.04.20].

Việc cung cấp các dịch vụ cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được liên tục cải tiến hàng năm đã nhận được phản hồi tích cực của cả sinh viên, cán bộ, giảng

viên và được các cơ quan, ban, ngành, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động ghi nhận, đánh giá cao [H1.21.04.20]. Sau khi kết thúc mỗi hoạt động, Học viện cũng chủ động họp tổng kết và rút kinh nghiệm, liên hệ với các địa phương, các đối tác và các bên liên quan đến hoạt động để lấy ý kiến, tiếp thu và có những điều chỉnh, thay đổi cần thiết để đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. [H1.21.04.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện luôn nhận thức được vai trò và trách nhiệm xã hội của mình với cộng đồng, tích cực tham gia các phong trào nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất gắn liền với sự nghiệp phát triển của đất nước.

- Có văn bản quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị.

- Trường có cơ sở chính tại Hà Nội nên các hoạt động phục vụ cộng đồng được triển khai với các loại hình khá đa dạng và số lượng sinh viên tham gia đông đảo.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Học viện cần phát huy hơn nữa thế mạnh của Trường trong liên kết các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học với thực tiễn kinh doanh của các tổ chức và doanh nghiệp đối tác để phục vụ cộng đồng.

- Việc khảo sát, thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ cộng đồng khi tiếp nhận các dịch vụ đã có tổ chức, tuy nhiên ở một số nội dung chưa đầy đủ.

- Đã có hệ thống thu thập cơ sở dữ liệu và đánh giá mức độ tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng song cần tiếp tục hoàn thiện hơn.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Phát huy hơn nữa thế mạnh của Học viện trong đào tạo, nghiên cứu khoa học để phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp đối tác thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa, Viện, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác, Trung tâm Tư vấn và Bồi dưỡng	2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Các đơn vị phụ trách khi tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng chủ động lấy	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên,	2024	

		ý kiến phản hồi của các bên liên quan để phục vụ cho công tác đánh giá hiệu quả hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện.	Các Khoa / Viện, Đoàn Thanh niên		
3	Khắc phục tồn tại 3	Lên kế hoạch cụ thể về việc thu thập các thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng từ các đơn vị có liên quan trong trường và phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông để lập phần mềm/cơ sở dữ liệu thu thập thông tin và đánh giá.	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông	2024	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò và trách nhiệm xã hội của Học viện với cộng đồng, đặc biệt là hoạt động nghiên cứu khoa học, CGCN phục vụ sản xuất gắn liền với sự nghiệp phát triển của đất nước. Cụ thể hoá chương trình hành động qua các giai đoạn và các năm học.	Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện và các đơn vị trực thuộc.	2024	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định và mẫu biểu, tiêu chí đánh giá về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	2024	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Khai thác thế mạnh của Học viện để đa dạng hoá các hoạt động phục vụ cộng đồng, thu hút được nhiều người tham gia với tính hiệu quả cao.	Học viện	2024	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 21	5
Tiêu chí 21.1	5
Tiêu chí 21.2	5
Tiêu chí 21.3	5
Tiêu chí 21.4	5

TIÊU CHUẨN 22: KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023, kết quả đào tạo của Học viện được đo lường bằng các chỉ số như tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên đạt CDR tiếng anh và tin học, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm và mức thu nhập của người học sau khi tốt nghiệp. Các chỉ số này đều được xác định, giám sát và đối sánh liên tục qua các năm học để cải tiến chất lượng đào tạo với các bộ phận phụ trách là các đơn vị quản lý đào tạo, các Khoa chuyên môn, Phòng chức năng... Theo đó kết quả đầu ra đào tạo: tỉ lệ tốt nghiệp của người học ở mức cao, tỷ lệ thôi học không đáng kể; tỉ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp ở mức cao. Những chỉ số này phản ánh chất lượng đào tạo cũng như công tác đối sánh để cải tiến chất lượng thường xuyên.

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Học viện tổ chức đào tạo theo hình thức tín chỉ, người học được xếp lịch học tập theo khóa học, năm học và học kỳ, mỗi học kỳ có 2 giai đoạn. Hàng năm, Học viện xây dựng Đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh cho từng chương trình và trình độ đào tạo và tuyển chọn người học phù hợp với định hướng phát triển của Học viện và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội.

Học viện xây dựng hệ thống văn bản pháp lý đầy đủ quy định cụ thể về đào tạo đối với mỗi loại hình đào tạo của Học viện: Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/8/2018 về việc ban hành *Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT*; Quyết định số 658/QĐ-HVCSPT ngày 12/8/2020 ban hành *Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại HVCSPT*; Quyết định số 920/QĐ-HVCSPT ngày 04/1/2021 ban hành *Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hệ chính quy tại HVCSPT*; Quyết định số 2216/QĐ-HVCSPT ngày 24/09/2021 về việc ban hành *Hướng dẫn quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện* trong đó quy định rõ về khóa học, năm học và học kỳ [H1.22.01.11]. Mỗi năm học có 2 học kỳ chính chia làm 2 đợt và 1 học kỳ phụ (nếu có).

Vào đầu năm học, Học viện công bố CTĐT toàn khóa [H1.22.01.09], Kế hoạch đào tạo năm học, học kỳ, thời khóa biểu, kế hoạch tốt nghiệp và thời gian xét tốt nghiệp để người học nắm được và chủ động trong việc sắp xếp, xây dựng kế hoạch học tập [H1.22.01.10].

Trên cơ sở quy định đào tạo các loại hình đào tạo, Học viện theo dõi, giám sát xây dựng tiến độ học tập cho từng khóa học, năm học và thời khóa biểu của từng học kỳ, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả CTĐT [H1.22.01.02]. Từ CTĐT các bậc hệ đào tạo đại học, thông qua các Báo cáo sơ kết học kỳ, Báo cáo tổng kết năm

học hàng năm, Học viện định kỳ phân tích tổng hợp tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ thôi học, ... nhằm kịp thời có biện pháp để cải thiện chất lượng đào tạo [H1.22.01.05].

Từng học kỳ, Học viện tiến hành họp Hội đồng xử lý học vụ để xét cảnh báo học tập và buộc thôi học cho người học các khóa đang học trong trường, thông báo công khai quyết định xử lý học vụ trên Cổng thông tin sinh viên. Theo kết quả bảng về tỷ lệ cảnh báo và buộc thôi học, tỷ lệ cảnh báo và buộc thôi học theo khóa so với số người học trúng tuyển nhập học chỉ ở mức dưới 5,0% và các khóa gần đây tỷ lệ này ngày càng thấp. Qua đó cho thấy, chất lượng đào tạo luôn được Học viện chú trọng và nâng cao. Các cố vấn học tập và các đơn vị đào tạo, các khoa chuyên môn luôn tạo điều kiện tốt nhất cho người học và hỗ trợ người học hoàn thành kế hoạch học tập của mình. Bên cạnh đó, Học viện thông qua cố vấn học tập theo dõi kết quả học tập theo kỳ và năm học của người học để làm điểm rèn luyện, qua đó cũng nắm bắt được tình hình học tập của lớp và của từng người học mà mình quản lý.

Để hỗ trợ người học phát huy tính chủ động trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện kỹ năng, các Khoa chuyên môn, Đoàn thanh niên và các CLB thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, chương trình tọa đàm về phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc đại học. Nhờ đó, người học tự xây dựng cho mình phương pháp học tập phù hợp và đạt kết quả tốt trong học tập.

Bên cạnh đó, Học viện còn giao cho các Khoa chuyên môn, hệ thống trợ lý khoa, cố vấn học tập thường xuyên liên hệ với người học nhằm trong đối tượng cảnh báo học tập để nhắc nhở, tư vấn về tiến độ học tập, lộ trình đăng ký môn học, thi và kiểm tra [H1.22.01.05]. Người học có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá số lần quy định, không cải thiện được kết quả học tập, tự ý bỏ học mới bị buộc thôi học. Những người học thuộc diện bị thôi học vì kết quả học tập chưa đạt, Hội đồng xét kết quả học tập người học của Học viện xem xét cho phép người học có thêm cơ hội học tập để cải thiện và kéo dài thời gian đào tạo. Các cố vấn học tập cũng hỗ trợ người học để tìm ra phương pháp cải thiện kết quả học tập [H1.22.01.08] người học có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá số lần quy định, không cải thiện được kết quả học tập, tự ý bỏ học mới bị buộc thôi học theo quy định [H1.22.01.06]

Bảng 22.1. Thống kê tỷ lệ buộc thôi học hệ chính quy từ năm 2018 đến 2022

STT	Năm tuyển sinh (khóa đào tạo)	Số lượng SV nhập học	Số lượng SV buộc thôi học	Tỷ lệ buộc thôi học
1	K7 (2016-2020)	533	26	4,88%
2	K8 (2017-2021)	841	14	1,66%
3	K9 (2018-2022)	821	12	1,46%

STT	Năm tuyển sinh (khóa đào tạo)	Số lượng SV nhập học	Số lượng SV buộc thôi học	Tỷ lệ buộc thôi học
4	K10 (2019-2023)	1024	25	2,44%
5	K11 (2020-2024)	1286	12	0,93%
6	K12 (2021-2025)	1483	22	1,48%
7	K13 (2022-2026)	1559	0	0,00%

(Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo)

Qua bảng đối sánh tỷ lệ buộc thôi học trên có thể thấy số lượng sinh viên bị buộc thôi học có giảm qua các năm do Học viện đã tiến hành nhiều biện pháp để giảm tỷ lệ sinh viên cảnh báo học tập, buộc thôi học như: phối hợp chặt chẽ giữa cố vấn học tập tại tất cả các khoa quản lý sinh viên với cán bộ lớp, với gia đình, chủ động tư vấn cho sinh viên đăng ký học,... [H1.22.01.08]

Bảng 22.2. Thống kê số lượt đăng ký học lại/cải thiện 2020-2022

TT	Học kỳ/Năm học	Tổng số lượt sinh viên đăng ký học phần tín chỉ	Tổng số lượt đăng ký học lại	Tổng số lượt đăng ký học cải thiện	Tỷ lệ % học lại	Tỷ lệ % học cải thiện
1	HK 1 năm 2020-2021	96.136	4324	2250	4.50%	2.34%
2	HK 2 năm 2020-2021	94.769	4811	3069	5.08%	3.24%
3	HK 1 năm 2021-2022	90.647	4311	3264	4.76%	3.60%
4	HK 2 năm 2021-2022	80.830	2833	1782	3.50%	2.20%

(Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo)

Tỷ lệ lượt sinh viên đăng ký học lại, cải thiện điểm qua các năm có xu hướng giảm: tỷ lệ học lại từ 4.50% xuống còn 3.50%; tỷ lệ học cải thiện từ 2.34% xuống còn 2.20%. Để đạt được điều này, công tác cố vấn học tập, hỗ trợ của các phòng ban chức năng luôn được chú trọng để tư vấn, nhắc nhở, động viên sinh viên trong quá trình học tập. Bên cạnh đó Học viện cũng thực hiện đổi mới giảng dạy, rà soát lại chương trình đào tạo phù hợp để tăng tính chủ động và năng lực tự học của sinh viên [H1.22.01.09]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Theo quy định của Quy chế đào tạo, thời gian tốt nghiệp bậc đại học là 4 năm và tối đa là 6 năm, đối với bậc đào tạo thạc sĩ thời gian tốt nghiệp là 2 năm và tối đa là 4 năm từ năm 2011 trở về trước. Từ năm 2021, thời gian tốt nghiệp bậc đại học là 3,5 - 4 năm và tối đa là 8 năm, đối với bậc đào tạo thạc sĩ thời gian tốt nghiệp là 2 năm và tối đa là 4 năm [H1.22.02.01]. Theo đó thời gian đào tạo là 3,5 - 4 năm (tức là sinh viên có thể tốt nghiệp sớm nửa năm). Thời gian tốt nghiệp của sinh viên cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp của các Khoa quản lý sinh viên chuyên ngành, Học viện [H1.22.02.01]. Trong kế hoạch đào tạo của Học viện đều dự kiến thời gian tốt nghiệp trung bình cho các hệ đào tạo theo đúng tiến độ đào tạo chuẩn của CTĐT [H1.22.02.01].

Theo các báo cáo sơ kết học kì, tổng kết năm học cũng như báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, nguyên nhân khiến cho tỷ lệ tốt nghiệp muộn tăng lên là do Học viện quy định thêm chuẩn đầu ra tiếng Anh (TOEIC, IELTS) và Tin học (IC3, MOS) [H1.22.02.01]; sinh viên chưa có kế hoạch học tập phù hợp ở từng học kỳ; chậm tiến độ CTĐT... Để khắc phục tình trạng này, các biện pháp hỗ trợ sinh viên có thể rút ngắn hoặc tốt nghiệp đúng hạn đã được đề xuất và triển khai. Cụ thể: Học viện đã tổ chức các lớp học tiếng Anh tăng cường, thực hiện việc đăng ký môn học mặc định các học phần bắt buộc, bổ sung các quy định về chuẩn đầu ra tiếng anh, tổ chức các kỳ thi tiếng anh nội bộ... sinh viên có thể hoàn thành các môn học và tốt nghiệp đúng hạn. Học viện thực hiện nhiều đợt xét tốt nghiệp bổ sung để sinh viên đáp ứng được chuẩn đầu ra Tiếng Anh và Tin học có thể được tốt nghiệp [H1.22.02.01]

Trong từng học kỳ, Phòng Quản lý đào tạo tổng hợp và thống kê số lượng người học tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp, nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của người học các khóa để từ đó có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp [H1.22.02.09].

Bảng 22.3. Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên

Năm/Khoá	Số người học trúng tuyển nhập học	Số người học tốt nghiệp	Tốt nghiệp muộn	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)
K6 (2015-2019)	483	407	76	4,4	80%
K7 (2016-2020)	539	418	121	4,5	70%
K8 (2017-2021)	782	573	209	4,2	65%
K9 (2018-2022)	766	525	241	4,1	70%

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo)

Bảng 22.4. Thống kê sinh viên tốt nghiệp theo CTĐT

Ngành/ Chuyên ngành	2018		2019		2020		2021		2022	
	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tuyển sinh	Tốt nghiệp
Kinh tế	293	68	210	7	339	78	270	80	291	118
Kinh tế Phát triển		76	58	56	115	92	121	86	84	97
Kinh tế Quốc tế	175	39	200	39	198	79	241	142	284	148
Tài chính - Ngân hàng	144	45	120	34	153	71	153	80	203	91
Quản trị kinh doanh	125	21	100	22	183	28	246	73	208	91
Quản lý nhà nước	50	19	10	14	22	26	88	14	80	31
Kế toán					146		117		92	
Luật Kinh tế			71		128		124		114	
Kinh tế số							139		112	
Ngôn ngữ Anh									91	

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo)

Theo bảng phân tích tổng hợp ở trên cho thấy, người học có xu hướng muốn tốt nghiệp sớm và tốt nghiệp đúng hạn. Người học ý thức được nhiệm vụ học tập của mình để đảm bảo ra trường đúng theo thiết kế của CTĐT. Vì vậy, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của các khoá về sau và của các bậc, các hệ đào tạo đảm bảo đúng tiến độ và được rút ngắn. Người học mong muốn được xét tốt nghiệp sớm trước hạn. Tỷ lệ người học tốt nghiệp sớm và đúng hạn ngày càng tăng qua các năm, điều này chứng tỏ công tác tổ chức quản lý người học từ Viện/Khoa chuyên môn, các đơn vị hỗ trợ ngày càng được cải thiện [H1.22.02.09]. Ngoài ra người học cũng có ý thức hơn trong việc tự giác học tập tích lũy tín chỉ để ra trường sớm hoặc đúng hạn; tình trạng người học do nhiều nguyên nhân không thể ra trường đúng thời hạn chiếm tỷ lệ ngày càng ít.

Bảng 22.5. Tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp hệ chính quy

Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp					Tổng	Tỷ lệ tốt nghiệp
	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình khá	Trung bình		
2018 - 2019	23	109	117	2	2	253	100%
2019 - 2020	10	62	142	7	3	224	100%
2020 - 2021	25	134	248	36	9	452	100%
2021 - 2022	63	169	256	24	8	520	100%
2012 - 2013	70	200	312	20	5	607	100%

(Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo)

Theo thống kê về tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của người học tại bảng trên [H1.22.02.09] cho thấy, trừ năm học 2020-2021 do tình hình dịch bệnh Covid-19 người học phải học tập theo hình thức trực tuyến, giai đoạn năm học từ 2016 - 2017 đến 2019 - 2020 tỷ lệ người học xếp loại xuất sắc và giỏi đều tăng lên qua từng năm, người học xếp loại khá và trung bình có xu hướng giảm. Điều đó chứng tỏ chất lượng đầu ra của Học viện luôn được đảm bảo. Người học được hướng dẫn học tập tốt hơn, có động lực tốt hơn để giành được kết quả cao trong học tập và rèn luyện. [H1.22.02.09].

Dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh, Học viện có được cái nhìn tổng thể về kết quả đào tạo, hoạt động đảm bảo chất lượng từng bước được cải tiến và là cơ sở để từ đó, Học viện tiếp tục xây dựng, tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý đào tạo, phát huy các thế mạnh của mình [H1.22.03.01]

Nhằm hỗ trợ người học có thể tốt nghiệp đúng thời hạn, Học viện thường xuyên triển khai các hoạt động hỗ trợ người học. Hoạt động này được thực hiện trong cả 03 giai đoạn: trước khi người học tham gia đào tạo, trong quá trình học tập và sau khi người học tốt nghiệp. Người học có thể theo dõi qua thời khóa biểu từng kỳ trong năm để chủ động trong quá trình học tập. Ngoài ra, đối với các người học có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có kết quả thi của mỗi học kỳ, Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các đơn vị tiến hành xét học vụ gửi kết quả đến những người học bị cảnh báo kết quả học tập [H1.22.02.02]. Số liệu về kết quả học tập, rèn luyện của người học được lưu giữ bởi phần mềm quản lý đào tạo và được thể hiện trong báo cáo hàng năm, đồng thời cảnh báo kết quả học tập theo từng học kỳ nhằm giúp cho người học có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa cho phép theo học chương trình, hạn chế người học bỏ học ở mức thấp nhất. Việc cảnh báo được thực hiện trực tiếp thông báo tới phụ huynh/minh chứng về cảnh báo kết quả học tập.

Bên cạnh việc tư vấn, hỗ trợ người học hoàn thành khóa học đúng tiến độ, Học viện luôn quan tâm, tạo điều kiện để người học có thể tốt nghiệp sớm, Học viện tổ chức giảng dạy và học tập mỗi năm gồm 02 học kỳ chính và mỗi học kỳ gồm 2 đợt học [H1.22.02.01]

Tùy theo điều kiện và khả năng, người học có thể đăng ký học vượt các học phần trong CTĐT nhằm rút ngắn thời gian theo học tại Học viện. Người học tốt nghiệp sớm sẽ tiết kiệm thời gian và có nhiều cơ hội hơn trong việc tìm kiếm việc làm so với các người học cùng khóa. Song song đó, Học viện cũng có ban hành các văn bản hướng dẫn người học thực hiện và theo dõi quá trình học tập và có các chương trình đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với người học để giúp người học chủ động và tốt nghiệp đúng tiến độ [H1.22.02.12]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

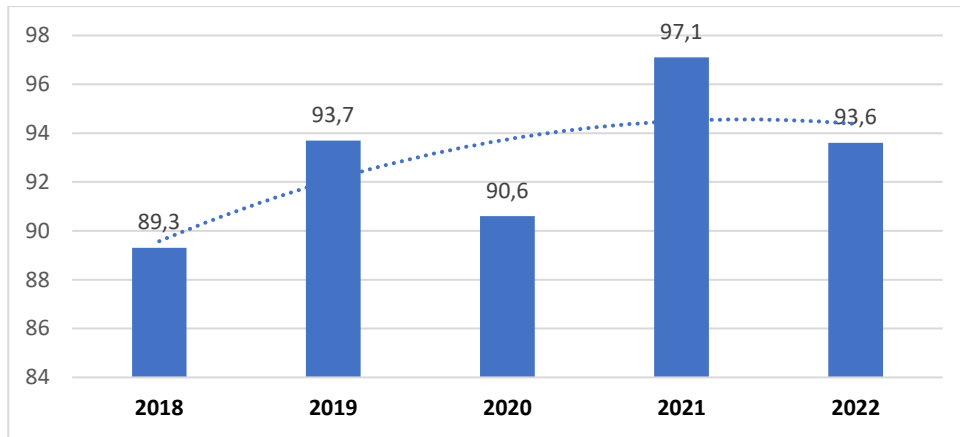
Chiến lược phát triển học viện giai đoạn 2022 đến 2025 và giai đoạn 2025 đến 2030, tầm nhìn 2045 đã xác định các mục tiêu chiến lược về đào tạo, trong đó có tỷ lệ sinh viên có việc làm [H1.22.03.01]. Thực hiện mục tiêu chiến lược, hằng năm, các đơn vị chuyên trách, Khoa, Viện và các CLB luôn quan tâm và tổ chức nhiều hoạt động, tọa đàm, trải nghiệm thực tiễn, tư vấn việc làm cho người học, kết nối người học với các doanh nghiệp, tổ chức ngày hội việc làm [H1.22.03.02] Qua đó, người học được trao đổi trực tiếp nên hiểu rõ hơn hoạt động của doanh nghiệp và tìm hiểu sâu hơn về các vị trí tuyển dụng để người học có sự lựa chọn chính xác phù hợp với ngành nghề đào tạo và khả năng đáp ứng công việc.

Tại Học viện, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên được giao nhiệm vụ khảo sát việc làm của người học [H1.22.03.03]. Để có dữ liệu về tình hình có việc làm của người học, hằng năm Học viện xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 01 năm sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.22.03.04]. Trên cơ sở đó, lập bảng báo cáo tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp, trong đó nêu rõ tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 01 năm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ người học chưa có việc làm, tỷ lệ người học tiếp tục học nâng cao. Kết quả khảo sát việc làm cho thấy, tỉ lệ người học có việc làm là rất cao, trên 88%. Trong số các sinh viên chưa tốt nghiệp, đại đa số là đang tiếp tục học nâng cao, một số lượng khá lớn người học đi du học nước ngoài.

Bảng 22.6. Số liệu khảo sát có việc làm của người học

Năm khảo sát	Số sinh viên phản hồi khảo sát	SV có việc làm		SV chưa có việc làm	SV tiếp tục học
		Số lượng	Tỷ lệ (%)		
2018	300	268	89.3	7	23
2019	349	327	93.7	10	3
2020	416	377	90.6	24	15
2021	240	233	97.1	7	0
2022	1055	988	93.6	15	52
2023					

(Nguồn: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên)



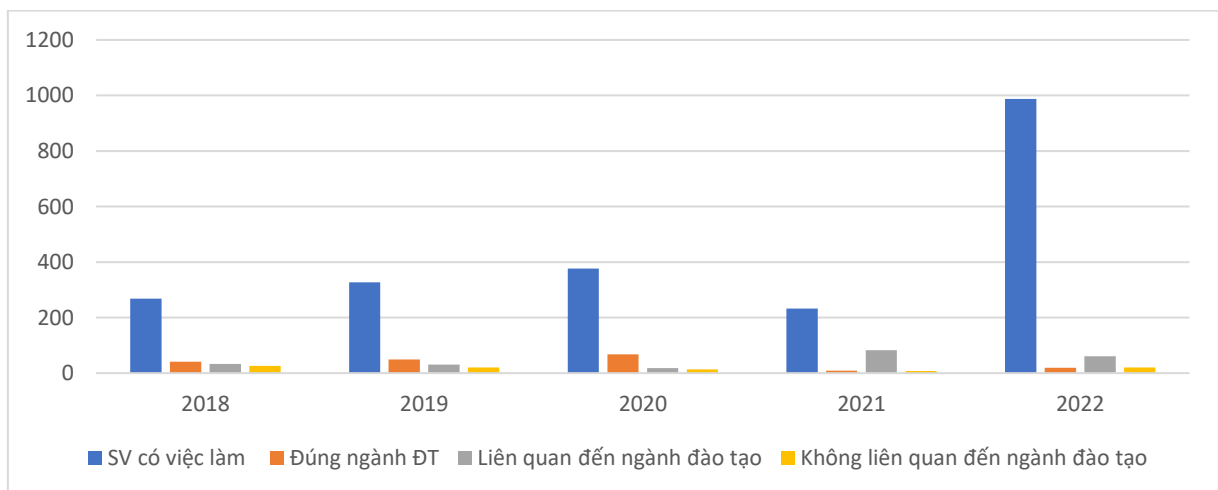
Hình 22.1. Số liệu khảo sát tỷ lệ % có việc làm của người học sau tốt nghiệp

(Nguồn: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên)

Bảng 22.7. Mức độ phù hợp của công việc với chuyên ngành đào tạo

Năm khảo sát	Số sinh viên phản hồi khảo sát	SV có việc làm	Đúng ngành đào tạo		Liên quan đến ngành đào tạo		Không liên quan đến ngành đào tạo	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
2018	300	268	110	41	88	33	70	26
2019	349	327	159	49	103	31	65	20
2020	416	377	256	68	70	18.5	51	13.5
2021	240	233	22	9	192	83	19	8
2022	1055	988	187	19	602	61	199	20
2023								

(Nguồn: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên)



Hình 22.2. Mức độ phù hợp của công việc với chuyên ngành đào tạo

(Nguồn: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên)

Để nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho sinh viên, Học viện tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về mức độ hài lòng đối với CTĐT, phương pháp giảng dạy, về giảng viên... để kịp thời cải tiến nhằm đáp ứng cao nhất những yêu cầu của người học [H1.22.03.04], [H1.22.03.04]. Đồng thời, Học viện cũng khảo sát ý kiến doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ cần thiết về CDR kiến thức và kỹ năng mà người học được trang bị tại Học viện đối với công việc tại các doanh nghiệp. [H1.22.03.04].

Hàng năm, Học viện còn tổ chức hoạt động hỗ trợ giúp cho người học đang học và người học tốt nghiệp có cơ hội tìm được việc làm phù hợp, trong đó nổi bật nhất là kết nối Hội chợ việc làm đưa sinh viên tham dự tại học viện Ngân hàng tháng 5/2023 một chuỗi các hoạt động như: gặp gỡ các nhà tuyển dụng và có cơ hội được phỏng vấn và tuyển dụng tại chỗ, tọa đàm về nghề nghiệp và việc làm [H1.22.03.02], [H1.22.03.05].

Nhằm tăng cơ hội thăng tiến, thích ứng nghề nghiệp, học đi đôi với hành, các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, đều chú trọng lồng ghép mời các chuyên gia về các lĩnh vực liên quan môn học tới nói chuyện, chia sẻ với người học những trải nghiệm, kinh nghiệm thực tế, hiểu biết của họ, giúp người học có được kiến thức thực tế, có cái nhìn toàn cảnh về lĩnh vực liên quan [H1.22.03.06]. Các buổi nói chuyện chuyên đề liên quan đến các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của các khoa/viện, văn bản triển khai và báo cáo nghiên cứu khoa học của các Khoa, Viện [H1.22.03.07]. Ngoài ra Học viện cũng tổ chức các hội thảo, tọa đàm khoa học với các chủ đề mang tính thời sự, nhằm hỗ trợ người học nâng cao tầm hiểu biết, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu [H1.22.03.08].

Học viện thường xuyên tổ chức các buổi tham quan, đi thực tế cho người học tại các doanh nghiệp, tổ chức phù hợp với chuyên môn được đào tạo để sinh viên từng bước làm quen với thực tế. Bên cạnh đó, giảng viên các môn chuyên ngành đều mời báo cáo viên là lãnh đạo của các doanh nghiệp, tổ chức tài chính tham gia báo cáo chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp thông tin tuyển dụng, giải quyết tình huống nhằm cập nhật, bổ sung kiến thức thực tế cho NH, cung cấp thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp trên website, fanpage của Học viện [H1.22.03.09].

Ngoài ra hàng năm, Học viện cũng tổ chức khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng người học tốt nghiệp và nhu cầu tuyển [H1.22.03.04]. Bên cạnh đó, Học viện cải tiến CTĐT có những hoạt động định hướng nghề nghiệp cho người học, tổ chức các buổi tham quan, thực tập ngoài Học viện giúp người học có những trải nghiệm thực tế về công việc sau khi tốt nghiệp [H1.22.03.09].

Như vậy, có thể khẳng định Học viện đã luôn chủ động, tích cực và có rất nhiều chủ trương, chính sách và các hoạt động nhằm hỗ trợ người học có việc làm hoặc cơ hội thăng tiến nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Tỷ lệ người học có việc làm khi tốt nghiệp luôn ở mức rất cao.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Chất lượng người học tốt nghiệp là vấn đề rất quan trọng, qua đó phản ánh chất lượng đào tạo của Học viện. Vì vậy, việc đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp luôn là một trong những vấn đề Học viện đặc biệt quan tâm.

Hàng năm, Học viện định kỳ khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan: i/cán bộ giảng viên, ii/NH, iii/cựu sinh viên, iv/nhà tuyển dụng và coi đó là cơ sở quan trọng để Học viện nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và làm hài lòng các bên liên quan [H1.22.04.01].

Hàng năm, Học viện đều có kế hoạch khảo sát Cựu người học tốt nghiệp sau 1 năm, nhiệm vụ này được giao cho phòng Chính trị và Công tác sinh viên triển khai. Mẫu phiếu khảo sát đã được thiết lập và có quy định cụ thể và khảo sát dưới nhiều hình thức khác nhau, như gửi qua bưu điện, hỏi qua điện thoại, email [H1.22.04.01]. Các ý kiến đánh giá của người học sau tốt nghiệp về CTĐT, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên... là một trong những cơ sở để hàng năm Học viện chỉ đạo các đơn vị điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng:

Đánh giá chất lượng đào tạo của các đơn vị tuyển dụng đối với người học tốt nghiệp là vấn đề được Học viện đặc biệt quan tâm. Hàng năm, Học viện có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường. Mẫu phiếu khảo sát được gửi đến các nhà tuyển dụng qua nhiều kênh khác nhau: qua bưu điện, qua các buổi hội nghị, hội thảo [H1.22.04.01]. Các ý kiến đánh giá của các đơn vị tuyển dụng đối với người học sau khi tốt nghiệp là một trong những cơ sở để hàng năm Học viện chỉ đạo các đơn vị điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội. Ngoài ra, thông qua các hội nghị tiếp xúc doanh nghiệp, hội chợ việc làm, Học viện cũng tham khảo ý kiến của doanh nghiệp đối với chất lượng sinh viên tốt nghiệp [H1.22.04.02].

Nhìn chung mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học được thiết lập, giám sát và đối sánh để cải tiến theo quy trình. Kết quả của việc cải tiến đã được ghi nhận thông qua tỷ lệ hài lòng của các bên liên quan ngày càng tăng trong những năm gần đây, những ý kiến này được tiếp thu và giúp cho Học viện điều chỉnh CTĐT phù hợp với nhu cầu của xã hội, cải tiến quy trình và chất lượng phục vụ người học

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Tỷ lệ có việc làm được xác định cụ thể trong chiến lược phát triển của học viện và được giám sát cụ thể. CSDL về tình trạng việc làm được thu thập đầy đủ. Tỷ lệ có

việc làm cao.

- Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng sinh viên tốt nghiệp được xác lập cụ thể, giám sát. Học viện có đầy đủ CSDL về mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng sinh viên tốt nghiệp.

- Học viện có đơn vị chuyên môn quản lý và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; thiết lập nhiều kênh thông tin lấy ý kiến phản hồi từ người học và các bên liên quan. Ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan được tổng hợp, phân tích, đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến CTĐT; tăng cường trải nghiệm thực tế cho người học và các hoạt động hỗ trợ học tập và việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Tỷ lệ người học tốt nghiệp xếp loại trung bình vẫn còn tồn tại, chưa thực sự giảm mạnh.

- Việc thu thập dữ liệu đánh giá người học sau tốt nghiệp đã được triển khai trong vài năm trở lại đây, tuy nhiên số lượng khảo sát và kết quả thu lại còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Thiết kế lịch học các kỳ học chính, kỳ học phụ phù hợp, cảnh báo, hỗ trợ người học trong quá trình học tập để hoàn thành CTĐT đúng hạn và đạt kết quả tốt. Xây dựng đội ngũ cố vấn học tập thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ người học có học lực yếu trong quá trình học tập ngay từ năm thứ nhất.	Phòng Quản lý Đào tạo	2022-2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường các biện pháp hướng nghiệp, hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên; làm việc với các doanh nghiệp, các đơn vị để ký hợp tác với Học viện để đưa người học đến thực tập trong quá trình học tập từ đó kết nối việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp	Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	2022-2025	
3	Phát huy các điểm mạnh 1, 2, 3	Xây dựng hệ thống khảo sát theo định kỳ để đo lường, thống kê kịp thời và đánh giá chính xác mức độ hài lòng của các bên liên quan	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	2022-2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 22	5
Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	5
Tiêu chí 22.3	5
Tiêu chí 22.4	5

TIÊU CHUẨN 23. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trên cơ sở Chiến lược phát triển tại Học viện, hệ thống các quy định, quy chế về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ được ban hành nhằm xác lập hệ thống quản lý, giám sát và cải tiến tất cả các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện [H1.23.03.01]. Theo đó, các loại hình nghiên cứu của giảng viên được quy định tại Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện, bao gồm: thực hiện các chương trình, đề tài, đề án, dự án; biên soạn tài liệu phục vụ đào tạo; công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành/ kỷ yếu sự kiện khoa học, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, tham gia nhóm nghiên cứu mạnh; tham gia các giải thưởng, cuộc thi khoa học và công nghệ,

Hàng năm, Học viện tổ chức đề xuất, tuyển chọn đề xuất, giao nhiệm vụ, kiểm tra tiến độ thực hiện và nghiệm thu kết quả nghiên cứu (đối với đề tài, đề án, tài liệu phục vụ đào tạo) theo kế hoạch. Kết thúc năm học, Học viện tiến hành tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ của các cá nhân và đơn vị theo các chỉ số đã đưa ra; từ đó đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét khen thưởng khoa học và công nghệ đối với các cá nhân và đơn vị đạt thành tích cao [H1.23.01.07].

Các báo cáo tổng kết được gửi đến các đơn vị và được trình bày tại Hội nghị Tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học, Hội nghị cán bộ, viên chức để lấy ý kiến góp ý và có những điều chỉnh phù hợp cho việc thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ của năm học tiếp theo [H1.23.01.06]. Cùng với đó, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác có lập mẫu phiếu khảo sát ý kiến của các cán bộ, giảng viên để đánh giá về sự hài lòng về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu, và tổng hợp báo cáo trình BGD để tiếp thu ý kiến nhằm đánh giá rút kinh nghiệm và cải tiến để nâng cao số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Cụ thể, một số ý kiến trọng tâm, có đóng góp lớn trong việc gia tăng số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học bao gồm: (i) điều chỉnh cơ chế hỗ trợ cán bộ, giảng viên khi có công bố quốc tế; (ii) Nâng cao tính liên chính học

thuật của các sản phẩm khoa học và công nghệ, (iii) Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong khoa học và công nghệ tại Học viện thông qua tổ chức các Hội thảo, tọa đàm quốc tế; các nhóm nghiên cứu mạnh có nhà khoa học quốc tế; công bố quốc tế chung; các công bố quốc tế trên các tạp chí quốc tế có uy tín,... Từ các ý kiến góp ý này, Học viện đã thay đổi theo hướng tăng mức chi cho các công bố quốc tế, mua và áp dụng phần mềm Turnitin để nâng cao tính liêm chính học thuật của các sản phẩm nghiên cứu, phối hợp tổ chức nhiều sự kiện khoa học quốc tế, quốc gia nhằm thúc đẩy, chia sẻ các ý tưởng nghiên cứu mới...

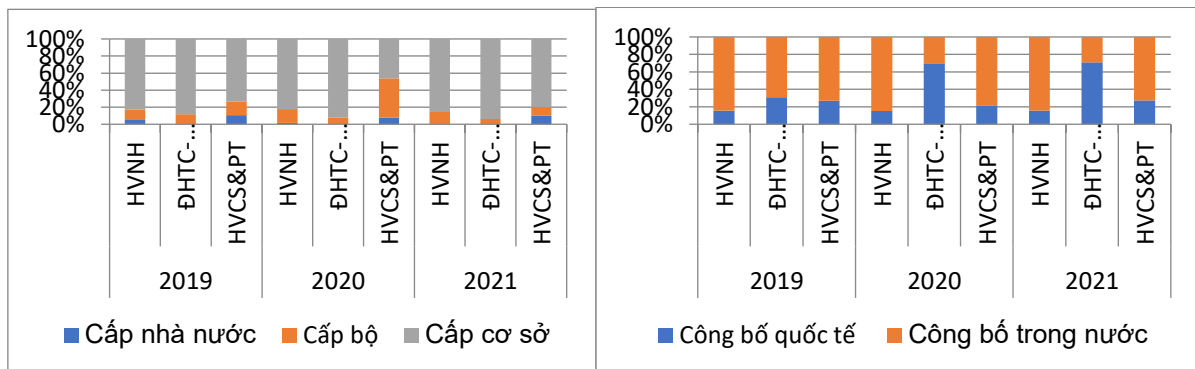
Bảng 23.1. Thống kê loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ giai đoạn từ năm 2018-nay của Học viện Chính sách và Phát triển

Năm học	Đề tài các cấp			Bài báo	Bài kỹ yếu
	Nhà nước	Bộ	Cơ sở		
2017-2018	0	0	6	24	
2018-2019	0	3	14	56	
2019-2020	1	6	6	76	17
2020-2021	1	1	8	59	9
2021-2022	0	3	10	140	9
2022-2023					
Tổng cộng	2	13	44	355	

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Bên cạnh công tác tổng kết, tự đánh giá, Học viện cũng thực hiện đối sánh về khối lượng nghiên cứu của cán bộ, giảng viên nhà trường với đơn vị đối tác là trường Đại học Tài chính – Marketing, Học viện Ngân hàng và Học viện, nhằm có góc nhìn toàn diện, đa chiều để cải tiến hoạt động.

Hình 23.1.1: Đối sánh khối lượng nghiên cứu giữa Học viện và Trường Đại học Tài chính Marketing, Học viện Ngân hàng



Nguồn: Học viện Chính sách và Phát triển

Về cơ bản, khối lượng nghiên cứu của Học viện có phần vượt trội so với đơn vị đối sánh, ngoại trừ số công bố quốc tế. Theo đó, định hướng của Học viện trong thời

gian tới là tập trung gia tăng số lượng công bố quốc tế, đặc biệt công bố trên các tạp chí uy tín thuộc danh mục WoS/ Scopus trên cơ sở tăng cường trao đổi, hướng dẫn thực hiện nghiên cứu, đầu tư sử dụng các cơ sở dữ liệu uy tín và tăng định mức, mở rộng đối tượng được hỗ trợ khi có công bố quốc tế.

Kết quả, loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, giảng viên Học viện trong các năm qua luôn được cải thiện. Các cán bộ, giảng viên đã tích cực, chủ động tham gia nhiều đề tài, đề án không chỉ tại Học viện mà còn ở các đơn vị đối tác hoặc chủ động tìm kiếm các hợp đồng bên ngoài. Số lượng công bố quốc tế tăng, đặc biệt các công bố trên tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus. Số bài trình bày, bài viết được đăng tải toàn văn trên các kỷ yếu khoa học cấp quốc tế, quốc gia ngày càng nhiều với đa dạng chủ đề. Các ấn phẩm sách cũng được mở rộng, bên cạnh giáo trình, tài liệu học tập còn có các sách chuyên khảo, từ điển, tài liệu tham khảo ... [H1.23.01.08]. Về hoàn thành định mức nghiên cứu khoa học, hầu hết cán bộ, giảng viên hoàn thành và vượt chỉ tiêu nhiều lần.

Bảng 23.1. Số lượng bài báo đăng tạp chí ISI, Scopus, tạp chí quốc tế giai đoạn 2018-2023

Năm học	ISI, Scopus	Khác	Tổng cộng
2017 - 2018	0	12	12
2018 - 2019	0	15	15
2019 - 2020	0	16	16
2020 - 2021	10	5	15
2021 - 2022	9	6	15
2022-2023	11	7	18

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện đã ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện, trong đó có quy định cụ thể về các loại hình và khối lượng nghiên cứu của sinh viên. Tương tự hoạt động nghiên cứu của giảng viên, loại hình nghiên cứu của người học trải rộng từ việc thực hiện các đề tài nghiên cứu, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành, tham gia các sự kiện khoa học và các cuộc thi học thuật ... Bên cạnh quy định quản lý chung, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên phải tuân thủ quy định về hoạt động Nghiên cứu Khoa học tại Học viện. Ngoài ra, sinh viên có thành tích tốt trong các cuộc thi học thuật sẽ được cộng điểm khuyến khích học tập theo quy định [H1.23.02.01].

Đầu mỗi năm học, Học viện thông báo kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên và thể lệ cuộc thi nghiên cứu khoa học sinh viên trên cơ sở quy định tại Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện [H1.23.02.06]. Thêm vào đó, Học viện đã yêu cầu các khoa chuyên ngành báo cáo tiến độ thực hiện đề tài của sinh viên theo định kỳ (tháng 3 hàng năm) để kịp thời có những biện pháp hỗ trợ, đôn đốc, tạo điều kiện để sinh viên hoàn thành sản phẩm nghiên cứu. Kết thúc năm học, Học viện tiến hành xét giải đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên. Các đề tài đạt giải cao được lựa chọn dự thi các giải thưởng cấp cao hơn (cấp Bộ, cấp Trung ương đoàn thanh niên ...). Kết quả giải thưởng và các hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung của sinh viên được thể hiện tại Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm của Học viện [H1.23.02.03], [H1.23.02.04].

Bảng 23.2. Thống kê loại hình và khối lượng nghiên cứu của sinh viên giai đoạn từ năm 2018-nay của Học viện

Năm học	Giải cấp Học viện				
	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng
2018-2019	0	0	0	0	0
2019-2020	0	0	0	0	0
2020-2021	1	2	3	4	10
2021-2022	1	2	3	4	10
2022-2023	1	2	3	4	10

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Về cơ chế giám sát, đối sánh, hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị Tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ sinh viên để tổng kết, đánh giá công tác, rút kinh nghiệm và cải tiến hoạt động; đồng thời có những biểu dương khen thưởng kịp thời [H1.23.02.04]. Tất cả các ý kiến trực tiếp từ cán bộ, giảng viên và sinh viên được ghi lại và chuyển cho các đơn vị liên quan và báo cáo Ban Giám đốc. Kết quả khảo sát và các ý kiến này là công cụ hữu hiệu để giúp Học viện đưa ra các chính sách và giải pháp cải tiến chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học trong năm học tới

Bên cạnh đó, Học viện cũng chủ động thống kê dữ liệu, đối sánh với kết quả hoạt động của một số trường đối tác, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm để cải tiến chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học. [H1.23.03.03]. Một số giải pháp đã được đưa ra nhằm tăng cường tỷ lệ người học tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm: (i) chủ động tìm kiếm và tham gia nhiều hơn các cuộc thi học thuật trong và ngoài nước, mở rộng sân chơi và cơ hội cho sinh viên, (ii) tổ chức chuỗi tọa đàm hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, (iii) tăng cường hợp tác khoa học và công nghệ với các đối tác quốc tế, tổ chức các hội thảo tọa đàm, tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với môi trường học thuật quốc tế, (iv) chuẩn hóa công tác thống kê đối với người học tham

gia các cuộc thi học thuật, chuyên môn do Đoàn Thanh niên quản lý, nhằm phản ánh chính xác hơn số liệu báo cáo.

Bảng 23.4. Đối sánh tỷ lệ người học tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ giữa Học viện Chính sách và Phát triển và Trường Đại học Tài chính – Marketing

Năm	Học viện Chính sách và Phát triển	Trường Đại học Tài chính – Marketing
2019	6,1%	3,5%
2020	4,7%	4,2%
2021	5,3%	7,3%

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2008 – 2020 và dự thảo chiến lược Học viện 2021-2025 và trong từng năm học, Học viện luôn đề cao và phấn đấu tăng cường tính ứng dụng của các kết quả nghiên cứu, trong đó bao gồm việc gia tăng trích dẫn của các công bố khoa học của Học viện [H1.23.03.01]. Các công bố khoa học có trích dẫn được Học viện quy định bao gồm đề tài nghiên cứu khoa học các cấp được nghiệm thu; các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế; các báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế....

Bảng 23.5. Số lượng bài báo, kỹ yếu sự kiện khoa học giai đoạn 2017-2022

Năm học	Bài báo			Bài kỹ yếu		
	Trong nước	Quốc tế	Tổng cộng	Trong nước	Quốc tế	Tổng cộng
2017 - 2018	12	12	24			
2018 - 2019	41	15	56			
2019 - 2020	60	16	76	12	5	17
2020 - 2021	43	16	59	4	5	9
2021 – 2022	125	15	167	4	5	9
2022 – 2023						

Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác

Cuối mỗi năm học, Học viện tiến hành tổng kết đánh giá các loại hình, số lượng các công bố khoa học và số lượt trích dẫn. Từ đó, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét khen thưởng khoa học và công nghệ đối với các cá nhân và đơn vị đạt thành tích cao. Đồng thời, dựa vào các số liệu báo cáo, Học viện cũng đề ra kế hoạch để nâng

cao số lượng trích dẫn của các công bố khoa học trong giai đoạn tiếp theo [H1.23.03.02].

Bảng 23.6. Đối sánh số lượng công bố khoa học Học viện Chính sách và Phát triển và Trường Đại học Tài chính – Marketing

Năm học	Học viện Chính sách và Phát triển		Đại học Tài chính – Marketing	
	Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế
2019 - 2020	60	16	74	33
2020 - 2021	43	16	50	112
2021 – 2022	125	15	38	93

Nguồn: Đại học Tài chính – Marketing

Bên cạnh hệ thống các quy định nhằm quản lý loại hình và số lượng công bố khoa học, Học viện thường xuyên rà soát, ra các quyết định cũng như thực hiện công tác đối sánh với trường đối tác trong nước nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các công bố và số lượng trích dẫn. Quy định liên chính học thuật với tỷ lệ trùng lặp giảm theo lộ trình nhằm đảm bảo tối đa tính trung thực trong nghiên cứu. Ngoài ra, Học viện đã nâng mức chi hỗ trợ kinh phí cho các công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/ Scopus.

Bảng 23.7. Thay đổi mức hỗ trợ kinh phí cho các công bố quốc tế tại Học viện

Đơn vị: triệu đồng

Mức hỗ trợ	Quy định cũ	Quy định mới (Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 29/9/2021)
Công bố trên tạp chí thuộc danh mục ISI có $IF \geq 2$ và ABCD hạng A*	30	45
Công bố trên tạp chí thuộc danh mục ISI có $1 \leq IF < 2$ và Scopus (Q1)/ABCD hạng A		25
Công bố trên tạp chí thuộc danh mục $IF < 1$ và Scopus (Q2, Q3)		15
Công bố trên tạp chí thuộc danh mục Scopus Q4		10

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện đã ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó có quy định về quản lý các tài sản trí tuệ. Quy định nhằm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá, thương mại hóa các tài sản trí tuệ phù hợp các quy định của Nhà nước và Chiến lược phát triển của Học viện [H1.23.04.01].

Cuối mỗi năm học, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác triển khai hoạt động báo cáo trên phạm vi toàn Học viện, tập hợp danh mục và minh chứng các sản phẩm trí tuệ do cán bộ, giảng viên Học viện tự thực hiện và hợp tác thực hiện với các đối tác bên ngoài [H1.23.04.03]. Trên cơ sở báo cáo của các tập thể, cá nhân và kết quả kiểm tra, rà soát của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, báo cáo tổng kết tình hình hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó bao gồm đối sánh công tác quản lý tài sản trí tuệ được dự thảo và lấy ý kiến góp ý của cán bộ, giảng viên, sinh viên Học viện thông qua Hội nghị tổng kết hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học. Kết quả rà soát và phương hướng, kế hoạch cải tiến công tác của năm học tiếp theo được thể hiện trong báo cáo tổng kết tình hình hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện mỗi năm học [H1.23.04.04]. [H1.23.04.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên, trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, công tác lập kế hoạch ngân sách hàng năm được thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản. Trên cơ sở nghiên cứu kỹ các văn bản, Thông tư hướng dẫn quản lý, các hạng mục chi cho hoạt động khoa học và công nghệ, Học viện đã xây dựng một văn bản hệ thống hướng dẫn về định mức chi và các mục chi giúp các cán bộ, giảng viên dễ dàng trong việc lập dự toán, quyết toán các sản phẩm khoa học [H1.23.05.01]

Các loại hình hoạt động khoa học và công nghệ được Học viện chi trả kinh phí bao gồm đề tài, đề án cấp cơ sở (kinh phí thực hiện và kinh phí quản lý), đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ, tổ chức các sự kiện khoa học, biên soạn tài liệu phục vụ đào tạo, hỗ trợ chi phí công bố quốc tế, chi phí tham dự hội thảo khoa học quốc tế tại nước ngoài, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên (giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học, hội thảo, tọa đàm dành cho sinh viên). Học viện luôn bám sát kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm, lấy đó làm căn cứ lập dự toán nên việc thực hiện ngân quỹ cho từng loại hoạt động luôn đạt hiệu quả cao [H1.23.05.03].

Bảng 23.8. Thống kê ngân quỹ cho một số hoạt động nghiên cứu của Học viện

	Đề tài cấp cơ sở	Bài báo	Đề tài NCKH sinh viên
2017 - 2018	172	190	92
2018 - 2019	717	431	235,9
2019 - 2020	1.055	315	260,45
2020 - 2021	1.440	894	501
2021 – 2022	770*	62	

* Chưa thống kê đầy đủ vì chưa hoàn thành công tác nghiệm thu

Nguồn: Kế hoạch Tài chính

Đối với các đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ, Học viện được cấp ngân sách Nhà nước qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện. Kế hoạch tài chính của hoạt động này được xây dựng dựa trên thuyết minh chi tiết các đề tài, đề án. Căn cứ vào kinh phí được cấp, Học viện phối hợp với đơn vị đầu mối của cơ quan chủ quản lập hợp đồng với các chủ nhiệm đề tài và thực hiện giải ngân theo đúng mục chi, nguồn chi được cấp trong năm.

Bảng 23.9. Thống kê kinh phí thực hiện đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ của Học

Nội dung	Năm					
	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Đề tài cấp Nhà nước	1.100	2.910	1.400	0	1.580	
Đề tài cấp Bộ	130	90	180	0	0	
Tổng cộng						

Nguồn: Phòng Kế hoạch Tài chính

Trong giai đoạn vừa qua, một số ý kiến góp ý về của ngân quỹ cho hoạt động thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế còn thấp. Học viện đã nghiên cứu và có phương án điều chỉnh cho phù hợp. Theo đó, tất cả các đề tài nghiên cứu khoa học từ năm học 2018-2019 đều được cấp kinh phí thực hiện dựa trên kết quả nghiệm thu sản phẩm. Mức chi cho các công bố quốc tế cũng được tăng lên và phân loại phù hợp với sự điều chỉnh từ các danh mục quốc tế uy tín.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Về cơ chế giám sát, đối với các đề tài, đề án cấp Bộ, sau khi nghiệm thu đạt yêu cầu, đề tài được đơn vị quản lý chuyển giao đến các đơn vị thụ hưởng đã được xác định và phê duyệt tại thuyết minh. Theo đó, các đề tài của Học viện sẽ được chuyển giao đến các đơn vị ứng dụng như các Vụ, Cục và Học viện để làm tài liệu tham khảo, phục vụ công tác thực tiễn, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Báo cáo về công tác chuyển giao được thực hiện trong 5 năm liên tiếp kể từ khi đề tài được nghiệm thu, đưa vào ứng dụng, tuân thủ các quy định của Bộ [H1.23.06.05].

Các đề tài, đề án cấp cơ sở được tự động chuyển giao, ứng dụng tại các đơn vị chủ trì thực hiện (các Khoa, Viện, phòng ban thuộc Học viện) nhằm giải quyết các vấn đề chuyên môn của đơn vị. Cuối mỗi năm học, các sản phẩm được đánh giá, công nhận sáng kiến trên cơ sở xác nhận ứng dụng của đơn vị.

Bên cạnh các đề tài, Học viện đã thành lập nhiều nhóm nghiên cứu, đầu tư cho công bố quốc tế trên các tạp chí có uy tín nhằm phát triển sản phẩm khoa học, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ có tính ứng dụng thực tế. Các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các cơ sở nghiên cứu cũng thường xuyên được triển khai [H1.23.06.04].

Cuối mỗi năm học, Học viện tiến hành tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ, bao gồm việc đánh giá công tác chuyển giao, ứng dụng sản phẩm nghiên cứu [H1.23.06.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 23

1. Tóm tắt những điểm mạnh

Học viện có hệ thống xác lập, giám sát và cải tiến các sản phẩm nghiên cứu khoa học một cách tương đối hoàn thiện.

Các dữ liệu về hoạt động khoa học và công nghệ đã được lưu trữ và số hóa giúp cho việc truy xuất và đánh giá được dễ dàng và thuận tiện.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại

Hoạt động giám sát chỉ số trích dẫn chưa đa dạng, chi tiết đến nhiều loại chỉ số khác nhau.

Ngân quỹ cho các loại hình nghiên cứu khoa học nhìn chung còn thấp, chưa đạt các chỉ số theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Do đặc thù đào tạo và nghiên cứu khoa học trong kinh tế, việc chuyên đăng ký sở hữu trí tuệ, chuyển giao sản phẩm nghiên cứu và thương mại hóa còn rất hạn chế so với các trường thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, chế biến, chế tạo ...

3. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	- Chú trọng khuyến khích công bố khoa học có xét đến các chỉ số chi tiết như H-index, chỉ số IF. Hoàn thiện các chỉ số theo hướng trung bình hóa cho từng giảng viên, đơn vị, làm căn cứ đưa ra các chế tài đối với các đơn vị không có hoặc có ít các công bố khoa học.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác	2023-2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Gia tăng các khoản chi cho hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng phân cấp cao, tăng mạnh mức thưởng cho các	Phòng Quản lý Khoa học	2023-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao.	và Hợp tác		
3	Khắc phục tồn tại 3	Tăng cường hợp tác với các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Khoa học và Công nghệ, các địa phương, các doanh nghiệp trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học, đáp ứng yêu cầu của ngành Ngân hàng và của xã hội, Từ đó, Tăng cường số lượng đăng ký và khả năng khai thác sở hữu trí tuệ.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác	2023-2025	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản thiết lập, giám sát và cải tiến các sản phẩm khoa học. Đặc biệt chú trọng đến cơ chế phản hồi, đánh giá của các bên liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác	2023-2025	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các sản phẩm khoa học để nâng cao hiệu quả hoạt động của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác nói riêng và Học viện nói chung.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác	2023-2025	

4. Đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 23	5
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	5
Tiêu chí 23.5	5
Tiêu chí 23.6	5

TIÊU CHUẨN 24. KẾT QUẢ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện là trường đại học công lập còn khá non trẻ với hơn 15 năm xây dựng

và phát triển, với quy mô đào tạo trên 6.000 người học bậc đại học học và sau đại học, có sứ mạng “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, luật và chính sách phát triển; có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế; nghiên cứu khoa học, chuyên giao tri thức, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Kế hoạch – Đầu tư và của đất nước” [H1.24.01.01]

Học viện luôn coi hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng là một trong những hoạt động quan trọng, thể hiện trách nhiệm của Học viện đối với xã hội, góp phần xây dựng hình ảnh, thương hiệu của Học viện. Học viện đã ban hành Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đóng góp cho xã hội của Học viện theo Quyết định số 853/QĐ-HVCSPT ngày 31/7/2023 [H1.24.01.02], trong đó quy định cụ thể phạm vi, nội dung, trách nhiệm của Ban Giám đốc, các đơn vị, tổ chức đoàn thể về công tác kết nối và phục vụ cộng đồng, đồng thời chỉ rõ trách nhiệm giám sát, tổng hợp kết quả phục vụ cộng đồng, nguồn lực huy động để thực hiện các nhiệm vụ [H1.24.01.38].

Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng chung của toàn Học viện được thể hiện trong kế hoạch năm học của Học viện [H1.24.01.01]. Căn cứ vào kế hoạch chung, các đơn vị và tổ chức đoàn thể đưa vào kế hoạch công tác hằng năm (năm học) và triển khai thực hiện [H1.24.01.03].

Học viện đã tổ chức đa dạng nhiều loại hình, khối lượng công việc tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng hằng năm, thu hút được đông đảo viên chức, người lao động và sinh viên tham gia:

- Kết nối và phục vụ cộng đồng trong đào tạo, bồi dưỡng

Hợp tác và phát triển chương trình đào tạo, phối hợp tổ chức quá trình đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo theo hướng phát huy năng lực, sở trường của người học, đáp ứng nhu cầu xã hội, gắn việc đào tạo với sử dụng lao động. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Học viện đã tiến hành các đợt rà soát CTĐT vào các năm 2018, 2021, 2022, 2023 [H1.24.01.39]

Trong quá trình đào tạo, Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các Khoa, Viện, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thông qua các buổi tọa đàm, trao đổi, thực hiện khảo sát, lấy ý kiến của người học, giảng viên, nhà tuyển dụng, các nhà khoa học, chuyên gia để có sự điều chỉnh cho phù hợp cũng như làm rõ hơn trong Chương trình đào tạo về các chuẩn đầu ra người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp, bổ sung những nội dung mới, học phần mới, cách thức đánh giá phù hợp với yêu cầu của các bên liên quan. Học viện chú trọng, phát triển hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học ... với các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp và tổ chức khác trong và ngoài nước như: Trung tâm dự báo và Phát triển nguồn nhân lực - Đại học quốc gia Hà Nội, Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, Trung tâm ương tạo và đào tạo công nghệ cao - BQL Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Ngân hàng Vietinbank - CN Thăng Long, Language Link Việt Nam, Viện

nghiên cứu Hume SA sau đại học (Thụy Sĩ), Đại học Andrews (Mỹ) Trường quản trị Normandie (Cộng hòa Pháp), Đại học O.P. Jindal Global (Ấn Độ) ... [H1.24.01.18]

Bảng 24.1. Số lượng thỏa thuận hợp tác ký kết với các đối tác trong đào tạo, nghiên cứu

STT		Số lượng				
		2019	2020	2021	2022	2023
1	Hợp tác trong nước	0	0	1	9	1
2	Hợp tác quốc tế	0	0	1	3	1

Khi xây dựng các chương trình đào tạo, các Khoa/ Viện đều thực hiện tham khảo, đối sánh chương trình đào tạo của mình với một số chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước như Trường Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính, Đại học Thương mại, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế (Đại học Quốc gia Hà Nội), Singapore Management University, The University of Sydney, The University of Melbourne, University of Illinois, New York University... Kết quả cho thấy mức độ khá phù hợp giữa các chương trình đào tạo của Học viện và các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục được tham khảo, đối sánh [H1.24.01.19].

Học viện đã trực tiếp tổ chức hoặc phối hợp tổ chức mở nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ, giảng viên, sinh viên trong và ngoài ngành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng mới giải quyết những vấn đề thực tiễn ở Việt Nam giúp cho các nhà quản lý, các chuyên gia nhận biết sâu sắc hơn về các vấn đề tài chính, ngân hàng, kinh tế, đấu thầu... tìm ra các giải pháp để phát triển bền vững như: Các khóa đào tạo nghiệp vụ đấu thầu cơ bản, đấu thầu qua mạng, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực doanh nghiệp nhỏ và vừa; chuyên viên chính, giảng viên chính, quản lý cấp phòng; các lớp bổ sung kiến thức, tiếng Anh, tin học, đấu thầu... [H1.24.01.10].

Bảng 24.2. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do Học viện tổ chức

TT	Hình thức	Số lượng			
		2020	2021	2022	2023
1	Hợp đồng khai thác bên ngoài (chuyên đề đào tạo)	24	15	24	06
2	Đào tạo nghiệp vụ (các lớp bổ sung kiến thức, đấu thầu)	02	06	06	05

Học viện phối hợp điều tra, khảo sát, dự báo về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội; khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp; khảo sát về mức độ đáp ứng công việc của người học và chất lượng đào tạo của Học viện [H1.24.01.33], [H1.24.01.40]

Bảng 24.3. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp

(*đối sánh với Học viện Tài chính, Trường Đại học giai đoạn 2019 - 2021*)

Năm	2019	2020	2021
Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm			
Học viện	95%	95%	95%
Học viện Tài chính	98%	97%	97%
Trường Đại học Tài chính – Marketing	91.4%	92.5%	83%
Tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp sau khi TN 1 năm			
Học viện	48.1%	47.1%	48.1%
Học viện Tài chính	96%	95%	95%
Trường Đại học Tài chính – Marketing	89.3%	82.2%	67.7%

Học viện cung cấp thông tin về ngành, chương trình đào tạo, vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, tổ chức tư vấn tuyển sinh [H1.24.01.12], [H1.24.01.14]

- *Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tư vấn và phản biện chính sách*

Đội ngũ giảng viên, viên chức của Học viện đã trực tiếp tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng cao trong các lĩnh vực: kiểm soát lạm phát, ổn định vĩ mô, chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa, quản trị rủi ro..., không chỉ có những đề xuất cho các đơn vị thực tế mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển hoạt động hợp tác gắn với các ngành đào tạo của Học viện đang triển khai như tài chính – đầu tư, đầu thầu, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý công...

Học viện đã triển khai hoạt động hợp tác với các đơn vị, tổ chức, địa phương trong và ngoài nước như: Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Thương mại, Công ty CMC, KOICA, USAID, World Bank, ADB, McKinsey ... để phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, tổ chức các hội thảo, tọa đàm khoa học các cấp, tập trung vào đề tài, nội dung mang tính ứng dụng cao, đưa ra giải pháp cho các vấn đề thực tiễn cũng như tư vấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho các bên liên quan. Đặc biệt, Học viện đã phối hợp tổ chức các Hội thảo quốc tế và được các đối tác đánh giá cao. [H1.24.01.08], [H1.24.01.09]

Bảng 24.4. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ giai đoạn 2019- 2021

(đối sánh với trường Đại học Tài chính – Marketing và Học viện Ngân hàng giai đoạn 2019 - 2021)

TT	Phân loại đề tài	Số lượng		
		2019	2020	2021
1	<i>Đề tài cấp Nhà nước</i>			
	Học viện Chính sách và Phát triển	2	0	0
	ĐH Tài chính – Marketing	0	0	0
	Học viện Ngân hàng	3	1	0
2	<i>Đề tài cấp Bộ, Ngành</i>			
	Học viện Chính sách và Phát triển	3	6	1
	ĐH Tài chính – Marketing	2	2	3
	Học viện Ngân hàng	6	10	8
3	<i>Đề tài cấp cơ sở</i>			
	Học viện Chính sách và Phát triển	14	6	8
	ĐH Tài chính – Marketing	15	23	46
	Học viện Ngân hàng	44	51	47

Bảng 24.5. Số lượng công trình nghiên cứu khoa học giai đoạn 2018-2023

Năm học	Đề tài các cấp			Bài báo	Bài kỹ yếu
	Nhà nước	Bộ	Cơ sở		
2017-2018	0	0	6	24	
2018-2019	2	3	14	56	
2019-2020	1	6	6	76	17
2020-2021	1	1	8	59	9
2021-2022	0	3	11	140	9
Tổng cộng	4	13	45	355	

Bảng 24.6. Số lượng hội thảo, tọa đàm khoa học được tổ chức tại Học viện Chính sách và Phát triển

STT	Hội thảo, tọa đàm khoa học	Số lượng				
		2018	2019	2020	2021	2022
1	Quốc tế	1	2	0	0	2
2	Quốc gia	1	1	1	0	1
3	Học viện	3	0	2	0	0
4	Khoa, Viện	11	11	5	9	7

Hàng năm, tổ chức nghiệm thu, xuất bản và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện [H1.24.01.41]

Học viện cũng luôn khuyến khích, tạo điều kiện để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên như: thành lập Câu lạc bộ Sinh viên nghiên cứu khoa học APD, tổ chức các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học hàng năm và đạt được nhiều giải thưởng các cấp [H1.24.01.42].

Bên cạnh đó, giảng viên, viên chức của Học viện cũng tham gia có hiệu quả vào quá trình nghiên cứu, tư vấn, khuyến nghị và phản biện chính sách, đặc biệt là trong lĩnh vực chính sách kinh tế qua các đề tài thực hiện theo đơn đặt hàng của các cơ quan, tổ chức: [H1.24.01.10], [H1.24.01.11]. Các Khoa/ Viện chuyên ngành cũng ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác, tổ chức các buổi talkshow, tọa đàm, đưa giảng viên, sinh viên đi tìm hiểu thực tế tại các đơn vị bên ngoài để trao đổi kinh nghiệm, bổ sung kiến thức thực tế [H1.24.01.12], [H1.24.01.14].

- Kết nối và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực hỗ trợ người học:

Học viện luôn quan tâm, hỗ trợ người học trong học tập, rèn luyện, từ đó góp phần hoàn thiện nhân cách, phẩm chất, kiến thức, kỹ năng mềm cho người học. Đặc biệt, Học viện đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động hỗ trợ người học như: APD Slink và email motcuasv@apd.edu.vn [H1.24.01.21]; xây dựng thư viện điện tử phục vụ cho việc khai thác dữ liệu học tập, nghiên cứu của người học [H1.24.01.23]; ... Quy định về công tác cố vấn học tập được ban hành năm 2019 là kênh thông tin quan trọng để hỗ trợ các em sinh viên trong quá trình học tập [H1.24.01.24]. Thành lập Hội Cựu sinh viên để gắn kết giữa cựu người học và Học viện, đây là một kênh thông tin quan trọng giúp Học viện nâng cao chất lượng đào tạo [H1.24.01.43]. Học viện thường xuyên phối hợp với một số trường đại học; THPT tổ chức các chương trình hướng nghiệp cho các bạn học sinh, sinh viên trong đó nổi bật nhất là ngày hội xúc tiến tuyển sinh, “Hội chợ việc làm - Cầu nối nguồn nhân lực” được tổ chức với sự tham

gia của nhiều tổ chức và hàng ngàn sinh viên tham dự, tạo cơ hội nghề nghiệp cho hàng trăm sinh viên trước khi ra trường [H1.24.01.12], [H1.24.01.14], [H1.24.01.25]. Bên cạnh đó, Học viện còn có các hoạt động nâng cao nhận thức, tư tưởng, tinh thần cũng như thể chất của người học như: làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, định hướng tư tưởng cho người học như tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu năm học; chú trọng đến công tác xây dựng và phát triển Đảng trong sinh viên; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho sinh viên hàng năm [H1.24.01.26], [H1.24.01.44], miễn phí sử dụng Nhà Thể chất đa năng cho các hoạt động thể dục thể thao và văn nghệ; tiếp tục triển khai thực hiện việc xây dựng mới và hoàn thiện cơ sở vật chất giảng đường, Ký túc xá để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của người học. Ngoài ra, sinh viên được hỗ trợ học bổng khuyến khích học tập; miễn giảm học phí và trợ cấp xã hội, hỗ trợ khi khó khăn đột xuất [H1.24.01.27]. Bên cạnh đó, Học viện còn hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức (Đoàn Thanh niên,...) để tổ chức hoạt động sinh viên theo kế hoạch năm học (chương trình Chào Tân sinh viên cho sinh viên khóa mới nhập học; các hoạt động chào mừng Tháng Thanh niên và ngày thành lập Đoàn TNCS HCM 26/3; các cuộc thi khởi nghiệp: Cuộc thi “Khởi nghiệp 2018”, cuộc thi “Business Challenges 2018”, cuộc thi “Sáng tạo kinh doanh xã hội 2022”, cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo cho nữ sinh viên” năm 2019 – 2020 – 2022, cuộc thi “ Hòa Lạc startup & Challenge” 2021 - 2022...) [H1.24.01.30].

- Kết nối và phục vụ cộng đồng trong các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện

Các hoạt động tình nguyện, an sinh xã hội do Công đoàn, Đoàn Thanh niên Học viện tổ chức được viên chức, người lao động và sinh viên Học viện hưởng ứng rất tích cực. Các hoạt động an sinh xã hội luôn được Công đoàn Học viện quan tâm triển khai thực hiện như: quyên góp ủng hộ, tặng quà trẻ em thiệt thòi, các gia đình chính sách, các bạn học sinh - sinh viên tàn tật và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Ủng hộ đồng bào miền Trung qua hai trận lũ lụt; tổ chức thành công chương trình Xuân về Bản Tráng; chương trình quốc tế thiếu nhi 1/6 “Nắng hoà bình 2” cho trẻ em khuyết tật tại bệnh viện phục hồi chức năng: quyên góp được 500 chai sữa Yakult, nhu yếu phẩm, bánh kẹo, sách vở,...; chương trình “Trung thu cho em - thắp sáng Đạo Viện” tại Tuyên Quang: tổ chức gala, trao quà: đèn ông sao, bánh kẹo,...; Tổ chức chương trình “Đông ấm vùng cao” tại xã Tân Lập, Chợ Đồn, Bắc Kạn: trao tặng công trình thanh niên “Mái che sân trường” trị giá 24 triệu, 200 cái áo phao trị giá 32 triệu, 10 suất quà cho các em có thành tích xuất sắc trong học tập - mỗi suất trị giá 350 ngàn đồng, 20 suất quà cho các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của 2 trường mầm non và tiểu học xã Tân Lập - mỗi suất trị giá 350 ngàn đồng, 5 suất quà cho các đồng chí cựu TNXP của xã -

mỗi suất trị giá 350 ngàn đồng, tặng 100 cái bánh chung cho các em học sinh tại xã [H1.24.01.29].

Để nâng cao nhận thức của sinh viên về trách nhiệm xã hội, Đoàn Thanh niên Học viện đã tích cực tổ chức một số chiến dịch tình nguyện quy mô lớn như "Mùa hè xanh", " Đông âm vùng cao ", "Tiếp sức mùa thi", "Trung thu cho em - thắp sáng Đạo Viện"... góp phần phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương; phát động thêm nhiều chương trình có ý nghĩa và lan tỏa tới cộng đồng với sự tham gia của nhiều sinh viên, giảng viên trong trường như: tổ chức ngày hội Hiến máu hàng năm, cung cấp nhiều đơn vị máu... [H1.24.01.05].

Bảng 24.6. Số đơn vị máu thu được giai đoạn 2018 - 2022

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Số đơn vị máu	220	200	230	Không tổ chức do dịch bệnh Covid-19	225

Theo Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Học viện, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên cùng các đơn vị đầu mối, tham mưu cho Ban Giám đốc ban hành kế hoạch kết nối và phục vụ cộng đồng chung của Học viện. Để giám sát loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, Học viện giao cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan (Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên,...) kiểm tra, giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H1.24.01.02]. Bên cạnh đó, Học viện ban hành các văn bản pháp quy nhằm hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng như: Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Học viện, Quy định nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ của giảng viên Học viện, Quy định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của viên chức Học viện [H1.24.01.32], Quy định về lấy ý kiến các bên liên quan [H1.24.01.33], Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên [H1.24.01.34], Quy chế hoạt động của Công đoàn [H1.24.01.35], Quy chế thi đua khen thưởng chung của Học viện, quy chế thu nhập tăng thêm tạm thời năm 2023 [H1.24.01.45], ... Khi tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng, các đơn vị đầu mối đều xây dựng quy trình thực hiện, có sự phê duyệt của các cấp có thẩm quyền tại Quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đóng góp cho xã hội của Học viện theo Quyết định số 853/QĐ-HVCSPT ngày 31/7/2023 [H1.24.01.02]. Các hoạt động giám sát được báo cáo tại các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban Giám đốc [H1.24.01.46]... để kịp thời điều chỉnh những vướng mắc trong quá trình triển khai.

Kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thể hiện trong Báo cáo tổng kết năm học [H1.24.01.19], Báo cáo 3 công khai hàng năm [H1.24.01.47] và các Báo cáo tổng kết hàng năm (năm học) của các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong HV [H1.24.01.19]

từ đó đưa ra các biện pháp cải tiến phù hợp.

Học viện thực hiện đối sánh kết quả phục vụ cộng đồng với trường Đại học Tài chính – Marketing, Học viện Tài chính (đơn vị ký kết thỏa thuận hợp tác với Học viện, phối hợp với các bên liên quan để nắm bắt nhu cầu và cách thức triển khai phù hợp, đồng thời thu nhận các thông tin phản hồi để cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động [H1.24.01.37].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện đã xây dựng những kênh đánh giá, khảo sát để biết được tác động xã hội đối với các hoạt động của trường trong việc kết nối và phục vụ cộng đồng. Tác động xã hội và kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thể hiện ở các nội dung chính sau:

- Về hoạt động đào tạo: Hoạt động đào tạo của Học viện được các bên liên quan đánh giá cao. Thông qua việc khảo sát cho thấy, khoảng 95 % nguồn nhân lực được đào tạo có đóng góp cho cộng đồng, phục vụ quá trình phát triển của đất nước.

Bảng 24.7. Tỷ lệ nguồn nhân lực được đào tạo đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước sau khi tốt nghiệp

(đối sánh với Học viện Tài chính và Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2019 - 2021)

Năm	2019	2020	2021
Học viện	95%	95%	95%
Học viện Tài chính	92.86%	92%	92.91%
Trường Đại học Tài chính – Marketing	91.4%	92.5%	83.6%

Học viện đang từng bước khẳng định vị thế là một trong những trường đại học về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, kinh tế quốc tế, đấu thầu... Nhiều cựu sinh viên của Học viện đã và đang nắm giữ những vị trí quan trọng ở các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước cấp Bộ, Ngành, địa phương trên toàn quốc, lãnh đạo doanh nghiệp trong ngành tài chính ngân hàng và các ngành kinh tế khác.

- Về hoạt động nghiên cứu khoa học: Công trình nghiên cứu khoa học các cấp của viên chức, giảng viên đặc biệt là bài đăng trên các tạp chí quốc tế, tăng cả về số lượng và chất lượng [H1.24.02.03]; hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đạt được những kết quả tốt; tổ chức thành công nhiều hội thảo, tọa đàm khoa học các cấp, nổi bật trong đó là các hội thảo, tọa đàm quốc tế về ngân hàng và tài chính do Học viện tổ chức

hoặc phối hợp với các đối tác tổ chức, được các đối tác đánh giá cao [H1.24.02.05]; tổ chức tốt công tác nghiệm thu, xuất bản và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện [H1.24.02.15].

Bảng 24.8. Số lượng, tỷ lệ các đề tài NCKH có đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước
(đối sánh với Trường Đại học Tài chính – Marketing và Học viện Ngân hàng giai đoạn 2019 - 2021)

Năm	2019	2020	2021
Học viện Chính sách và Phát triển	5	6	1
ĐH Tài chính – Marketing	2	2	3
Học viện Ngân hàng	9	11	8

- Về hoạt động hợp tác:

Xây dựng, thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác có uy tín trong và ngoài nước, tiếp tục phát triển các chương trình đào tạo, hợp tác quốc tế:

Năm 2018, Học viện tiếp tục hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới như Đại học Purdue, Đại học Portland, Đại học bang Georgia – Hoa Kỳ; Đại học Middlesex - Vương quốc Anh; Đại học Rennes 1 – Pháp.....Cùng các tổ chức quốc tế như: KOICA, USAID, World Bank, ADB, McKinsey. Học viện đã đón tiếp Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam và nhiều chuyên gia uy tín khác đến làm việc, trao đổi hợp tác. [H1.24.02.05]

Năm 2019, Học viện tiếp tục hợp tác với các đối tác quốc tế như Đại học Purdue, Đại học Portland, Đại học bang Georgia– Hoa Kỳ; Đại học Middlesex – Vương quốc Anh; Đại học Rennes 1 – Pháp; các tổ chức KOICA, USAID, World Bank, ADB, McKinsey trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Học viện đã cùng với Tổ chức Khoa học và Chuyên gia Việt Nam toàn cầu (AVSE Global) tổ chức thành công Diễn đàn bền vững Việt Nam (VSF) lần thứ nhất với sự tham gia của hàng trăm khách mời trong và ngoài nước. [[H1.24.02.05]

Năm 2020, Học viện tiếp tục hợp tác với các đối tác quốc tế như Đại học Purdue, Đại học Portland, Đại học bang Georgia – Hoa Kỳ; Đại học Middlesex – Vương quốc Anh; Đại học Rennes 1 – Pháp; cùng các tổ chức quốc tế lớn như: KOICA, USAID, World Bank, ADB, McKinsey. Đồng thời Học viện mở rộng hợp tác với các đối tác mới như Đại học Indiana – Hoa Kỳ, Đại học Victoria – Úc, Tổ chức hợp tác Liên bang Đức (GIZ) – Đức, Trường Quản lý và Chính sách công (KDI) - Hàn Quốc, Học viện Lithan – Singapore trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Tiếp tục phối hợp với Tổ chức Khoa học và Chuyên gia Việt Nam toàn cầu (AVSE Global) tổ chức thành công Diễn đàn bền

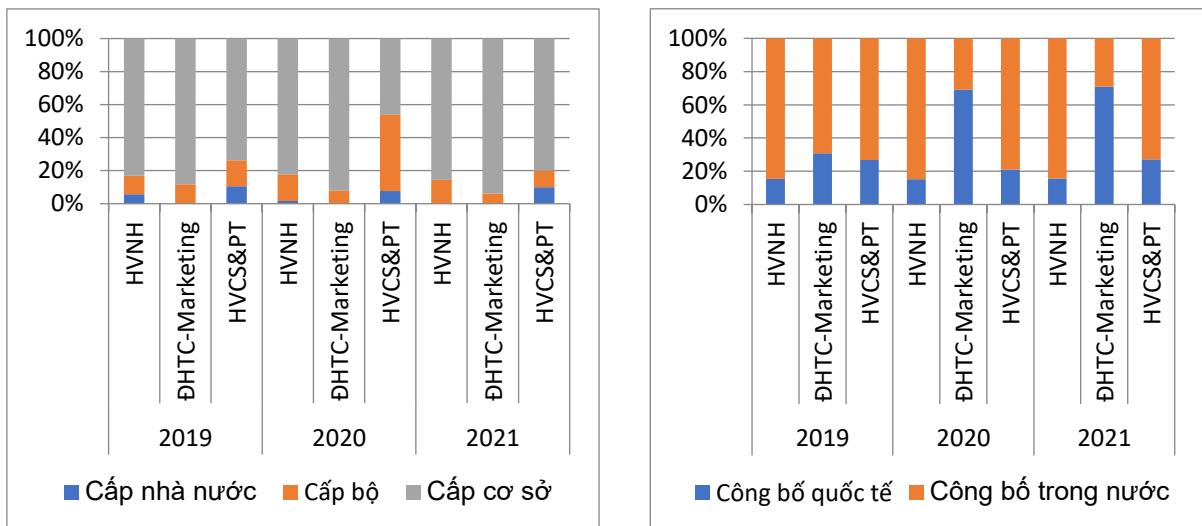
vững Việt Nam (VSF) lần thứ hai. **[H1.24.02.05]**

Năm 2021, Học viện tiếp tục hợp tác với các đối tác quốc tế như Đại học Purdue, Đại học Portland, Đại học bang Georgia – Hoa Kỳ; Đại học Middlesex – Vương quốc Anh; Đại học Rennes 1 – Pháp; cùng các tổ chức quốc tế lớn như: KOICA, USAID, World Bank, ADB, McKinsey,... trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tích cực thiết lập quan hệ hợp tác với Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam, mở rộng quan hệ hợp tác và ký kết MOU với Học viện Lithan – Singapore. **[H1.24.02.05]**

Năm 2022, Học viện tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác với các đối tác là các trường đại học uy tín trên thế giới và các tổ chức quốc tế lớn trước đó. Thiết lập quan hệ hợp tác và ký kết MOU với các đối tác mới như Trường Quản trị Normandie, Đại học Khoa học Quản trị - Pháp, Học viện Hume Institute Lausanne - Thụy Sĩ; Đại học Andrews – Hoa Kỳ; Đại học Kadiri – Indonesia trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên và sinh viên, đón và làm việc với Bí thư Thứ nhất Đại sứ quán Singapore về cơ hội hợp tác trong năm 2023. **[H1.24.02.05]**

Các biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa Học viện và các đối tác trên nhiều lĩnh vực như: hợp tác đào tạo, trao đổi GV và sinh viên, tài trợ học bổng, cơ sở vật chất... từng bước được triển khai hiệu quả, bước đầu đem lại lợi ích cho HV **[H1.24.02.05]**.

Năm 2019, 2023, “Ngày hội Tuyển dụng lao động trực tiếp 2019”, “Hội chợ việc làm - Cầu nối nguồn nhân lực 2023”, được tổ chức với sự tham gia của hàng ngàn sinh viên tham dự, tạo cơ hội nghề nghiệp cho hàng trăm sinh viên trước khi ra trường cũng như giúp nhà tuyển dụng lựa chọn được các ứng viên phù hợp **[H1.24.02.08]**.



Nguồn: Học viện Chính sách và Phát triển

Hình 24.1. Số lượng, tỷ lệ tăng trưởng hàng năm về các mối quan hệ, hợp tác liên kết đào tạo, bồi dưỡng, BCKH và chuyển giao công nghệ với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp

- Về hoạt động tình nguyện và an sinh xã hội:

Với tinh thần tương thân, tương ái, Công đoàn Học viện thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh - xã hội như quyên góp ủng hộ viên chức mắc bệnh hiểm nghèo, quyên góp ủng hộ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, quyên góp ủng hộ nhân dân 2 xã An Thượng và An Khánh phòng chống dịch Covid 19, ủng hộ trẻ em thiệt thòi và người khuyết tật [H1.24.02.10].

Bảng 24.9. Số tiền, hiện vật quyên góp ủng hộ (từ 01/01/2018 - 31/12/2022)

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Số tiền quyên góp	116.865.570	8.000.000	65.827.496	137.835.217	60.000.000
Hiện vật	<ul style="list-style-type: none"> - Chi ủng hộ phòng chống dịch Covid-19 và ủng hộ đồng bào miền Tây bị hạn mặn theo công văn số 27/CV-CĐBKHĐT: 25.200.000đ - Chi tiền mua bánh kẹo, quà tặng cho nhóm hợp ca hi vọng nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2020: 12.463.000đ - Ủng hộ miền Trung: 52.774.895đ - Ủng hộ 1 ngày lương tháng 7: 26.427.675đ 	<ul style="list-style-type: none"> - Ủng hộ Tết sẻ chia – Xuân ấm Nậm Mạnh 2019: 2.500.000đ; - Mua 02 vé ủng hộ Quỹ Hội chữ thập đỏ: 500.000đ; - Ủng hộ các em khuyết tật, thiệt thòi của Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề, hỗ trợ trẻ thiệt thòi đón tết Kỷ Hợi 2019: 1.000.000đ; - Ủng hộ chương trình "Mùa hè xanh 2019" làm công trình thanh niên : 4.000.000đ; 	<ul style="list-style-type: none"> - Ủng hộ chương trình Tết sẻ chia năm 2018: 1.000.000đ - Ủng hộ các cháu khuyết tật trung tâm nhân đạo Hồng Đức - TW Hội chữ thập đỏ Việt Nam: 500.000đ - Ủng hộ Quỹ nạn nhân chất độc da cam Đioxin: 500.000đ - Ủng hộ hội chất độc màu da cam quận Cầu Giấy: 400.000đ - Trích 02 ngày lương tháng 6/2018 của các công đoàn viên để ủng hộ, quyên góp các Quỹ xã hội từ thiện năm 	<ul style="list-style-type: none"> - Chăm lo cho đoàn viên nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu: 9.500.000đ - Chăm lo cho đoàn viên nhân Ngày Thương binh, liệt sĩ: 500.000đ - Hỗ trợ khó khăn cho đoàn viên: 500.000đ - Ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19 + Đợt 1: 10.000.000đ + Đợt 2: 26.990.543đ - Ủng hộ chương trình Máy tính cho em: 27.927.674đ - Ủng hộ UBND xã An Thượng, An Khánh phòng chống dịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Ủng hộ kinh phí xây dựng nghĩa trang Trường Sơn (25/02/2022): 56.000.000đ - Hỗ trợ kinh phí tổ chức chương trình thiện nguyện tại Hà Tĩnh từ ngày 06/5/2022 đến ngày 07/5/2022 của Đoàn Thanh niên Học viện: 4.000.000đ

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
			2018: 53.427.496đ - Trích 1/2 ngày lương tháng 08/2018 quyên góp, ủng hộ nhân dân CHDCND Lào bị thiệt hại do vỡ đập thủy điện tại tỉnh Attapeu: 10.000.000đ	Covid: 8.000.000đ - Thăm hỏi ốm đau, hiếu hi: 16.000.000đ - Hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn về quê ăn tết: 18.660.000đ - Chi hỗ trợ tổ chức buổi dã ngoại nhân dịp 8/3: 9.757.000đ - Chi ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa do Công đoàn Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát động: 10.000.000đ	

Trong giai đoạn 2018- 2022, Đoàn Thanh niên Học viện tiếp tục tích cực, chủ động tổ chức các chương trình, đội hình cho các sinh viên tình nguyện tham gia vào chiến dịch “Mùa hè xanh”, đến các địa phương, thực hiện cải tạo môi trường,... Các hoạt động nổi bật có thể kể đến như: Chương trình “Nắng hoà bình 2” cho trẻ em khuyết tật tại bệnh viện phục hồi chức năng; chương trình “Trung thu cho em - thấp sáng Đạo Viện” tại Tuyên Quang; chương trình “Đông ấm vùng cao” tại xã Tân Lập, Chợ Đồn, Bắc Kạn; “Ngày hội hiến máu” hàng năm [H1.24.02.10].

**Bảng 24.10. Các hoạt động tình nguyện của sinh viên
(tại chỗ và tại địa bàn xa) giai đoạn 2018 - 2022**

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Số hoạt động được tổ chức	3	2	2	1	3
Số đội tình nguyện	3	2	2	1	3
Số sinh viên tham gia	95	55	52	25	102

Việc giám sát tác động xã hội và kết quả các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cũng được thực hiện chặt chẽ. Ban Giám đốc Học viện phê duyệt kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng hàng năm của HV, tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động. Phòng Chính trị và Công tác sinh viên là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch, hoàn thiện báo cáo kết quả kết nối và và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội hàng năm. Sau khi kết thúc mỗi hoạt động, Học viện cũng chủ động họp tổng kết và rút kinh nghiệm, liên hệ với các địa phương, các đối tác và các bên liên quan đến hoạt động để lấy ý kiến, tiếp thu và có những điều chỉnh, thay đổi cần thiết để đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội [H1.24.02.16]. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan đều đánh giá tốt tác động xã hội và kết quả phục vụ cộng đồng của HV thông qua thư cảm ơn của các đơn vị trực tiếp được hỗ trợ, các khen thưởng, ghi nhận, chứng nhận của các tổ chức... [H1.24.02.13].

Thông qua các Báo cáo tổng kết năm học, Báo cáo Kết quả hoạt động kết nối và và phục vụ cộng đồng của Học viện [H1.24.02.06], Báo cáo 3 công khai hàng năm [H1.24.02.14] và các Báo cáo tổng kết hàng năm (năm học) của các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong HV [H1.24.02.06] đặc biệt trong phần đánh giá, rút kinh nghiệm và phương hướng hoạt động đã thể hiện cụ thể kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng công tác kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hàng năm, hoạt động kết nối và và phục vụ cộng đồng chung của toàn Học viện được thể hiện trong kế hoạch năm học của Học viện [H1.24.03.01]. Căn cứ vào kế hoạch chung, các đơn vị và tổ chức đoàn thể đưa vào kế hoạch công tác hàng năm (năm học, học kỳ) và triển khai thực hiện [H1.24.03.02], [H1.24.03.03], [H1.24.03.04], [H1.24.03.05], [H1.24.03.06].

Học viện đã ban hành Quy định kết nối và phục vụ cộng đồng tại Học viện trong đó quy định cụ thể phạm vi, nội dung, trách nhiệm của Ban Giám đốc, các đơn vị, tổ chức đoàn thể về công tác kết nối và phục vụ cộng đồng, đồng thời chỉ rõ trách nhiệm giám sát, tổng hợp kết quả phục vụ cộng đồng, nguồn lực huy động để thực hiện các nhiệm vụ [H1.24.03.07].

Đánh giá việc tham gia của viên chức, người lao động vào các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện qua Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Quy chế tạm thời về thu nhập tăng thêm năm 2023 của Học viện, viên chức người lao động tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng được tính 10/100 điểm. Cách tính điểm căn cứ vào số lần

viên chức tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng do Học viện hoặc đơn vị tổ chức như tham gia tổ covid cộng đồng, tham gia hiến máu, tham gia ủng hộ đồng bào vùng dịch; tham gia ủng hộ quỹ vắc xin phòng, chống covid-19... yêu cầu phải có minh chứng phù hợp kèm theo **[H1.24.03.13]**. Đối với sinh viên, đây là một tiêu chí khi đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên từng học kỳ/năm học **[H1.24.03.09]**.

Học viện luôn tiến hành khảo sát sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên đối với hoạt động của trường, chất lượng CTĐT, nghiên cứu khoa học..., khảo sát ý kiến người học về các mặt hoạt động của trường, trong đó có các nội dung về hỗ trợ người học như tổ chức các buổi Đối thoại giữa Ban Giám đốc Học viện và sinh viên, tình trạng việc làm, đào tạo trực tuyến, nghiên cứu khoa học, Thư viện, tổ chức Hội chợ việc làm... **[H1.24.03.10]**, **[H1.24.03.12]** để từ đó làm cơ sở cho việc đánh giá, điều chỉnh, xây dựng kế hoạch phục vụ hỗ trợ sinh viên được tốt hơn. Qua các kết quả khảo sát, tỷ lệ người học hài lòng với các hoạt động hỗ trợ người học do Học viện cung cấp đều trên 90%. Qua các báo cáo tổng kết năm / năm học của các đơn vị trực thuộc, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Học viện đều đánh giá đội ngũ viên chức, người lao động, người học cơ bản đều tích cực tham gia vào các hoạt động do Học viện, Công đoàn, Đoàn Thanh niên phát động, trong đó có các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng **[H1.24.03.11]**, **[H1.24.03.12]**

Bằng những hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên Học viện, cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Học viện thêm ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân, tập thể trong công tác cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện rất quan tâm đến sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội của Học viện. Học viện tập hợp ý kiến đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội bằng nhiều hình thức: thư cảm ơn, bằng khen, giấy khen, kết quả điều tra khảo sát, báo cáo tổng kết các hoạt động... Căn cứ kết quả phản hồi, Học viện tiến hành rà soát, đánh giá, tổng kết và đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng các hoạt động, thể hiện trong các Báo cáo tổng kết hằng năm, kết luận các Hội nghị... Qua đó, hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Học viện ngày càng thu hút được đông đảo viên chức, người lao động và sinh viên tham gia, đối tượng phục vụ được mở rộng, chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao.

Đối với sinh viên:

Học viện định kỳ tổ chức khảo sát, lấy ý kiến về các vấn đề hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên như: hoạt động giảng dạy của giảng viên; chương trình đào tạo; hoạt động hỗ trợ người học (khám sức khỏe, tổ chức Hội chợ việc làm, tổ chức Đối thoại giữa Ban Giám đốc Học viện và sinh viên về việc xét, cấp học bổng cho sinh viên...), để từ đó có những cải tiến thiết thực, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo để phát triển toàn diện cho sinh viên [H1.24.04.01].

Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức đối thoại giữa Ban Giám đốc Học viện, lãnh đạo các đơn vị đào tạo và phục vụ của Học viện với sinh viên, cung cấp và giải thích các thông tin đào tạo, lắng nghe và chia sẻ, giải đáp, trao đổi với người học các vấn đề được quan tâm. Những kiến nghị, phản hồi từ phía sinh viên về công tác đào tạo, phục vụ và hỗ trợ người học được Phòng Chính trị và Công tác sinh viên tổng hợp và báo cáo Ban Giám đốc để có ý kiến chỉ đạo giải quyết các vấn đề tồn đọng, triển khai các biện pháp cải tiến [H1.24.04.04]. Từ năm học 2019-2020 đến nay, Học viện chuyển về trụ sở mới tại Nam An Khánh, đưa vào sử dụng giảng đường nhà 7F dành cho sinh viên, lắp hệ thống loa, quạt, máy chiếu, bàn ghế cho sinh viên [H1.24.04]... Ngoài ra, công tác hỗ trợ thủ tục hành chính cho sinh viên từ các Phòng / Trung tâm cũng được cải thiện mạnh mẽ: cải thiện chất lượng cổng thông tin sinh viên để thực hiện được nhiều tác vụ; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để tăng tính liên thông liên kết giữa các đơn vị thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ người học. Bên cạnh đó Học viện còn thực hiện tin học hóa APD-Slink, giải quyết thủ tục hành chính. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Học viện thực hiện tin học hóa với APD-Slink, nhằm giải quyết các thủ tục hành chính online cho sinh viên qua email motcuasv@apd.edu.vn. Công tác nhập học cho tân sinh viên khóa mới cũng được cải tiến các khâu như nộp học phí được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản thay vì nộp tiền mặt như trước đây, khâu khám sức khỏe đầu khóa cũng được cải tiến nhằm tạo điều kiện hơn cho sinh viên, chẳng hạn như sinh viên có thể khám ở các cơ sở khám chữa bệnh và nộp phiếu khám cho Bộ phận Y tế của Học viện...

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động hỗ trợ của Học viện ngày càng tăng.

Bảng 24.11. Mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo

(*đối sánh với Học viện Tài chính, Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2019 - 2021*) [H1.24.04.01]

Năm	2019	2020	2021
Học viện Chính sách và Phát triển	94.1%		94.1%
Học viện Tài chính	94.02%	96.88%	96.9%
Trường Đại học Tài chính – Marketing	93.2%	92.2%	91.6%

Bảng 24.12. Khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về khám sức khỏe giai đoạn 2018 - 2022

(Tỷ lệ % sinh viên Rất hài lòng và Hài lòng/Tổng số sinh viên được khảo sát)

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Thông báo, hướng dẫn KSK (kịp thời, dễ hiểu...)	92	91	93	93	92
Thủ tục KSK (thuận tiện, đơn giản...)	92	90	92	92	92
Chất lượng KSK (quy trình, thái độ phục vụ...)	91	91	92	92	92
Nhận kết quả (nhanh, thuận tiện...)	94	92	93	94	93
Giải đáp thắc mắc, kiến nghị của sinh viên	93	91	92	94	92

Đối với cựu sinh viên:

Học viện xây dựng mạng lưới liên kết với cựu sinh viên để thu thập ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo, qua đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhằm cạnh tranh tốt hơn trong việc cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường **[H1.24.04.09]**

Đối với giảng viên:

Học viện tổ chức lấy ý kiến về chất lượng CTĐT, đào tạo trực tuyến, nghiên cứu khoa học, chất lượng phục vụ của các đơn vị trong Học viện (khỏi phục vụ) nhằm đẩy mạnh, nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ, hỗ trợ dạy và học **[H1.24.04.01]**.

Đối với các nhà tuyển dụng, tổ chức xã hội nghề nghiệp, chuyên gia, các địa phương:

Học viện tổ chức lấy ý kiến về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, mức độ đáp ứng của kiến thức, kỹ năng học từ nhà trường cho công việc, về phối hợp tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, Hội chợ việc làm, các chương trình tình nguyện, an sinh xã hội... **[H1.24.04.02]**.

Sau mỗi hoạt động, Học viện tiến hành rà soát lại hiệu quả hoạt động và đánh giá hiệu quả của hoạt động để rút ra bài học kinh nghiệm, từ đó có những điều chỉnh, cải

tiến kịp thời để đem lại hiệu quả kết nối và phục vụ cộng đồng cao nhất, mang lại sự hài lòng nhất cho các bên liên quan. Các ý kiến góp ý về các hoạt động đều được Ban Giám đốc và các đơn vị liên quan ghi nhận và triển khai thực hiện theo đúng nội dung đã ghi nhận trong biên bản, một số ý kiến nêu ra trong cuộc họp đều có phản hồi tích cực từ lãnh đạo Học viện và các đơn vị chức năng liên quan. Ví dụ, thành phần tham gia Hội chợ việc làm từ năm 2023 về trước chỉ có các ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, Học viện còn có các ngành đào tạo khác như kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, ngoại ngữ... nên các Khoa/ Viện chuyên ngành mong muốn đa dạng hơn nữa các loại hình, tổ chức, doanh nghiệp tham gia.

Ý thức được trách nhiệm xã hội, Công đoàn Học viện đã phát động thêm nhiều chương trình có ý nghĩa và lan tỏa tới cộng đồng với sự tham gia của nhiều sinh viên, viên chức, người lao động trong Học viện: quyên góp ủng hộ viên chức mắc bệnh hiểm nghèo, quyên góp ủng hộ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, quyên góp ủng hộ nhân dân 2 xã An Thượng và An Khánh phòng chống dịch Covid 19, ủng hộ trẻ em thiệt thòi và người khuyết tật [H1.24.04.07], [H1.24.04.08]

Việc cung cấp các dịch vụ cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được liên tục cải tiến hàng năm đã nhận được phản hồi tích cực của cả sinh viên, cán bộ, giảng viên và được các cơ quan, ban, ngành, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động ghi nhận, đánh giá cao [H1.24.04.05]. Sau khi kết thúc mỗi hoạt động, Học viện cũng chủ động họp tổng kết và rút kinh nghiệm, liên hệ với các địa phương, các đối tác và các bên liên quan đến hoạt động để lấy ý kiến, tiếp thu và có những điều chỉnh, thay đổi cần thiết để đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. [H1.24.04.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện luôn xác định tầm quan trọng của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm xã hội của mình với xã hội, cộng đồng. Học viện luôn xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát để cải tiến liên tục hoạt động, được các bên liên quan đánh giá, ghi nhận.

- Học viện luôn quan tâm, đa dạng hóa, đổi mới các loại hình, khối lượng tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng. Viên chức, người lao động, sinh viên Học viện tích cực trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, thiện nguyện... để kết nối và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Khó khăn về kinh phí: Mặc dù Học viện đã có nhiều cố gắng trong công tác kết

nổi và phục vụ cộng đồng, tuy nhiên với mô hình của một trường công lập, kinh phí vẫn còn rất hạn chế, chủ yếu từ nguồn ngân sách cấp nên các loại hình, khối lượng tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng còn chưa xứng tầm, chưa theo kịp đòi hỏi của xã hội đang phát triển và hội nhập rất nhanh.

- Khó khăn về thời gian: Hiện nay áp lực công tác chuyên môn (giảng dạy, học tập, nghiên cứu, phục vụ) nên cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện thường xuyên trong tình trạng hạn chế về thời gian để tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

- Các sản phẩm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tính ứng dụng, thực tiễn còn hạn chế (mới chủ yếu ứng dụng trong giảng dạy). Đây cũng là đặc điểm chung của nhiều sản phẩm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của các trường đại học khối kinh tế.

- Hệ thống thu thập, tổng hợp cơ sở dữ liệu về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng còn chưa hoàn thiện.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Khắc phục khó khăn về kinh phí: Học viện đã và đang chủ động tìm các nguồn xã hội hóa các hoạt động, các đơn vị chức năng luôn chủ động tìm các nguồn từ các tổ chức và cá nhân, doanh nghiệp, nhà hảo tâm, cựu sinh viên, ... để chủ động hơn nữa trong công tác này. Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn từ các tổ chức trong và ngoài nước để phát triển khoa học và công nghệ phục vụ cộng đồng...	P. Chính trị và Công tác sinh viên, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Công đoàn, Đoàn Thanh niên	năm 2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Khắc phục khó khăn về thời gian: Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm chi tiết, khoa học nhưng đảm bảo tính linh hoạt.	Ban Giám đốc, Các đơn vị trực thuộc	Năm 2024
3	Khắc phục tồn tại 3	Nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên, sinh viên. Tăng cường hợp tác giữa Học viện với các đối tác (các trường đại học, doanh nghiệp, địa phương...) trong thực hiện nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu của ngành và nền kinh tế	Ban Giám đốc, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Các Khoa/ Viện	Năm 2024

4	Khắc phục tồn tại 4	Xây dựng kế hoạch cụ thể về việc thu thập các thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Năm 2024
5	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên rà soát việc thực hiện kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát để cải tiến liên tục hoạt động, được các bên liên quan đánh giá, ghi nhận.		
6	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường quan tâm, đa dạng hóa, đổi mới các loại hình, khối lượng tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng		

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 24	5,0
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	5
Tiêu chí 24.3	5
Tiêu chí 24.4	5

TIÊU CHUẨN 25. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG

Tiêu chí 25.1: Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện đã thiết lập hệ thống giám sát, đối sánh kết quả việc thực hiện các chỉ số tài chính để cải tiến bao gồm các báo cáo quyết toán [H1.25.01.01]; báo cáo tài chính [H1.25.01.02], Biên bản thẩm định báo cáo quyết toán hàng năm [H1.25.01.03], Báo cáo tại Hội nghị Cán bộ viên chức [H1.25.01.04].

Học viện đã phân bổ một cách hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo chi phí cho các hoạt động thường xuyên trong đó có hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H1.25.01.05]. Cơ cấu các nguồn kinh phí chi thường xuyên trung bình trong 5 năm lần lượt là: NSNN chiếm 25% ; nguồn thu từ học phí chiếm 53% và nguồn thu khác chiếm 22%. Tổng thu có xu hướng tăng qua từng năm, năm 2022 tổng thu tăng gấp 1,35 lần so với năm 2018.

Tỷ lệ phát triển nguồn thu của Học viện tăng dần hàng năm, năm sau cao hơn năm trước (Bảng số liệu), đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Học viện, góp phần

tăng thu nhập cho cán bộ, giảng viên.

Bảng 25.1. Thống kê nguồn thu học phí trong 5 năm 2018 – 2022

DVT: Triệu đồng

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng thu học phí (triệu đồng)	34.478	42.546	53.449	62.251	88.463
Tỷ lệ phát triển (%) so năm trước)	139%	123%	126%	116%	142%

(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính)

Bảng 25.2. Thống kê tổng nguồn thu trong 5 năm 2018 - 2022

DVT: Triệu đồng

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng thu (triệu đồng)	46.407	54.475	65.378	73.014	98.713
Tỷ lệ phát triển	114%	117%	120%	112%	135%

Ngoài ra, Bảng số liệu, đối sánh giữa các năm để chi cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, con người và cơ sở vật chất với tổng chi thường xuyên cho thấy các chỉ số tài chính luôn được giám sát, được rà soát, điều chỉnh, thay đổi từng năm cho phù hợp với chiến lược phát triển của Học viện [H1.25.01.01] Trong các năm gần đây, Học viện chú trọng chi cho đầu tư xây dựng cơ bản chiếm một tỷ trọng lớn để đáp ứng với nhu cầu nâng cao cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, phòng máy... Khi các hoạt động này ổn định, xu hướng tài chính của Học viện là đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, và ưu tiên cho hoạt động phục vụ cộng đồng một cách có hệ thống. Đây là xu thế tài chính tất yếu phù hợp với quy mô sinh viên ngày càng phát triển, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển Học viện, xứng đáng với vị thế của Học viện, với niềm tin của người học, của xã hội cũng như thương hiệu Học viện trong hệ thống giáo dục Việt Nam ngày càng tăng hiện nay. Ngoài nguồn chi thường xuyên, Học viện còn nhận được nguồn vốn từ đầu tư công ; sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc [H1.25.01.06].

Dự án Đầu tư Xây dựng cơ sở vật chất của Học viện đã dần hoàn thiện để đưa vào sử dụng. Học viện chú trọng vào đầu tư phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm tuyển sinh; phần mềm quản lý đề thi; phần mềm quản lý thư viện số, trang bị phòng máy, xây dựng cổng thông tin Học viện Chính sách và Phát triển...

Bảng 25.3. Thống kê tổng chi lương, chi NCKH, chi cơ sở vật chất, chi cho hoạt động đào tạo và chi phục vụ cộng đồng từ nguồn chi thường xuyên

ĐVT: Triệu đồng

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng chi TX	30.817	35.729	43.584	46.449	64.062
1. Lương ngạch bậc + phụ cấp	10.093	10.654	12.774	14.553	19.731
<i>% so với tổng chi</i>	<i>32,75%</i>	<i>29,82%</i>	<i>29,31%</i>	<i>31,33%</i>	<i>30,80%</i>
2. Chi nghiên cứu khoa học	2.624	3.812	6.046	7.484	15.389
<i>% so với tổng chi</i>	<i>8,51%</i>	<i>10,67%</i>	<i>13,87%</i>	<i>16,11%</i>	<i>24,02%</i>
3. Chi mua sắm, sửa chữa	1.443	2.121	2.969	3.687	5.260
<i>% so với tổng chi</i>	<i>4,68%</i>	<i>5,94%</i>	<i>6,81%</i>	<i>7,94%</i>	<i>8,21%</i>
4. Chi cho hoạt động đào tạo	16.499	18.949	21.260	20.110	23.418
<i>% so với tổng chi</i>	<i>53,54%</i>	<i>53,04%</i>	<i>48,78%</i>	<i>43,29%</i>	<i>36,56%</i>
5. Chi phục vụ cộng đồng	158	193	535	615	264
<i>% so với tổng chi</i>	<i>0,51%</i>	<i>0,54%</i>	<i>1,23%</i>	<i>1,32%</i>	<i>0,41%</i>

(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính)

Phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo đủ kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của Học viện, trong đó không ngừng nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức. Năm 2022, thu nhập của cán bộ cao hơn 1,15 lần so với năm 2018 [H1.25.01.07]. Nguồn thu của Học viện đã đáp ứng được các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chi đầu tư phát triển và các hoạt động khác. Qua các Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm, Hội nghị tổng kết năm học và Hội nghị tài chính, đều nhận được ý kiến phản hồi tốt, các đơn vị đánh giá cao việc lập kế hoạch và sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính [H1.25.01.08]. Hàng năm Học viện đều được các cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm tra xét duyệt quyết toán. Công tác quản lý tài chính của Học viện được các cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước tiến hành kiểm toán, thanh tra theo kế hoạch và đều được đánh giá tốt [H1.25.01.09].

Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, việc triển khai đề tài nghiên cứu khoa học các cấp tiếp tục được duy trì [H1.25.01.10]. Điểm nổi bật là số lượng đề tài cấp Nhà nước và tương đương cấp Nhà nước (Nafosted) tăng lên. Bên cạnh đó, số lượng đề tài cấp Ngành và cấp Cơ sở duy trì ở mức cao. Đây là cơ hội cho nhiều cán bộ, giảng viên được chủ nhiệm đề tài; từ đó làm cơ sở để cán bộ, giảng viên được thi/ xét thăng hạng nghề nghiệp và đấu thầu những đề tài có quy mô lớn hơn trong tương lai. Ngoài những đề tài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Học viện Chính sách và Phát triển giao thực hiện,

cán bộ, giảng viên Học viện còn tích cực, chủ động trong việc tìm kiếm đầu thầu và tham gia đề tài từ những tổ chức khoa học và công nghệ khác [H1.25.01.11].

Học viện đảm bảo phân bổ đủ 8% tổng nguồn thu học phí chi học bổng cho sinh viên theo quy định Thông tư số 31/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Sau mỗi kỳ học, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị Sinh viên phối hợp với các Khoa để phân bổ hợp lý và chính xác số lượng học bổng cho sinh viên toàn Học viện [H1.25.01.12]

Bảng 25.4. Tỷ lệ chi học bổng hàng năm

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Học phí ĐHCQ	26.752	32.044	39.761	48.624	59.873
Chi học bổng sinh viên	1.790	2.243	2.391	3.147	3.940
Tỷ lệ chi học bổng (%)	8%	8%	8%	8%	8%

(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính)

Việc chi trả thu nhập cho cán bộ, viên chức và chi trả học bổng cho sinh viên được thực hiện qua tài khoản cá nhân tại ngân hàng [H1.25.01.13]. Học viện thực hiện thu học phí qua tài khoản cá nhân của người học tại các ngân hàng thông qua hợp đồng kí kết giữa Học viện và Ngân hàng và năm 2021 đã cải tiến thu qua hệ thống Viettel pay [H1.25.01.14]. Việc thực hiện các phương thức thanh toán điện tử qua ngân hàng một cách chính xác đã mang lại sự thuận tiện và hài lòng cho cán bộ viên chức và người học.

Học viện đã xây dựng Phương án tự chủ giai đoạn 2023 – 2025 đề ra kế hoạch hành động nhằm khai thác thế mạnh của Học viện trong việc đem lại các nguồn kinh phí để đầu tư phát triển Học viện, thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ viên chức, hiện đại hoá cơ sở vật chất, nâng cao hơn nữa thu nhập cho cán bộ, viên chức, hướng đến kết quả hoạt động tài chính ngày càng tốt hơn [H1.25.01.15].

Tổng nguồn thu tăng trong giai đoạn 2018 - 2022. Sự chênh lệch thu chi tăng đều qua các năm là do thực hiện tốt việc quản lý chi phí và tiết kiệm trong chi tiêu. Thu nhập bình quân của cán bộ giảng viên tăng ổn định, đời sống cán bộ giảng viên được cải thiện. Học phí hàng năm của một sinh viên thực hiện theo đúng định mức quy định tại Nghị định 86 [H1.25.01.16]. Ngoài việc quan tâm đến nâng cao thu nhập cho cán bộ viên chức và đảm bảo chi trả học bổng theo đúng quy định, hàng năm Học viện còn dành kinh phí cho công tác phục vụ cộng đồng như chăm sóc sức khỏe và tổ chức khám chữa bệnh cho cán bộ, giảng viên [H1.25.01.17] và sinh viên [H1.25.01.18]; hỗ trợ khó khăn do Covid-19 [H1.25.01.19]; tổ chức các hoạt động Công đoàn, hoạt động tình nguyện, hiến máu, mùa hè xanh do Đoàn Thanh niên thực hiện; hỗ trợ xây dựng không gian đọc cho trẻ em vùng cao; mở các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn phục vụ nhu cầu của người học; thực hiện các hợp đồng quy hoạch với các địa phương...

Kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thể hiện đầy đủ trong các báo cáo [H1.25.01.20] và công khai lấy ý kiến đóng góp, phản hồi tại các hội nghị tổ chức hàng năm [H1.25.01.21]. Đồng thời, sau mỗi năm học, Học viện có tổ chức các cuộc họp tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, và hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính đối với các hoạt động của các đơn vị có liên quan. Về chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, số liệu thu chi, thặng dư và tỷ trọng thu chi được tổng hợp theo các hệ đào tạo để phục vụ công tác quản trị, đánh giá về hiệu quả tài chính của các hệ đào tạo (cao học, đại học chính quy đại trà, đại học chính quy chất lượng cao, đào tạo hợp tác quốc tế, cao đẳng, liên thông...) [H1.25.01.22]. Về chỉ số tài chính của hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, số liệu thu chi hàng năm được tổng hợp và so sánh [H1.25.01.23]. Trên cơ sở đó đưa ra các đánh giá về kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, tồn tại và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch tài chính cho năm học tiếp theo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 25.2: Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong suốt quá trình xây dựng và trưởng thành, Học viện Chính sách và Phát triển đã phát triển không ngừng. Từ một cơ sở đào tạo chuyên về lĩnh vực chính sách công đến nay Học viện đã mở rộng đào tạo theo hướng đa ngành. Trình độ và tính chuyên nghiệp của đội ngũ giảng viên ngày càng được nâng cao. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng tốt các yêu cầu của nhà tuyển dụng và xã hội, góp phần khẳng định vị thế của Học viện Chính sách và Phát triển và là một trong những cơ sở đào tạo về kinh tế hàng đầu của Việt Nam [H1.25.02.01]. Những năm gần đây Học viện Chính sách và Phát triển phát triển mạnh các hoạt động hợp tác đào tạo hợp tác quốc tế thông qua các chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên, liên kết đào tạo với nhiều trường đại học có uy tín trên thế giới [H1.25.02.02]. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách và chuyển giao công nghệ của Học viện Chính sách và Phát triển đã tạo động lực thúc đẩy nâng cao chất lượng đào tạo và đóng góp có hiệu quả cho nền kinh tế.

Học viện Chính sách và Phát triển xác định sứ mệnh cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao, các nghiên cứu có tầm ảnh hưởng, cùng với dịch vụ tư vấn và hoạt động phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh - quản lý, pháp luật, ngoại ngữ và công nghệ thông tin. Học viện Chính sách và Phát triển tiên phong xây dựng môi trường giáo dục tiên tiến, văn minh, mang đến cơ hội học tập liên tục, khai phóng sự sáng tạo và phát triển con người toàn diện.

Học viện Chính sách và Phát triển đã ban hành các văn bản, các quy định, kế hoạch cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng như: Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp dự kiến, các chỉ số về

hoạt động khoa học và công nghệ, tăng cường nguồn lực, sự phát triển cơ sở vật chất, các kế hoạch về hoạt động phục vụ cộng đồng, ... Việc rà soát công tác tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được Học viện theo dõi qua các cuộc họp (họp xem xét của lãnh đạo, họp giao ban công tác sinh viên, giao ban đào tạo, họp rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động tuyển sinh, phục vụ cộng đồng, ...) hàng tháng. Các đơn vị làm báo cáo tổng kết công tác tháng, công tác năm học, qua đó giúp các đơn vị rà soát lại các kết quả và chỉ số về thị trường **[H1.25.02.03]**.

Chiến lược của Học viện Chính sách và Phát triển Xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học tự chủ, đa ngành, đa lĩnh vực, có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn và phản biện chính sách, thuộc nhóm các trường hàng đầu về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển; tiên phong trong chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; có hệ thống quản trị hiện đại, đạt chuẩn của khu vực và thế giới;

Mục tiêu cụ thể, Chuyển đổi số mạnh mẽ để xây dựng nền tảng đại học thông minh, đại học số có tính chất mở, khả năng thích ứng và quốc tế hóa vào năm 2025; Trở thành đại học thông minh, có hệ thống quản trị hiện đại và có tính quốc tế hóa cao; có chất lượng, uy tín, thuộc nhóm 10 trường hàng đầu về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển tại Việt Nam vào năm 2030 **[H1.25.02.04]**.

Đảng bộ Học viện Chính sách và Phát triển liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh/hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên **[H1.25.02.05]**, Công đoàn luôn được công nhận là Công đoàn hoàn thành xuất sắc/hoàn thành nhiệm vụ **[H1.25.02.06]**.

Học viện đặc biệt chú trọng về chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, thể hiện qua các mục tiêu đánh giá đối với Giám đốc và tập thể Ban Giám đốc của Học viện hàng năm, trong đó có nội dung đánh giá về tuyển sinh và chất lượng đầu ra (chất lượng tuyển sinh đầu vào đại học dựa trên điểm chuẩn so với trung bình của 4 trường tương đương; tỷ lệ sinh viên ra trường đúng hạn của các hệ đào tạo; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm xếp loại khá, giỏi trở lên; tỷ lệ sinh viên ra trường hàng năm có việc làm...). Các chỉ số này được theo dõi, tổng hợp và giám sát qua Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên. Định kỳ, các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo đều được thực hiện đối sánh với các trường trong cùng khối ngành kinh tế như Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Thương mại, Học viện Tài chính... thông qua số liệu trong báo cáo ba công khai của các trường trên website **[H1.25.02.07]**. Điểm chuẩn của Học viện hàng năm luôn nằm trong top các trường khối ngành kinh tế, đảm bảo chất lượng sinh viên đầu vào. Kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo được thực hiện theo quy trình PDCA từ việc lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến chất lượng liên tục. Về CTĐT, Học viện đã triển khai đánh giá ngoài 05 ngành đào tạo. Trong những năm qua, Học viện đã mở mới nhiều ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Bên cạnh đó, Học viện cũng chú trọng vào việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội **[H1.25.02.08]**.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện rất được quan tâm, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Câu lạc bộ sinh viên tổ chức rất nhiều các hoạt động như hỗ trợ khó khăn do Covid-19, quyên góp ủng hộ đồng bào vùng lũ thiên tai, tham gia chương trình tình nguyện mùa hè, tiếp sức mùa thi...[H1.25.02.09]. Hàng năm Đoàn thanh niên Học viện tham gia vào chiến dịch "Mùa hè xanh", đến các địa phương nghèo để xây dựng đường xá, cầu qua kênh rạch, nhà công trình, sân chơi cho trẻ em, tặng quà cho người nghèo [H1.25.02.10]. Học viện Chính sách và Phát triển cũng đã thành lập Câu lạc bộ Sinh viên tình nguyện hoạt động hỗ trợ công tác tuyển sinh, hiến máu tình nguyện, đã có hơn 10 năm hoạt động, là một tổ chức đặc thù của Thanh niên Thủ đô, hoạt động chuyên sâu về vận động hiến máu. Trong nhiều năm trở lại đây, Câu lạc bộ đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ và chỉ tiêu đặt ra: Vận động hiến máu trực tiếp được cho khoảng 10.000 lượt người mỗi năm, tổ chức được hai chương trình hiến máu toàn Học viện /năm thu về khoảng 500 đơn vị máu /lần (thu hút trên 5.000 người tham dự); Vận động được 500 người tham gia Lễ hội Xuân hồng - Ngày hội hiến máu lớn nhất trong năm của Hội Thanh niên Vận động hiến máu Hà Nội; Tổ chức được các chương trình sinh hoạt phối hợp với các câu lạc bộ trong, ngoài Học viện; Tham gia nhiệt tình và đạt giải cao ở các cuộc thi được tổ chức bởi Hội Thanh niên Vận động hiến máu Hà Nội; Tham gia vào các hoạt động thường niên của Học viện Chính sách và Phát triển và các Câu lạc bộ trong Học viện [H1.25.02.11].

Những hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Câu lạc bộ sinh viên đã được xã hội và các đơn vị cấp trên ghi nhận đánh giá rất cao cụ thể như sau: Đoàn Thanh niên Học viện nhiều năm được tặng bằng khen trong phong trào của Đoàn Thanh niên Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chương trình tiếp sức mùa thi, chiến dịch mùa hè xanh trong nhiều năm liền; Giấy khen của TW Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, TW Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Thanh niên Vận động hiến máu Hà Nội cho những thành tích cá nhân và tập thể [H 1.25.02.12].

Công đoàn Học viện nhiều năm liền đều đạt danh hiệu công đoàn cơ sở xuất sắc trong hoạt động phong trào, thi đua, văn hóa thể dục thể thao. Công đoàn Học viện là cầu nối để cán bộ Giảng viên của Học viện tham gia các hoạt động thiện nguyện như: ủng hộ đồng bào vùng bão lũ, ủng hộ biển đảo; ủng hộ gây quỹ các mẹ Việt Nam anh hùng; Tham gia chương trình cây gậy trắng do Bộ Kế hoạch Đầu tư phát động; Ủng hộ các nhóm yếu thế thông qua các chương trình,...[H1.25.02.13]

Học viện thực hiện đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 04/10/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển ban hành về Quy chế quản lý hoạt động Nghiên cứu khoa học của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.25.02.14]. Đầu mối về giám sát kết quả hoạt động Nghiên cứu Khoa học là Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác. Về cơ chế giám sát, đối sánh, hàng năm, Học viện Chính sách và Phát triển tổ chức Hội nghị Tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa

học cho cán bộ giảng viên và sinh viên để tổng kết, đánh giá công tác, rút kinh nghiệm và cải tiến hoạt động; đồng thời có những biểu dương khen thưởng kịp thời [H1.25.02.15].

Học viện có cơ chế khuyến khích các nhà khoa học tạo ra các sản phẩm khoa học mới, có ý nghĩa khoa học và có đóng góp cho phát triển kinh tế, xã hội ở các địa phương bằng việc khen thưởng các nhà khoa học có bằng phát minh, sáng chế, có bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín tại Quy định thu chi nội bộ Học viện [H1.25.02.16]. Học viện có chính sách khen thưởng, động viên với các giảng viên công bố các sản phẩm khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; hình thức khen tuyên dương có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học. Kinh phí chi thưởng cho các cá nhân có bài báo quốc tế có xu hướng tăng.

Bảng 25.5. Chi bài báo quốc tế các năm

Đơn vị: triệu đồng

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Chi bài báo quốc tế	190	431	315	894	482

(Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tài chính)

Những đóng góp mới cho khoa học, đào tạo và thực tiễn của các đề tài, nhiệm vụ khoa học còn được thể hiện ở các nhận xét trong các biên bản nghiệm thu đề tài các cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở. 100% các đề tài đã thực hiện khi nghiệm thu đều được đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học, đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn.

Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên cũng được Học viện chú trọng, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên có ý nghĩa và ứng dụng thực tế cao, đạt giải cao cấp Bộ. Có sự hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên ngoài chính sách cộng điểm cho sinh viên, có phần thưởng dành cho sinh viên đạt các giải thưởng.

Có chính sách phục vụ đào tạo theo nhu cầu của người học như hoạt động trao đổi sinh viên với các Trường Đại học trên thế giới [H1.25.02.17]. Có chính sách tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp cho học sinh THPT khi tiếp cận lựa chọn ngành đào tạo ở trình độ đại học. Đặc biệt, Học viện hàng năm tổ chức các cuộc họp “Đối thoại sinh viên” lắng nghe những phản hồi từ phía người học về toàn bộ các chương trình học, cơ chế chính sách dành cho người học phản hồi để kịp thời điều chỉnh [H1.25.02.18].

Về hiệu quả hoạt động thị trường của Học viện trên các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ được đo lường dựa trên các chỉ số:

- Nguồn nhân lực do Học viện đào tạo cung cấp cho thị trường lao động.
- Sự hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo của Học viện.

Các chỉ số này được theo dõi hàng năm để đánh giá xu thế về hiệu quả hoạt động thị trường của Học viện, đồng thời cũng được đối sánh với một số trường đại học khác

để giúp định vị sự đóng góp của Học viện cho xã hội.

Kết quả phản hồi cho thấy các nhà tuyển dụng hài lòng với sản phẩm đào tạo của Học viện [H1.25.02.19]. Là trường đại học có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng và các ngành, chuyên ngành khác khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; Học viện Chính sách và Phát triển đã có nhiều đóng góp cho thị trường lao động thông qua việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước. Sinh viên Học viện Chính sách và Phát triển có thể thích ứng nhiều vị trí việc làm không chỉ trong các tổ chức tài chính - ngân hàng mà còn tại tất cả doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, các tổ chức quốc tế hay cơ quan quản lý Nhà nước. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên đều đã được tích lũy các kiến thức cơ bản cũng như các kỹ năng cần thiết như tiếng anh, vi tính và các kỹ năng mềm khác, giúp các em tự tin khi ứng cử các vị trí việc làm. Thường niên Học viện Chính sách và Phát triển có đưa sinh viên tham gia “Hội chợ việc làm - Cầu nối nhân lực” do các trường phối hợp tổ chức [H1.25.02.20]. Thông qua sự kiện, sinh viên tìm kiếm được cơ hội việc làm, các nhà tuyển dụng tiếp cận được nguồn nhân lực chất lượng cao. Đồng thời, tăng cường thêm sự gắn kết giữa Học viện với các đối tác, các đơn vị tuyển dụng, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Học viện và các ngân hàng, các doanh nghiệp, các đơn vị với cộng đồng. Đây là cơ hội để sinh viên tìm kiếm công việc trong môi trường chuyên nghiệp với mức thu nhập hấp dẫn, chuẩn bị hành trang tốt nhất trên con đường lập nghiệp sau này; đồng thời là dịp để Học viện Chính sách và Phát triển tiếp nhận các thông tin phản hồi từ các nhà tuyển dụng góp phần hoàn thiện chương trình, nội dung đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay. Thống kê tỷ lệ sinh viên Học viện Chính sách và Phát triển có việc làm trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp luôn đạt tỷ lệ cao khoảng 90% [H1.25.02.21].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 25:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Học viện đã đầu tư kinh phí phục vụ cho các hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng ngày càng tăng và mang lại hiệu quả cao.

Công tác nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng đã được thiết lập và theo dõi thường xuyên, có các biện pháp để cải thiện các chỉ số này.

2. Tóm tắt các tồn tại

Học viện hiện nay thiếu một hệ thống các chỉ số đánh giá hoàn chỉnh về hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các chỉ số thị trường chưa được thiết lập rõ ràng, cụ thể và chi tiết.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thiết lập hệ thống các chỉ số đánh giá hoàn chỉnh về hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	Đầu mối thiết lập chỉ số đào tạo: Phòng Quản lý Đào tạo; chỉ số nghiên cứu khoa học: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác; chỉ số phục vụ cộng đồng: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên; phối hợp với các đơn vị liên quan	2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Học viện đã trích lập các quỹ phục vụ cho các hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng ngày càng tăng	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Thường xuyên	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Công tác nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng đã được chú trọng đầu tư và theo dõi thường xuyên	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác làm đầu mối về công tác nghiên cứu khoa học; Phòng CTCTSV làm đầu mối về phục vụ cộng đồng; phối hợp với các đơn vị liên quan.	Thường xuyên	

3.4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 25	5
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	5

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược		
I.1	Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4,6	
1	1.1	5	
2	1.2	5	
3	1.3	5	
4	1.4	4	
5	1.5	4	
I.2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị	4,5	
6	2.1	5	
7	2.2	5	
8	2.3	4	
9	2.4	4	
I.3	Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	5	
10	3.1	5	
11	3.2	5	
12	3.3	5	
13	3.4	5	
I.4	Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	5	
14	4.1	5	
15	4.2	5	
16	4.3	5	
17	4.4	5	
I.5	Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	5	
18	5.1	5	
19	5.2	5	
20	5.3	5	
21	5.4	5	
I.6	Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	5	
22	6.1	5	
23	6.2	5	
24	6.3	5	
25	6.4	5	
26	6.5	5	
27	6.6	5	
28	6.7	5	
I.7	Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	5	
29	7.1	5	
30	7.2	5	
31	7.3	5	
32	7.4	5	
33	7.5	5	
I.8	Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	5	
34	8.1	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
35	8.2	5	
36	8.3	5	
37	8.4	5	
II	Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống		
II.9	Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	5	
38	9.1	5	
39	9.2	5	
40	9.3	5	
41	9.4	5	
42	9.5	5	
43	9.6	5	
II.10	Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	5	
44	10.1	5	
45	10.2	5	
46	10.3	5	
47	10.4	5	
II.11	Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin Đảm bảo chất lượng bên trong	5	
48	11.1	5	
49	11.2	5	
50	11.3	5	
51	11.4	5	
II.12	Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	4,6	
52	12.1	4	
53	12.2	4	
54	12.3	5	
55	12.4	5	
56	12.5	5	
III	Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện các chức năng		
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	5	
57	13.1	5	
58	13.2	5	
59	13.3	5	
60	13.4	5	
61	13.5	5	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	5	
62	14.1	5	
63	14.2	5	
64	14.3	5	
65	14.4	5	
66	14.5	5	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	5	
67	15.1	5	
68	15.2	5	
69	15.3	5	
70	15.4	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
71	15.5	5	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	5	
72	16.1	5	
73	16.2	5	
74	16.3	5	
75	16.4	5	
III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	5	
76	17.1	5	
77	17.2	5	
78	17.3	5	
79	17.4	5	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	5	
80	18.1	5	
81	18.2	5	
82	18.3	5	
83	18.4	5	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	5	
84	19.1	5	
85	19.2	5	
86	19.3	5	
87	19.4	5	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	5	
88	20.1	5	
89	20.2	5	
90	20.3	5	
91	20.4	5	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	5	
92	21.1	5	
93	21.2	5	
94	21.3	5	
95	21.4	5	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động		
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	5	
96	22.1	5	
97	22.2	5	
98	22.3	5	
99	22.4	5	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	5	
100	23.1	5	
101	23.2	5	
102	23.3	5	
103	23.4	5	
104	23.5	5	
105	23.6	5	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	5	
106	24.1	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
107	24.2	5	
108	24.3	5	
109	24.4	5	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	5	
110	25.1	5	
111	25.2	5	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 5/7 điểm (nhiều Tiêu chí);
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4/7 điểm (nhiều Tiêu chí);
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

PGS, TS Trần Trọng Nguyên

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD**CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/7/2023.

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Học viện Chính sách và Phát triển

Tiếng Anh: Academy of Policy and Development

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: HCP

Tiếng Anh: APD3.

Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

5. Địa chỉ: Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (024) 3747 3186

Số fax: (024) 3747 5217

E-mail.....

Website: <http://apd.edu.vn/>

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 2008

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2010

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2014

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tu thực

11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục:

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Giám đốc	Trần Trọng Nguyên	GVCC, PGS.TS, Giám đốc Học viện	0912 142 282	nguyentt@apd.edu.vn
2. Phó Giám đốc	Nguyễn Thế Vinh	GVC, Tiến sĩ, Phó Giám đốc Học viện	0903 282737	vinh.nt@apd.edu.vn
	Nguyễn Thế Hùng	GVC, Tiến sĩ, Phó Giám đốc Học viện	0772 555669	hungnt888@gmail.com

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
	Nguyễn Thị Hạnh Vân	CVC, ThS, Phó Giám đốc Học viện	0983 656 368	hanhvan@apd.edu.vn
	Ngô Văn Giang	CVC, ThS, Phó Giám đốc Học viện	0904 239 948	ngovangiang@mpi.gov.vn
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn,...				
Đảng ủy Học viện	Giang Thanh Tùng	CVC, Tiến sĩ, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Học viện	0904 121 967	tunggiangthanh@mpi.gov.vn
Công đoàn Học viện	Nguyễn Mã Lương	GV, ThS, Chủ tịch Công đoàn Học viện, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ đào tạo	0977 626233	nguyenmaluong03@gmail.com
Đoàn Thanh niên Học viện	Nguyễn Tiến Thành	CV, ThS, Bí thư Đoàn thanh niên	0988 856 656	tienthanh0691@gmail.com
4. Các phòng, ban chức năng				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Lê Công Thành	CV, ThS, Trưởng phòng	0989 714 567	thanhlc@apd.edu.vn
Phòng Quản lý đào tạo	Nguyễn Thị Đông	GVC, Tiến sĩ, Trưởng phòng	0988 922 306	dongvk@gmail.com
Phòng Chính trị và công tác sinh viên	Nguyễn Tiến Hùng	GVC, Tiến sĩ, Trưởng phòng	0365 181818	hunghoavi@gmail.com
Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chu Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng, ThS, Phụ trách phòng	0903 449 498	tramcnt@apd.edu.vn
Phòng Quản lý khoa học và hợp tác	Ngô Xuân Khoa	ThS, Phụ trách phòng	0913 238 981	akhoa123@gmail.com
Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng	Phạm Ngọc Trụ	GVC, Tiến sĩ, Trưởng phòng	0965 043 938	phamngoctru@apd.edu.vn
5. Các trung tâm				
Trung tâm Thông tin, thư viện và truyền thông	Đỗ Thế Dương	GVC, ThS, Phó Giám đốc Trung tâm	0903 230034	duongdtn@apd.edu.vn
Trung tâm Hỗ trợ đào tạo	Nguyễn Mã Lương	GV, ThS, Giám đốc Trung tâm	0977 626233	Nguyenmaluong03@gmail.com

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Trung tâm Bồi dưỡng và tư vấn phát triển	Đỗ Kiến Vọng	GV, Tiến sĩ, Phó Giám đốc Phụ trách Trung tâm	0978 459 828	dokienvong@gmail.com
6. Các khoa/viện đào tạo				
Khoa Kinh tế	Nguyễn Thanh Bình	GVC, Tiến sĩ, Trưởng khoa	0983 835 518	nguyenthambinhapd@gmail.com
Khoa Quản trị kinh doanh	Vũ Thị Minh Luận	GVC, Tiến sĩ, Trưởng khoa	0979 128 458	vuminhluan@gmail.com
Khoa Kinh tế số	Đàm Thanh Tú	GVC, Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa, Phụ trách khoa	0912 426 326	dt.hvtc@gmail.com
Khoa Kinh tế quốc tế	Bùi Thúy Vân	GVC, Tiến sĩ, Trưởng khoa	0336 799 689	bx.van@apd.edu.vn
Khoa Kinh tế phát triển	Bùi Thị Hoàng Mai	GVC, TS, Phó trưởng khoa, Phụ trách khoa	0983 031 618	buihoangmai@gmail.com
Khoa Kế toán - Kiểm toán	Mai Thị Hoa	GVC, Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa Phụ trách khoa	0986 434 719	maihoatctt@gmail.com
Khoa Tài chính - Ngân hàng	Phạm Mỹ Hằng Phương	GV, Tiến sĩ, Trưởng khoa	0915 401 190	mhphuong.pham@gmail.com
Viện Chính sách công	Nguyễn Thế Hùng	GVC, Tiến sĩ, Phó Giám đốc Học viện, Phụ trách khoa	0772 555669	hungnt888@gmail.com
Viện Đào tạo quốc tế	Đào Hoàng Tuấn	GVCC, PGS, Tiến sĩ, Viện trưởng	0966 192 042	tuandhapd@gmail.com
Khoa Luật Kinh tế	Nguyễn Như Hà	GV, Tiến sĩ, Trưởng khoa	0902 468579	nhuha.apd@gmail.com
Khoa Cơ bản	Nguyễn Tiến Hùng	GVC, Tiến sĩ, Trưởng khoa	0365 181818	hunghoavi@gmail.com

13. Các khoa/viện đào tạo của CSGD

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
Chính sách công	1	206	1	68		
Tài chính – Ngân hàng	2	633	1	52		
Quản trị kinh doanh	3	943	1	42		
Kinh tế quốc tế	2	938	1	3		
Kinh tế phát triển	2	355	1	0		

Kế toán	1	446	0	0		
Kinh tế số	2	380	0	0		
Ngôn ngữ Anh	1	95	0	0		
Luật Kinh tế	1	434	0	0		
Kinh tế	2	1217	0	0		
Viện Đào tạo quốc tế	2	489	0	0		

14. Danh sách đơn vị trực thuộc

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
1	Phòng Tổ chức – Hành chính	2011			9
2	Phòng Kế hoạch tài chính	2008			4
3	Phòng Quản lý đào tạo	2008			8
4	Phòng Quản lý khoa học và hợp tác	2009			4
5	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	2009			5
6	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	2010			5
7	Trung tâm Hỗ trợ đào tạo	2018			15
8	Trung tâm Thông tin, Thư viện và Truyền thông	2019			6
9	Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn phát triển	2018			9
10	Viện Đào tạo quốc tế	2018			7
11	Khoa Kinh tế quốc tế	2010			9
12	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2018			12
13	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2021			5
14	Khoa Kinh tế phát triển	2020			9
15	Viện Chính sách công	2009			6
16	Khoa Quản trị kinh doanh	2018			12
17	Khoa Kinh tế	2018			9
18	Khoa Kinh tế số	2021			6
19	Khoa Cơ bản	2018			16
20	Khoa Luật kinh tế	2019			7

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

CSGD cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ, giảng viên, nhân viên của mình, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin dưới đây:

15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	110	41,8%	30	43,3%
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	110	41,8%	30	43,3%

16. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	28		28
Nhân viên	141		141
Tổng cộng	169		169

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	76	93	169
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	60	83	143
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	7	4	11
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	9	6	15
	Tổng cộng			

18. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	2	1	2	0	0	5
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	21	1	19	13	0	54

5	Thạc sĩ	41	19	4	17	0	90
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	64	21	25	30	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 110 người.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 65,1% (110/169)

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	5	4,5	4	1	0	1	2	1	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	41	37,3	21	20	0	16	22	2	1
5	Thạc sĩ	64	58,2	22	42	13	38	12	1	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác									
	Tổng cộng			47	63	13	55	36	4	2

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 41,8 %

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 58,2

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	26,4	27,6
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	38,6	57,2

3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	22,9	8,6
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	8,5	4,3
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0- 20% thời gian của công việc)	3,6	2,3
	Tổng	100	100

III. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

21. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ chính quy**:

Đôi tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Nghiên cứu sinh							
2. Học viên cao học							
2018		71		71			0
2019		115		115			0
2020		43		43			0
2021		51		51			0
2022		77		77			0
3. Đại học							
2018	1235	850	1,45	830	17,5-20	20,75	
2019	1268	1050	1,2	1025	17,2-19,25	21,3	
2020	1352	1270	1,06	1240	18,25-22,75	22,98	
2021	1535	1498	1,02	1485	24-26	25,35	
2022	1749	1610	1,08	1590	24,2-27	25,98	
4. Cao đẳng	0	0	0	0			
5. Trung cấp	0	0	0	0			
6. Khác	0	0	0	0			

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại Học viện: **5.511 người (171+5.340)**.

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào Học viện, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây hệ không chính quy: Không có

23. Ký túc xá cho sinh viên:

Các tiêu chí	2018	2019	2020	2021	2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)			5.996	5.996	5.996
2. Số lượng sinh viên			5.000	5.000	5.000
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá			3.000	3.000	3.000
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá			1.038	1.038	1.038
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người			5,78	5,78	5,78

24. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

	2018	2019	2020	2021	2022
Số lượng (người)	170	190	276	380	900
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	6,3	5,9	6,9	8,2	16,7

25. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	-	-	-	-	-
2. Học viên tốt nghiệp cao học	57	96	95	78	40
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	253	224	452	520	607
Hệ chính quy	253	224	452	520	607
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	-	-	-	-	-
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	-	-	-	-	-
6. Khác...	-	-	-	-	-

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	253	224	452	520	607
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	85%	80%	70%	65%	70%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	80%	85%	87%	90%	90%
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	18%	12%	11%	8%	9%
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	2%	3%	2%	2%	1%
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	80%	88%	87%	84%	80%
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	20%	12%	12%	15%	19%
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	0	0	1	1	1
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy: Học viện không đào tạo.

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của Học viện được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	1	1	0	2
2	Đề tài cấp Bộ*	0	3	6	1	3	13
3	Đề tài cấp trường	6	14	6	8	10	44
	Tổng cộng	6	17	13	10	13	59

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu: **0,11 đề tài/người/năm**

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Học viện trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2018	6.838	19,8%	53,8 (6.838/127)
2	2019	7.645	17,9%	59,7 (7.645/128)
3	2020	10.633	19,9%	77,6 (10.633/137)
4	2021	10.958	17,6%	78,7 (10.958/139)
5	2022	26.908	31,3%	170,3 (26.908/158)

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của Học viện tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	10	15	42	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	10	15	42	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng
----	----------------	----------

		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
1	Sách chuyên khảo	3	2	3	2	9	19
2	Sách giáo trình	3	1	1		6	11
3	Sách tham khảo				1	1	2
4	Sách hướng dẫn						
	Tổng cộng						32

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0,06 sách/người/năm

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	12	20	3	
Từ 4 đến 6 cuốn sách	3			
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	15	20	3	

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
1	Tạp chí Khoa học quốc tế, trong đó:						
	Danh mục ISI	0	1	7	9	6	23
	Danh mục Scopus	0	1	5	1	3	10
	Khác	12	15	16	5	6	54
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	27	42	60	92	102	323
3	Tạp chí / tập san của Học viện	0	0	0	0	33	33
	Tổng cộng	39	59	88	107	153	

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,81 bài/người/năm

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của Học viện tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	13	160	61
Từ 6 đến 10 bài báo	0	4	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	13	160	61

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của Học viện báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					Tổng số
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hội thảo quốc tế	0	5	5	5	4	19
2	Hội thảo trong nước	9	21	12	8	24	65
3	Hội thảo của Học viện	0	0	7	6	10	
	Tổng cộng	9	26	24	19	38	

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 0,21 báo cáo/người/năm

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của Học viện có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	15	42	10
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	15	42	10

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây: Không có

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của Học viện tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp Học viện	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên: (Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018	2019	2020	2021	2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	0	0	3	3
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	4

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng:

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của Học viện	50.876	50.876		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Học viện	28.382	28.382		
	Trong đó				
2.1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	23.927	23.927		
2.2	Thư viện, trung tâm học liệu	2.627	2.627		
2.3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	1.828	1.828		

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
- Khối ngành III (gồm Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Luật kinh tế, Kế toán)	1.015	13.800
- Khối ngành VII (gồm Kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế số, Quản lý Nhà nước, Ngôn ngữ Anh)	1.110	14.465
Tổng	2.125	28.265

41. Tổng số thiết bị chính của trường:

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Giảng đường nhà 7F	45	Bàn ghế giảng viên, sinh viên; Bảng viết, máy	Giảng viên,	5.341	5.341		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			chiếu, màn chiếu, Loa, âm ly, quạt trần; điều hòa; vách tiêu âm	sinh viên				
2	Giảng đường nhà 6F	23	Bàn ghế giảng viên, sinh viên; Bảng viết, máy chiếu, màn chiếu, Loa, âm ly, quạt trần; điều hòa; vách tiêu âm	Giảng viên, sinh viên	3.240	3.240		
3	Giảng đường nhà Hiệu bộ	18	Bàn ghế giảng viên, sinh viên; Bảng viết, máy chiếu, màn chiếu, Loa, âm ly, điều hòa; vách tiêu âm	Giảng viên, sinh viên	2.610	2.610		
4	Phòng máy	4	Bàn ghế giảng viên, sinh viên, máy tính; quạt trần; điều hòa; vách tiêu âm	Giảng viên, sinh viên	541	541		
5	Phòng đa năng (cầu lông, bóng bàn, ...)	1	bàn bóng bàn; lưới, ghế cầu lông; ghế khán giả nệm mút bọc da công nghiệp	Giảng viên, sinh viên	973	973		
6	Phòng tập thể hình	1	Máy chạy bộ, ghế, tạ tập thể hình, thảm lót sàn, ...	Giảng viên, sinh viên	188	188		
7	Phòng học thể chất	1	Bàn, ghế	Giảng viên, sinh viên	100	100		
	Tổng				12.993	12.993		

42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2018: 34.478 triệu đồng
- Năm 2019: 42.546 triệu đồng
- Năm 2020: 53.449 triệu đồng
- Năm 2021: 62.251 triệu đồng
- Năm 2022: 86.034 triệu đồng

43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2018: 29.703 triệu đồng
- Năm 2019: 36.861 triệu đồng
- Năm 2020: 42.670 triệu đồng
- Năm 2021: 50.711 triệu đồng
- Năm 2022: 59.635 triệu đồng

44. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

- Năm 2018: 4.464 triệu đồng
- Năm 2019: 6.844 triệu đồng
- Năm 2020: 10.609 triệu đồng
- Năm 2021: 11.058 triệu đồng
- Năm 2022: 24.520 triệu đồng

45. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng

- Năm 2018: 6.838 triệu đồng
- Năm 2019: 7.645 triệu đồng
- Năm 2020: 10.633 triệu đồng
- Năm 2021: 10.958 triệu đồng
- Năm 2022: 26.908 triệu đồng

46. Tổng chi cho hoạt động đào tạo

- Năm 2018: 16.499 triệu đồng
- Năm 2019: 18.949 triệu đồng
- Năm 2020: 21.260 triệu đồng
- Năm 2021: 20.110 triệu đồng
- Năm 2022: 23.418 triệu đồng

47. Tổng chi cho phát triển đội ngũ

- Năm 2018: 56 triệu đồng
- Năm 2019: 12 triệu đồng
- Năm 2020: 153 triệu đồng
- Năm 2021: 66 triệu đồng
- Năm 2022: 15 triệu đồng

48. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm

- Năm 2018: 0
- Năm 2019: 0
- Năm 2020: 0
- Năm 2021: 0
- Năm 2022: 0

VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

T T	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TĐG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TĐG	Tên tổ chức đánh giá	Thán g /năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của HD KĐCL GD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	Cơ sở giáo dục	TT số 62/2012/T T-BGDĐT ngày 28/12/201 2	2016	2017	Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	T12/2 017	83,61%	29- 06- 2018	29- 06- 2023
2	CTĐT Kinh tế	TT số 04/2016/T T-BGDĐT ngày 14/03/201 6	2019	2020	Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	T06/2 020	88%	08- 10- 2020	08- 10- 2025
3	CTĐT Kinh tế quốc tế	TT số 04/2016/T T-BGDĐT ngày 14/03/201 6	2019	2020	Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	T06/2 020	86%	08- 10- 2020	08- 10- 2025
4	CTĐT Quản trị kinh doanh	TT số 04/2016/T T-BGDĐT ngày 14/03/201 6	2019	2020	Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	T06/2 020	88%	08- 10- 2020	08- 10-25
5	CTĐT Tài chính - Ngân hàng	TT số 04/2016/T T-BGDĐT ngày 14/03/201 6	2022	2022	Trung tâm KĐCLGD - ĐHQG Hà Nội	T03/2 023	84%	22- 06- 2022	22- 06- 2028
6	CTĐT Quản lý Nhà nước	TT số 04/2016/T T-BGDĐT	2022	2022	Trung tâm KĐCLGD - ĐHQG Hà Nội	T03/2 023	86%	22- 06- 2022	22- 06- 2028

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 110

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 68,8% (110/169)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 41,8% (46/110)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 100% (110/110)

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 5.340 sinh viên

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 31,5 sinh viên (5.340/169,6)

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 70%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 90%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 9%

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao (%): 80%

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 19%

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm (%): 1%

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 10,8 triệu đồng

5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 85

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 15

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 0,11 đề tài/người/năm

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 91,4 triệu đồng/người/năm (62.982 triệu đồng/689 giảng viên 5 năm)

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0,06 cuốn/người/năm

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 0,81 bài/người/năm

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 0,21 báo cáo/người/năm

7. Cơ sở vật chất (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: 53,1 m²/sinh viên

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: 0,2 chỗ ở/sinh viên (1.038/5.340)

8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Cấp cơ sở giáo dục: Đã đạt chứng nhận Kiểm định chu kỳ 1 năm 2018

Cấp chương trình đào tạo: Đã đạt chứng nhận đối với 05 CTĐT.

Phụ lục 2: Quyết định thành lập Hội đồng TĐG và các tài liệu liên quan

Phụ lục 3: Danh mục minh chứng